

PHẨM 45: MÃ VƯƠNG

KINH SỐ 1¹

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng 500 đại Tỳ kheo. Lúc bấy giờ trong thành ấy có một người Bà-la-môn tên là Ma-hê-đề-lợi, rất thông suốt các kinh thư, kỹ thuật của ngoại đạo. Thiên văn, địa lý, không thứ gì là không thành thạo. Những gì là pháp tắc ứng đối trong đời, ông thấy đều thông suốt. Bà-la-môn này có một người con gái tên là Ý Ái, cực kỳ thông minh, nhan sắc xinh đẹp hiếm có trên đời.

Bấy giờ, người Bà-la-môn này suy nghĩ như vậy: “Trong kinh điển Bà-la-môn có nói rằng, có hai con người xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Hai con người ấy là ai? Đó là, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, và Chuyển luân Thánh vương. Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, bấy giờ bảy bảo vật tự nhiên hưởng ứng. Ta nay có nữ bảo này, nhan sắc xinh đẹp lạ lùng; là bậc nhất trong các ngọc nữ. Nhưng nay không có Chuyển luân Thánh vương. Ta nghe nói con trai của Chân Tịnh Vương tên là Tất-đạt có ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp, đã xuất gia học đạo. Nếu người ấy sống tại gia chắc chắn sẽ là Chuyển luân Thánh vương. Nếu xuất gia học đạo, chắc chắn thành Phật. Nay ta hãy đem con gái này đến cho Sa-môn ấy.”

Rồi người Bà-la-môn dẫn cô gái đến chỗ Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, [769c] ông thưa rằng:

“Mong Sa-môn hãy nhận Ngọc nữ này.”

Bấy giờ Phật bảo người Bà-la-môn:

¹ Tham chiếu, No 26 (136).

“Thôi, thôi, Phạm chí! Ta không cần đến con người dính trước dục vọng này.”

Người Bà-la-môn ba lần thưa với Phật:

“Hãy nhận Ngọc nữ này. So sánh cả thế gian, không ai bằng đứa con gái này.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta đã thọ nhận ý của ông. Nhưng Ta đã xả bỏ gia đình, không còn quen thói dục vọng nữa.”

Khi ấy có một vị Tỳ kheo Trưởng lão đứng sau Như Lai, đang cầm quạt quạt Phật. Trước lão này liền bạch Như Lai:

“Thế Tôn! Cúi mong Như Lai thọ nhận cô gái này. Nếu Như Lai không cần đến, hãy cho con để sai khiến.”

Thế Tôn bèn bảo Trưởng lão này:

“Ngươi thật là ngu hoặc, mới dám trước mặt Như Lai phun ra lời nói xấu xa ấy. Sao ngươi lại để cho tâm ý bị buộc chặt vào cô gái này? Phạm là nữ nhân, đều có chín pháp ác. Chín pháp đó là gì? Một, người nữ vốn xú uế, bất tịnh. Hai người nữ hay ác khẩu. Ba, người nữ không biết trả ơn. Bốn, người nữ hay ganh tị. Năm, người nữ hay keo kiệt. Sáu, người nữ hay ưa đi chơi. Bảy, người nữ có nhiều sân hận. Tám, người nữ nói dối nhiều. Chín, người nữ hay nói lời thiếu suy nghĩ.

“Này các Tỳ kheo người nữ có chín pháp là các hành xấu xa như vậy.”

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thường vui cười, khóc lóc;
Về thân mà không thân.
Hãy tìm phương tiện khác.
Các ngươi chớ loạn niệm.*

Tỳ kheo Trưởng lão bạch Phật:

“Mặc dù người nữ có chín pháp xấu xa ấy; nhưng ở đây con quán sát cô gái này, không thấy có tỳ vết gì.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Ngươi, kẻ ngu si này, không tin điều được nói bởi chính thân khẩu của Như Lai sao? Nay Ta sẽ nói cho ngươi biết:

“Trong quá khứ lâu xa, trong thành Ba-la-nại có một người lái buôn tên là Phổ Phú. Ông dẫn năm trăm khách buôn đi vào biển tìm châu báu. Thế nhưng bên cạnh biển lớn kia có nơi vốn là trú xứ của La-sát hay ăn thịt người.

“Khi ấy trong biển nổi gió, thổi thuyền của họ đến bộ La-sát kia. Các La-sát thấy bọn khách buôn đến thì vui mừng khôn kể. Chúng ẩn hình La-sát, biến thành người nữ, xinh đẹp không không thể sánh, rồi nói với các khách buôn: ‘Chào mừng các bạn đến đây. Bên bảo vật vật này không khác gì Thiên cung kia, có nhiều trân bảo đến hàng nghìn trăm loại; có đủ các thứ đồ ăn thức uống; lại có các cô gái xinh đẹp, [770a] thầy đều không chông. Các bạn hãy ở đây vui thú với chúng tôi.’”

“Tỳ kheo, nên biết, trong bọn khách buôn kia những kẻ ngu hoặc khi thấy các cô gái liền móng tâm say đắm. Thương chủ Phổ Phú liền suy nghĩ như vậy, ‘Trong biển lớn này là chỗ ở của loài phi nhân, làm sao có các cô gái này ở đó? Đây nhất định là La-sát, không nghi ngờ gì nữa.’ Rồi vị thương chủ bảo cô gái ấy, ‘Thôi đủ rồi, các cô em! Chúng tôi không tham nữ sắc.’”

“Thời bấy giờ vào các ngày thứ tám, thứ mười bốn và mười lăm mỗi nửa tháng, Mã vương bay vòng trong hư không nói lời răn dạy này: ‘Ai muốn vượt qua hiểm nạn của biển lớn, ta sẽ chở qua.’ Trong khi ấy vị thương chủ kia leo lên cây cao trong thấy Mã vương ở đằng xa, nghe tiếng dội của âm thanh, hoan hỷ phấn khởi khôn xiết. Ông đi đến chỗ Mã vương, nói rằng, ‘Chúng tôi gồm có năm trăm khách buôn bị gió thổi đến chỗ cực kỳ hiểm nạn này. Chúng tôi muốn vượt qua biển. Xin ngài giúp vượt qua.’ Mã vương bảo các khách buôn, ‘Các ông hãy lại hết đây. Tôi sẽ mang các ông đến bờ biển.’ Thương chủ Phổ Phú bèn bảo các khách buôn, ‘Mã vương đang ở gần đây. Vúng

ta tất cả hãy đến chỗ đó để cùng vượt qua hiểm nạn của biển.’
Bọn khách buôn nói, ‘Thôi, thôi, ông Chủ. Chúng ta tốt hơn
nên ở lại đây mà cùng hưởng vui thú. Sợ dĩ ở tại Diêm-phù đề
phải cần lao khổ nhọc nên chúng ta đi tìm chỗ sung sướng.
Chốn này có đủ bảo vật trân kỳ, cùng ngọc nữ xinh đẹp. Nên ở
lại đây mà hưởng thụ năm thứ dục lạc. Những ngày tiếp theo,
chúng ta thu thập tài bảo hàng hóa dân rồi sẽ cùng nhau vượt
qua hiểm nạn này.’ Vị đại thương chủ nói với mọi người, ‘Thôi
đủ rồi, các người ngu si. Ở đây không có nữ nhân đâu. Trong
biển cả làm gì có chỗ ở của loài người.’ Bọn khách buôn nói,
‘Hãy thôi đi, ông Chủ. Chúng tôi không thể bỏ chỗ này mà đi
được.’

“Bấy giờ Thương chủ Phổ Phú bèn nói bài kệ rằng:

*Chúng ta gặp chốn hiểm
Chớ tưởng là nam hay nữ
Đó là bọn La-sát
Sẽ ăn dân chúng ta.*

“ – Nếu các bạn không đi theo tôi, các bạn hãy bảo bọc lấy
nhau. Nếu tôi có điều gì xúc phạm do bởi thân, miệng, ý, mong
các bạn bỏ qua cho, chớ để trong lòng.’ Các khách buôn khi ấy
cũng nói bài kệ để chia tay:

*Chúng tôi gửi lời thăm
Bà con tại Diêm-phù.
[770b] Nay vui thú chốn này
Chưa rõ ngày về quê.*

“Vị thương chủ đáp lại bằng bài kệ:

*Các bạn đang lâm nạn;
Mê hoặc, không chịu về.
Như vậy, không bao lâu,
Bị quỷ ăn thịt hết.*

“Nói kệ xong, ông bỏ đi. Đến chỗ Mã vương, ông cúi đầu lạy
dưới chân, rồi cười đi. Bọn người kia sau khi từ xa thấy thương
chủ đã cười Mã vương đi rồi, trong số đó hoặc có người kêu

réo, hoặc có người lớn tiếng hờn trách, trong khi ấy. Chúa tể đại La-la-sát nói với các La-sát bằng bài kệ này:

*Đã roi miệng sư tử,
Thoát ra thật quá khó.
Huống gì vào bãi ta,
Muốn ra, thật quá khó.*

“Bấy giờ, Chúa tể La-sát hóa làm một người con gái cực kỳ xinh đẹp, lấy hai tay chỉ vào bụng mà nói, ‘Nếu ta chẳng ăn thịt người thì ta rốt lại không làm La-sát.’

“Trong lúc đó, Mã vương chờ thương chủ vượt qua bờ biển bên kia; năm trăm khách buôn còn lại thấy đều bị khốn hết.

“Lúc bấy giờ Vua Phạm-ma-đạt đang cai trị nhân dân trong thành Ba-la-nại. Khi ấy có La-sát đuổi theo sau vị đại thương chủ, nó rằng, ‘Chao ôi, ta mất chồng rồi.’

“Khi thương chủ về đến nhà, La-sát hóa hình ả một bé trai, đi đến trước vua Phạm-ma-đạt tâu rằng, ‘Thế gian có điều hết sức tai quái, xin hãy trừ diệt cho sạch.’ Vua hỏi, ‘Thế gian có điều tai quái gì mà phải diệt cho sạch?’ La-sát tâu, ‘Tôi bị chồng bỏ, mà chẳng có lỗi gì với chồng cả.’ Phạm-ma-đạt thấy cô gái này cực kỳ xinh đẹp lạ thường, liền nổi tâm niệm say đắm. Ông bảo người nữ, ‘Chồng của Cô là người không có nghĩa nên mới bỏ Cô mà đi.’ Rồi Phạm-ma-đạt khiến người đi gọi người chồng đến, hỏi rằng, ‘Có thật người bỏ người vợ xinh đẹp này không?’ Thương chủ đáp, ‘Đó là La-sát chứ không phải người nữ.’ Nữ La-sát lại tâu vua, ‘Người này không có đạo nghĩa làm chồng. Nay đã bỏ tôi, lại mắng chửi tôi là La-sát.’ Vua hỏi, ‘Nếu người thật sự không cần dùng, ta sẽ thu nhận.’ Thương chủ tâu, ‘Nó là La-sát. Tùy Thánh ý của Vua.’

“Bấy giờ Phạm-ma-đạt liền mang cô gái này để trong thâm cung, thỉnh thoảng tiếp nạp, không để cho giận hờn. Sau đó, [770c] phi nhân La-sát bắt vua mà ăn thịt, chỉ chừa lại xương, rồi bỏ đi.

“Tỳ kheo, chớ nghĩ là ai khác lạ. Thương chủ lúc đó là Tỳ kheo Xá-lợi-phất bây giờ. La-sát lúc đó nay là Tỳ kheo Trưởng lão vậy. Mã Vương lúc nay chính là Ta. Năm trăm khách buôn lúc bấy giờ nay là năm trăm Tỳ kheo. Bằng phương tiện này mà biết rằng, dục là vọng tưởng bất tịnh. Vậy mà ông còn khởi lên ý tưởng say đắm sao?”

Bấy giờ ý khéo ấy liền lể dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, cúi xin nhận sự sám hối và tha thứ lỗi lầm nghiêm trọng này của con. Từ nay trở đi, con không còn dám tái phạm.”

Tỳ kheo này sau khi nhận lời răn dạy của Như Lai bèn một mình ở tại chỗ nhàn tĩnh khắc kỷ tu tập. Sở dĩ thiện nam tử siêng năng tu hành là muốn đạt được Phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ Tỳ kheo ấy thành A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ kheo sau kho những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Thích-kiều,³ trong vườn trái cây Âm-bà-lê quả,⁴ cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên, sau khi tọa hạ ở đó, dẫn 500 Tỳ kheo đi du hóa trong nhân gian; lần hồi đi đến trong một ngôi làng của Thích-kiều.*

Khi ấy các Tỳ kheo mới đến và các Tỳ kheo đã trú ở đó cùng bàn luận, cùng thăm hỏi nhau, cao giọng lớn tiếng. Thế Tôn nghe các ý khéo cao giọng lớn tiếng, bèn hỏi A-nan:

² Tham chiếu Pali, M. 67 Cātumā (R.i. 456). Hán, No 137.

³ Thích-kiều 釋翅, phiên âm, tương đương Pali: Sakkesu, “giữa những người họ Thích.” Nhưng, M 67, ibid.: trú tại Cātumā, trong khu rừng Xoài.

⁴ Âm-bà-lê quả viên 閻婆梨果園, khu vườn xoài. Pali, Cātumā, một ngôi làng của người họ Thích.

“Trong khu vườn này, tiếng của ai mà vang lớn thế? Giống như tiếng cây, đá gãy, vỡ.”

A-nan bạch Phật:

“Nay Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn 500 Tỳ kheo đến đây. Các Tỳ kheo mới đến và các Tỳ kheo cũ ở đây chào hỏi nhau nên có tiếng ồn ấy.”

Phật bảo A-nan:

“Ông hãy đuổi Tỳ kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi chỗ khác ngay. Chớ có trú ở đó.”

A-nan vâng lời Phật dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, bảo họ rằng:

“Thế Tôn có dạy, các Thầy hãy mau rời khỏi đây; chớ có trú nơi này.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thưa vâng! Kính vâng lời dạy.”

Rời Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên tức thì rời khỏi khu vườn ấy, dẫn 500 Tỳ kheo bước lên đường mà đi.

Lúc bấy giờ những người họ Thích nghe Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bị Phật đuổi, liền đi đến chỗ Tỳ kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên [771a], cúi đầu lạy dưới chân, và bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Các Hiền giả, nay muốn đi đâu?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Chúng tôi bị Như Lai đuổi, đang đi tìm chỗ an nghỉ.”

Những người họ Thích bạch Xá-lợi-phất:

“Thưa các Hiền giả, các ngài hãy chờ đây một lát. Chúng tôi sẽ đến sám hối với Như Lai.”

Rời những người họ Thích đi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm cho các Tỳ kheo ở xa đến. Cúi xin Thế Tôn tùy thời thích hợp răn dạy những vị mới học đạo trong các Tỳ kheo từ xa đến ấy. Những người mới vào trong Chánh pháp chưa được nhìn thấy Tôn nhan dễ sinh tâm biến đổi thoái thất. Giống như chồi non mà không được tưới nhuần thì không thể phát triển. Các Tỳ kheo này cũng vậy. Họ chưa được nhìn thấy Như Lai mà phải bỏ đi, e rằng tâm sẽ bị biến đổi thoái thất.”

Khi ấy Phạm thiên vương biết được những điều suy nghĩ trong tâm của Như Lai, trong khoảng khắc như lực sỹ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, hiện đến chỗ Như Lai, cúi lạy dưới chân rồi đứng sang một bên. Bấy giờ Phạm thiên vương bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn tha thứ những lỗi lầm mà các Tỳ kheo xa đến đã gây ra, tùy thời thích hợp mà răn dạy. Trong số đó hoặc có vị chưa đạt đến cứu cánh, sẽ sanh tâm biến đổi thoái thất. Những ai chưa được nhìn thấy dung mạo của Như Lai, tâm ý bị biến đổi, họ sẽ quay trở về nghiệp cũ. Cũng như con nghé mới sinh mà mất mẹ, nó buồn rầu, bỏ ăn. Ở đây cũng vậy, nếu Tỳ kheo tâm học mà không được nhìn thấy Như Lai, chắc sẽ rời bỏ Chánh pháp này.”

Bấy giờ Thế Tôn nhận lời can gián của những người họ Thích, và thí dụ nghé con của Phạm thiên vương. Rồi Thế Tôn quay liếc nhìn A-nan, A-nan nghĩ rằng, “Như Lai đã chấp nhận lời can gián của mọi người và của Phạm thiên vương.” A-nan bèn vội đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mà nói như vậy:

“Như Lai muốn gặp chúng Tăng. Trời và người thầy đều bày tỏ nghĩa lý này.”

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ kheo:

“Các thầy hãy thu thập y, bát. Chúng ta cùng đi đến chỗ Thế Tôn. Bởi vì Như Lai đã chấp nhận cho chúng ta sám hối.”

Rồi Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên dẫn 500 Tỳ kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phát:

“Ta vừa rời đuôi Tăng Tỳ kheo đi. Ý ông nghĩ sao?”

Xá-lợi-phát đáp:

“Vừa rời Như Lai đuôi chúng Tăng đi, con [771b] suy nghĩ như vậy, ‘Như Lai ưa sống nơi chỗ nhàn tĩnh, một mình, vô vi, không ưa chỗ ồn ào. Do đó mà đuôi chúng Tăng đi vậy.’”

Phật bảo Xá-lợi-phát:

“Sau đó ông suy nghĩ gì? Khi ấy Thánh chúng sẽ do ai dắt dẫn?”

Xá-lợi-phát bạch Phật:

“Thế Tôn, khi ấy con lại suy nghĩ, ‘Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh, không ở giữa chốn ồn ào.’”

Phật bảo Xá-lợi-phát:

“Chớ nói như vậy. Chớ có ý nghĩ như vậy, rằng ‘Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh.’ Như nay, người dắt dẫn chúng Tăng há không phải là Tỳ kheo Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên chăng?”

Thế Tôn lại hỏi Đại Mục-kiền-liên:

“Khi Ta đuôi chúng Tăng đi, ông suy nghĩ gì?”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Khi Như Lai đuôi chúng Tăng, con suy nghĩ như vậy, ‘Như Lai muốn được sống một mình, vô vi, nên đuôi chúng Tăng đi vậy.’”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

“Sau đó ông lại có ý nghĩ gì?”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Nay Như Lai đuôi chúng Tăng đi, chúng con cần phải nhóm họp trở lại, không để cho tan rã.”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

“Lành thay, Mục-kiền-liên! Lành thay, Mục-kiền-liên! Như điều ông nói. Đứng đầu trong chúngm, duy chỉ Ta và hai ông thôi. Từ nay về sau Mục-kiền-liên hãy dạy bảo các Tỳ kheo hậu học, để cho trong lâu dài sống nơi chốn an ổn, không để cho nửa chừng bị rơi rụng, đọa lạc sinh tử.

“Tỳ kheo nào thành tựu chín pháp sẽ không thể phát triển lớn lên ngay trong hiện pháp. Những gì là chín? Thân cận từng sự với ác tri thức; không sự việc mà hằng ưa đi rong; thường xuyên ôm bệnh lâu dài; ham thích cất chứa tài vật, tham đắm y bát; phần nhiều trống rỗng, hư dối; ý loạn không định; không có sự sáng suốt của huệ; không hiểu rõ nghĩa lý; không tùy thời thích hợp sám hối. Nay Mục-kiền-liên, đó là chín pháp mà Tỳ kheo nào thành tựu thì trong hiện pháp không thể tăng trưởng lớn mạnh, không được thấm nhuần.

“Có chín pháp mà Tỳ kheo nào thành tựu thì có thể hoàn tất những điều cần làm. Những gì là chín? Từng sự với thiện tri thức; tu hành Chánh pháp, không dính mắc nghiệp tà; hằng sống nơi chốn đơn độc, không ưa thích chỗ đông người; ít bệnh, không hoạn; không cất chứa các thứ tài bảo, cũng không tham đắm y bát; cần hành tinh tấn; tâm không loạn động; nghe nghĩa lý liền hiểu rõ không cần phải nhắc lại; tùy thời thích hợp nghe pháp mà không biết chán. Nay Mục-kiền-liên, đó là chín pháp mà Tỳ kheo nào thành tựu thì ngay trong hiện pháp [771c] được nhiều lợi ích. Cho nên, Mục-kiền-liên, hãy nhớ chuyên cần đi đến dạy dỗ các Tỳ kheo, khiến họ trong lâu dài đạt đến chỗ vô vi.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thường niệm tự giác ngộ;
Chớ đắm nhiễm phi pháp;
Tu tập phải chánh hành;
Vượt được nạn sinh tử.*

Làm vậy, mà được vậy,

*Làm điều này, phước này.
Chúng sinh trôi nổi lâu,
Đoạn trừ già, bệnh, chết;*

*Không tập điều cần làm;
Rồi lại hành phi pháp.
Người buông lung như vậy,
Tác thành hành hữu lậu.*

*Nếu có tâm tinh cần,
Hằng ở tại đầu tâm;
Lần lượt dạy bảo nhau,
Sẽ thành bậc vô lậu.*

“Cho nên, này Mục-kiền-liên, hãy cùng răn dạy các Tỳ kheo như vậy; hãy nhớ nghĩ học như vậy.”

Rồi Thế Tôn nói pháp cực kỳ vi diệu cho các Tỳ kheo, khiến họ phát tâm hoan hỷ.

Lúc bấy giờ, các Tỳ kheo sau khi nghe pháp này, trong chúng đó có hơn sáu mươi Tỳ kheo được lậu tận, tâm giải thoát.

Các Tỳ kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu có Tỳ kheo sống nương tựa thôn xóm mà pháp thiện tiêu diệt, pháp ác cứ tăng trưởng; Tỳ kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay sống nơi thôn xóm mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện giảm dần, niệm không chuyên nhất, không thể dứt sạch các lậu, không đạt đến nơi chốn vô vi an ổn. Những gì mà ta có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọạ cụ, thuốc men trị bệnh, thầy đều khó nhọc mới thu hoạch được.’ Rồi Tỳ

kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay sống trong thôn xóm này, mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện thì tiêu diệt. Ta cũng không phải vì áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh mà làm Sa-môn. Điều mà ta mong cầu ước nguyện nay vẫn chưa có kết quả.’ Tỳ kheo ấy nên rời bỏ thôn xóm ấy mà đi.

“Lại nữa, hoặc có Tỳ kheo sống nương nơi thôn xóm, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thấy đều khó nhọc mới có, Tỳ kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay nương nơi thôn xóm này mà sống, thiện pháp tăng trưởng, pháp ác [772a] tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thấy đều khó nhọc mới có. Nhưng ta không vì áo chăn mà xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh. Điều mà ta mong cầu ước nguyện bởi học đạo ắt sẽ thành tựu. Ta hãy trọn đời thừa sự, cúng dường pháp ấy.’”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Áo chăn và ẩm thực,
Giường chõng, và chỗ nghỉ,
Chớ móng tâm tham đắm,
Chớ trở lại đời này.*

*Không phải vì cơm áo
Mà xuất gia học đạo.
Người sơ dĩ học đạo,
Tất đạt thành sở nguyện.*

*Tỳ kheo nên thích thời
Suốt đời sống thôn kia;
Ở đó bát-niết-bàn
Dứt sạch gốc rễ mạng.*

“Ở đây, Tỳ kheo kia hoặc sống giữa nhân gian, thôn xóm nhân tỉnh, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, Tỳ kheo ấy nên suốt đời sống tại thôn xóm đó, không nên rời bỏ đi xa.”

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Như Lai há không thường nói, bốn đại y thức ăn mà tồn tại, và y nơi pháp được niệm tưởng trong tâm, các pháp thiện y tâm mà sinh. Và, Tỳ kheo kia y thôn xóm mà sống, với tinh cần khổ nhọc mới tìm cầu được y phục, thức ăn; vì ấy vì sao pháp thiện phát sinh thì sống ở nơi thôn xóm đó, chớ nên bỏ đi xa?”

Phật bảo A-nan:

“Áo chần, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, đều có ba loại. Nếu Tỳ kheo chuyên niệm sự cúng dường bốn nhu yếu,⁵ mà sở cầu không toại; thì sự y tựa ấy là khổ. Nếu phát khởi tâm tri túc, không móng tâm tham đắm, chư thiên và loài người thấy đều hoan hỷ. Các Tỳ kheo hãy học điều này. Ta vì lý do đó mà nói ý nghĩa này. Cho nên, này A-nan, Tỳ kheo hãy chuyên niệm thiếu dục, tri túc.”

Như vậy, A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Bà-la.⁶

Bấy giờ, đến giờ, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thôn Bà-la khát thực. Khi ấy Ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vậy: ‘Nay Sa-môn này muốn vào thôn khát thực. Ta hãy tìm cách khiến đàn ông, đàn bà không bố thí cho.’ Rồi Ác ma Ba-tuần bảo nhân dân khắp trong nước chớ bố thí đồ ăn cho Sa-môn Cù-đàm.

⁵ Tứ sự 四事, cũng gọi là tứ duyên, hoặc tứ y: y, thực, ngọa cụ, y dược.

⁶ Bà-la viên 婆羅園. Xem kinh1, phẩm 23 Địa chủ.

Khi Thế Tôn vào thôn khát thực, mọi người [772b] đều không nói năng gì với Như Lai, cũng không thừa sự cúng dường. Như Lai khát thực xong mà không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn. Lúc bấy giờ Ác ma Ba-tuần đến chỗ Như Lai, hỏi Phật:

“Sa-môn, khát thực xong, có được gì không?”

Thế Tôn đáp:

“Do hành vi của Ma mà Ta không nhận được thức ăn. Rồi không bao lâu nguoi cũng sẽ nhận lãnh quả báo này. Nay Ma, nay hãy nghe Ta nói.

“Trong Hiền kiếp, có Phật hiệu là Câu-lâu-tôn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu là Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời.⁷ Lúc bấy giờ đức Phật ấy cũng nương nơi thôn xóm này mà trú ngụ, dẫn theo đồ chúng bốn mươi vạn người. Bấy giờ Ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vậy: ‘Ta nay hãy khuyến cáo mọi người trong thôn Bà-la đừng cho Sa-môn này đồ ăn. Khi các Thánh chúng khóac y, cầm bát vào thôn khát thực, nhưng các Tỳ kheo cuối cũng không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn.

“Lúc bấy giờ, đức Phật kia nói với các Tỳ kheo pháp vi diệu này, ‘Phàm có chín điều để quán sát thức ăn. Bốn loại thức ăn của nhân gian, và năm loại thức ăn xuất thế gian. Bốn loại thức ăn của nhân gian là gì? Một là đoàn thực; hai là xúc thực; ba là niệm thực; bốn là thức thực. Đó là bốn loại thức ăn của thế gian. Năm loại thức ăn xuất thế gian là gì? Một thức ăn bởi thiên; hai, thức ăn bởi nguyện; ba, thức ăn bởi niệm; bốn, thức ăn bởi tám giải thoát; năm, thức ăn bởi hỷ. Đó là năm loại thức ăn biểu hiện cho thức ăn xuất thế gian. Các nguoi hãy chuyên niệm xả bỏ bốn loại thức ăn, tìm cầu phương tiện có được năm loại thức ăn. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.’ Các Tỳ

⁷ Cf. Pali, M. 50 Māraṭṭajjanīyasuttaṃ (R.i. 333). Hán, Trung 30, kinh 131 Hàng ma (tr. 620c07).

kheo lúc bấy giờ thọ nhận lời dạy của đức Phật kia, tự mình khắc kỹ để hoàn thành có năm loại thức ăn. Vì vậy, Ma Ba-tuần không thừa cơ hội được. Ba-tuần bèn nghĩ, ‘Ta nay đã không lung lạc được Sa-môn này. Ta hãy tìm cơ hội nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ta hãy khuyến khích mọi người trong thôn khiến cho chúng Sa-môn nhận được các thứ lợi lộc trước đó chưa hề được; các lợi lộc đã được càng tăng thêm, cho đến mức khiến lòng tham lợi dưỡng của các Tỳ kheo kia không thể xả bỏ trong chốc lát. Rồi ta sẽ thừa cơ hội từ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, [772c] được chăng?’

“Bấy giờ, các Thanh văn của đức Phật kia, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thôn khát thực. Khi ấy nhân dân trong thôn Bà-la⁸ kia cung cấp Tỳ kheo các thứ áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, không để cho thiếu thốn. Mọi người đến trước, nắm y tăng-già-lê, ép phải nhận các vật bố thí.

“Đức Phật kia lúc bấy giờ nói pháp này cho chúng Thanh văn: ‘Phàm lợi dưỡng khiến người rơi xuống nẻo xấu, không khiến cho đạt đến chỗ an ổn vô vi. Tỳ kheo các người chớ móng khởi ý tưởng tham đắm. Hãy chuyên niệm xả ly các thứ lợi dưỡng. Nếu Tỳ kheo tham đắm lợi dưỡng sẽ không thể thành tựu năm phần Pháp thân, không đầy đủ giới đức. Cho nên, này Tỳ kheo, tam lợi dưỡng chưa sinh thì khiến cho đừng sinh. Tâm lợi dưỡng đã sinh thì hãy nhanh chóng trừ diệt. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.’”

Lúc bấy giờ Ma Ba-tuần bèn ẩn hình mà đi mất.

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

⁸ Đề bản: Bà-la-môn thôn 婆羅門村. TNM, và các đoạn trên: Bà-la thôn.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Hãy hành tâm từ; trải rộng tâm từ. Do hành tâm từ, những gì là tâm sân hận thù nghịch tự chúng sẽ tiêu trừ. Vì sao vậy? Tỳ kheo, nên biết, xưa có một con quỷ cực kỳ xấu xa hung bạo. Nó đến ngồi trên tòa của Thích Đề-hoàn Nhân. Lúc bấy giờ các trời Tam thập tam vô cùng tức giận, rằng ‘Con quỷ này sao dám đến ngồi trên chỗ ngồi của Chúa chúng ta?’ Khi chư thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo đẹp đẽ dị thường. Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân cùng với các ngọc nữ đang vui đùa tại giảng đường Phổ tập. Bấy giờ có một thiên tử đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, tâm với Đế Thích rằng, ‘Cù-dực,⁹ nên biết, nay có một con quỷ đang ngồi trên tôn tòa. Chư thiên Tam thập tam thấy đều tức giận. Khi chư thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ ấy bỗng trở nên có dung mạo đẹp đẽ khác thường.’ Thích Đề-hoàn Nhân liền nghĩ, ‘Con quỷ này tất phải là quỷ thần diệu.’ Rồi Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ con quỷ kia, cách nhau không xa, cùng xưng tên họ, ‘Ta là Thích Đề-hoàn Nhân, Chúa của chư thiên.’ Khi Thích Đề-hoàn Nhân tự xưng danh tính, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo xấu xí, dễ ghét. Con quỷ đó tức thì biến mất.

Tỳ kheo, do phương tiện này mà biết, [773a] ai hành từ tâm không rời, thì đức của người ấy là như vậy.

“Lại nữa, Tỳ kheo, ngày xưa Ta trong bảy năm hằng tu từ tâm, trải qua bảy kiếp thành, kiếp hoại không qua lại sinh tử. Khi kiếp sắp hoại, sinh lên trời Quang âm. Khi kiếp sắp thành, sinh lên trời Vô tướng. Hoặc làm Phạm thiên thống lãnh chư thiên, thánh lãnh mười nghìn thế giới. Lại có khi 37 lần làm Thích Đề-hoàn Nhân. Lại vô số lần làm Chuyển luân Thánh vương.

⁹ Cù-dực 瞿翼, các nói khác âm là Câu-dực; họ của Đế Thích. Pāli: Kosiya.

Do phương tiện này mà biết rằng, ai hành từ tâm, đức của người ấy là như vậy.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, khi thân hoại mạng chung, sinh lên cõi trời, rời xa ba ác đạo, tránh khỏi tám nạn.

“Lại nữa, ai hành từ tâm thì sinh vào nước trung chánh.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, có dung mạo xinh đẹp, các căn không khuyết, hình thể toàn vẹn.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, tự thân được thấy Như Lai, thừa sự chư Phật, không thích sống tại gia, muốn được xuất gia học đạo, khoác ba pháp y, cạo bỏ râu tóc, tu hành pháp sa-môn, tu Phạm hạnh vô thượng.

“Tỳ kheo, nên biết, cũng như kim cương mà người mang lấy ăn, trọn không bao giờ tiêu hóa mà phải xổ ra. Người hành từ tâm cũng vậy. Nếu Như Lai xuất thế, người đó sẽ hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng., cho đến, biết như thật rằng sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không cần còn tái sinh đời sau.”

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, giả sử khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam tử kia không thích sống tại gia, sẽ phải quy hướng về đâu?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam tử kia không thích sống tại gia, tự mình cạo bỏ râu tóc, sống nơi chỗ nhàn tĩnh, tự khắc kỷ tu tập, tức ngay ở nơi đó mà các lậu diệt tận, thành vô lậu hành.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, người tự mình tu phạm hạnh, hành theo ba thừa kia sẽ quy hướng về đâu?”

Phật bảo A-nan:

“Như điều ông nói, Ta hằng thuyết hành của ba thừa. Chư Phật trong ba đời, quá khứ và vị lai, cũng thuyết hành của ba thừa.

“A-nan, nên biết, có một thời, các loài chúng sinh có dung mạo và thọ mạng càng lúc càng giảm thiểu, thân hình gầy yếu, không co uy thần, nhiều sân, nộ, tật đố, nhuế, si, gian nguy, huyễn hoặc, sở hành không chân chánh. Hoặc có chúng sinh có các căn linh lợi, nhanh nhẹn, chúng tranh giành lẫn nhau, đấu tranh kiện tụng nhau; hoặc chúng nắm tay, [773b] hoặc lấy ngói, đá, dao, gậy, tàn hại nhau. Các loài chúng sinh vào lúc bấy giờ khi cầm đến cọng cỏ, cỏ liền biến thành đao kiếm, cắt đứt mạng căn kẻ khác. Trong số đó, chúng sinh nào hành từ tâm, không có sân nộ, thấy sự biến quái này, trong lòng kính sợ, thấy cùng nhau bỏ chạy, tránh xa chốn hung ác này. Trong chốn núi non, chúng tự nhiên cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, tự mình khắc kỷ tu tập, tâm được giải thoát khỏi các lậu mà nhập cảnh giới vô lậu. Mỗi mỗi nói với nhau rằng, ‘Chúng ta đã thắng kẻ thù.’ A-nan, nên biết, những người đó được nói là tối thắng.”

A-nan bạch Phật:

“Những vị ấy thuộc vào bộ nào, Thanh văn bộ, Bích-chi-phật bộ hay Phật bộ?”

Phật bảo A-nan:

“Những vị ấy cần được nói là thuộc Bích-chi bộ. Vì sao vậy? Những người ấy đều do tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện, tu thanh tịnh bốn đế, phân biệt các pháp. Phạm hạnh pháp thiện ở đây là hành từ tâm vậy. Vì sao vậy? Bước đi nhân ái, hành từ tâm, đức ấy rộng lớn. Ngày xưa Ta khoác khôi giáp nhân từ này mà hàng phục Ma và quan thuộc của nó, ngồi dưới gốc thọ vương, thành Đạo vô thượng. Do phương tiện này mà biết từ là tối đệ nhất; từ là pháp tối thắng. A-nan, nên biết, do đó mà nói ai tối thắng hành từ tâm, đức của người ấy là như vậy, không thể ước tính. Vậy hãy nên tầm cầu phương tiện hành từ tâm. Như vậy, A-nan, hãy học điều này.”

Bấy giờ A nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vê, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, vào lúc sáng sớm, rời tĩnh thất, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Phật nói với Xá-lợi-phất:

“Ông hôm nay có các căn thanh tịnh, nhan sắc khác người. Ông đang an trú trong tam-muội nào?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, con hằng an trú Không tam-muội.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay, lành thay, như Xá-lợi-phất mới có thể an trú nơi Không tam-muội. Vì sao vậy? Trong các tam-muội, Không¹¹ tam-muội là tối thượng đệ nhất. Tỳ kheo an trú Không tam-muội không chấp trước ngã, nhân, thọ mạng, cũng không thấy có chúng sinh, cũng không thấy có bản mặt của các hành. Do không thấy có, nên không tạo gốc rễ của hành. Do không có [773c] hành nên không còn tái sinh đời sau. Do không còn tái sinh đời sau nên không chòn thọ nhận quả báo khổ lạc. Xá-lợi-phất, nên biết, ngày xưa khi Ta chưa hành Đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vậy: Các loài chúng sinh này do không nắm bắt được pháp gì mà phải trôi lăn trong sinh tử, không được giải thoát? Khi ấy, Ta lại nghĩ, vì không có Không tam-muội nên phải trôi nổi sinh tử, không được giải thoát. Có Không tam-muội này, nhưng chúng sinh chưa đạt được, khiến chúng sinh khởi tưởng niệm đấm trước. Do khởi tưởng thế gian nên thọ nhận phần sinh tử. Nếu đạt được Không tam-muội này,

¹⁰ Tham chiếu Pali, M. 151 Piṇḍapāṭapārisuddhisuttaṃ (R. iii. 293). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 238.

¹¹ Đề bản chép nhầm là hư không 虛空.

không có gì là sở nguyện, do đó đạt được Vô nguyện tam-muội. Do đạt được Vô nguyện tam-muội, không mong cầu chết nơi này sinh về nơi kia; hoàn toàn không có tưởng niệm. Bảy giờ hành giả ấy lại đạt được và an trú trong Vô tướng tam-muội.

“Các loài chúng sanh này do không đạt được ba tam-muội này nên trôi nổi sinh tử.

“Sau khi quán sát các pháp, Ta liền đắc Không tam-muội. Sau khi đắc Không tam-muội, Ta liền thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề. Ta lúc bảy giờ do đạt được Không tam-muội, bảy ngày bảy đêm quán sát cây Đạo thọ, mắt không hề nhắm.

“Xá-lợi-phất, do phương tiện này mà biết rằng Không tam-muội là tối đệ nhất trong các tam-muội. Vua trong các tam-muội là Không tam-muội vậy. Cho nên, xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hoàn thành Không tam-muội. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.”

Bảy giờ Xá-lợi-phất nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà Trúc viên, thành La-duyet, cùng với chúng đại tỳ kheo 2500 vị.

Lúc bảy giờ trong thành La-duyet có một trưởng giả tên là Thi-lợi-quật, có nhiều của cải, nhiều bảo vật, vàng, bạc, châu báu, xa cừ, mã não, không sao kể xiết. Nhưng ông lơ là Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo là Ni-kiền tử. Quốc vương, đại thần, thầy đều quen biết ông.

Lúc bảy giờ, các hàng tại gia và xuất gia ngoại đạo và các đệ tử xuất gia và tại gia của Ni-kiền Tử tự nói lời phi báng rằng, có ngã, và chấp có thân của ngã. Chúng cùng với các nhóm sáu tôn sư ngoại đạo tập họp tại một nơi, bàn luận như vậy:

“Nay Sa-môn Cù-đàm không việc gì mà không biết. Ông ấy có Nhất thiết trí. Song, chúng ta không được lợi dưỡng, mà Sa-môn ấy lại có nhiều lợi dưỡng. Phải tìm phương tiện không cho ông ấy không được lợi dưỡng. Chúng ta hãy đến [774a] nhà Thi-lợi-quật, khiến trưởng giả ấy bày kế sách.”

Rồi ngoại đạo xuất gia, Ni-kiền Tử, cùng với sáu Tôn sư, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, nói với trưởng giả này rằng:

“Đại gia nên biết, ông là người được sinh bởi Phạm thiên, là con của Phạm thiên, có được lợi ích. Nay ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, vì thương tưởng chúng tôi, thỉnh Sa-môn cùng chúng Tỳ kheo về nhà để tế tự. Lại sai làm một hầm lửa lớn ở trong nhà, đốt ngọn lửa cực kỳ rự rờ. Trong các thức ăn đều bỏ thuốc độc rồi mời đến ăn. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết rõ sự việc trong ba đời, sẽ không nhận lời mời. Nếu không có Nhất thiết trí, tất sẽ nhận lời mời, dẫn đệ tử đến đây, để tất cả đều bị đốt cháy. Trời người sẽ được yên ổn, không có tai hại.”

Thi-lợi-quật-đa im lặng nhận lời của sáu Tôn sư. Ông ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, mà trong lòng chứa chất độc hại, bạch Như Lai rằng:

“Cúi xin Thế cùng Tỳ kheo Tăng nhận lời mời của tôi.”

Thế Tôn biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm ông, im lặng nhận lời. Thi-lợi-quật-đa thấy Như Lai im lặng nhận lời mời liền đứng dậy, đầu mặt lễ chân Phật, rồi thối lui mà đi. Giữa đường, ông nghĩ như vậy: ‘Nay điều mà sáu Tôn sư của ta nói rất là chính xác. Nhưng Sa-môn không biết những điều suy nghĩ trong tâm ta. Họ sẽ bị lửa lớn đốt cháy.’

Rồi Thi-lợi-quật-đa trở về nhà, sai làm một hầm lửa lớn, đốt ngọn lửa lớn hùng hực. Lại sai làm các món ăn đủ loại, tất cả đều bỏ thuốc độc. Ở bên ngoài cửa lại làm một hầm lửa lớn, với ngọn lửa lớn hùng hực. Bên trên ngọn lửa đặt các giường ngồi, cũng bôi các thứ kịch độc. Lúc giữa bữa, sai người đi báo giờ ăn đã đến.

Bấy giờ Thế Tôn biết giờ ăn đã đến, bèn khoác y, cầm bát, dẫn các Tỳ kheo vây quanh trước sau, đi đến nhà ấy. Ngài lại lệnh các Tỳ kheo Tăng không ai được đi trước Ngài, không được ngồi trước Ngài, cung không được ăn cái gì trước Ngài. Trong lúc đó, các nhóm nhân dân trong thành La-duyệt nghe nói Thi-lợi-quật-đa cho đào làm hầm lửa, lại làm thức ăn độc mà thỉnh Phật và chúng tăng; chúng bốn bộ thầy đều than khóc, “Nhu Lai và Tỳ kheo tăng tất bị hại chăng?”

Có người đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn chớ đến nhà trưởng giả đó. Ông ấy làm hầm lửa lớn, lại làm các thức ăn độc.”

Phật nói:

“Mọi người chớ ôm lòng sợ hãi. [774b] Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Giả sử ngọn lửa trong Diêm-phù-đề cao đến Phạm thiên cũng không thể đốt cháy Ta được; huống gì ngọn lửa nhỏ ấy mà hại được Như Lai. Không bao giờ có trường hợp ấy. Các ưu-bà-tắc, nên biết, Ta không còn có tâm gây hại.”

Bấy giờ Thế Tôn với các tỳ kheo vây quanh trước sau đi vào thành La-duyệt, đến nhà trưởng giả. Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các người chớ đi vào nhà trưởng giả trước, cũng chớ có ăn trước. Đợi Như Lai rồi mới ăn.

Khi Thế Tôn vừa cất chân lên trên ngưỡng cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao tắm cực kỳ mát mẻ, trong đó đầy các loại hoa; cũng có mọc hoa sen lớn như bánh xe, cọng bằng bảy báu; và cũng mọc các loại sen khác, trong đó ong mật bay nhớn nhोर.

Trong lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm thiên vương, và Tứ thiên vương, cũng với cần-thát-bà, A-tu-la, các dạ-xoa, quý thần các loại, thấy trong hầm lửa mọc lên hoa sen này, ai nấy đều chúc mừng chuyện lạ, khác giọng, cùng lời, thầy đều nói: “Thế mới biết Như là là đệ nhất trong các bậc đã Chiến thắng.”

Lúc bấy giờ trong nhà trưởng giả có đủ các ngoại đạo dị học cùng tụ tập về đó. Khi ấy, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai, hoan hỷ phần chấn không dừng được. Các ngoại đạo dị học sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai thì trong lòng ưu sầu. Trong hư không, chư thiên tôn thần rải xuống đủ các loại danh hoa lên trên thân Như Lai. Thế Tôn lúc ấy bước trên không mà đi, cách mặt đất bốn tấc. Chỗ nào Như Lai cất chân, chỗ đó mọc lên đóa hoa sen lớn như bánh xe. Rồi Thế Tôn quay về bên phải, bảo các Tỳ kheo:

“Các người hãy đạp lên hoa sen mà đi.”

Khi ấy các Thanh văn đều bước trên hoa sen mà đến nhà trưởng giả.

Rồi Thế Tôn nói thí dụ bằng câu chuyện cổ tích:

“Ta, từ quá khứ cho đến nay, đã cúng dường hằng sa chư Phật, thừa sự, lễ kính, chưa hề làm sai Thánh ý; nay mang những điều này ra mà thệ nguyện, khiến cho các chỗ ngồi đều được vững vàng.”

Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Ta cho phép các Tỳ kheo trước hết lấy tay đặt lên chỗ ngồi, rồi sau đó mới ngồi. Đây là giáo sắc của Ta.”

Khi Thế Tôn và các Tỳ kheo Tăng đã ngồi lên chỗ ngồi, thì dưới chỗ ngồi ấy mọc lên hoa sen thơm lừng.

Thi-lợi-quật-đa thấy sự biến hóa của Như Lai như vậy, trong lòng suy nghĩ: “Ta bị ngoại đạo dị học dối gạt, làm ta mất đi sở hành trong loài người, vĩnh viễn mất con đường sinh thiên.” Trong lòng rất phẫn nộ, như [774c] uống phải chất độc. “Ta chắc sẽ đọa trong ba ác đạo. Quả thật, Như Lai xuất thế, rất khó gặp.” Hiểu biết điều này rồi, ông liền rơi lệ, cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch rằng:

“Cúi mong Như Lai nghe con sám hối lỗi lầm. Con sẽ sửa đổi việc làm quá khứ, tu tập tương lai. Tự biết mình có tội đã xúc

nhieu Như Lai. Cúi nguyện Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Từ nay không con tái phạm nữa.”

Phật bảo ông trưởng giả:

“Sửa đổi lỗi lầm, dẹp bỏ tâm ý trước kia, mới có thể tự biết đã xúc phạm Như Lai. Trong pháp của Hiền Thánh, thật là rộng rãi. Ta nghe cho ông sửa lỗi, tùy pháp mà xả bỏ. ta nay nhận sự hối lỗi của ông. Về sau chớ tái phạm.”

Nói như vậy ba lần.

Lúc bấy giờ Vua A-xà-thế nghe trưởng giả Thi-lợi-quật-đa đặt bày hầm lửa và pha thức ăn độc để hại Như Lai, bèn nổi cơn thịnh nộ, bảo các quần thần:

“Cần phải tiêu diệt hết những người trên Diêm-phù-lợi-địa có cùng tên Thi-lợi-quật-đa này!”

Rồi Vua A-xà-thế lại nhớ đến công đức của Như Lai, buồn khóc rơi lệ, cõi mũ Thiên quan xuống, nói với quần thần:

“Tay nay sống mà làm gì, nếu như Như Lai bị lửa đốt cháy, và chúng Tăng cũng đều bị đốt cháy. Các người hãy đến nhà trưởng giả mà trông chừng Như Lai.”

Khi ấy Kỳ-bà-già Vương tử tâu vua A-xà-thế:

“Đại vương, chớ có lo rầu, cũng đừng khởi lên ý tưởng ác. Vì sao? Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Hôm nay Thi-lợi-quật-đa sẽ làm đệ tử của Như Lai. Ngưỡng mong Đại vương hãy đến xem sự biến hóa.”

Bấy giờ A-xà-thế theo lời khuyến dụ của Kỳ-bà-già, bèn cưỡi con voi lớn Tuyết sơn, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật-đa. Vua xuống voi, đi vào nhà Thi-lợi-quật-đa. Lúc ấy đám đông đang tụ tập ngoài cửa, có đến tám vạn bốn nghìn người. Khi A-xà-thế trông thấy hoa sen lớn như bánh xe, hoan hỷ phấn khởi không dừng được, bèn nói lên rằng:

“Cầu cho Như Lai hằng thắng các chúng Ma.”

Rồi vua bảo Kỳ-bà-già Vương tử:

“Lành thay, Kỳ-bà-già, ông mới tin có sự việc như vậy nơi Như Lai!”

Bấy giờ vua A-xà-thế đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy A-xà-thế thấy từ miệng Như Lai phóng ra ánh sáng, và cũng nhìn thấy nhan sắc lạ thường của Như Lai, trong lòng hết sức hoan hỷ không dừng được.

Lúc bấy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa bạch Thế Tôn:

“Những thức ăn mà con dọn ra đều có độc. Cúi mong Thế Tôn đọi giây lát, [775a] con sẽ cho dọn thức ăn khác. Sở dĩ như vậy, để không khiến thân thể của Như Lai có tăng tổn.”

Phật bảo trưởng giả:

“Như Lai cùng các đệ tử không bao giờ bị kẻ khác làm hại. Những thức mà trưởng giả đã dọn lên, hãy tùy thời thích hợp mà dâng cúng.”

Khi ấy trưởng giả tự tay san sóc, bung lên các món thức ăn.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Phật, giải độc.

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Pháp, giải độc.

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Tăng, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Như Lai hằng không độc.

Chí thành Phật, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Pháp Như Lai không độc.

Chí thành Pháp, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Tăng Như Lai không độc.

Chí thành Tăng, giải độc.

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn ăn thức ăn có pha chất độc. Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các người chớ có ăn trước. Hãy đợi Như Lai ăn đã, sau đó mới ăn.

Bấy giờ trưởng giả tự tay san sóc, bưng dọn đủ các món thức ăn cúng dường Phật và Tỳ kheo tăng. Khi trưởng giả Thi-lợi-quật-đa thấy Như Lai đã ăn xong, cất dẹp bát, ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Thế Tôn bèn thuyết vi diệu pháp cho trưởng giả và đám đông tám vạn bốn nghìn người. Ngài thuyết các đề tài về thí, về giới, về sinh thiên, dục là bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn, xuất yếu là lạc. Như Lai xem xét thấy tâm ý của trưởng giả cũng tám vạn bốn nghìn người đã khai tỏ, không còn bụi bấn, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Ngài thuyết cho hết thầy chúng tám vạn bốn nghìn người, phân biệt chi tiết các hành của chúng. Ngay lúc ấy, một người từ trên chỗ ngồi mà sạch các bụi bấn, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như tấm vải mới để nhuộm màu sắc, mọi người lúc bấy giờ cũng như vậy, mỗi người đều ngay trên chỗ ngồi mà [775b] thấy được dấu tích của Đạo, thấy pháp, đắc pháp, phân biệt các pháp, vượt qua nghi hoặc, được vô sở úy, không thờ ai khác làm Thầy, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ năm giới.

Lúc bấy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa tự bết đã thấy được dấu tích của Đạo, bèn đến trước Phật bạch rằng:

“Cúng thí chất độc cho Như Lai mà lại được quả báo lớn; cúng thí cam lộ cho các ngoại đạo dị học lại thọ nhận tội. Vì sao vậy? Hôm nay con đem chất độc cúng dường Phật và Tỳ kheo Tăng mà ở ngay trong hiện pháp được chứng nghiệm này. Đã từ lâu con bị ngoại đạo mê hoặc nên mới móng tâm như vậy đối với Như Lai. Những ai phụng sự ngoại đạo dị học đều bị rơi vào biên tế.”

Phật bảo Thi-lợi-quật-đa:

“Đúng như điều ông nói, không có gì khác, đều là bị người khác dối gạt.”

Trưởng lão Thi-lợi-quật-đa bạch Phật:

“Từ nay về sau, con không còn tin ngoại đạo dị học này nữa. Con cũng không thuận cho chúng bốn bộ tại gia cúng dường.”

Phật bảo Trưởng giả:

“Chớ nói như vậy. Ông trước kia thường cúng dường các vị ngoại đạo này. Bồ thí cho súc sinh còn được phước khó lường, huống gì bồ thí cho người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi, ‘Thi-lợi-quật-đa là đệ tử của ai?’ ông trả lời như thế nào?”

Thi-lợi-quật-đa tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay quỳ dài, bạch Thế Tôn:

“Con là đệ tử của Thích-ca Văn, là đấng Tiên nhân thứ bảy, dũng mãnh mà giải thoát, nay thọ thân người này.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, Trưởng giả, ông đã có thể nói lời tán thán vi diệu ấy.”

Rồi Thế Tôn lại nói lần nữa pháp thậm thâm cho trưởng giả, tức thối thuyết bài kệ này:

*Tế tự, lửa trên hết,
Các thứ, tụng hơn hết;*

*Vua tôn quý giữa người,
Các dòng, biển là nhất.
Các sao, trăng đứng đầu,
Chiếu sáng, mặt trời trước;
Bốn bên, trên và dưới,
Ở các phương, cảnh vức,
Trời cùng người thế gian,
Phật là bậc tối thượng.
Ai muốn cầu phước kia,
Nên quy y Tam-phật*.*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn rời chỗ ngồi đứng dậy.

Bảy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa và những người đến hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹²

¹² Bản Hán, hết quyển 41.

MƯỜI PHÁP

PHẨM 46: KẾT CẨM

KINH SỐ 1

[775c07] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỷ kheo:

“Có mười sự công đức¹ mà Như Lai xuất hiện ở đời thuyết cảm giới cho các Tỷ kheo.

¹ Thập sự công đức 十事功德; đoạn dưới: thập pháp công đức 十法功德. Cf. *Tứ phần 1* (570c03), thập cú nghĩa 十句義: 1. Nhiếp thủ đối với Tăng; 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ; 3. Khiến cho Tăng an lạc; 4. Khiến cho người chưa tin thì có tin; 5. Người đã có tin khiến tăng trưởng; 6. Để điều phục người chưa được điều phục; 7. Người có tâm quý được an lạc; 8. Đoạn hữu lậu hiện tại; 9. Đoạn hữu lậu đời vị lai; 10. Chánh pháp được cứu trụ. *Ngũ phần* (T22n1421, tr.3c1), thập lợi 十利: 1. Tăng hoà hiệp; 2. Tăng đoàn kết; 3. Chế ngự người xấu; 4. Để cho người biết hổ thẹn được yên vui; 5. Đoạn hữu lậu đời nay; 6. Diệt hữu lậu đời sau; 7. Khiến người chưa tin có tin tâm; 8. Khiên người có tin tâm được tăng trưởng; 9. Để Chánh pháp lâu dài; 10. Phân biệt ti-ni phạm hạnh tồn tại lâu dài. *Tăng kỳ* (T22n1425, tr.228c24), thập sự lợi ích 十事利益: 1. Nhiếp Tăng; 2. Cự nhiếp Tăng; 3. Để Tăng an lạc; 4. Chiết phục người không biết hổ thẹn; 5. Để người có tâm quý sống yên vui; 6. Người chưa tin được tin; 7. Người đã tin thì tin thêm; 8. Trong đời này được lậu tận; 9. Các lậu đời vị lai không sinh; 10. Để chánh pháp lâu dài. *Căn bản* (T23n1442, tr.629b22), như Pali. Pali, Vin. iii. tr.32: *saṅghasutthutāya* (vì sự ưu mỹ của Tăng); *saṅghaphāsutāya* (vì sự an lạc của Tăng); *dummaikūnaṃ puggalānaṃ niggahāya* (để chế phục hạng người không biết hổ thẹn); *pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuvihārāya* (để các Tỷ-kheo nhu hòa sống an lạc); *diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya* (để ngăn chặn hữu lậu đời này); *sampāratikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya* (để đối trị hữu lậu đời sau); *appasannānaṃ pasādāya* (vì tịnh tín của người chưa có tin); *pasannānaṃ bhiyyobhāvāya* (vì sự tăng trưởng của người có tin); *saddhammaṭṭhitiyā* (vì sự trường tồn của chánh pháp); *vinayānuggahāya* (để nhiếp hộ ti-ni).

“Những gì là mười? Thừa sự Thánh chúng; hòa hiệp thuận thảo; an ổn Thánh chúng; hàng phục người xấu; khiến các Tỷ kheo có tầm quý không bị quấy nhiễu; người không tin khiến xác lập tín căn; người đã tin khiến càng tăng ích; ngay trong hiện pháp được dứt sạch các lậu; cũng khiến các thói xấu hữu lậu đời sau được trừ diệt; lại khiến Chánh pháp tồn tại thế gian lâu dài, thường niệm tư duy bằng phương tiện nào để Chánh pháp tồn tại lâu dài.

“Tỳ kheo, đó là mười pháp công đức, nay Như Lai xuất hiện ở đời thuyết cấm giới cho Tỳ kheo. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu cấm giới giới, chớ để thoái thất.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Có mười sự, là chỗ cư trú của Thánh.³ Các Thánh trong ba đời thường cư trú nơi đó. Những gì là mười? Năm sự đã trừ; thành tựu sáu sự; hằng hộ một sự;⁴ hộ trì chúng bốn bộ;⁵ quán sát các sự yếu kém;⁶ bình đẳng thân cận;⁷ chánh hướng vô lậu;⁸ thân hành khinh an;⁹ tâm khéo giải thoát; tuệ giải thoát.

² Pali, A.X.19-20 Āriyavāsa (R.v. 29)

³ Pali, ibid., *dasa ariyāvāsā*, mười Thánh cư. Hán, *Trưởng* 9 kinh 8 (tr. 57a): mười Hiền Thánh cư 十賢聖居.

⁴ *Trưởng* ibid., xả một 捨一. Pali: *ekārakkho hoti*: một thù hộ

⁵ *Trưởng* ibid., y bốn 依四. Pali: *caturāpasseno hoti*, bốn y cứ

⁶ *Trưởng* ibid., diệt dị đế 滅異諦. Pali: *paṇunnapaccakasacco hoti*, trừ khử sự thật cá biệt.

⁷ *Trưởng* ibid., thắng diệu cầu 勝妙求.

“Thế nào, Tỳ kheo, năm sự đã trừ? Ở đây, Tỳ kheo đã đoạn trừ năm kết.¹⁰ Như vậy, năm sự đã được trừ.

“Thế nào Tỳ kheo thành tựu sáu sự? Ở đây, Tỳ kheo vâng hành sáu pháp tôn trọng.¹¹ Như vậy, Tỳ kheo thành tựu sáu sự.

“Thế nào Tỳ kheo hằng hộ một sự? Ở đây, Tỳ kheo hằng thủ hộ tâm đối với hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, cho đến cửa Niết-bàn.¹² Như vậy, Tỳ kheo hằng hộ [776a] một sự.

“Thế nào Tỳ kheo thủ hộ chúng bốn bộ? Ở đây, Tỳ kheo thành tựu bốn thân túc.¹³ Như vậy mà thủ hộ chúng bốn bộ.

“Thế nào Tỳ kheo quán sát sự yếu kém? Ở đây, Tỳ kheo đã tận trừ các hành sinh tử.¹⁴ Như vậy, Tỳ kheo quán sát sự yếu kém.¹⁵

“Thế nào Tỳ kheo bình đẳng thân cận? Ở đây, Tỳ kheo đã đoạn tận ba kết.¹⁶ Đó là Tỳ kheo bình đẳng thân cận.

⁸ Tuiừng ibid., vô trước tướng 無濁想. Pali: *anāvilasaṅkappo* hoti, không tư duy vẫn đục.

⁹ Nguyên Hán: y ý thân hành 依倚身行. Pali: *pasaddhakāyasāṅkhāro*. Trương, ibid., thân hành dĩ lập 身行已立.

¹⁰ Năm kết 五結. Pali: năm triền cái.

¹¹ Hán: thừa lục trọng chi pháp 承六重之法. Xem phẩm 37, sáu trọng pháp. Pali, *chalaṅga-samannāgato*, thành tựu sáu chỉ: thấy sắc, nghe tiếng, v.v., ý thức pháp, mà không hỷ, không ưu, an trú xả (*neva sumano hoti na dummano, upekkhako viharati*).

¹² Pali: một thủ hộ: với tâm được thủ hộ bởi chánh niệm (*ekārakkho hoti ... satārakkhena cetasā samannāgato hoti*).

¹³ Pali: thân cận (*paṭisevati*), kham nhẫn (*adhivāseti*), xả ly (*parivajjeti*), trừ khử (*vinodeti*).

¹⁴ Pali: gác qua một bên các sự thật chủ quan: thế giới thường hay vô thường...

¹⁵ Đề bản chép sót một đoạn.

¹⁶ Pali: *samavayasatṭhesano hoti*, diệt trừ ba tầm cầu: dục tầm cầu (*kāmesanā*), hữu tầm cầu (*bhavesanā*), Phạm hạnh tầm cầu (*brahmacariyesanā*).

“Thế nào Tỳ kheo chánh hướng vô lậu? Ở đây, Tỳ kheo trừ khử kiêu mạn.¹⁷ Như vậy, Tỳ kheo chánh hướng vô lậu.

“Thế nào Tỳ kheo thân hành khinh an? Ở đây, Tỳ kheo đã diệt tận vô minh.¹⁸ Như vậy, Tỳ kheo thân hành khinh an.

“Thế nào Tỳ kheo tâm hoàn toàn được giải thoát? Ở đây, Tỳ kheo đã đoạn tận ái. Như vậy, Tỳ kheo tâm hoàn toàn giải thoát.

“Thế nào Tỳ kheo tuệ giải thoát? Ở đây, Tỳ kheo quán Khổ, Tập, Tận, Đạo, như thật biết rõ. Như vậy, Tỳ kheo tuệ giải thoát.

“Đó là, Tỳ kheo, mười sự là chốn cư trú của Hiền Thánh. Các Hiền Thánh xưa đã cư trú nơi trú xứ này, đã cư trú và đang cư trú. Cho nên, Tỳ kheo, hãy niệm trừ năm sự, thành tựu sáu pháp, thủ hộ một pháp, hộ trì chúng bốn bộ, quán sát yếu kém, bình đẳng thân cận, chánh hướng vô lậu, thân hành khinh an, tâm được giải thoát, trí tuệ giải thoát.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các y kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Như Lai thành tựu mười lực, tự biết là bậc Vô sở trước,¹⁹ ở giữa đại chúng mà có thể rống tiếng sư tử, chuyển pháp luân vô

¹⁷ Ba tư duy vẫn đục: đục (*kāma*), sân (*byāpāda*), hại (*vihimsā*).

¹⁸ Pali: chúng nhập và an trú thiền thứ tư, xả niệm thanh tịnh (*upekkhāsati pārisuddhiṃ catuttham jhānam upasampajja viharati*).

¹⁹ Pali, định cú: *āsabham thānam paṭijānāti*, tự xác nhận địa vị Ngưu vương.

thượng mà cứu độ chúng sinh, rằng đây là sắc, đây là tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc, đây là xuất yếu của sắc; quán sát đây là thọ, tướng, hành, hức, tập khởi, diệt tận, xuất yếu của thức; nhân bởi cái này, có cái này, đây sinh thì kia sinh; do duyên vô minh mà hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não, không thể kể xiết. Nhân có thân năm uẩn này mà có pháp tập khởi này; đây diệt thì kia diệt, đây không thì kia không, do vô minh diệt tận mà hành diệt tận, hành tận nên thức tận, thức tận nên danh sắc tận, danh sắc tận nên sáu xứ tận, sáu xứ tận nên xúc tận, xúc tận nên thọ tận, thọ tận nên [776b] ái tận, ái tận nên thủ tận, thủ tận nên hữu tận, hữu tận nên chết tận, chết tận nên sầu ưu khổ não thấy đều diệt tận.

“Tỳ kheo, nên biết, pháp của Ta sâu thẳm, rộng lớn không có bờ mé, đoạn trừ các hồ nghi, là chón an ổn, chánh pháp. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân chuyên cần dụng tâm không để khuyết, dù cho thân thể khô kiệt, hủy hoại, vẫn không bao giờ xả bỏ hành tinh tấn, buộc chặt tâm không quên lãng; tu hành pháp khổ thật không phải dễ, ưa chón nhàn tĩnh, tịch tĩnh tư duy, không xả bỏ hành đầu-đà, như nay Như Lai hiện tại khéo tu phạm hạnh.

“Cho nên, Tỳ kheo, nếu khi tự quán sát, tư duy pháp vi diệu, hãy quán sát hai nghĩa, hành không buông lung, để cho thành tựu kết quả chắc thật, đạt đến chỗ diệt tận của cam lộ. Nếu khi nhận sự cúng dường của người khác, áo chần, cơm nước, giường chõng và ngoại cụ, thuốc men trị bệnh mà không uống công khó nhọc của người, và cũng khiến cho cha mẹ được quả báo ấy, thừa sự chư Phật, lễ kính, cúng dường.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Như Lai thành tựu mười lực,²¹ được bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng mà có thể rống tiếng sư tử.

“Những gì là mười? Ở đây, Như Lai như thật biết rõ đây là xứ, biết rõ như thật là phi xứ.²²

“Lại nữa, Như Lai biết rõ xứ sở, biết rõ tùy thuộc nhân duyên nào mà các chúng sinh thọ lãnh quả báo ấy.²³

“Lại nữa, Như Lai biết rõ thế giới sai biệt, giới sai biệt²⁴ xứ sai biệt; biết rõ như thật.²⁵

“Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật giải thoát sai biệt, vô lượng giải thoát.²⁶

“Lại nữa, Như Lai biết rõ trí tuệ nhiều hay ít của chúng sinh; biết rõ như thật.²⁷

²⁰ Pali, A. X. 21 Sīha (R. v. 23).

²¹ cf. *Tap* (Việt) kinh 652; *Tỳ-bà-sa* 30 (156c19).

²² Thị xứ, phi xứ 是處 非處. Pali: *thānañca thānato aṭṭhānañca aṭṭhānato*.

²³ Tỳ-bà-sa ibid.: nghiệp pháp tập trí lực 業法集智力. Pali: *atītānāgata-paccuppanānam kammamādānānam thānaso hetuso vipākam yathā-bhūtam pajānāti*, như thực biết rõ dị thực tùy theo nguyên nhân và điều kiện của sự thọ báo của các hành vi quá khứ, vị lai và hiện tại.

²⁴ Hán: trì 持. *Tri* tức *giới* đều dịch từ tiếng Phạn *dhātu*.

²⁵ Tỳ-bà-sa, lực thứ tư: chủng chủng giới trí lực 種界智力. Pali: *anekadhātuṃ nānādhātuṃ lokam* (biết rõ) thế gian với giới đa thù, giới sai biệt.

²⁶ *Tỳ-bà-sa* ibid., lực thứ năm: chủng chủng thắng giải trí lực 種種勝解智力. Pali: *sattānam nānādhimuttikatam*, chí hướng (thắng giải) sai biệt của các chúng sanh.

“Lại nữa, Như Lai biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm của chúng sinh; biết rõ như thật.²⁸ Tâm có dục, biết rõ tâm có dục; tâm không dục, biết rõ tâm không dục; tâm có sân nhuế, biết rõ tâm có sân nhuế; tâm không sân nhuế, biết rõ tâm không sân nhuế; tâm ngu si, biết rõ tâm ngu si; tâm không ngu si, biết rõ tâm không ngu si; tâm có ái, biết rõ tâm có ái; tâm không ái, biết rõ tâm không ái; tâm có thủ, biết rõ tâm có thủ; tâm không thủ, biết rõ tâm không thủ; tâm loạn, biết rõ có tâm loạn; tâm không loạn, biết rõ tâm không loạn; tâm tán, biết rõ có tâm tán; [776c] tâm không tán, biết rõ tâm không tán; tâm ít, biết rõ có tâm ít; tâm không ít, biết rõ tâm không ít; tâm rộng, biết rõ có tâm rộng; tâm không rộng, biết rõ tâm không rộng; tâm vô lượng, biết rõ tâm vô lượng; tâm hạn lượng, biết rõ tâm hạn lượng; như thật biết rõ. Tâm định, biết có tâm định; tâm không định, biết tâm không định; tâm giải thoát, biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.

“Lại nữa, Như Lai biết rõ tận cùng tất cả con đường mà tâm hướng đến,²⁹ hoặc một, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, năm mươi đời, trăm đời, nghìn đời, ức trăm nghìn đời, vô lượng đời, trong thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp, xưa kia ta sinh ở đó với tên họ như vậy, ăn thức ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy, thọ mạng dài, vẫn, chết đây sinh nơi

²⁷ Tỳ-bà-sa. lực thứ 6: căn thắng liệt trí lực 根勝劣智力. Pāli: *parasattānaṃ parupuggalānaṃ indriyaparopariyattaṃ*, biết căn cơ hơn kém của các loại chúng sanh, con người.

²⁸ Tỳ-bà-sa, thứ ba: tinh lự giải thoát đẳng chí phát khởi tạp nhiễm thanh tịnh trí lực 靜慮解脫等持等至發起雜染清淨智力. Pāli: *jhānavimokkhasamādhisamāpattīnaṃ samkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ*, sự xuất khởi thành tịnh, tạp nhiễm của các sự chứng nhập các thiền, giải thoát, tam-muội. Không có tương đương với bản Hán này.

²⁹ Tỳ-bà-sa, lực thứ bảy: biến thú hành trí lực 遍趣行智力. Pāli: *sabbatthagāminim paṭipadaṃ*, hành tích dẫn đến tất cả các định hướng.

kia, chết nơi kia sinh nơi này; tự nhớ lại như vậy sự việc vô lượng đời trước.³⁰

“Lại nữa, Như Lai biết định hướng sống chết của chúng sinh;³¹ bằng thiên nhãn mà quán sát các loài chúng sinh, hoặc có sắc đẹp, hoặc sắc xấu, thiện thú, ác thú tùy theo hành nghiệp đã gieo trồng, tất cả đều biết rõ. Hoặc có chúng sinh hành ác bởi thân, miệng, ý, phi báng Hiền Thánh, gây nghiệp tà kiến, thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục. Hoặc có chúng sinh hành thiện bởi thân, miệng, ý, không phi báng Hiền Thánh, hằng hành chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh vào cõi thiện, sinh lên trời. Đó gọi là bằng thiên nhãn thanh tịnh quán sát định hướng của chúng mà các hành vi đưa đến.

“Lại nữa, Như Lai biết rõ các lậu đã diệt tận,³² thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, biết rõ như thật.

“Đó gọi là mười lực của Như Lai, tự gọi là bậc Vô trước, được bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, chuyển phạm luân.

“Thế nào là bốn vô sở úy mà Như Lai có được?³³ Như Lai thành đẳng chánh giác; (nếu có chúng sinh muốn nói là biết, trường hợp này không thể có;)³⁴ hoặc có sa-môn, bà-la-môn

³⁰ Tỳ-bà-sa, lực thứ tám: túc trụ tùy niệm trí lực 宿住隨念智力. Trong bản Hán này, lực này đượckeer chúng với biến thú hành trí lực. Pāli: *anekavihitam pubbenivāsam anussarati*, nhớ lại vô số đời trước.

³¹ Tỳ-bà-sa, lực thứ chín: tử sanh trí lực 死生智力. Pāli: *dibbena cakkhunā... satte passati cavamāne upapajjamāne*, bằng thiên nhãn, ..., thấy chúng sanh đang chết, đang tái sanh...

³² Tỳ-bà-sa, lực thứ mười: lậu tận trí lực 漏盡智力. Pāli: *āsavānam khayā anāsavaṃ cetovimuttim*, lậu tận, vô lậu tâm giải thoát.

³³ So sánh, **phẩm 27, kinh số 6**. Văn và nghĩa không nhất quán giữa hai đoạn dịch này.

³⁴ Câu văn này nghi là chép nhầm, dư, nên cho vào ngoặc.

muốn đến phi báng Phật, nói là không thành Đẳng chánh giác, trường hợp này không thể có. Vì trường hợp ấy không thể có, nên Ta được an ổn.

“Nhưng hôm nay khi Ta nói, Ta đã diệt tận các lậu. Giả sử có sa-môn, bà-la-môn, hoặc Thiên, hoặc Ma thiên, đến mà nói Ta chưa diệt tận các lậu, trường hợp ấy không thể có. Vì trường hợp ấy không thể có nên ta được an ổn.

“Lại nữa, pháp mà Ta thuyết, là xuất yếu của Hiền Thánh, như đoạn tận biên tế khổ. Giả sử [777a] có sa-môn, bà-la-môn, Thiên, hoặc Ma thiên, đến nói là chưa đoạn tận biên tế khổ, trường hợp này không thể có. Vì trường hợp này không thể có nên Ta được an ổn.

“Lại nữa, pháp chương ngại³⁵ mà ta nói là đọa lạc cõi dữ; giả sử có sa-môn, bà-la-môn, đến muốn nói điều đó không đúng; trường hợp này không thể có.

“Tỳ kheo, đó là bốn vô sở úy của Như Lai.

“Giả sử có ngoại đạo dị học hỏi Sa-môn Cù-đàm kia có lực gì, vô úy gì mà tự xưng là bậc Vô trước, tối tôn, các người hãy trả lời bằng mười lực này.

“Giả sử ngoại đạo dị học nói, ‘Chúng tôi cũng thành tựu mười lực,’ Tỳ kheo các người nên hỏi lại, ‘Ông có mười lực gì?’ Khi ấy ngoại đạo dị học ắt không thể trả lời, và lại tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Ta không thấy có sa-môn, bà-la-môn nào tự xưng đắc bốn vô sở úy, trừ Như Lai. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu mười lực, bốn vô sở úy.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁵ Nguyên Hán: nội pháp 内法; Hán dịch sai, hiểu nhầm *antarāyikadharmā* (pháp chương ngại) thành *antaradharmā*, pháp trung gian hay nội pháp.

KINH SỐ 5³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Có mười niệm, được phân biệt rộng rãi, tu tập, đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái, kiêu mạn, vô minh. Những gì là mười? Đó là, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch tĩnh,³⁷ niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết.

“Đó là Tỳ kheo, nếu có chúng sinh tu hành mười niệm này sẽ đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; hết thảy vô minh, kiêu mạn, thảy đều được đoạn tận.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Gần gũi cung vua,³⁹ có mười phi pháp. Những gì là mười? Ở đây, trong nội cung⁴⁰ có khởi tâm mưu hại muốn giết quốc

³⁶ Để bản nhảy sót kinh số 5. Kinh này được được bổ khuyết ở cuối quyển 42, y các bản Tống, Nguyên, Minh.

³⁷ Nguyên Hán: niệm chí quán. Có lẽ chỉ tức nhưng chép nhầm thanh chí quán. Xem kinh 8 phẩm 2 (niệm hư tức); kinh 5 phẩm 39.

³⁸ Pali, A. X. 45. Pavesana

³⁹ Hán: quốc gia 國家, nhà của nước, tức nhà của vua. Pali: *rājantepura*, nội cung hay hậu cung của vua; mười điều tai hại khi đi vào hậu cung của vua.

⁴⁰ Hán: quốc gia, xem cht. 39 trên.

vương. Do bởi âm mưu này, quốc vương bị giết. Nhân dân nước đó nghĩ rằng, ‘Sa-môn, đạo sỹ này thường xuyên lui tới. Đây chắc chắn là việc làm của sa-môn ấy.’ Đó là phi pháp thứ nhất, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, đại thần phản nghịch, bị vua bắt và giết. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Sa-môn, đạo sỹ này thường xuyên lui tới. Đây là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ hai, nạn do vào trong cung vua.⁴¹

“Lại nữa, nội cung bị mất tài bảo, khi ấy người giữ kho nghĩ rằng, ‘Ồ đây bảo vật này luôn luôn được ta canh giữ, lại cũng không có ai khác đi vào đây. Nhất định là do sa-môn ấy làm.’ Đó là phi pháp thứ ba, nạn do đi vào cung vua.

“Lại nữa, con gái của vua đang tuổi tráng thịnh, chưa có chồng mà mang thai. Khi ấy người trong nước nghĩ rằng, ‘Trong đây không ai khác lui tới. Nhất định là do sa-môn ấy làm.’ Đó là phi pháp thứ tư, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, vua mắc bệnh nặng, [777b] trúng thuốc của người khác. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Trong đây không có ai khác. Nhất định là do sa-môn ấy làm.’ Đó là phi pháp thứ năm, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, các đại thần của vua tranh chấp nhau, gây thương tổn nhau. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Các đại thần này trước kia hòa hiệp, nay lại tranh chấp nhau. Đây không phải là việc làm của ai khác, mà nhất định là do sa-môn, đạo sỹ ấy.’ Đây là phi pháp thứ sáu, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, hai nước tranh chấp nhau, mỗi bên đều tranh thắng. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Sa-môn đạo sỹ này nhiều lần lui tới nội cung. Đây nhất định là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ bảy, nạn do gần gũi cung vua.

⁴¹ Hán: nhập quốc 入國, nên hiểu là nhập hậu cung.

“Lại nữa, quốc vương trước kia vốn ưa huệ thí, phân chia tài vật cho dân; về sau keo lẩn, hối tiếc, không huệ thí nữa. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Quốc vương của chúng ta trước kia vốn ưa huệ thí; nay lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí. Đây nhất định là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ tám, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, quốc vương hằng đúng theo pháp mà thu tài vật của dân. Về sau, lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Quốc vương của chúng ta trước kia thu tài vật của dân một cách hợp pháp, nay lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Đây nhất định là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ chín, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, nhân dân trong quốc thổ mắc phải bệnh dịch tràn lan, thảy đều do duyên đời trước. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Chúng ta xưa kia không có tật bệnh. Nay người bị bệnh chết nằm đầy đường. Đây nhất định do chú thuật của sa-môn gây nên.’ Đây là phi pháp thứ mười, nạn do gần gũi cung vua.

“Tỳ kheo, đó là mười phi pháp, tai họa do đi vào cung vua. Cho nên, Tỳ kheo, chớ móng tâm gần gũi cung vua.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì không thể tồn tại lâu dài, bị nhiều giặc cướp. Những gì là mười?

“Ở đây, quốc vương tham lam keo kiệt, vì chút sự việc nhỏ mà nổi thịnh nộ, không quán sát nghĩa lý. Nếu quốc vương thành

tự pháp thứ nhất này, sẽ không tồn tại lâu dài, nước có nhiều giặc cướp.

“Lại nữa, vua ấy tham đắm tài vật, không khứng chịu thua sút. Quốc vương [777c] thành tự pháp thứ hai này, sẽ không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, vua kia không chịu nghe can gián, là người bạo ngược, không có từ tâm. Đây là pháp thứ ba mà quốc vương thành tự sẽ không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, vua kia bắt oan nhân dân, giam cầm ngang ngược, nhốt trong lao ngục không có ngày ra. Đó là pháp thứ tư, khiến vua không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương tuyển dụng thân tá phi pháp, không y theo chánh hành. Đó là pháp thứ năm, khiến vua không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương tham đắm sắc đẹp của người, xa lánh vợ của mình. Đó là quốc vương thành tự pháp thứ sáu, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương ưa uống rượu mà không lý đoán quan sự. Đó là thành tự pháp thứ bảy, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương ưa thích ca múa, hí, nhạc, mà không lý đoán quan sự. Đó là pháp thứ tám, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương hằng mang bệnh tật, không có ngày nào khỏe mạnh. Đó là pháp thứ chín, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không tin bề tôi trung hiếu, lòng cánh yếu ớt, không có người phò tá mạnh. Đó là quốc vương thành tự pháp thứ mười, không tồn tại lâu dài.

“Ở đây, chúng Tỳ kheo cũng vậy, nếu thành tự mười pháp, công đức gốc rễ thiện không tăng trưởng, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Mười pháp ấy là gì?

“Ở đây, Tỳ kheo không trì cấm giới, cũng không có tâm cung kính. Đó là Tỳ kheo thành tự pháp thứ nhất, không cứu cánh đạt đến nơi phải đạt đến.

“Tỳ kheo không thừa sự Phật, không tin lời nói chân thật. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ hai, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không thừa sự Pháp, các giới luật bị khuyết thủng. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ ba, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không thừa sự Thánh chúng, tâm ý hằng tự ty, không tin lời dạy của chúng. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ tư, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo tham đắm lợi dưỡng, tâm không buông bỏ. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ năm, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không học hỏi nhiều, không siêng năng đọc tụng, ôn tập. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ sáu, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không tùng sự theo thiện tri thức, mà thường xuyên tùng sự theo ác tri thức. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ bảy, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo hằng ưa bận rộn công việc, không thích tọa thiền. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ tám, không tồn tại lâu dài,

“Lại nữa, Tỳ kheo [778a] ham thích toán số, bỏ đạo chạy theo thế tục, không học tập chánh pháp. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ chín, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không ưa tu phạm hạnh, tham đắm bất tịnh. Đó là Tỳ kheo có pháp thứ mười, không tồn tại lâu dài.

“Đó là, Tỳ kheo thành tựu mười pháp này nhất định đọa ba ác đạo, không sinh vài chỗ lành.

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì sẽ được tồn tại lâu dài ở đời. Những gì là mười?

“Quốc vương không tham đắm tài vật, không nổi thịnh nộ, cũng không vì chuyện nhỏ mà sinh tâm thù oán. Đó là pháp thứ nhất khiến được tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc hăng nghe lời can gián của quần thần, không nghịch lời của họ. Đó là thành tựu pháp thứ hai thì được tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương thường ưa huệ thí, cùng chung vui với dân. Đó pháp thứ ba khiến cho tồn tại lâu dài.⁴²

“Lại nữa, quốc vương trung thu tài vật hợp pháp chứ không phải phi pháp. Đó là pháp thứ tư khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương kia không tham đắm sắc người khác, hăng tự thủ hộ với vợ của mình. Đó là thành tựu pháp thứ năm khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không uống rượu, tâm không hoang loạn. Đó là thành tựu pháp thứ sáu, khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không cười giỡn, mà hàng phục kẻ thù bên ngoài. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương vương y theo pháp mà trị hóa, không bao giờ bẻ cong. Đó là thành tựu pháp thứ tám, tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương cùng với quần thần hòa thân, không có tranh chấp. Đó là thành tựu pháp thứ chín, tồn tại lâu dài,

“Lại nữa, quốc vương không có bệnh hoạn, khí lực cường thịnh. Đó là pháp thứ mười, khiến tồn tại lâu dài.

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp này sẽ được tồn tại lâu dài, không có gì lo ngại.

“Chúng Tỳ kheo cũng vậy, nếu thành tựu mười pháp, chỉ trong khoảnh khắc như co duỗi liền được sinh lên trời. Những gì là mười?

“Ở đây, Tỳ kheo thọ trì giới cấm, giới đức đầy đủ, không phạm chánh pháp. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp hứ nhất này khi thân hoại mạng chung sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

⁴² Để bản nhảy sót.

Lại nữa, Tỳ kheo có tâm cung kính đối với Như Lai. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ hai, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo thuận tùng giáo pháp, không một điều vi phạm. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ ba, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo [778b] cung phụng Thánh chúng, không có tâm biếng nhác. Đó là thành tựu pháp thứ tư, được sinh lên trời.

“Lại nữa, Tỳ kheo thiếu dục, tri túc, không say đắm lợi dưỡng. Đó là Tỳ kheo có pháp thứ năm, được sinh lên trời.

“Lại nữa, Tỳ kheo không làm theo tự ý mà hằng tùy thuận giới pháp. Đó là thành tựu pháp thứ sáu, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo không mê đắm công việc bận rộn, thường ưa tọa thiền. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, được sinh lên trời.

“Lại nữa, Tỳ kheo ưa chỗ nhàn tĩnh, không ưa sống giữa nhân gian. Đó là thành tựu pháp thứ tám, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo không tùng sự theo ác tri thức, mà thường tùng sự theo thiện tri thức. Đó là thành tựu pháp thứ chín, được sanh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo thường tu phạm hạnh, xa lìa ác pháp, nghe nhiều, học nghĩa, không để mất thứ tự. Như vậy Tỳ kheo thành tựu mười pháp, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

“Đó là, mười phi pháp hành khiến vào địa ngục, hãy nên bỏ tránh xa. Mười chánh pháp hành, hãy nên cùng vâng tu tập.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁴³

Tôi nghe như vậy:

⁴³ Pali, A.X. 27. Mahāpañhā 1 (R.v. 48)

Một thời, Phật ở tại thành La-duyệt, trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ, số đông Tỳ kheo, khi đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khát thực. Khi ấy, số đông Tỳ kheo nghĩ như vậy: “Chúng ta vào thành khát thực, nhưng còn quá sớm. Chúng ta hãy đến chỗ ngoại đạo dị học để cùng luận nghị.” Rồi chúng Tỳ kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học.

Khi các ngoại đạo thấy các sa-môn đến, bảo nhau rằng: “Các bạn hãy giữ im lặng, chớ nói lớn tiếng. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến đây. Pháp của sa-môn ca ngợi những người im lặng. Chớ để họ biết chánh pháp của chúng ta loạn hay không loạn.”

Bấy giờ, số đông các Tỳ kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học, sau khi chào hỏi nhau, ngồi xuống một bên. Khi ấy, các ngoại đạo hỏi các Tỳ kheo:

“Sa-môn Cù-đàm của các ông dạy các đệ tử bằng diệu pháp này, rằng ‘Này các Tỳ kheo, hãy thấu suốt hết thảy các pháp, và hãy tự mình an trú.’⁴⁴ Phải vậy chăng? Chúng tôi cũng dạy [778c] các đệ tử diệu pháp này để tự an trú. Những điều tôi nói có gì khác với các ông, có gì sai biệt? Thuyết pháp, giáo giới cùng như nhau, không có gì khác.”

Số đông các Tỳ kheo, sau khi nghe những điều ngoại đạo nói, không khen hay, cũng không chê dỡ, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy mà bỏ đi.

Sau đó, các Tỳ kheo bảo nhau: “Chúng ta hãy đem nghĩa lý này đến bạch Thế Tôn. Nếu Như Lai có dạy điều gì, chúng ta sẽ ghi nhớ mà phụng hành.”

Rồi số đông các Tỳ kheo, sau khi vào thành La-duyệt khát thực, trở về trong phòng, cất y bát, đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy

⁴⁴ Pali: *sabbam dhammam abhijānātha, sabbam dhammam abhiññāya viharathā'ti*, các người hãy chứng tri tất cả pháp. Sau khi chứng tri tất cả pháp, các người hay an trú.

dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy số đông các Tỳ kheo đem duyên sự trước đó kể hết với Như Lai.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Sau khi các ngoại đạo dị học kia hỏi nghĩa này, các người hãy trả lời bằng những lời này: luận một điều, nghĩa một điều, diễn một điều; cho đến, luận mười, nghĩa mười, diễn mười.⁴⁵ Khi nói lời này có ý nghĩa gì, các người mang lời này đến hỏi, những người kia sẽ không thể trả lời. Các ngoại đạo do thế càng tăng thêm ngu hoặc. Vì sao vậy? Vì không phải là cảnh giới của họ. Cho nên, Tỳ kheo, Ta không thấy có Trời, Người, Ma hoặc Ma thiên, Đế Thích, Phạm thiên vương, mà có thể trả lời được điều đó, trừ Như Lai và đệ tử của Như Lai nghe từ Ta nói, điều này không luận đến.

“Luận một, nghĩa một, diễn một; Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Hết thấy chúng sinh do thức ăn mà tồn tại; không thức ăn thì chết. Tỳ kheo đối với pháp ấy mà bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ;⁴⁶ đồng một nghĩa, không hai’⁴⁷ điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Nghĩa một, luận một, diễn một, cho đến luận mười, nghĩa mười, diễn mười;⁴⁸ Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Danh và sắc. Danh là gì? Thọ*, tưởng, niệm, xúc*, tư

⁴⁵ Pali: *eko, āvuso, pañho eko uddeso ekaṃ veyyākaraṇaṃ, dve pañhā dve uddesā dve veyyākaraṇāni, ... dasa pañhā dasuddesā dasa veyyākaraṇānī’ti*, một câu hỏi, một tuyên bố, một trả lời, cho đến, mười...

⁴⁶ Pali: *sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamāno sammā pariyantadassāvī sammadatthaṃ abhisamecca diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hoti*, chân chánh yếm ly, chân chánh ly tham, chân chánh giải thoát, chân chánh quán sát biên tế, chân chánh hiện quán nghĩa lý, ngay trong đời này mà chấm dứt biên tế khổ.

⁴⁷ Đề bản và Tổng nháy sót. Nguyên, Minh bỏ khuyết: *nhất luận nhất nghĩa nhất diễn*, một luận, một nghĩa, một diễn (điều mà Ta đã nói...)

⁴⁸ Có thể đề bản chép nhầm. Nguyên Minh: “luận hai, nghĩa hai, diễn hai.”

duy; đó là danh. Cái kia sao gọi là sắc? Bốn đại, và sắc do bốn đại tạo; đó gọi là sắc, do duyên bởi căn bản này mà nói là sắc. Luận hai, nghĩa hai, diễn hai, do bởi nhân duyên này mà Ta nói đến. Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ.

“Luận ba, nghĩa ba, diễn ba; do đâu mà nói [779a] nghĩa này? Do ba thọ* Những gì là ba? Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Vì sao được nói là lạc thọ? Trong tâm có ý tưởng lạc, cũng không phân tán; đó gọi là lạc thọ. Vì sao được nói là khổ thọ? Trong tâm mê loạn không định tĩnh chuyên nhất, tư duy với nhiều ý tưởng khác nhau; đó gọi là khổ thọ.⁴⁹ Thế nào là cảm thọ không khổ không lạc? Ý tưởng không khổ không lạc trong tâm, lại không phải là chuyên nhất định tĩnh, cũng không phải loạn tưởng, cũng không tư duy pháp và phi pháp, hằng tự tịch mặc, tâm không có ghi nhận gì; đó gọi là cảm thọ không khổ không lạc. Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Luận ba, nghĩa ba, diễn ba, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bốn đế.⁵⁰ Những gì là bốn? Thánh đế Khổ, Tập, Tận, Đạo. Vì sao được gọi là Thánh đế Khổ? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo, buồn, não khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ân ái biệt ly khổ, ước muốn không được khổ.⁵¹ Vì sao được gọi là Thánh đế Tập? Căn bản ái cùng với dục tương ưng.⁵² Vì sao được gọi

⁴⁹ Định nghĩa không thấy trong Pali.

⁵⁰ Pali: bốn loại thức ăn (*catūsu āhāresu*)

⁵¹ Nguyen-Minh thêm: “Tóm tắt, năm thanh ẩm khổ. Đó gọi là Thánh đế Khổ.”

⁵² Hán: 愛本與欲相應. Chính xác nên hiểu là “khái ái đương lai câu hữu với hỷ tham (Pali: *taṇhā ponobhavikā nandirāgasahagatā*, nhưng bản Hán có lẽ hiểu *ponobhavika*, đương lai hữu, là *pubbabhavika*?)

là Thánh đế Khổ tận? Ái kia vĩnh viễn đoạn tận không còn tàn dư cũng không tái sinh khởi; đó gọi là Khổ tận đế. Vì sao được gọi là Thánh đế Khổ xuất yếu? Đó là tám phẩm đạo của Hiền Thánh: chánh kiến, chánh tri, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh tam-muội; đó là đạo có tám phẩm. Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận năm, nghĩa năm, diễn năm; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là năm căn.⁵³ Những gì là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn huệ. Thế nào là căn tín? Hiền Thánh đệ tử tin đạo pháp của Như Lai, rằng Như Lai là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Đó gọi là căn tín. Thế nào là căn tinh tấn? Thân, tâm, ý tinh cần không mệt mỏi; diệt [779b] pháp bất thiện, tăng ích pháp thiện, hằng chấp trì tâm; đó là căn tinh tấn. Thế nào là căn niệm? Tụng tập không quên, hằng giữ trong tâm, ghi nhớ không thất lạc, pháp hữu vi vô lậu không bao giờ bị mất; đó là căn niệm. Thế nào là căn định? Trong tâm không động loạn, không có các tướng sai biệt, hằng chuyên tinh nhất ý; đó là căn tam-muội. Thế nào là căn trí tuệ? Biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo; đó là căn trí tuệ. Đó là năm căn. Tỳ kheo ở trong đó mà bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận năm, nghĩa năm, diễn năm, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là sáu trọng pháp.⁵⁴ Sáu ấy là gì? Ở đây, Tỳ kheo thường xuyên hành từ tâm bởi thân, hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc ở trong phòng,

⁵³ Pali: năm thủ uẩn (*pañcasu upādānakkhandhesu*).

⁵⁴ Sáu pháp tôn trọng, xem kinh số 1 phẩm 37. Pali: sáu nội xứ (*chasa ajjhattikesu āyatanesu*).

tâm thường như một,⁵⁵ đáng tôn, đáng quý, đưa đến hòa hiệp. Đây là pháp tôn trọng thứ nhất của Tỳ kheo. Lại nữa, hành từ tâm nơi miệng, không khởi ganh tị oán ghét, đáng kính, đáng quý; đó là pháp tôn trọng thứ hai. Lại nữa, nếu được lợi dưỡng đúng pháp, cho đến còn dư trong bình bát, đều đem chia cho các bạn đồng phạm hạnh, tâm bình đẳng mà cho; đó là pháp tôn trọng thứ tư, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, phụng trì cấm giới không có điều rơi rớt, giới mà bậc hiền trí quý trọng; đó là pháp tôn trọng thứ năm, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, chánh kiến mà Hiền Thánh được xuất yếu, đến chỗ chấm dứt khổ tế, ý không tạp loạn, cùng tu hành với các đồng phạm hạnh pháp ấy; đó là pháp tôn trọng thứ sáu, đáng kính, đáng quý. Bảy giờ Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận sáu, nghĩa sáu, điển sáu, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận bảy, nghĩa bảy, điển bảy; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bảy y chỉ xứ của thân thức.⁵⁶ Bảy ấy là gì? Hoặc có chúng sinh có nhiều tướng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời⁵⁷ và người. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tướng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh.⁵⁸ Hoặc có chúng sinh một tướng, một thân; đó là trời Quang âm. [779c] Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tướng sai biệt; đó là trời Biến tịnh. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Vô sở hữu xứ. Hoặc có chúng sinh phi tướng phi phi tướng vô lượng; đó là trời Phi tướng phi phi tướng.⁵⁹ Đó là bảy y chỉ xứ của thân

⁵⁵ Đây hiểu là tâm thường hòa hiệp như một với các bạn đồng tu.

⁵⁶ Pali: *sattasu viññāṇaṭṭhitīsu*, bảy thức trú.

⁵⁷ Chính xác: một bộ phận của chư thiên.

⁵⁸ Chính xác: xuất hiện vào thời kiếp sơ.

⁵⁹ Hán dịch dư trú xứ thứ tám. Trú xứ của thức chỉ đến Vô sở hữu xứ thiên. Xem *Tập dị 17*, mục bảy pháp.

(thức). Ở đó, Tỳ kheo bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận tám, nghĩa tám, diễn tám; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là tám pháp thế gian,⁶⁰ tùy theo đời mà xoay chuyển. Tám ấy là gì? Đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.⁶¹ Đó là tám pháp thế gian, tùy theo đời mà xoay chuyển. Tỳ kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận tám, nghĩa tám, diễn tám, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận chín, nghĩa chín, diễn chín; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là chín cư xứ của chúng sinh.⁶² Những gì là chín? Hoặc có chúng sinh có nhiều tướng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời và người. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tướng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh. Hoặc có chúng sinh một tướng, một thân; đó là trời Quang âm. Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tướng sai biệt; đó là trời Biến tịnh. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Vô sở hữu xứ. Hoặc có chúng sinh phi tướng phi phi tướng vô lượng; đó là trời Phi tướng phi phi tướng. Vô tướng chúng sinh và các loài thọ sanh khác, đó là chín y chỉ xứ của thần (thức). Tỳ kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận chín, nghĩa chín, diễn chín, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận mười, nghĩa mười, diễn mười; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là mười niệm.⁶³ Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm chỉ

⁶⁰ Pali: *aṭṭhasu lokadhammesu*.

⁶¹ Nguyên hán: lợi suy hủy dự xung ky khổ lạc 利衰毀譽稱譏苦樂.

⁶² Pali: *navasu sattāvāsesu*, chín hữu tình cư.

⁶³ Pali: *dasasu akusalesu kammāpathesu*, mười nghiệp đạo bất thiện.

tức, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Tỳ kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luân mười, nghĩa mười, diển mười, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Như vậy, Tỳ kheo, từ một cho đến mười.

[780a] “Tỳ kheo, nên biết, nếu ngoại đạo dị học mà nghe những lời này, còn chưa dám nhìn kỹ vào sắc mặt, hướng nữa là trả lời. Tỳ kheo nào hiểu rõ được nghĩa này, ở ngay trong hiện pháp, là người tối tôn đệ nhất.

“Lại nữa, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni nào tư duy nghĩa này, cho đến mười năm, nhất định thành tựu hai quả: hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm.

“Tỳ kheo, hãy bỏ qua mười năm; nếu trong một năm mà tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, trọn không nửa chừng thoái thất.

“Tỳ kheo, hãy bỏ qua một năm. Trong chúng bốn bộ, trong mười tháng, cho đến một tháng, ai tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, cũng không nửa chừng thoái thất.

“Vả, hãy bỏ qua một tháng. Ai trong chúng bốn bộ bảy ngày tư duy nghĩa này ắt thành tựu hai quả, quyết không nghi ngờ.

Khi ấy A-nan ở sau Thế Tôn cầm quạt quạt Phật. Bấy giờ A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, pháp này cực kỳ sâu thẳm. Ở địa phương nào có pháp này, nên biết ở đó gặp được Như Lai. Kính bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Kinh này có tên là Nghĩa của pháp Mười. Hãy ghi nhớ phụng hành.”

Bấy giờ A-nan và các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Những ai tu hành mười tướng, sẽ diệt tận các lậu, đạt được thần thông, tự thân tác chứng, dần dần đạt đến Niết-bàn. Những gì là mười? Tướng xương trắng, tướng bầm tím, tướng sinh chướng, tướng ăn không tiêu,⁶⁵ tướng huyết, tướng nhai cắn,⁶⁶ tướng thường vô thường, tướng tham thực, tướng sự chết, tướng tất cả thế gian không có gì lạc.⁶⁷ Đó là mười tướng mà Tỳ kheo tu tập sẽ diệt tận các lậu, đạt đến Niết-bàn giới.

“Lại nữa, Tỳ kheo, trong mười tướng này, tướng tất cả thế gian không có gì đáng ham thích thích là tối đệ nhất. Vì sao vậy? Người tu hành về sự không có gì đáng ham thích, và người thọ trì, tín phụng pháp; hai hạng người này tất vượt bậc mà thủ chứng. Cho nên, Tỳ kheo, hãy ngồi dưới gốc cây, nơi chỗ vắng vẻ, giữa trời trống, tư duy mười tướng này.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

⁶⁴ Pali, A.X. 56-57. Saññā (R.v. 105).

⁶⁵ Chỉ tử thi mà chim, thú ăn chưa hết.

⁶⁶ Chie tử thi bị chim thú ăn.

⁶⁷ Chín tướng đầu thuộc sáu đề mục trong 9 đề mục quán tử thi. Pali: *asubhasaññā* (bất tịnh uởng), *marāṇasaññā* (tử tướng), *āhāre paṭikūlasaññā* (yếm nghịch thực tướng, ghê tởm thức ăn), *sabbaloke anabhiratasaññā* (thế gian bất khả lạc tướng), *aniccasaññā* (vô thường tướng), *anicce dukkhasaññā* (vô thường tức khổ tướng), *dukkhe anattasaññā* (khổ tức vô ngã tướng), *pahānasaññā* (đoạn tướng), *virāgasaññā* (ly tham tướng), *nirodhasaññā* (diệt tận tướng). Cf. *Tỳ-bà-sa 166* (tr. 836c23): vô thường tướng, vô thường khổ tướng, khổ vô ngã tướng, tử tướng, bất tịnh tướng, yếm thức tướng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, đoạn tướng, ly tướng, diệt tướng.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ có một Tỳ kheo đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, [780b] rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Tỳ kheo này bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai hôm nay dạy các Tỳ kheo pháp mười tướng. Những ai tu hành có thể đoạn trừ các lậu, thành hạnh vô lậu. Thế Tôn, như con thì không có khả năng hành các tướng này. Sở dĩ vì dục tâm của con quá nhiều, thân ý hừng hực không thể yên nghỉ.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với Tỳ kheo ấy:

“Người hãy xả bỏ tướng về tịnh⁶⁸ mà tư duy tướng về bất tịnh; xả tướng về thường mà tư duy tướng về vô thường; xả hữu ngã tướng mà tư duy vô ngã tướng, xả khả lạc tướng mà tư duy bất khả lạc tướng,. Vì sao vậy? Nếu Tỳ kheo tư duy tịnh tướng, dục tâm liền hừng hực; nếu tư duy bất tịnh tướng, sẽ không có dục tâm.

“Tỳ kheo, nên biết, dục là bất tịnh, như đồng phân kia; dục như con sáo bắt chước giọng nói; dục không có đáp trả, lại như rắn độc kia; dục như ảo thuật, như tuyết tan dưới nắng. Hãy niệm xả bỏ dục như vất bỏ trong bãi tha ma. Dục trở lại hại mình như rắn chứa chất độc. Dục không biết chán như khát mà uống nước mặn. Dục khó được thỏa mãn như biển nuốt sông. Dục có nhiều tai họa như xóm la-sát. Dục như kẻ thù hãy nên tránh xa. Dục như một chút mật ngọt dính trên lưỡi dao. Dục không đáng yêu như xương trắng trên đường. Dục hiện ngoại hình

⁶⁸ Tịnh tướng, xem thân, (và mọi vật), đều là sạch sẽ, đẹp đẽ, đáng ham thích.

nhu hoa mọc trong nhà xí. Dục không chân thật như bình vẽ kia bên trong chứa đồ hôi thối, bên ngoài trông đẹp đẽ. Dục không bền chắc như đồng bột nước. Cho nên, Tỳ kheo, hãy niệm tưởng tránh xa tưởng tham dục. Tỳ kheo, nay người hãy nhớ, xưa người đã phụng hành mười tưởng nơi Phật Ca-diếp. Hôm nay hãy lặp lại tư duy mười tưởng, tâm giải thoát khỏi hữu lậu.”

Lúc bấy giờ Tỳ kheo ấy buồn rầu rơi lệ không cầm được, tức thì cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch Thế Tôn:

“Vâng, bạch Thế Tôn. Con chất chứa mê hoặc đã lâu. Như Lai tự thân thuyết mười tưởng, con mới có thể xa lìa dục. Nay con xin sám hối, về sau không còn tái phạm. Cúi xin Như Lai chấp nhận sự sám hối lỗi lầm nghiêm trọng này; lượng thứ cho điều mà con bất cập.”

Phật bảo tỳ kheo:

“Ta nhận sự sửa lỗi của ông. Hãy chớ tái phạm. Lại nữa, Như Lai đã dạy ông mười tưởng, mà ông không khứng phụng trì.”

Tỳ kheo kia sau khi nghe Thế Tôn giáo giới, sống nơi chỗ nhàn tĩnh, tự mình khắc kỷ tư duy, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, ấy là muốn đạt thành sở nguyện, như thật biết, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, [780c] không còn tái thọ thai nữa. Bấy giờ Tỳ kheo thành A-la-hán.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt

*Kết cầm, Hiền Thánh cư,
Hai lục, và Mười niệm,
Thân quốc, không quái ngại,
Mười luân tưởng, quán vắng.*⁶⁹

⁶⁹ Bản hán, hết quyển 42.

PHẨM 47: THIỆN ÁC

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh nào phụng hành mười pháp, sẽ sinh lên trời. Lại hành mười pháp sẽ sinh vào nẻo dữ. Lại hành mười pháp, nhập Niết-bàn giới.

“Tu hành mười pháp gì mà sinh vào nẻo dữ? Ở đây, có người sát sanh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, ý ngữ, ác khẩu, hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, tật đố, sân hận, [781a] khơi dậy tà kiến. Đó là mười pháp. Chúng sanh nào hành mười pháp này sẽ vào trong nẻo dữ.

“Tu hành mười pháp gì được sinh lên trời? Ở đây, có người không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dật, không nói dối, không ý ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, không sân hận, không khơi dậy tà kiến. Nếu ai hành mười pháp này sẽ được sinh lên trời.

“Tu hành mười pháp gì đến được Niết-bàn? Đó là mười niệm. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, niệm Thiên, niệm giới, niệm thí, niệm chỉ tức, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Đó là tu hành mười pháp thì đạt được Niết-bàn.

“Tỳ kheo, nên biết, hãy niệm xả ly mười pháp sinh lên trời và sinh vào nẻo dữ. hãy niệm tưởng mười pháp khiến đạt đến Niết-bàn.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Do gốc rễ mùi ác mà ngoại vật còn suy hao, huống nữa nội pháp. Những gì là mùi? Đó là, người sát sanh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, ý ngữ, ác khẩu, hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, tật đố, sân hận, khơi dậy tà kiến. Do quả báo của sát sanh, thọ mạng của chúng sanh rất vắn. Do sự lấy của không được cho, chúng sanh sanh vào chỗ nghèo hèn. Do quả báo dâm dật, cửa nhà chúng sanh không được trinh trắng. Do nói dối, miệng của chúng sanh có mùi hôi thối, không được sạch thơm. Do ý ngữ, đất đai không được bằng phẳng. Do quả báo hai lưỡi, đất mọc gai chông. Do quả báo ác khẩu, có nhiều ngôn ngữ khác nhau. Do tật đố, thóc lúa không dồi dào. Do quả báo sân hận, có nhiều vật uế ác. Do quả báo tà kiến, tự nhiên sanh tám địa ngục. Nhân bởi mùi ác báo này khiến các ngoại vật cũng suy hao, huống nữa vật nội thân.

“Đó là, Tỳ kheo, hãy niệm tránh xa mùi pháp ác, tu hành mùi pháp thiện.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Nhu Lai có nói lời này chẳng, ‘Bố thí cho Ta thì được phước nhiều; cho người khác thì được phước ít. Hãy bố thí cho đệ tử, chớ bố thí cho người khác.’? Giả sử có ai nói điều này, người ấy không hủy báng pháp của Như Lai chẳng?”

Phật nói với Vua:

“Ta không nói điều này, [781b] ‘Chỉ nên bố thí cho một mình Ta, đừng bố thí cho người khác.’ ‘Đại vương, nên biết, Ta thường nói điều này, ‘Thức ăn dư trong bát của Tỳ kheo, đổ vào trong nước cho nhuyễn trùng ăn còn được phước, huống nữa bố thí cho người mà không được phước sao? Tuy nhiên, Đại vương, Ta có nói điều này, ‘Bố thí cho người trì giới được phước nhiều hơn cho người phạm giới.’”

Ba-tư-nặc ở trước Phật bạch rằng:

“Kính vâng, Thế Tôn. Bố thí cho người trì giới phước nhiều gấp bội hơn cho người phạm giới.”

Vua lại bạch Phật:

“Ni-kiền Tử đến nói với con rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm là người biết huyền thật, có thể xoay chuyển người đời.’ Điều này đúng chẳng? Sai chẳng?”

Phật nói:

“Đúng vậy, Đại vương, như điều vừa nói. Ta có pháp huyền có thể xoay chuyển người đời.”

Vua bạch Phật:

“Cái gì gọi là pháp huyền có thể xoay chuyển?”

Phật nói:

“Người sát sanh, tội ấy khó lường. Người không sát sanh, thọ phước vô lượng. Người lấy của không cho, mắc tội vô lượng. Người không trộm cướp được phước vô lượng. Người dâm dật thọ tội vô lượng. Người không dâm dật thọ phước vô lượng. Người tà kiến thọ tội vô lượng, Người chánh kiến thọ phước vô

lượng. Pháp huyền thuật của Ta chính xác được hiểu là như vậy.”

Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Thế gian này bao gồm loài người, Ma hoặc Ma thiên, cùng các loài hữu hình nếu hiểu sâu sắc pháp huyền thật này sẽ được đại hạnh. Từ nay về sau, con không cho phép ngoại đạo dị học vào trong quốc giới của con. Cho phép chúng bốn bộ thường xuyên ở trong cung của con, và thường được cúng dường tùy theo nhu cầu.”

Phật nói:

“Đại vương, chớ nói như vậy. Vì sao? Bồ thí cho các loài súc sanh còn được phước; thậm chí bồ thí cho người phạm giới còn được phước. Bồ thí cho người trì giới, phước đức khó ước lượng. Bồ thí Tiên nhân ngoại đạo được một ức phước. Bồ thí cho Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật, phước ấy khó lường. Cho nên, Đại vương, hãy khơi dậy tâm cúng dường đệ tử Thanh văn của chư Phật trong tương lai, và quá khứ. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ Vua ba-tư-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo sau bữa ăn đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng [781c] bàn luận các đề tài này: luận về y áo, phục sức, ăn uống; luận về lân quốc, giặc cướp, chiến tranh; luận về uống rượu, dâm dật, năm thứ nhạc; luận về vũ, hí kịch, kỹ nhạc. Những luận bàn không thiết yếu như vậy không kể xiết.

¹ Pali, A. X. 69 Kathāvatthu 1 (R. v. 128).

Khi ấy, Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe các Tỳ kheo đang thảo luận như vậy, liền đi đến giảng đường Phổ hội, hỏi các Tỳ kheo:

“Các người tụ tập tại đây muốn bàn luận điều gì?”

Các Tỳ kheo bạch Thế Tôn:

“Chúng con cùng bàn luận những vấn đề không thiết yếu như vậy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Thôi, thôi, Tỳ kheo! Chớ có bàn luận như vậy. Vì sao? Những bàn luận ấy phi nghĩa,² cũng không dẫn đến pháp thiện. Không do bàn luận này mà được tu hành, không đạt đến chỗ Niết-bàn diệt tận, không được đạo bình đẳng của sa-môn. Đó là những luận bàn thế tục, không phải là luận bàn chân chánh hướng đến. Các người đã bỏ tục học đạo, không nên tư duy các đề tài dẫn đến bại hoại như vậy. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận bàn mười sự công đức.

“Những gì là mười? Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu.³ Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thấm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn.

“Các người, các thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, hãy tư duy mười sự này. Luận như vậy là luận chánh pháp, bỏ xa neo dũ. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

² Phi nghĩa, được hiểu là không liên hệ mục đích cứu cánh.

³ Pali: *dasayimāni kathāvatthūni* (mười luận sự): *appiccha* (thiếu dục), *santuṭṭhi* (tri túc), *paviveka* (viễn ly), *asaṃsagga* (không quân tụ), *vīryārambha* (tinh tấn), *sīla* (giới), *samāधि* (định), *paññā* (huệ), *vimutti* (giải thoát), *vimuttiñānadassana* (giải thoát tri kiến).

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vậy:

“Nay gạo thóc trong thành Xá-vệ khan hiếm, giá cả tăng vọt, xin ăn khó được. Vả, Thế Tôn có nói, nương nhờ ăn uống mà thân người được tồn tại. Bốn đại y tựa nơi pháp được niệm tưởng bởi tâm. Pháp y tựa trên gốc rễ dẫn đến nẻo lành. Hôm nay chúng ta nên phân chia người theo thứ tự đi khát thực, khiến cho người khát thực được thấy có sắc da tươi đẹp, xúc cảm êm dịu, được y phục, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, há không phải tốt đẹp [782a] sao?”

Khi ấy, bằng thiên nhĩ thanh tịnh không chút tí vết, Thế Tôn từ xa nghe các Tỳ kheo cùng nhau bàn luận như vậy, tức thì đến giảng đường Phổ hội, ngồi xuống giữa đại chúng. Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các người tụ tập tại đây, đang bàn luận vấn đề gì?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Chúng con bàn luận rằng, nay trong thành Xá-vệ, xin ăn khó được. Chúng con muốn phân chia từng người theo thứ tự đi khát thực, để cho tùy lúc được thấy có sắc da tươi đẹp, được y phục, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Điều mà chúng con bàn luận là như vậy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Tỳ kheo khát thực bốn sự cúng dường là y áo, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, lại còn cần dùng đến sắc, thanh, hương, vị, xúc chạm trơn láng nữa hay sao? Ta

hằng răn dạy rằng, khát thực có hai sự là đáng thân cận và không đáng thân cận. Giả sử được áo chăn, cơm nước, ngựa cù, thuốc men trị bệnh, mà pháp ác tăng trưởng, pháp thiện không tăng trưởng, điều đó không nên thân cận. Nếu xin được y áo, cơm nước, giường chõng và ngựa cù, thuốc men trị bệnh, mà pháp thiện tăng ích, pháp ác không tăng ích, điều đó nên thân cận.

“Tỳ kheo các người, ở trong pháp này muốn luận bàn điều gì? Những điều các người luận bàn không phải là luận bàn hợp chánh pháp. Hãy xả bỏ pháp ấy, chớ tư duy thêm nữa. Vì không do đó mà đạt đến chỗ tĩnh chỉ, đến Niết-bàn diệt tận. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận bàn mười pháp. Những gì là mười?⁴ Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, nghe nhiều lại có thể nói pháp cho người, không sợ hãi không do dự, giới luật đầy đủ, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến huệ thành tựu. Nếu các người muốn bàn luận, hãy bàn luận mười đề tài này. Vì sao vậy? Chúng thắm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, Niết-bàn giới. Các đề tài này là đích nghĩa của sa-môn, các người hãy nhớ nghĩ tư duy, chớ để tâm rời xa. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vậy:

⁴ Xem kinh số 4 trên, cht. 3.

“Nay trong thành Xá-vệ khát thực khó được, không phải là nơi chốn an ổn cho Tỳ kheo. Chúng ta hãy cử một người theo thứ tự đi khát thực. Tỳ kheo khát thực này có thể [783b] kiếm được các thứ y áo, cơm nước, giường chõng và thuốc men trị bệnh, không thiếu thốn thứ gì.”

Khi ấy trong chúng có một Tỳ kheo thưa với các vị khác rằng:

“Chúng ta không có khả năng khát thực ở đây. Ai nấy hãy đi đến nước Ma-kiệt-đà, mà xin ăn ở đó. Và, ở đó thóc gạo dồi dào, giá rẻ, đồ ẩm thực dư dả.”

Lại có Tỳ kheo khác nói:

“Chúng ta không nên khát thực ở nước đó. Vì sao vậy? A-xà-thế đang cai trị ở đó. Ông hành động phi pháp, lại giết cha, cùng kết bạn với Đề-bà-đạt-đâu. Do nhân duyên ấy, chúng ta không nên khát thực ở đó.”

Lại có Tỳ kheo khác nói:

“Hiện nay, ở quốc thổ Câu-lưu-sa,⁵ nhân dân đông đúc trù phú, nhiều của cải, bảo vật. ta nên đến đó khát thực.”

Lại có Tỳ kheo khác nói:

“Không nên đến khát thực ở đó. Vì sao? Vua Ác Sanh⁶ đang cai trị ở đó, cực kỳ hung bạo, không có chút nhân từ. Nhân dân ở đó hung dữ, hay đấu tranh kiện tụng. Do nhân duyên này, không nên đến đó khát thực.”

Lại có Tỳ kheo nói:

⁵ Câu-lưu-sa 拘留沙. Không tìm thấy Pali tương đương. *Phiên Phạn ngữ* 8 (tr. 1034c18): Câu-lưu-sa, dịch là Uế Trược 穢濁 (Karuṣa?), cũng dịch là Tác Sự 作事. Đoạn sau, kinh 4 phẩm 49: Phật tại thành Câu-lưu-sa pháp hành, tương đương Pali: Kammāsadhamma (Kammāsadamma), một thị trấn của nước Kuru.

⁶ Kinh 5 phẩm 36: vua Ác Sanh cai trị Nhân dân Ngũ đô.

Chúng ta nên đến thành Câu-thâm Bà-la-nại,⁷ nơi đó vua Ưu-điền đang cai trị. Vua nhiệt thành tin Phật pháp, tâm ý không lay động. Chúng ta nên đến đó khát thực, sẽ không trái với điều mong ước.”

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, Thế Tôn nghe các Tỳ kheo đang bàn luận như vậy, tức thì nghiêm chỉnh y phục, đi đến chỗ các Tỳ kheo, ngồi xuống giữa đại chúng, hỏi các Tỳ kheo:

“Các người tụ tập tại đây đang bàn luận điều gì?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Chúng con tụ tập tại đây, cùng nhau bàn luận rằng, ‘Nay trong thành Xá-vệ thóc cao gạo quý, khát thực khó được. Chúng ta ai nấy hãy đến nước Ma-kiệt-đà, mà xin ăn ở đó. Và, ở đó thóc gạo dồi dào, khát thực sẽ dễ được.’ Trong chúng có Tỳ kheo nói, ‘Chúng ta không nên khát thực ở nước đó. Vì sao vậy? A-xà-thế đang cai trị ở đó. Ông hành động phi pháp, lại giết cha, cùng kết bạn với Đề-bà-đạt-đâu. Do nhân duyên ấy, chúng ta không nên khát thực ở đó.’ Lại có Tỳ kheo khác nói, ‘Hiện nay, ở quốc thổ Câu-lưu-sa, nhân dân đông đúc trù phú, nhiều của cải, bảo vật. ta nên đến đó khát thực.’ Lại có Tỳ kheo khác nói, ‘Chúng ta không nên đến khát thực ở đó. Vì sao? Vua Ác Sanh đang cai trị ở đó, cực kỳ hung bạo, không có chút nhân từ, hay đấu tranh kiện tụng. Do nhân duyên này, [782c] không nên đến đó khát thực.’ Lại có Tỳ kheo nói, ‘Chúng ta nên đến thành Câu-thâm Bà-la-nại, nơi đó vua Ưu-điền đang cai trị. Vua nhiệt thành tin Phật pháp, tâm ý không lay động. Chúng ta nên đến đó khát thực, sẽ không trái với điều mong ước.’ Chúng con ở đây đang bàn luận những điều như vậy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

⁷ Câu-thâm 拘深, hay Câu-thiêm-di, Pali: Kosambī, thủ đô của vương quốc Vatsa (Vamsas), cai trị bởi vua Udena (Hán: Ưu-điền 優填). Thành Bà-la-nại 婆羅奈城, không rõ ở đâu trong vương quốc này.

“Các ông chớ có khen chê việc vua cai trị, quốc gia, bờ cõi; cũng chớ bàn luận sự hơn kém của các vua chúa.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Phàm người tạo thiện, ác,
Hành vi đều có nhân;
Sẽ thọ báo như vậy,
Không bao giờ hủy mất.*

*Phàm người tạo thiện, ác,
Hành vi đều có nhân.
Làm thiện, nhận báo thiện.
Làm ác, nhận báo ác.*

“Cho nên, Tỳ kheo, chớ móng tâm luận bàn quốc sự. Vì không do sự luận bàn này mà có thể đạt đến Niết-bàn diệt tận; cũng không phải là pháp chánh hành của sa-môn. Nếu luận những sự việc ấy, đó không phải là chánh nghiệp. Các người nên học mười đề tài luận. Những gì là mười? Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thắm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn.

“Các người, các thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, xa rời thế tục, hãy tinh cần tư duy, chớ để tâm rời xa. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vậy:

“Nay vua Ba-tư-nặc hành phi pháp, phạm luật giáo của Thánh. Tỳ kheo ni Sám⁸ đắc A-la-hán đạo, bị vua giữ trong cung suốt 12 năm, để cùng giao thông. Vua lại không phụng sự Phật Pháp, Tăng Tỳ kheo. Chúng ta nên rời xa, không nên ở lại đất nước này. Vì sao? Khi vua hành phi pháp, đại thân của vua cũng hành phi pháp. Đại thân đã hành phi pháp, thì quan lại phò tá tả hữu cũng hành phi pháp. Quan lại hành phi pháp, thứ dân cũng hành phi pháp. Vậy chúng ta đi đến nước khác khát thực, chớ ở lại nước này. Và lại, chúng ta có thể quan sát phong tục của nước đó. Do thấy phong tục ở đó mà có thể thấy được chỗ khác nhau.”

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, Thế Tôn nghe các Tỳ kheo đang bàn luận vấn đề này, liền đi đến chỗ các Tỳ kheo, ngồi xuống giữa đại chúng. Rồi Thế Tôn hỏi các Tỳ kheo:

“Các ông tụ tập tại đây đang bàn luận vấn đề gì?”

Các Tỳ kheo bạch Thế Tôn:

“Chúng con ở đây bàn luận rằng, vua Ba-tư-nặc hành phi pháp, phạm luật giáo của Thánh, giam giữ Tỳ kheo ni Sám trong cung suốt 12 năm, cốt để giao tiếp sắc. Và lại, bậc đắc đạo vượt ngoài ba cõi, mà vua lại không phụng sự Phật Pháp, Tăng Tỳ kheo; không có lòng chí tín đối với A-la-hán. Đã không tâm này thì cũng không có tâm kia đối với ngôi Tam tôn. Chúng ta nên rời xa, không nên ở lại đất nước này. Vì sao? Khi vua hành phi pháp, đại thân của vua cũng hành phi pháp; thần tá, nhân dân cũng hành ác. Và lại, chúng ta có thể quan sát phong hóa của nước khác.”

⁸ Sám tỳ kheo ni 識比丘尼, có thể đồng nhất Pali: Khemā Therī (Skt. Kṣemā), nhưng truyền thuyết trên đây không thấy kể trong văn học Pali. Câu chuyện tương tự trên được kể trong *Soạn tập bách duyên*, với tên phiên âm Sai-ma tỳ kheo ni 差摩比丘尼.

Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các người chớ luận bàn đề tài quốc giới. Hãy tự mình khắc kỷ tư duy, nội tỉnh, so sánh, phân biệt. Bàn luận những điều như vậy thì không hợp chánh lý. Nó cũng không khiến mọi người có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ Niết-bàn vô vi diệt tận. Hãy tự mình tu tập pháp hành xí nhiên,⁹ tự quy y tối tôn. Nếu Tỳ kheo có thể tự tu tập phát khởi pháp lạc cho mình, hạng người đó được sinh từ chính thân thể Ta.

“Tỳ kheo, làm thế nào để tự thấp sáng, phát khởi pháp lạc, không hư dối, tự quy y tối tôn? Ở đây, Tỳ kheo nội tự quán thân, ý an chỉ trên thân,¹⁰ tự thâm nhiếp tâm, trừ khử loạn tưởng, không có sầu ưu. Lại nữa, nội ngoại quán thân, thân niệm. Nội quán thọ, ngoại quán thọ, nội ngoại quán thọ; nội quán tâm, ngoại quán tâm, nội ngoại quán tâm; nội quán pháp, ngoại quán pháp, nội ngoại quán pháp. Tỳ kheo như vậy có thể tự mình thấp sáng, tu hành phát khởi pháp lạc, tự quy y tối tôn. Tỳ kheo nào trong hiện tại hay tương lai mà có thể tự thấp sáng, không thoái thất gốc rễ của hành, Tỳ kheo ấy được sinh từ chính Ta.

“Cho nên, Tỳ kheo, nếu muốn [783b] luận bàn, hãy luận bàn mười sự. Những gì là mười? Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thắm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, Niết-bàn giới.

⁹ Xí nhiên pháp hành 熾然法行, một cách dịch khác của ý nghĩa “Hãy là ngọn đèn cho mình (hòn đảo an toàn cho mình). Pháp là ngọn đèn (hòn đảo), là chỗ nương tựa.” Cf. *Trường 6*, kinh 6; Cf. *Tap* (Việt) kinh 36. Pali, S. iii. 42: *attadīpānaṃ, bhikkhave, viharataṃ attasaraṇānaṃ anañña-saraṇānaṃ, dhammadīpānaṃ dhammasaraṇānaṃ anaññasaraṇānaṃ yoni upaparikkhitabbā*.

¹⁰ Thân ý chỉ 身意止, tức Thân niệm xứ, cf. *Tap 24*, kinh 368.

Những luận bàn ấy là đích nghĩa của sa-môn. Các người hãy tinh cần tư duy, chớ để tâm rời xa. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một ông trưởng giả cúng cho La-hầu-la¹¹ một căn nhà để tọa thiền.¹² La-hầu-la nghỉ trong căn nhà ấy được vài ngày, rồi đi du hóa trong nhân gian. Khi ấy, ông trưởng giả chợt có ý nghĩ đến thăm La-hầu-la. Nhưng khi thấy trong căn nhà của La-hầu-la vắng vẻ, không có người ở, ông bèn nói với một Tỳ kheo khác:

“Tôn giả La-hầu-la nay đang ở đâu?”

Tỳ kheo đáp:

“La-hầu-la đi du hóa trong nhân gian.”

Trưởng giả nói:

“Cúi mong chư Hiền cất cử người đến ở trong căn nhà của tôi. Thế Tôn cũng có nói, tạo lập vườn cây ăn trái và làm cầu, đò, dựng nhà xí gần đường đi, rồi đem bố thí, sẽ được phước lâu dài, giới pháp thành tựu; sau khi chết tất được sinh lên trời. Vì lý do đó, tôi đã làm cho La-hầu-la một căn nhà. Nay La-hầu-la không thích nhà của tôi. Vậy cúi mong chư Hiền sai cử người đến ở trong căn nhà của tôi.”

Các Tỳ kheo đáp:

“Sẽ theo lời trưởng giả nói.”

¹¹ La-vân.

¹² Xem *Tứ phần 50* (tr. 943a19).

Bấy giờ các Tỳ kheo bèn cử một Tỳ kheo đến ở trong căn nhà đó.

Thời gian sau, La-hầu-la nghĩ rằng, “Ta xa Thế Tôn đã lâu, nay nên về thăm viếng.”

Rồi Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, và ngồi xuống một bên. Giây lát, bèn rời chỗ ngồi, trở về căn nhà cũ. Thấy có một Tỳ kheo khác ở trong đó, bèn hỏi:

“Ai đem nhà của tôi giao cho thầy ở vậy?”

Tỳ kheo đáp:

“Chúng Tăng sai cử tôi đến ở căn nhà này.”

La-hầu-la quay trở lại chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này [783c] thuật lại đầy đủ cho Thế Tôn, rồi hỏi:

“Thế Tôn, không rõ có phải chúng Tăng sai cử đạo nhân đến ở trong căn nhà của con hay không?”

Phật bảo La-hầu-la:

“Người hãy đi đến ông trưởng giả mà nói rằng, ‘Những gì tôi đã làm do bởi thân, miệng, ý có điều gì lỗi lầm chăng? Há không phải ba hành vi bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý, có lỗi lầm gì chăng? Sao Trưởng giả bố thí nhà cho tôi, rồi sau lại mang chúng cho Thánh chúng?’”

La-hầu-la vâng lời Phật dạy, đi đến ông trưởng giả, nói rằng:

“Há không phải ba hành vi bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý, có lỗi lầm gì chăng?”

Trưởng giả đáp:

“Tôi không thấy La-hầu-la có lỗi lầm gì do bởi thân, miệng, ý cả.”

La-hầu-la nói với trưởng giả:

“Vậy sao ông lấy lại phòng xá của tôi mà đem cho Thánh chúng?”

Trưởng giả đáp:

“Tôi thấy nhà trống cho nên đem cho Thánh chúng. Khi ấy tôi nghĩ rằng, Tôn giả La-hầu-la chắc không thích ở trong căn nhà của tôi, vì vậy tôi mang đi huệ thí.”

La-hầu-la sau khi nghe trương giả nói như vậy, bèn trở về chỗ Thế Tôn, thuật lại đầy đủ nhân duyên sự việc lên Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan, hãy mau đánh kiền-chùy; các Tỳ kheo trong tinh xá Kỳ-hoàn vân tập hết vào giảng đường Phổ hội. A-nan vâng lệnh Thế Tôn, triệu tập các Tỳ kheo vào giảng đường Phổ hội.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nay Ta sẽ nói về huệ thí thanh tịnh. Các ông hãy khéo suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ kheo vâng lời Phật lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Thế nào gọi là huệ thí thanh tịnh? Ở đây, Tỳ kheo, có người đã đem vật huệ thí, sau đó lấy lại đem cho người khác. Huệ thí ấy được nói là không đồng đều, không phải bình đẳng thí. Hoặc có người lấy của người khác đem huệ thí Thánh chúng. Lại có người đoạt của Thánh chúng đem thí cho người khác. Đấy đều là bố thí không bình đẳng, cũng không phải là huệ thí thanh tịnh.

“Nhu Chuyền luân Thánh vương được tự tại trong cảnh giới của mình; cũng vậy, Tỳ kheo được tự tại đối với y bát của mình. Nếu ai lấy của người khác, mà không có lời hứa khả của người đó, rồi đem cho người kia; đó không phải là bình đẳng thí. Nay, Ta bảo các Tỳ kheo, thí chủ muốn cho nhưng người nhận không muốn cho, đây không phải là bố thí bình đẳng.

“Hoặc gặp trường hợp Tỳ kheo mạng chung, nên đem một phòng xá ấy đến giữa chúng, tác yết-ma, truyền cáo xướng lên rằng, ‘Tỳ kheo kia mạng chung, nay đem phòng xá này ra giữa Tăng phân xử. Muốn giao lại cho ai ở, tùy theo lời dạy của Thánh chúng. Nay chư Hiền, nay [784a] trao cho Tỳ kheo mô

giáp trú ở đó, mong các vị hãy chấp thuận. Ai không chấp thuận hãy nói.’ Cần phải nói ba lần như vậy. Nếu trong chúng Tăng có một vị không chấp thuận mà đem cho, đó không phải là bình đẳng thí. Vật đó trở thành tạp uế. Nay hãy trả phòng xá lại cho La-hầu-la, hãy thanh tịnh thọ trì.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng 500 đại Tỳ kheo.

Bấy giờ Tôn giả Đại Quân-đầu¹³ ở một chỗ tịch tĩnh, khởi lên ý nghĩ này: “Làm thế nào để biết tri kiến về khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa?”

Khi đến giờ, Đại Quân-đầu khoác y cầm bát đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Quân-đầu bạch Thế Tôn rằng:

“Nay các tri kiến liên hệ khoảng trước, khoảng sau này, làm sao để diệt tri kiến này? Lại khiến các tri kiến khác không sanh?”

Thế Tôn nói:

“Ở đây, này Quân-đầu, nơi mà tri kiến ấy xuất hiện, và nơi mà tri kiến ấy diệt mất, thấy đều vô thường, khổ, không. Quân-đầu, biết điều đó rồi, hãy phát khởi tâm ý này. Phạm pháp tri kiến có 62 loại. Hãy an trú trên đất mười thiện để trừ khử tri kiến ấy. Những gì là mười? Ở đây, này Quân-đầu, người khác ưa sát sanh, còn ta sẽ không sát sanh; người khác ưa trộm cướp, ta không trộm cướp; người khác phạm phạm hạnh, ta hành phạm hạnh; người khác nói dối, ta không hành nói dối; người khác

¹³ Đại Quân-đầu 大均頭, tức Quân-đầu Sa-di, xem kinh 5, phẩm 48. Pali: Mahā-Cunda, tức Cunda-samanuddesa, em trai của ngài Xá-lợi-phất.

nói hai lưỡi gây đầu loạn đây kia, ý ngữ, ác khẩu, tật đó, sân hận, tà kiến, tà hành chánh kiến. Quân-đầu, nên biết, như từ con đường hiểm ác mà gặp được đường chánh, như từ tà kiến mà được đến chánh kiến, quay lưng với tà mà đi theo chánh. Cũng như người tự mình đang bị đấm mà muốn vớt người, không bao giờ có lý đó. Tự mình chưa diệt độ, mà muốn khiến người khác diệt độ, điều này không thể có. Như người không bị đấm mới có thể vớt người khác, lý này khả hữu. Ở đây cũng vậy, tự mình bát-niết-bàn, lại khiến người khác chứng diệt độ, lý này khả hữu. Cho nên, này Quân-đầu, hãy niệm tưởng xa lánh mà diệt độ không sát, xa lánh trộm cướp mà diệt độ không trộm cướp, xa lánh dâm dật mà diệt độ không dâm dật, xa lánh vọng ngữ mà diệt độ không vọng ngữ, xa lánh ý ngữ mà diệt độ không ý ngữ, xa lánh ác ngôn mà diệt độ không ác ngôn, xa lánh gây đầu loạn đây kia mà diệt độ không đầu loạn đây kia, xa lánh tật đó mà diệt độ không tật đó, xa lánh sân nhuế mà diệt độ không sân nhuế, [784b] xa lánh tà kiến mà được diệt độ chánh kiến.

“Quân-đầu, nên biết, phạm phu sanh tâm niệm này: ‘Có ngã chẳng? Không có ngã chẳng? Vừa ngã vừa vô ngã chẳng? Thế gian thường chẳng? Thế gian vô thường chẳng? Thế giới hữu biên chẳng? Thế giới vô biên chẳng? Mạng tức thân chẳng? Mạng khác thân khác chẳng? Như Lai có chết chẳng? Như Lai không chết chẳng? Có chết chẳng? Không có chết chẳng? Ai tạo ra thế gian này? Rồi sanh các tà kiến, rằng Phạm thiên tạo ra thế gian này chẳng? hay là Địa chủ tạo dựng thế gian này? Hoặc nói Phạm thiên tạo ra chúng sanh này, Địa chủ tạo ra thế giới này. Chúng sanh trước kia không có, nay có. Có rồi, sẽ diệt. Phạm phu do không học, không có tri kiến, nên sanh ra các niệm tưởng này.’”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Tự nhiên có Phạm thiên;
Phạm chí nói như vậy.
Kiến này không chân chánh,*

Như sở kiến của họ.

*Chúa ta sanh hoa sen;
Phạm thiên hiện trong đó.
Địa chủ sanh Phạm thiên.
Tự sanh, không hợp lý.*

*Địa chủ, dòng sát-lợi,
Cha mẹ của phạm chí.
Làm sao con sát-lợi,
Sanh trở lại phạm chí?*

*Đi tìm chỗ sở sanh,
Theo lời chư thiên nói.
Đó là lời khen ngợi,
Trở lại tự trời buộc.*

*Phạm thiên sanh loài người,
Địa chủ tạo thế gian.
Hoặc nói, cái khác tạo.
Điều này ai xét cho?*

*Mê hoặc bởi tham sân,
Ba sự cũng hợp tập;
Tâm không được tự tại,
Tự xưng ta hơn đời.*

*Chẳng Thần tạo thế gian,
Cũng chẳng Phạm thiên sanh.
Giả sử Phạm thiên tạo,
Đó không hư dối chăng?*

*Tìm dấu tích lại nhiều
Xét kỹ, biết hư ngôn.
Hành vi mỗi mỗi khác;
Hành ấy xét không thật.*

“Quân-đầu, nên biết, sở kiến của các loài chúng sanh thì không đồng, mà tâm niệm cũng mỗi khác. Các tri kiến ấy đều vô

thường. Ai ôm giữ tri kiến ấy, là pháp biến dịch, vô thường. Nếu người khác sát sanh, ta lia sát sanh. [784c] Nếu người khác trộm cắp, ta sẽ xa lia việc đó, không tập theo hành vi đó, mà chuyên tâm nhất ý không để thác loạn, tư duy trừ lượng xem tà kiến khởi lên từ đâu, cho đến mười pháp ác thấy đều lia bỏ, không tập theo các hành vi ấy. Nếu người khác sân nhuế, chúng ta học nơi nhẫn nhục. Người khác ôm lòng tật đó, ta nên xả ly. Người khác kiêu mạn, ta nghĩ đến xả ly. Người khác khen mình chê người, ta không khen mình chê người. Người khác không thiếu dục, ta nên học thiếu dục. Người khác phá giới, ta tu tập giới. Người khác giải đãi, ta hãy tinh tấn. Người khác không hành tam-muội, ta hành tam-muội. Hãy học như vậy. Người khác ngu hoặc, ta hành trí tuệ. Ai có thể quan sát phân biệt pháp này, tà kiến tiêu diệt, những cái còn lại không sanh.”

Quân-đầu sau khi lãnh thọ những điều Như Lai dạy, ở nơi chỗ vắng tư duy, suy gẫm, mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, khóac ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, biết như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.. Bây giờ Quân-đầu thành A-la-hán.

Bây giờ Quân-đầu nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bây giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh trong địa ngục thọ báo của tội dài nhất là một kiếp. Cũng có kẻ nửa chừng mà yếu. Súc sanh thọ tội báo dài nhất một kiếp, cũng có yếu mạng nửa chừng. Thọ báo ngựa quý dài nhất một kiếp, cũng có yếu nửa chừng.

“Tỳ kheo, nên biết, người Uất-đan-viết thọ lâu một nghìn năm; không có ai yếu mạng nửa chừng. Sở dĩ như vậy, vì con người trong quốc thổ đó không có sở hữu. Khi chúng mạng chung ở đây, liền sinh vào cõi lành, sinh lên trời, không có ai đọa lạc.

“Loài người ở thọ năm trăm năm; cũng có kẻ nửa chừng yếu. Người Cù-đà-ni thọ hai trăm năm mươi năm; cũng có kẻ nửa chừng yếu.

“Người Diêm-phù-đề thọ lâu nhất một trăm năm; phần lớn có kẻ yếu nửa chừng. Giả sử thọ mạng lâu nhất là mười lần mười; loài người lấy mười lần mười tuổi thọ làm dấu hiệu, do bởi hành vi bất đồng, tính chất được phân biệt thành khác nhau. Mười năm đầu, tuổi ấu thơ chưa biết gì. Mười năm thứ hai, hơi có chút hiểu biết nhưng chưa quán triệt. Mười năm thứ ba, ý dục hừng hực, tham đắm sắc. Mười năm thứ tư, biết nhiều kỹ thuật, nhưng sở hành chưa có đầu mối. [785a] Mười năm thứ năm, thấy hiểu nghĩa lý, những gì đã học tập đều không quên, Mười năm thứ sáu, tham đắm tài sản, tâm ý không quyết. Mười năm thứ bảy, lười biếng, ưa ngủ nghỉ, thể chất chậm chạp. Mười năm thứ tám, không còn tâm trai trẻ, cũng không ham lèo lẹt. Mười năm thứ chín, nhiều bệnh, da sần, mặt nhăn. Mười năm thứ mười, các căn suy hóa, khớp xương liền nhau, hay quên, hay nhầm lẫn.

“Tỳ kheo, giả sử con người sống được một trăm năm, phải trải qua ngàn ấy khó khăn.

“Giả sử con người thọ một trăm năm, sẽ trải qua ba trăm mùa gồm đông, hạ, và xuân-thu¹⁴, nhưng so với tuổi thọ kia chưa đủ

¹⁴ TMN, bỏ chữ xuân. Phụ chú cuối quyển: “*Kinh nói, một trăm năm phải trải qua ba trăm mùa đông, hạ, thu. Tức mỗi mùa một trăm năm. Nói ba trăm, mà không nói xuân; đây là thuận theo ba mùa của Tây vực. Nói ba mùa, là mùa lạnh, mùa nóng và mùa mưa. Nói đông, tức là mùa lạnh ở nước đó. Hạ, tức mùa nóng, thu tức mùa mưa. Ba mùa ở đó, mỗi mùa có 4 tháng. Tính một năm có 12 tháng. Nay lấy đông, hạ, thu mà phỏng theo ba*

để nói. Nếu người thọ một trăm năm, sẽ ăn ba vạn sáu nghìn bữa ăn; trung gian hoặc có khi không ăn. Hoặc khi giận mà không ăn; không được cho nên không ăn; bệnh nên không ăn. Tính số người ấy ăn cũng không ăn, và bú sữa mẹ, nói tất có ba vạn sáu nghìn lần ăn. Tỳ kheo, hạn số của người thọ một trăm năm tính theo sự ăn uống có tình trạng như vậy.

“Tỳ-kheo, nên biết, con người trong Diêm-phù-địa cũng có khi thọ mạng dài đến vô lượng. Trong thời quá khứ lâu xa, có vị vua tên gọi là Liễu Chứng Bệnh, thọ mạng rất dài, nhan sắc xinh đẹp, hưởng thọ khoái lạc vô lượng. Thời bấy giờ không có các tai hoạ về tật bệnh, tuổi già và chết. Khi ấy có cặp vợ chồng sinh một người con. Đứa con liền mạng chung. Cha mẹ nó ẵm cho ngồi, lại mang đồ ăn đến cho. Nhưng đứa con ấy không ăn, không uống, không ngồi. Vì sao? Nó đã chết. Cha mẹ nó bấy giờ mới nghĩ như vậy: ‘Sao con ta hôm nay giận hờn gì mà không chịu ăn uống, cũng không nói năng gì?’ Sở dĩ như vậy, con người thời đó chưa nghe đến âm hưởng tử vong nên mới như vậy. Rồi cha mẹ ấy lại nghĩ, ‘Đã bảy ngày rồi con ta không ăn, không uống; và cũng không biết vì sao nó im lặng. Nay ta hãy đem nhân duyên này tâu cho vua Liễu Chứng Bệnh biết.’ Người cha mẹ ấy liền đi đến vua, đem nhân duyên ấy tâu lên vua đầy đủ. Khi ấy Đại vương liền nghĩ, ‘Ngày nay đã nghe đến âm hưởng tử vong rồi.’ Và bảo: ‘Các người hãy mang đứa nhỏ ấy đến ta.’ Cha mẹ liền ẵm đứa nhỏ đến chỗ quốc vương. Vua thấy nó, bèn nói với người cha mẹ ấy, ‘Đứa nhỏ này chết rồi.’ Cha mẹ nó hỏi, ‘Chết nghĩa là sao?’ Vua nói, ‘Đứa nhỏ này không còn đi, đứng, nói năng, ăn uống, nô đùa; mình mẩy cứng đơ, [785b] không còn làm gì được nữa. Ấy gọi là chết.’ Người cha mẹ ấy hỏi, ‘Sự biến đổi này trải qua bao lâu?’ Vua nói, ‘Chẳng bao lâu nữa thân thể đứa nhỏ này tan rữa, sinh chương, hôi thối không chịu được.’ Cha mẹ nó khi ấy chưa tin

mùa, nhưng số tháng ít hơn thực tế, đó là vì dịch giả không rành ngôn ngữ địa phương.”

lời vua. Họ lại ẵm con trở về nhà. Không bao lâu, thân thể nó rữa, hôi thối cực kỳ. Bấy giờ cha mẹ này mới tin lời vua nói rằng ‘Thân thể đứa nhỏ này không lâu sẽ sinh chương, tan rữa. Bấy giờ cặp vợ chồng này lại mang đứa nhỏ sinh chương ấy đến chỗ quốc vương, tâu vua rằng, ‘Tâu Đại vương, nay chúng tôi mang đứa nhỏ này cống hiến cho Đại vương.’ Khi ấy cha mẹ này cũng không than khóc. Sở dĩ như vậy, vì chưa nghe đến tiếng chết. Sau đó, Đại vương lột da nó làm trống, lại sắc lệnh dựng ngôi lầu bảy tầng, mang cái trống lớn này đặt vào đó, rồi sai bảo một người, ‘Nhà người phải biết, hãy giữ gìn cái trống này. Cứ một trăm năm, đánh một tiếng, không được sai thời.’ Người ấy vâng lệnh vua, đúng một trăm năm thì đánh một tiếng. Nhân dân nghe tiếng trống ấy, quái lạ chưa từng có. Mọi người hỏi nhau, ‘Âm hưởng gì vậy? Đó là tiếng của ai mà thấu đến đây?’ Vua bảo: ‘Đó là tiếng của da người người chết.’ Chúng sanh nghe điều này, bèn nghĩ, ‘Lạ thay, tiếng trống nghe được này!’

“Tỳ kheo, quốc vương bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Quốc vương thời bấy giờ chính là thân Ta vậy. Do đây mà biết, thọ mạng của người Diêm-phù-địa cực kỳ dài. Còn nay, thọ mạng của người Diêm-phù-địa cực ngắn; số giảm thiểu khó giới hạn. Vì sao vậy? Do sát hại quá nhiều, khiến cho tuổi thọ cực ngắn, sắc da cũng mất đẹp. Do nhân duyên này dẫn đến biến đổi quái lạ.

“Tỳ kheo, nên biết, năm mươi năm ở Diêm-phù-địa bằng một ngày một đêm trên cõi Tứ thiên vương. Tính theo số ngày đêm ở đó, ba mươi ngày làm một tháng. Mười hai tháng làm một năm. Thọ mạng trời Tứ thiên vương là năm trăm năm, cũng có kể yếu nửa chừng.

“Tính theo số năm theo loài người, mười tám ức năm (của trời Tứ thiên vương) là một ngày một đêm trong địa ngục Hoàn

hoạt.¹⁵ Tính theo số một ngày một đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng; mười hai tháng là một năm. Tuổi thọ cực dài trong địa ngục Hoàn hoạt là một nghìn năm, cũng có kẻ yếu nửa chừng. Tính theo số năm theo loài người là ba mươi sáu vạn năm.

“Một trăm năm loài người bằng một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Tính theo số năm tháng ở đó, [785c] tuổi thọ trời Tam thập tam là một nghìn năm; cũng có vị nửa chừng yếu. Tính số năm theo loài người là ba mươi sáu ức năm, bằng một ngày một đêm trong địa ngục A-tỳ.¹⁶ Tính theo số ngày đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng; mười hai tháng là một năm. Theo số ngày đêm ở đây, tuổi thọ là hai vạn năm. Tính theo tuổi thọ loài người, đây thọ một câu-lợi.¹⁷

“Như vậy, Tỳ kheo, tính theo số tuổi như vậy càng lúc càng tăng, trừ trời Vô tướng. Trời Vô tướng thọ tám vạn bốn nghìn kiếp. Trừ trời Tịnh cư không sinh trở lại đời này.

“Cho nên, Tỳ kheo, chớ để tâm buông lung, ở ngay nơi hiện thân mà chứng đắc lậu tận. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁸

¹⁵ Hoàn hoạt địa ngục; thứ nhất trong 8 đại địa ngục. Cf. *Câu xá 11* (tr. 41a02): đặng hoạt địa ngục 活地獄. *Trường* kinh 20: Thế ký, phẩm địa ngục (tr. 0121b29): Tưởng 想. *Câu-xá* ibid. (tr.61c13): Tuổi thọ của Tứ đại vương là 500 năm, bằng một ngày một đêm trong địa ngục Đẳng hoạt. Các con số tính toán trong bản Hán dịch này không chuẩn xác.

¹⁶ Câu-xá, ibid., 100 năm loài người bằng 1 ngày 1 đêm trên Tam thập tam. Thọ mạng ở đây cực lâu là 1000 năm, bằng 1 ngày 1 đêm trong địa ngục Hắc thẳng. Địa ngục Vô gián (A-tỳ) thọ một trung kiếp.

¹⁷ Câu-lợi; *Phiên phạn ngữ 10* (tr. 1054c08): Câu-lợi 拘利 ..., nên nói là câu-trí 拘致, dịch là 1 ức. Skt. *koṭi*.

¹⁸ Bản hán, hết quyển 43.

PHẨM 48: BÁT THIÊN

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh nào tu hành sát sanh, quảng bá sát sanh, gieo trồng hành vi dẫn đến địa ngục, ngạ quỷ súc sanh; nếu sanh trong loài người, thọ mạng cực vắn. Sở dĩ như vậy, do hại sanh mạng kẻ khác.

“Chúng sanh nào trộm cướp vật của người khác, gieo trồng tội của ba nẻo dữ, nếu sanh trong loài người, thường gặp phải nghèo khổ, ăn không đủ no miệng, áo không đủ che thân; thấy đều [786a] do trộm cắp, cướp đoạt vật của người, tức đoạn mạng căn của người.

“Nếu có chúng sanh tham đắm dâm dật, gieo ba nẻo dữ, khi sanh trong loài người, gia đình không trinh khiết, do lén lút dâm dật.

“Hoặc có chúng sanh nói dối, gieo tội địa ngục, khi sanh trong loài người, bị người khinh khi, lời nói không được tin, bị người coi rẻ; sở dĩ như vậy đều do đời trước nói dối.

“Hoặc có chúng sanh hai lưỡi,¹ gieo tội ba ác đạo, giả sử sanh trong loài người, tâm thường không định, thường mang ưu sầu. Sở dĩ như vậy, do người ấy truyền lời dối trá cả hai đầu.

“Hoặc có chúng sanh nói lời thô ác, gieo tội ba ác đạo, nếu sanh trong loài người làm người xấu xí, thường bị mắng nhiếc. Sở dĩ như vậy, do người kia có lời nói không chuyên chánh.

¹ Hán: lưỡng thiệt, nhưng đây nên hiểu là ý ngữ, để không trùng lặp với tội ly gián đoạn dưới.

“Hoặc có chúng sanh gây đầu loạn đây kia, gieo tội ba ác đạo, giả sử sanh trong loài người, phần nhiều bị thù ghét, người thân ly tán. Sở dĩ như vậy đều do đời trước xúi dục đầu loạn.

“Hoặc có chúng sanh tật đố, gieo tội ba ác đạo, nếu sanh trong loài người, thiếu thốn y phục. Sở dĩ như vậy, do bởi người ấy khởi tâm tham lam tật đố.

“Hoặc có chúng sanh khởi tâm ác hại gieo tội ba ác đạo, giả sử sanh trong loài người thường có nhiều điều hư dối, không hiểu chí lý, tâm loạn không định. Sở dĩ như vậy, đều do bởi đời trước sân hận thịnh nộ, không có nhân từ.

“Hoặc có chúng sanh hành tà kiến, gieo ba ác đạo; nếu sanh trong loài người, chỉ ở chỗ biên địa, không sanh vào chỗ trung ương, không gặp Tam tôn, nghĩa lý của đạo pháp; hoặc phải điếc, mù, câm ngọng, thân hình không ngay, không hiểu pháp thiện, thường theo pháp ác. Sở dĩ như vậy, thảy đều do đời trước không có tin căn; cũng không tin sa-môn, bà-la-môn, cha mẹ, anh em.

“Tỳ kheo, nên biết, do báo ứng của mười điều ác này đưa đến những tai ương như vậy. Cho nên, Tỳ kheo, hãy xa lìa mười điều ác, tu hành chánh kiến.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, vào ngày thứ mười lăm, khi thuyết giới, Thế Tôn với các Tỳ kheo vây quanh trước sau đi đến giảng đường Phổ hội.²

² Xem *Trung 9*, kinh 37. Pali, A. VIII. 20 Uposatha (R. iv. 204).

Khi ấy Thế Tôn lặng lẽ quán sát các Thánh chúng, rồi im lặng không nói. Lúc bấy giờ A-nan bạch Phật:

“Hôm nay [786b] Thánh chúng đều tụ tập hết vào giảng đường. Cúi mong Thế Tôn thuyết cấm giới³ cho các Tỳ kheo.”

Nhưng Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát sau, A-nan lại bạch Phật:

“Nay chính là lúc thích hợp, nên thuyết cấm giới, vì đầu hôm sắp hết.”

Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát sau nữa, A-nan lại bạch Phật:

“Sắp hết giữa đêm, chúng Tăng mệt mỏi. Cúi mong Thế Tôn đúng thời thuyết giới.”

Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát, A-nan lại bạch Phật:

“Phần cuối đêm sắp hết, cúi mong Thế Tôn kịp thời thuyết giới.”

Phật bảo A-nan:

“Trong chúng có người không thanh tịnh, nên Ta không thuyết giới. Nay Ta cho phép Thượng tọa thuyết giới. Nếu Thượng tọa của Tăng không đủ khả năng thuyết giới, cho phép vị trì luật thuyết giới. Nếu không có người trì luật, ai có thể tụng giới thông suốt, hãy xưng lên, khiến thuyết giới. Từ nay trở đi, Như Lai không thuyết giới. Nếu trong chúng có người không thanh tịnh mà Như Lai thuyết giới, đầu người ấy bị vỡ làm bảy mảnh, như trái thù-la⁴ kia không khác.

Nghe thế A-nan buồn khóc, bèn nói như vậy:

“Thánh chúng từ nay côi cút. Chánh pháp của Như Lai sao mà chóng vánh. Kẻ bất tịnh sao xuất hiện vội thế?”

³ Cấm giới, đây chỉ Ba-la-đề-mộc-xoa, Biệt giải thoát giới kinh.

⁴ Thù-la quả 酬羅果, chưa rõ trái gì.

Khi ấy Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vậy: “Ai là người trong chúng này hủy phạm chánh pháp, để Như Lai không thuyết giới?” Rồi Đại Mục-kiền-liên liền nhập định, quán sát khắp trong Thánh chúng xem ai có tâm tà vết. Mục-liên khi ấy thấy hai Tỳ kheo Mã Sư và Mãn Túc đang ở trong chúng. Tôn giả tức thì rời chỗ ngồi, đi đến hai Tỳ kheo ấy, nói:

“Các ông hãy rời khỏi chỗ ngồi này. Như Lai đang khiển trách. Do bởi các ông mà Như Lai không thuyết giới.”

Hai Tỳ kheo này bấy giờ im lặng không nói. Mục-liên nói: “Các ông hãy rời khỏi đây. Chớ có ở đây.”

Nhưng hai Tỳ kheo này im lặng không trả lời. Tức thì Mục-liên bước tới trước nắm tay hai người lôi ra khỏi cửa, rồi đóng cửa lại, và bước lên bạch Phật:

“Tỳ kheo bất tịnh đã ra ngoài. Cúi mong Thế Tôn phải thời thuyết giới.”

Phật bảo Mục-liên:

“Thôi, thôi, Mục-liên! Như Lai không thuyết giới cho Tỳ kheo nữa. Như Lai không nói hai lời. Ông hãy trở về chỗ ngồi.”

Mục-liên bấy giờ bạch Phật:

“Nay trong chúng này đã sanh vết bần, con không có khả năng hành pháp duy-na. Cúi mong Thế Tôn sai cử vị khác.”

Thế Tôn im lặng hứa khả. Mục-liên cúi đầu lạy dưới chân Thế Tôn, rồi trở về chỗ ngồi.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

“Tỳ-bà-thi Như Lai xuất hiện ở đời, Thánh chúng nhiều hay ít? Trải thời gian bao lâu mới sanh vết bần. Cho đến, đệ tử của Phật Ca-diếp nhiều hay ít? Thuyết giới như thế nào?”⁵

Phật bảo A-nan:

⁵ Cf. *Tứ phần 1* (tr. 569a22): những vấn đề này do Xá-lợi-phất nêu lên hỏi Phật.

“Chín mươi một kiếp có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Bảy giờ có ba hội Thánh chúng Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm một trăm mười sáu vạn tám nghìn Tỳ kheo. Hộ hứ hai, hánh chúng gồm mười sáu vạn. Hội thứ ba, Thánh chúng mười vạn. Thầy đều A-la-hán. Phật thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Trong vòng một trăm năm, Thánh chúng thanh tịnh. Đức Phật ấy lấy một bài kệ làm cấm giới.

Nhẫn nhục là bậc nhất.

Phật nói Vô vi nhất.

Không vì cạo râu tóc

Sa-môn mà hại người.⁶

“Bảy giờ, Đức Phật ấy chỉ nói một bài kệ này làm cấm giới trong vòng một trăm năm. Khi cầu uest đã phát sanh mới lập cấm giới.

“Lại nữa, trong ba mươi một kiếp, có Phật hiệu Thi-khí Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện thế gian. Bảy giờ cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất Thánh chúng có mười sáu vạn. Hội thứ hai, Thánh chúng mười bốn vạn. Hội thứ ba Thánh chúng mười vạn. Trong vòng tám mươi năm, trong chúng thanh tịnh, không có cầu uest, đức Phật ấy cũng nói một bài kệ:

Nếu mắt thấy phi tà

Bậc trí giữ không đắm.

Xả bỏ các điều ác,

Là hiệt huệ trong đời.

“Trong vòng tám mươi năm đức Phật ấy nói một bài kệ này. Về sau khi cầu bản phát sanh mới lập cấm giới.

“Phật Thí-khí thọ bảy vạn tuổi. Trong kiếp ấy có Phật xuất hiện thế gian hiệu Tỳ-xá-phù; cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất Thánh chúng gồm mười vạn. Hội thứ hai Thánh chúng tám vạn. Hội thứ ba, Thánh chúng gồm bảy vạn La-hán đã diệt

⁶ Kệ Giới kinh, xem Tứ phần giới bản.

tận các lậu. Trong vòng bảy mươi năm không có cấu bản, Tỳ-xá-phù Như Lai nói một kệ rười làm cấm giới:

[787a] *Không hại, không chê bai,
Mà phụng hành đại giới;
Ăn uống biết vừa đủ;
Giường chõng cũng như vậy.
Trì chí chuyên nhất cảnh.
Đây là lời Phật dạy.*

“Trong bảy mươi năm, lấy một kệ rười này làm cấm giới. Về sau vết bản phát sanh mới lập cấm giới. Tỳ-xá-phù Như Lai thọ bảy vạn tuổi.

“Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Bây giờ có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm bảy vạn, thầy đều A-la-hán. Hội thứ hai, gồm sáu vạn A-la-hán. Trong sáu mươi năm không cấu bản, Đức Phật ấy lấy hai bài kệ làm cấm giới:

*Vì như ong hái hoa,
Sắc hương rất tinh khiết;
Lấy vị mà cho người.
Đạo sỹ sống trong thôn,
Không phỉ báng người khác;
Cũng không dò xét lỗi người.
Chỉ quán thân hành mình,
Xem chánh hay không chánh.*

“Trong sáu mươi năm lấy hai bài kệ này làm cấm giới. Từ đó về sau khi cấu bản phát sanh mới lập cấm giới. Đức Phật ấy thọ sáu vạn tuổi.

“Trong Hiền kiếp lại có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí chân Đẳng chánh giác. Bây giờ có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm sáu mươi vạn, thầy đều A-la-hán. Hội thứ hai, Thánh chúng gồm bốn mươi vạn, thầy đều A-la-hán. Trong bốn mươi năm, bây giờ chưa có vết bản, đức Phật ấy lấy một bài kệ làm cấm giới:

*Giữ chí, chớ khinh miệt,
Hãy học đạo tịch tĩnh;
Bậc Hiền không ưu sầu,
Chỉ thường niệm tịch diệt.*

“Trong bốn mươi năm, lấy một bài kệ này làm cấm giới. Từ đó về sau khi có cầu bản mới lập cấm giới. Đức Phật ấy thọ bốn vạn tuổi.

“Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca-diếp. Bảy giờ Phật có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm bốn mươi vạn. Hội thứ hai, Thánh chúng gồm ba mươi vạn, thầy đều A-la-hán. Trong hai mươi năm chưa có cầu bản, thường lấy một bài kệ làm cấm giới:

[787b] *Hết thầy ác chớ làm;
Hãy phụng hành điều thiện;
Tự tịnh tâm ý mình.
Đó là chư Phật dạy.*

“Trong hai mươi năm lấy một bài kệ này làm cấm giới. Sau khi có phạm cấm mới lập cấm giới. Bảy giờ Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi.

“Nay Ta, Như Lai xuất hiện ở đời. một hội Thánh chúng gồm một nghìn hai trăm năm mươi người. Trong mười hai năm không có cầu bản, cũng lấy một bài kệ làm cấm giới:

*Giữ miệng, ý thanh tịnh;
Thân hành cũng thanh tịnh.
Thanh tịnh ba nghiệp đạo⁷.
Tu hành đạo Tiên nhân.*

“Trong mười hai năm lấy một bài kệ này làm cấm giới. Khi có người phạm luật, dần dần có 250 giới. Từ nay về sau, chúng Tăng tập hợp, khai bạch như Luật, rằng: ‘Các Hiền giả thầy cùng nghe, hôm nay ngày thứ mười lăm, thuyết giới. Tăng nay chấp thuận hòa hiệp thuyết cấm giới.’ Khai bạch như vậy rồi,

⁷ Nguyên Hán: hành tịch.

nếu có Tỳ kheo nào có nói điều gì, không nên thuyết giới. Tất cả cùng im lặng, không ai nói gì, mới được thuyết giới. Cho đến sau khi nói xong Tựa của giới, cần phải hỏi, ‘Các Hiền giả, có ai không thanh tịnh không?’ Hỏi như vậy ba lần ‘Có ai không thanh tịnh không?’ Ai thanh tịnh thì im lặng mà ghi nhận. Tuy nhiên, nay con người thọ mạng ngắn, hết một đời không quá trăm năm. Cho nên, này A-nan, hãy khéo ghi nhớ kỹ.”

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Quá khứ xa xưa chư Phật Thế tôn thọ mạng cực dài, người phạm Luật ít, không có vết bần. Nhưng nay tuổi thọ con người ngắn, không quá mười lăm mười. Sau khi chư Phật quá khứ diệt độ, Pháp lưu lại tồn tại ở đời trải qua bao lâu?”

Phật bảo A-nan:

“Chư Phật quá khứ sau khi diệt độ, có chánh pháp lưu lại ở đời không lâu.”

A-nan bạch Phật:

“Nếu sau khi Như Lai diệt độ, Chánh pháp sẽ tồn tại ở đời này bao lâu?”

Phật bảo A-nan:

“Sau khi Ta diệt độ, Pháp sẽ tồn tại lâu. Sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, di pháp chỉ tồn tại bảy ngày. Này A-nan, ông nay nghĩ rằng đệ tử của Như Lai rất ít. Chớ nghĩ như vậy Ở phương Đông, đệ tử Ta nhiều vô số. Ở phương Nam, đệ tử nhiều vô số. Cho nên, này A-nan, hãy khởi lên ý nghĩ này: Ta, Phật Thích-ca Vãn, thọ mạng cực kỳ lâu dài. Sở dĩ như vậy, vì nhục thân tuy vào diệt độ, nhưng Pháp thân vẫn tồn tại. Ông hãy ghi nhớ phụng hành ý nghĩa này.”

Bấy giờ A-nan và các Tỳ kheo nghe [787c] những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ A-nan bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Thế Tôn rằng:

“Nhu Lai soi tỏ huyền vi, không sự gì mà không xét. Ngài hiểu rõ hết thầy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngài biết rõ tên họ, danh hiệu chư Phật quá khứ, đệ tử Bồ tát theo hầu nhiều ít. Một kiếp, một trăm kiếp, cho đến vô số kiếp, Ngài tất quán sát biết rõ. Ngài cũng phân biệt biết rõ tên họ của quốc vương, đại thần, nhân dân; cũng như biết rõ bao nhiêu quốc giới khác nhau hiện tại. Chúng con muốn biết sự kiện trong tương lai lâu xa, đức Di-lặc ra đời, là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác; đệ tử theo hầu, cùng cảnh Phật, phong tục an lạc như thế nào, trải qua bao lâu.”

Phật bảo A-nan:

“Ông hãy trở về chỗ ngồi, lắng nghe Ta nói về sự xuất hiện của Di-lặc, cùng quốc độ phong tục an lạc và đệ tử nhiều ít. Hãy kheo suy nghĩ, khéo ghi nhớ trong lòng.”

A-nan vâng lời Phật dạy, trở về chỗ ngồi. Phật nói:

“Trong tương lai lâu xa, ở tại quốc giới này, có thành quách gọi là Kê-đầu,⁸ đông sang tây mười hai do-tuần; nam đến bắc bảy do tuần. Đất đai màu mỡ, nhân dân đông đúc, đường xá thành hàng. Bấy giờ trong thành có Long vương tên Thủy Quang, ban đêm làm mưa thơm thắm nhuần, ban ngày trong lành mát mẻ.

⁸ Kê-đầu thành. Pali: Ketumatī, cf. D. 26. Cakkavatti (R. iii. 75). Tham chiếu Hán, *Trường* kinh 6 (tr. 41c22).

“Bảy giờ trong thành Kê-đầu có một con quỷ La-sát tên là Diệp Hoa.⁹ Việc làm của nó đều tùy thuận pháp, không trái nghịch chánh giáo. Nó rình lúc mọi người đã ngủ, mới dọn dẹp các thứ bất tịnh dơ bẩn, rồi lại nước thơm rưới lên đất, khiến cho cực kỳ sạch thơm.

“A-nan, nên biết, lúc bảy giờ Diêm-phù-địa từ đông sang tây, từ nam lên bắc, mười vạn do tuần. Các núi, sông, vách đá đều tự tiêu diệt. Nước bốn biển dồn về một phương. Mặt đất Diêm-phù-địa trở nên bằng phẳng như mặt gương trong sáng.

“Trong toàn cõi Diêm-phù-địa, thóc gạo dồi dào, nhân dân đông đúc, có nhiều thứ trân bảo. Thân xóm liên tiếp nhau chỉ cách khoảng tiếng gà gáy nghe được. Khi ấy các thứ hoa trái xấu dở khô chết hết, những thứ dơ bẩn cũng biến mất. Chỉ còn các loại cây trái ngon ngọt, hương thơm ngào ngạt, sanh trưởng trên đất đó.

“Khí hậu thời bảy giờ ôn hòa, bốn mùa thuận hợp. Trong thân người không có trăm lẻ tám thứ bệnh hoạn. Tham dục, sân hận, ngu si không lớn, không mãnh liệt. Tâm người bình quân, thấy đều đồng một ý. Gặp nhau thấy đều hoan hỷ, nói lời đẹp lòng với nhau. Ngôn ngữ chỉ một thứ, không có khác biệt. [788a] Như người Uất-đan-việt kia không khác. Vì người Diêm-phù-địa khi ấy đều đồng một thứ tiếng, không có nhiều thứ khác nhau.

“Các hạng nam nữ bảy giờ mỗi khi có ý muốn đại, tiểu tiện, đất tự nhiên mở ra; việc xong nó tự khép lại.

“Diêm-phù-địa thời ấy có giống lúa mọc tự nhiên, không có vỏ trấu, mùi vị cực kỳ thơm ngon, ăn vào trừ các thứ bệnh khổ. Các loại vàng, bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, châu châu, roi vãi trên đất, không ai nghĩ đến râu lược. Khi người dân ở đó cầm lên một thứ, họ nói với nhau: ‘Người xưa do các loại châu báu

⁹ Diệp Hoa 葉華, có lẽ dịch nghĩa từ Skt. *elāpattra* (Pali: *erakapatta*), cùng tên với một Long vương mà đến thời Phật Di-lặc được thoát thân rồng.

này mà tàn hại lẫn nhau, giam cầm đày đọa nhau, gây thêm vô số khổ não. Ngày nay các thứ này cùng một loại với sỏi đá, không ai cất giữ.’

“Trong thời đó có vị Pháp vương xuất hiện, tên là Trương-khur,¹⁰ cai trị bằng chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, điển binh và điển tàng. Vua thông lãnh toàn cõi Diêm-phù-địa, không dùng đến đao gậy mà tự nhiên đều thần phục.

“A-nan, như hiện nay có bốn kho báu.¹¹ Ở nước Càn-đà-việt¹² có kho báu Y-la-bát.¹³ Thứ hai, tại nước Di-thê-la¹⁴ có kho báu Ban-trù.¹⁵ Thứ ba, tại nước Tu-lại-tra¹⁶ có kho báu, cũng chứa nhiều trân bảo.¹⁷ Thứ tư, tại Bà-la-nại, Trương khur có kho báu lớn, chứa nhiều trân bảo không kể xiết.¹⁸ Bốn kho báu lớn này đúng lúc tự nhiên xuất hiện. Những người canh giữ kho báu¹⁹

¹⁰ Trương-khur 壤法. Trường. ibid. (tr. 42a09) Trương-già 儂伽. Pali, ibid. (tr. 75), Saṅkha.

¹¹ Bốn bảo tàng 寶藏, hàm mỏ quý. Xem đoạn sau, kinh 7, phẩm 51.

¹² Càn-đà-việt 乾陀越, một phiên âm khác cho Kiện-đà-la (Skt.: Gandhavati = Gandhāra). Đoạn sau, kinh 7 phẩm 51 âm là Càn-đà-vệ 乾陀衛. Tại đây, theo truyền thuyết Pali (Luật Thiện kiến), Tôn giả Mạt-diền-địa (Majjhantika) đã chinh phạt Long vương Aravāḷa, quy y dân xứ này. Về sau trở thành một trong hai trung tâm lớn của Hữu bộ.

¹³ Y-la-bát 伊羅鉢; Skt. *elāpatra*, nguyên tên của một Long vương, quản lý kho báu cùng tên. Xem kinh 7 phẩm 51 sau.

¹⁴ Di-thê-la 彌梯羅. Đoạn sau, kinh 7 phẩm 51 âm là Mạt-đế-la 蜜締羅國. Pali: Mithilā, kinh đô của vương quốc Videha, thời Phật.

¹⁵ Ban-trù 般稠, kinh 7 phẩm 51 chép 斑稠. Nguyên tên một Long vương. Skt. Pāṇḍuka.

¹⁶ Tu-lại-tra 須賴吒. Skt. Suraṣṭa.

¹⁷ Kinh 7 phẩm 51: kho báu Tân-già-la 賓伽羅 ở nước Tu-lại-tra, do Long vương Tân-già-la quản lý. Skt. Piṅgala.

¹⁸ Kinh 7 phẩm 51: Đại bảo tàng Trương-khur 壤法 (Kst. Saṅkha) tại nước Bà-la-nại 婆羅奈 (Vāraṇasī).

¹⁹ Kinh 7 phẩm 51: bốn Long vương hiến bốn đại bảo tàng.

đến tâu vua: ‘Tâu Đại vương, xin hãy dùng bảo vật trong các kho báu này mà ban phát cho những người nghèo khổ.’ Đại vương Tương-khư sau khi nhận được các kho báu này cũng không cất làm của riêng, không có ý tưởng chiếm hữu tài vật.

“Thời bấy giờ trong nội cảnh Diêm-phù-địa có loại cây tự nhiên sanh ra y phục, thứ vải rất mịn và mềm mại; mọi người đến lấy mà dùng. Giống như hiện nay người Uấ-đan-viết lấy y phục sanh ra tự nhiên ở trên cây không khác.

“Vua bấy giờ có vị Đại thần tên là Tu-phạm-ma,²⁰ vốn là bạn thân của vua từ thời thơ ấu, mà vua rất yêu kính. Vả, ông này có nhan sắc đẹp đẽ, không cao, không thấp, không gầy, không mập, không đen, không trắng, không già, không trẻ. Tu-phạm-ma có vợ tên là Tu-phạm-việt,²¹ đặc sắc bậc nhất trong các ngọc nữ, y như phi hậu của Thiên đế. Miệng bà thường có mùi thơm của hoa sen ưu-bát; thân thể luôn luôn có mùi thơm chiên-đàn; có toàn vẹn 84 tư thái của phụ nữ; không có bệnh hoạn, không hề loạn tướng.

“Bấy giờ Bồ tát Di-lặc từ [788b] trên trời Đâu-suất quan sát cha mẹ, ai không già cũng không trẻ, bèn giáng thần xuống đó, rồi sẽ sanh ra từ hông phải, như Ta ngày nay không khác. Bồ tát Di-lặc cũng vậy. Tu-phạm-ma tức thì đặt tên cho con là Di-lặc mà thân hình được trang nghiêm bằng 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp; sắc da màu hoàng kim.

“Con người thời ấy thọ mạng rất dài, không có các thứ tật bệnh. Thấy đều thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Phụ nữ đến 500 tuổi mới lấy chồng.

“Bồ tát Di-lặc sống tại gia không bao lâu, rồi xuất gia học đạo.

²⁰ Tu-phạm-ma 修梵摩. Pali: Subrahmā.

²¹ Tu-phạm-việt 梵摩越. Pali: Subrahmī.

“Bấy giờ cách thánh Kê-đầu không xa có một gốc đại thọ tên là Long hoa,²² cao một do-tuần, rộng năm trăm bộ. Bồ tát Di-lặc ngồi dưới gốc cây này mà thành đạo quả vô thượng. Vào nửa đêm Di-lặc xuất gia, ngay đêm đó thành đạo vô thượng. Khi ấy ba nghìn đại thiên sát-độ chấn động. Địa thần liên tiếp truyền nhau: ‘Nay Di-lặc đã thành Phật.’ Lần lượt truyền cho đến cung điện Tứ thiên vương cũng nghe: ‘Di-lặc đã thành Phật đạo.’ Rồi lần lượt truyền lên các cõi trời Tam thập tam, Diệm thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại. Âm thanh truyền lần lên cho đến Phạm thiên: ‘Di-lặc đã thành Phật đạo.’

“Bấy giờ có Ma tên là Đại Tướng, cai trị đúng theo pháp. Khi nghe âm hưởng lan truyền danh giáo của Như Lai, hoan hỷ phấn chấn không dùng được, bảy ngày bảy đêm không ngủ. Khi ấy Ma vương dẫn vô số người nhà trời của Dục giới đi đến Phật Di-lặc, cung kính lễ bái. Di-lặc Thánh tôn lần lượt giảng thuyết các đề tài vi diệu của chánh pháp cho chư thiên; các đề tài về thí, giới, sanh thiên, dục là bất tịnh tướng, xuất yếu là vi diệu. Sau khi thấy mọi người đã phát tâm hoan hỷ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân rộng rãi ý nghĩa cho chư thiên và loài người. Lúc đó, ngay trên chỗ ngồi có tám vạn bốn nghìn con trời dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

“Bấy giờ Đại Tướng Ma vương bố cáo với nhân dân cõi ấy rằng: ‘Các người nên nhanh chóng xuất gia. Vì sao? Hôm nay Đức Di-lặc đã vượt qua bờ bên kia, và cũng sẽ đưa các người vượt qua.’

“Bấy giờ trong thành Kê-đầu có một trưởng giả tên là Thiện Tài, nghe giáo lệnh của Ma vương, lại nghe tiếng Phật, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn nghìn người đi đến Phật Di-lặc, cúi đầu lạy dưới chân, [788c] rồi ngồi xuống một bên. Đức Di-lặc

²² Long hoa 龍華. Skt. Nāgapuṣpa. Pali: Nāgapupphiya (?), nhưng không thấy đề cập trong văn học Pali.

lần lượt thuyết các đề tài vi diệu của pháp cho ông, luận về thí, giới, sanh thiên. Khi Đức Di-lặc thấy tâm ý mọi người đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân biệt rộng rãi cho mọi người. Ngay khi ấy, từ trên chỗ ngồi, Thiện Tài cùng tám vạn bốn nghìn người dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Thiện Tài cùng tám vạn bốn nghìn người bước lên trước bạch Phật, cầu xin xuất gia, khéo tu phạm hạnh, thành đạo A-la-hán. Đây là hội thứ nhất của Phật Di-lặc, có tám vạn bốn nghìn A-la-hán.

“Bấy giờ Vua Trương-khư, khi nghe đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền đi đến chỗ Phật để nghe pháp. Được Di-lặc thuyết pháp cho ông; pháp mà khoảng đầu thiện xảo, khoảng giữa thiện xảo, khoảng cuối cũng thiện xảo; nghĩa lý sâu xa.

“Một thời gian sau, vua lập thái tử; rồi đem vật trân bảo cho thợ hớt tóc, lại đem các thứ bảo vật khác cho các bà-la-môn. Sau đó Vua dẫn tám vạn bốn nghìn người đi đến chỗ Phật, cầu xin làm sa-môn. Tất cả đều thành đạo A-la-hán.

“Khi trưởng giả Tu-phạm-ma nghe Đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn nghìn bà-la-môn đi đến chỗ Phật cầu xin làm sa-môn. Thấy đều đắc A-la-hán. Duy Tu-phạm-ma đoạn trừ ba kết, rồi nhất định sẽ chấm dứt biên tế khổ.

“Mẹ của Phật là Phạm-ma-việt cũng dẫn tám vạn bốn nghìn thể nữ đi đến Phật cầu xin làm sa-môn. Các người nữ đều đắc A-la-hán; duy chỉ một người là Phạm-ma-việt đoạn trừ ba kết thành Tu-đà-hoàn.

“Những người phụ nữ sát-lợi nghe đức Di-lặc Như Lai xuất hiện thể gian thành Đẳng chánh giác, có vài nghìn vạn người đi đến Phật. cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Mỗi người đều sanh tâm cầu xin làm sa-môn, xuất gia học đạo. Trong đó, hoặc có người vượt thứ lớp mà chứng ngộ; hoặc có người không chứng ngộ. Nay A-nan, những người không vượt

thứ lớp chứng ngộ thấy đều là những người tùy pháp hành²³, nhằm tởm tất cả thế gian không có gì đáng vui thích.

“Di-lặc bảy giờ thuyết giáo pháp ba thừa. Như ngày nay trong các đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp là người hành đầu đà. Trong quá khứ đã từng tu phạm hạnh nơi chư Phật. Người này sẽ thường trợ giúp Di-lặc giáo hóa nhân dân.”

Khi ấy Ca-diếp đang ngồi kiết già cách Như Lai không xa, chánh thân chánh ý, buộc niệm [789a] trước mắt. Bảy giờ Thế Tôn bảo Ca-diếp:

“Nay tuổi Ta đã suy hao, gần hơn tám chục. Nhưng nay Như Lai có bốn Đại Thanh văn có thể đảm trách du hóa, mà trí tuệ vô tận, đầy đủ các phẩm đức. Bốn vị này là những ai? Đó là Tỳ kheo Ca-diếp, Tỳ-kheo Quân-đồ-bát-hán, Tỳ kheo Tân-đầu-lô,²⁴ Tỳ kheo La-hầu-la.²⁵ Các người bốn Đại Thanh văn không nên bát-niết-bàn. Hãy đợi khi nào pháp Ta mất hẳn rồi hãy bát-niết-bàn. Đại Ca-diếp cũng không nên bát-niết-bàn. Hãy đợi cho đến Di-lặc xuất hiện thế gian. Vì sao? Các đệ tử được hóa độ bởi Di-lặc thấy đều là đệ tử của Thích-ca Văn, do sự giáo hóa của Ta được lưu lại mà dứt sạch các lậu. Trong thôn Tỳ-đề, quốc giới Ma-kiệt, Đại Ca-diếp sẽ trú trong núi ở đó.²⁶ Về sau, Di-lặc Như Lai sẽ dẫn vô số tùy tùng đi đến núi này. Do ân đức của Phật, các quỷ thần sẽ mở cửa núi, và được thấy Ca-diếp trong hang thiên. Khi ấy đức Di-lặc duỗi cánh tay phải chỉ Ca-

²³ Nguyên Hán: phụng pháp. Hạng Tu-đà-hoàn lợi căn.

²⁴ Tân-đầu-lô 賓頭盧, tức vị thứ nhất trong 16 A-la-hán kể trong *Pháp trụ ký* (T49n2030, tr. 13a9), phiên âm khác là Tân-độ-la Bạt-ra-xà 賓度羅跋囉憍闍 (Skt. Pindola-bhāradvāja).

²⁵ La-vân 羅云, tức La-hô-la 囉怛羅 (Skt., Pali: Rāhula), thứ 11 trong 16 A-la-hán kể trong *Pháp trụ ký* (tr. 13a14).

²⁶ Truyền thuyết phương Bắc, Đại Ca-diếp hiện vẫn nhập định trong núi Kê túc (Skt. Kukkuṭapāda-giri), nước Ma-kiệt-đà; cf. *Phủ pháp nhan duyên* (T50n2058, tr. 301a16); *Pháp Hiển truyện* (T51n2085, tr. 863c27); *Tây vực ký* 9 (T51n2087, tr. 919b25).

diếp mà bảo đại chúng: ‘Đây là đệ tử của Phật Thích-ca Văn trong thời quá khứ xa xưa, tên là Ca-diếp, vẫn tồn tại cho đến nay, là vị đầu đà khổ hạnh bậc nhất.’ Mọi người khi ấy tán thán là chưa từng có. Ngay lúc ấy, vô số trăm nghìn người dứt sạch trần cấu, được pháp nhân thanh tịnh.

“Đây gọi là hội thứ nhất,²⁷ có chín mươi sáu ức người thành A-la-hán. Những người ấy đều là đệ tử của Ta. Vì sao? Thấy đều do Ta giáo hóa mà được như vậy; và cũng do nhân duyên bốn sự²⁸ là huệ thí, nhân ái, lợi người và đặng lợi.

“Này A-nan, bảy giờ Di-lặc Như Lai sẽ lấy y tăng-già-lê của Ca-diếp rồi khoác lên mình, tức thì thân thể của Ca-diếp tự nhiên rã như sao. Di-lặc mới dùng đủ các loại hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn có tâm cung kính đối với Chánh pháp. Di-lặc cũng do Ta giáo hóa mà được thành đạo vô thượng chân chánh.

“A-nan, nên biết, hội thứ hai của Phật Di-lặc có 94 ức người, đều là A-la-hán, cũng đều là đệ tử di giáo của Ta, hành cúng dường bốn sự mà được như vậy.

“Lại nữa, hội thứ ba của Phật Di-lặc có 92 ức người, đều A-la-hán, cũng là đệ tử di giáo của Ta.

“Thời bảy giờ, các Tỳ kheo đều có họ là đệ tử Từ thị, như ngày nay các Thanh văn [789b] đều được gọi là đệ tử Thích-ca.

“Bảy giờ, đức Di-lặc thuyết pháp cho các đệ tử: ‘Tỳ kheo các người, hãy tư duy về tướng vô thường, tướng lạc có khổ, tướng chấp ngã và vô ngã, tướng thật có Không, tướng sắc biến, tướng bầm xanh, tướng sinh chương, tướng ăn chưa tiêu hết, tướng máu huyết, tướng hết thầy thế gian không có đang vui thích. Vì sao vậy? Tỳ kheo nên biết, mười tướng này đều là những điều đã được Thích-ca Văn Phật trong quá khứ nói cho các người, để được dứt sạch hữu lậu, tâm được giải thoát.

²⁷ Có thể có sự nhầm lẫn trong bản Hán này.

²⁸ Tứ sự 四事, đây chỉ bốn nhiếp sự, mà nội dung Hán dịch ở đây có khác.

“Trong đại chúng này, hoặc có người vốn là đệ tử của Phật Thích-ca Văn, thời quá khứ đã tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc phụng trì pháp của Phật Thích-ca Văn, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn cúng dường Tam bảo, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà tu hành gốc rễ thiện trong khoảng chừng búng ngón tay, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn hành bốn vô lượng tâm, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì năm giới, ba tự quy y, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở Phật Thích-ca Văn khởi dựng tháp miếu, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà tu sửa chùa, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì tám pháp quan trai, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà cúng dường hương hoa, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật ấy nghe Phật pháp mà buồn khóc rơi lệ, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn chuyên ý nghe Pháp, nay đến chỗ Ta. Hoặc suốt đời khéo tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc chép, đọc tụng, thọ trì, nay đến chỗ Ta. Hoặc người thừa sự cúng dường mà nay đến chỗ Ta.

“Rồi đức Di-lặc nói bài kệ này:

*Tăng trưởng đức giới, văn,
Nghệ thuật và tư duy,
Khéo tu hành phạm hạnh,
Người ấy đến chỗ Ta.*

*Khuyên thí, tâm hoan hỷ,
Tu hành cội nguồn tâm,
Ý không sai biệt tưởng,
Người ấy đến chỗ Ta.*

*Hoặc phát tâm bình đẳng,
Và thừa sự chư Phật,
Thực ăn cúng Thánh chúng,
Người ấy đều đến Ta.*

Hoặc tụng giới, khế kinh,

*Khéo tập, thuyết cho người,
Nhiệt hành nơi gốc pháp,
Ngày nay đến chỗ Ta.*

[789c] *Họ Thích khéo giáo hóa,
Cúng dường các xá-lợi,
Thừa sự pháp, cúng dường,
Ngày nay đến chỗ Ta.*

*Nếu ai sao chép kinh,
Ban²⁹ bố trên lụa trắng.³⁰
Những ai cúng dường kinh,
Nay đều đến chỗ Ta.*

*Lụa là và các vật,
Cúng dường nơi chùa tháp,
Tự xưng Nam mô Phật,
Thầy đều đến chỗ Ta.*

*Ai cúng dường hiện tại,
Và chư Phật quá khứ;
Thiền định, chánh bình đẳng,
Cũng không có tăng giảm,*

*Cho nên, đối Phật pháp,
Thừa sự nơi Thánh chúng,
Chuyên tâm thờ Tam bảo,
Tất đến chỗ vô vi.*

“Này A-nan, nên biết, Di-lặc Như Lai sẽ nói bài kệ này giữa đại chúng.

²⁹ Văn bản in là tụng 頌, cước chú in là ban 頒, TNM: ban 班.

³⁰ Tố thượng 素上. Do chữ ban 頒 đọc là tụng 頌 nên có người đoán đây là chữ án 案 (án thư), thay vì tố 素. Nhưng Ấn độ không có tục đọc sách trên án thư.

“Bấy giờ trong đại chúng, chư thiên và loài người tư duy mười tương, khi ấy có mười một triệu³¹ người dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Trong một nghìn năm, trong chúng không có cấu bần, Di-lặc Như Lai bấy giờ chỉ nói một bài kệ làm cảm giới:

*Miệng, ý không hành ác,
Thân cũng không sai phạm,
Trừ sạch ba nghiệp này,
Chóng vượt vực sanh tử.*

“Sau một nghìn năm, sẽ có người phạm cấm giới, bấy giờ mới chế giới.

“Di-lặc Như Lai sẽ thọ tám vạn bốn nghìn năm. Sau khi bát-niết-bàn, di pháp của Ngài sẽ tồn tại tám vạn bốn nghìn năm. Sở dĩ như vậy, vì chúng sanh thời bấy giờ thấy đều có căn tính linh lợi. Nếu có thiện tử, thiện nữ nhân nào muốn thấy Phật Di-lặc và các Thanh văn trong ba hội, thành Kê-đầu, và bốn đại bảo tàng, muốn được ăn thứ lúa tự nhiên, mặc loại y phục tự nhiên, rồi khi thân hoại mạng chung sanh lên trời, những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hãy chuyên cần tinh tấn, không sanh lòng biếng, và hãy cúng dường thừa sự các pháp sư bằng các thứ hương hoa thơm, cùng các phẩm vật cúng dường chớ để thiếu thốn.

A-nan, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, A-nan và các chúng hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³²

KINH SỐ 4³³

[90a07]Tôi nghe như vậy:

³¹ Hán: thập nhất cai 十一婁; mỗi cai là 10 triệu. Con số ở đây chỉ có tính tượng trưng.

³² Bản Hán, hết quyển 44.

³³ Tham chiếu Pali, D. 14 Mahāpadāna (R. ii. 1). Hán, *Trường 1*, kinh 1 “Đại bản”.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông Tỳ kheo cùng tụ tập tại giảng đường Phổ hội. Mọi người đều có ý nghĩ này: “Thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Như Lai có thể phân biệt biết rõ chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, với tên hiệu như vậy, chủng tộc như vậy, sự trì giới và đệ tử tùy tùng như vậy, cùng tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thân thọ dài ngắn, thủy đều biết rõ. Thế nào, chư Hiền, đó là do Như Lai phân biệt pháp xứ cực kỳ thanh tịnh mới biết nguồn gốc danh hiệu của chư Phật chăng? Hay do chư thiên đến báo cáo cho biết điều này chăng?”

Khi ấy, bằng thiên nhĩ thông suốt, Thế Tôn nghe các Tỳ kheo đang khơi dậy đề tài này, liền đi đến chỗ các Tỳ kheo, rồi xuống ngay giữa đại chúng. Bấy giờ Thế Tôn hỏi các Tỳ kheo:

“Các ông tập họp tại đây, đang bàn luận chuyện gì?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Chúng con tập họp tại đây bàn luận các đề tài Phật pháp. Mọi người đều nêu lên vấn đề như vậy, ‘Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Như Lai có thể biết rõ chư Phật quá khứ với danh hiệu, chủng tộc như vậy; trí tuệ như vậy, cũng đều thông suốt tường tận. Thật kỳ diệu! Thế nào, này chư Hiền, đó là do sự phân biệt pháp giới của Như Lai cực kỳ thanh tịnh mới biết được nguồn gốc danh hiệu chư Phật, hay do chư Thiên đến chỗ Phật nói lại sự kiện ấy?’”

Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các ông có muốn nghe trí lực siêu việt của chư Phật quá khứ, cùng danh hiệu, thọ mạng dài vẫn chăng?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Nay là lúc thích hợp, cúi xin Như Lai giải bày nghĩa lý này.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các ông hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ diễn rộng ý nghĩa cho các ông nghe.”

Các Tỳ kheo vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Phật bảo các Tỳ kheo:

Tỳ kheo, nên biết, quá khứ cách nay 91 kiếp, có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác.

“Lại 31 kiếp có Phật xuất thế hiệu [790b] Thi-khí Như Lai, Chí chân, đấng chánh giác.

“Lại 31 kiếp Có Phật hiệu Tỳ-xá-phù Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời.

“Trong Hiền kiếp này, có Phật xuất thế hiệu Câu-lưu-tôn Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác.

“Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác.

“Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca-diếp.

“Lại trong Hiền kiếp, Ta, Thích-ca Văn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, xuất hiện ở đời.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Trong chín mươi một kiếp
Có Phật Tỳ-bà-thi.
Trong ba mươi một kiếp
Xuất hiện Phật Thi-khí.*

*Lại ở trong kiếp đó
Xuất hiện Phật Tỳ-xá.
Ngày nay trong Hiền kiếp
Bốn Phật lại ra đời:*

*Câu-tôn, Na, Ca-diếp,
Như mặt trời soi đời.
Nếu muốn rõ tên họ,
Và danh hiệu, như vậy*

“Tỳ-bà-thi Như Lai xuất hiện trong chủng tộc sát-lợi. Thi-khí Như Lai cũng xuất hiện trong sát-lợi. Tỳ-xá-phù Như Lai cũng từ sát-lợi. Câu-lưu-tôn xuất hiện trong dòng Bà-la-môn. Câu-

na-hàm-mâu-ni xuất hiện trong dòng bà-la-môn. Ca-diếp Như Lai xuất hiện trong dòng bà-la-môn. Như Ta nay xuất hiện trong dòng sát-lợi.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Các Phật trước xuất hiện
Đều từ dòng sát-lợi.
Câu-tôn, đến Ca-diếp,
Xuất từ Bà-la-môn.*

*Chỉ tôn không ai bằng.
Ta nay Thầy trời người,
Với các căn tịch tĩnh,
Xuất từ dòng sát-lợi.*

“Tỳ-bà-thi Như Lai họ Cù-đàm.³⁴ Thi-khí Như Lai cũng từ họ Cù-đàm. Tỳ-xá-phù cũng họ Cù-đàm. Ca-diếp Như Lai xuất từ họ Ca-diếp. Câu-lâu-tôn, Câu-na-hàm-mâu-ni, cũng dòng họ Ca-diếp không khác. Ta, Như Lai đời hiện tại, có họ Cù-đàm.”

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói bài kệ này:

*Các Phật Chánh giác đầu
Xuất từ họ Cù-đàm.
Ba vị tiếp Ca-diếp,
Đều có họ Ca-diếp.*

[790c] *Như Ta đời hiện tại,
Chư thiên nhân cúng dường,
Các căn đều tịch tĩnh,
Xuất từ họ Cù-đàm.*

“Tỳ kheo, nên biết, Tỳ-bà-thi Như Lai có họ³⁵ là Câu-lân-nhã.³⁶ Thi-khí Như Lai cũng xuất từ Câu-lân-nhã. Tỳ-xá-phù Như Lai

³⁴ Nguyên Hán: tánh 姓. Đoạn dưới cũng nói tánh thuộc Câu-lân-nhã. Có sự lẫn lộn về dụng ngữ trong bản Hán dịch này. Xem chh. dưới.

³⁵ Tánh, Pali: *gotta*, tức dòng họ, chỉ phương diện huyết thống.

cũng xuất từ Câu-lân-nhã. Câu-lưu-tôn Như Lai xuất từ Bà-la-đọa. Câu-na-hàm-mâu-ni cũng xuất từ Bà-la-đọa. Ca-diếp Như Lai cũng xuất từ Bà-la-đọa.^{37,}

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Ba vị Chánh giác đầu
Xuất từ Câu-lân-nhã.
Sau cho đến Ca-diếp
Đều từ Bà-la-đọa.*

*Như Ta đời hiện tại,
Chư thiên nhân cúng dường,
Các căn đều tịch tĩnh,
Xuất từ Câu-lân-nhã.³⁸*

“Tỳ-bà-thi Như Lai ngồi dưới cây hoa Ba-la-lợi³⁹ mà thành Phật đạo. Thi-khí Như Lai ngồi dưới cây Phân-đà-lợi⁴⁰ mà thành Phật đạo. Tỳ-xá-phù Như Lai ngồi dưới cây Sa-la⁴¹ mà thành Phật đạo. Câu-lưu-tôn Như Lai ngồi dưới cây Thi-lợi-sa⁴² mà thành Phật đạo. Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai ngồi dưới cây Ưu-đầu-bát-la⁴³ mà thành Phật đạo. Ca-diếp Như Lai ngồi

³⁶ Câu-lân-nhã 拘隣若. Pali: Koṇḍañña. Trên kia cũng nói là tánh Cù-dàm. *Trường* 1 cũng như Pali, chỉ nói tánh Câu-lị-nhã 拘利若, không nói đến tánh Cù-dàm.

³⁷ Bà-la-đọa 婆羅墮. Ba vị sau này, *Trường* 1 và Pali đều nói thuộc dòng họ Ca-diếp, như đoạn trên; không nói đến Bà-la-đọa.

³⁸ Không thấy nơi nào khác nói Thích-tôn thuộc họ Câu-lân-nhã.

³⁹ Ba-la-lợi 波羅利. Pali: *Pāṭali*, cây có hoa màu hồngnhật, tên khoa học *Bignonia suaveola*.

⁴⁰ Phân-đà-lợi 分陀利. Pa;i: *Punḍarīka*, sen trắng.

⁴¹ Đề bản chép: ba-la 波羅; nên sửa lại là sa-la 沙羅. Pali: *Sāla*.

⁴² Thi-lợi-sa 尸利沙. Pali: *Sirīsa*, Skt. *śirṣa*, hoa hợp hôn (*Huyền ứng âm nghĩa*).

⁴³ Ưu-đầu-bát-la 優頭跋羅. Pali: *Udumbara*.

dưới cây Ni-câu-lưu⁴⁴ mà thành đạo quả. Như Ta Như Lai trong đời hiện tại ngồi dưới cây Cát-tường⁴⁵ mà thành Phật đạo.”

*Vị thứ nhất thành đạo
Dưới cây Ba-la-lợi.
Thi-khí, Phân-đà-lợi.
Tỳ-xá, cây Sa-la.*

*Câu-tôn, cây Thi-lợi.
Câu-na, cây Bạt-la.
Ca-diếp, cây Câu-lưu.
Ta dưới cây Cát tường.*

*Bảy Phật, Thiên trung Thiên,
Soi tỏ khắp thế gian,
Nhân duyên dưới bóng cây,
Mà chúng thành đạo quả.*

“Tỳ-bà-thi Như Lai có đệ tử là đại chúng gồm 16 vạn 8 nghìn người. Thi-khí Như Lai có đệ tử với đại chúng gồm 16 vạn người. Tỳ-xá-phù Như Lai có đệ tử là đại chúng 10 vạn người. Câu-lưu-tôn Như Lai có đệ tử là đại chúng 8 vạn người. [791a] Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai có đệ tử là chúng 7 vạn người. Ca-diếp Như Lai có đệ tử là chúng 6 vạn người. Ta nay chúng đệ tử có 1250 người. Thầy đều là A-la-hán, vĩnh viễn dứt sạch các lậu, không còn các triền phược.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Trăm nghìn sáu vạn tám,
Đệ tử Tỳ-bà-thi.
Trăm nghìn thêm sáu vạn,
Chúng đệ tử Thi-khí.*

⁴⁴ Ni-câu-lưu 尼拘留. Pali: *Nigrodha*, Skt. *nyagrodha*, một loại cây đa hay sung (*Ficus indica*).

⁴⁵ Cát tường 吉祥. Pali: *Assattha*; Skt. *ásvattha*, cây yường thọ (*Ficus religiosa*).

*Chúng Tỳ kheo trăm nghìn,
Đệ tử Tỳ-xá-bà.
Câu-tôn, chúng tám vạn.
Câu-na-hàm bảy vạn
Ca-diếp, chúng sáu vạn.
Thầy đều A-la-hán.*

*Ta nay Thích-ca Vãn,
Nghìn hai trăm năm chục,
Đều là bậc Chân nhân,
Hiện đang hành giáo pháp.
Đệ tử theo di giáo,
Con số không thể lường.*

“Tỳ bà-thi Như Lai có thị giả tên là Đại Đạo Sư.⁴⁶ Thi-khí Như Lai có thị giả tên là Thiện Giác.⁴⁷ Tỳ-xá-phù Như Lai có thị giả tên là Thắng Chúng.⁴⁸ Câu-lưu-tôn Như Lai có thị giả tên là Cát Tường.⁴⁹ Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai có thị giả tên là Tỳ-la-tiên.⁵⁰ Ca-diếp Như Lai có thị giả tên là Đạo Sư.⁵¹ Ta nay có thị giả tên là A-nan.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Đại Đạo và Thiện Giác,
Thắng Chúng và Cát Tường,
Tỳ-la-tiên, Đạo Sư,
A-nan. Bảy thị giả.*

*Những vị này hầu Phật,
Không khi nào sai thời;
Phúng tụng và thọ trì,*

⁴⁶ Đại Đạo Sư. *Trường 1*, thị giả Vô Ưu 無憂. Pali: Asoka.

⁴⁷ Thiện Giác. *Trường 1*, thị giả Nhẫn Hành 忍行. Pali: Khemaṅkaro.

⁴⁸ Thắng Chúng. *Trường 1*, thị giả Tịch Diệt 寂滅. Pali: Upasanto.

⁴⁹ Cát Tường. *Trường 1*, thị giả Thiện Giác 善覺. Pali: Buddhijo.

⁵⁰ Tỳ-la-liên. *Trường 1*, thị giả An Hòa 安和. Pali: Sotthijo.

⁵¹ Đạo Sư. *Trường 1*, thị giả Thiên Hữu 善友. Pali: Sabbamitto.

Không để mất nghĩa lý.

“Tỳ-bà-thi Như ai thọ 8 vạn 4 nghìn tuổi. Thi-khí Như Lai thọ 7 vạn tuổi. Tỳ-xá-phù Như Lai thọ 6 vạn tuổi. Câu-lưu-tôn Như Lai thọ 5 vạn tuổi. Câu-na-hàm Như Lai thọ 4 vạn tuổi. Ca-diếp Như Lai thọ 2 vạn tuổi. Ta ngày nay thọ mạng rất vẫn. Tuổi thọ dài nhất không quá một trăm.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Phật đầu, tám vạn tư.

Phật kế, 7 vạn tuổi.

Tỳ-xá-bà sáu vạn.

Câu-lưu thọ 5 vạn.

[791b] *Gấp đôi số hai vạn
Tuổi thọ Câu-na-hàm.
Ca-diếp thọ hai vạn.
Chỉ Ta thọ trăm tuổi.*

“Như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai quán sát biết rõ tên họ, danh hiệu của chư Phật; tất cả đều rõ ràng; chủng loại, xuất xứ, thấy đều quán triệt; trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, thấy đều thấu rõ.”

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

“Như Lai cũng nói, Như Lai biết rõ quá khứ hằng sa chư Phật đã diệt độ, và vị lai hằng sa chư Phật sẽ xuất hiện. Vì sao Như Lai không ghi nhận những việc làm của ngàn ấy chư Phật, mà nay chỉ nói đến sự tích của bảy vị Phật?”

Phật bảo A-nan:

“Tất cả đều có nhân duyên nên Như Lai chỉ nói sự tích của bảy vị Phật. Hằng sa chư Phật trong quá khứ cũng chỉ nói sự tích của bảy Phật. Tương lai Di-lặc xuất hiện ở đời cũng chỉ nói sự tích bảy Phật. Như khi Sư Tử Ứng Như Lai xuất hiện, cũng sẽ nói sự tích bảy Phật. Khi Phật Thừa Nhu Thuận xuất hiện ở đời, cũng sẽ nói sự tích bảy Phật. Khi Phật Quang Diệm xuất hiện ở đời cũng sẽ nói sự tích bảy Phật. Khi Phật Vô Cấu xuất

hiện ở đời, cũng sẽ ghi nhận sự tích Phật Ca-diếp. Khi Phật Bảo Quang xuất hiện ở đời, cũng sẽ ghi nhận sự tích Thích-ca Văn.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ này:

*Sư Tử, Nhu Thuận, Quang,
Vô Cấu và Bảo Quang,
Tiếp theo sau Di-lặc,
Thấy đều thành Phật đạo.*

*Di-lặc kể Thi-khí.
Sư Tử thuật Tỳ-xá.
Nhu Thuận kể Câu-tôn.
Quang Diệm kể Mâu-ni.*

*Vô Cấu kể Ca-diếp.
Thấy đều nói bởi duyên.
Bảo Quang thành Chánh giác,
Sẽ kể danh hiệu Ta.*

*Phật Chánh giác quá khứ,
Cũng như Phật tương lai,
Đều kể truyện bày Phật,
Và sự tích gốc ngọn.*

“Thầy đều có nhân duyên nên Như Lai ghi nhận danh hiệu chỉ bày Phật thôi.”

A-nan bạch Phật:

“Kinh này tên gì? Phụng hành như thế nào?”

Phật nói:

“Kinh này gọi là “Ký Phật danh hiệu.” Hãy ghi nhớ phụng hành.”

Bấy giờ A-nan và các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

[791c] Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyet.

Bấy giờ trưởng giả Sur Tử đi đến Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Trưởng giả Sur Tử bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Cúi mong tôn giả nhận lời thỉnh của con.”

Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Khi trưởng giả thấy Tôn giả im lặng nhận lời, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân, rồi lui ra.

Ông lại đi đến Đại Mục-kiền-liên, Ly-việt, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên, Mãn Nguyệt Tử, Ưu-bà-ly, Tu-bồ-đề, La-hầu-la, Quân-đầu Sa-di. Các vị thượng thủ như vậy cùng với năm trăm vị.

Bấy giờ trưởng giả trở về nhà sửa soạn đủ các thức ăn hết sức ngon lành, trải các chỗ ngồi rất đẹp. Sau đó, đến thưa là đã đến giờ:

“Thưa các Chân nhân A-la-hán biết cho, nay thức ăn đã dọn xong, cúi mong các vị hạ cố đến nhà con.”

Khi ấy các Đại Thanh văn khoác ba y, cầm bát, đi vào thành, đến nhà ông trưởng giả. Trưởng giả thấy các vị Tôn giả đã yên chỗ ngồi rồi, tự tay san sốt, bưng dọn các thức ăn. Khi thấy Thánh chúng ăn xong, sau khi dùng nước rửa, ông dâng cúng mỗi vị một tấm lụa trắng, và bước lên trước để nhận chú nguyện. Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất thuyết một bài pháp cực kỳ vi diệu cho ông trưởng giả nghe. Sau đó, ngài rời chỗ ngồi đứng dậy, trở về tỉnh thất.

Bấy giờ La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

“Ngươi từ đâu đến đây?”

La-hầu-la đáp:

“Hôm nay con được trưởng giả Sư Tử đến thỉnh.”

Phật hỏi:

“Thế nào, La-hầu-la, ăn uống có ngon hay không ngon?”

La-hầu-la đáp:

“Thức ăn rất ngon và rất dồi dào. Nay con nhận được tám lụa trắng này từ đó.”

Phật hỏi:

“Chúng Tăng đến đó bao nhiêu người? Ai là thượng tọa?”

La-hầu-la bạch:

“Hòa thượng Xá-lợi-phất ở đầu hàng Thượng thủ. Các đệ tử thần đức khác có 500 vị.”

Phật bảo La-hầu-la:

“La-hầu-la, trưởng giả ấy có được phước nhiều không?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn, ông trưởng ấy được phước báo không hề kê xiết. Thí cho một vị A-la-hán, phước còn khó hạn lượng, huống gì các bậc được chư thiên thần diệu cung kính. Hôm nay có 500 vị thấy đều là bậc Chân nhân. Cho nên của phước của ông ấy làm sao mà lường hết được.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Nay công đức do bố thí 500 vị La-hán, so với công đức bố thí cho một sa-môn là người được sai cử thứ tự từ trong Tăng [792a] khi Tăng được thỉnh cúng dường; phước từ người được sai cử trong chúng này so với phước bố thí 500 La-hán, nhiều gấp trăm lần, nghìn lần, hàng ức vạn lần, không thể lấy thí dụ mà biết được. Vì sao? Phước từ người được Chúng sai cử khó mà hạn lượng, đưa đến chỗ cam lộ, diệt tận.

“La-hầu-la, nên biết, như có người tự mình thề rằng, ‘Tôi sẽ uống hết nước trong các sông ngòi. Người ấy có thể làm được như vậy chăng?’”

La-hầu-la bạch Phật:

“Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao? Diêm-phù-địa này rất rộng lớn. Có bốn con sông lớn của Diêm-phù-địa, một là Hằng-già, hai là Tân-đầu, ba là Tu-đà, bốn là Bác-xoa. Mỗi con sông còn có 500 chi lưu. Người ấy không bao giờ có thể uống cho hết được. Chỉ nhọc công mà chẳng bao giờ thành.”

“Người ấy lại nói rằng, ‘Ta tự mình có phương tiện nhân duyên có thể uống hết các con nước.’ Nhân duyên gì mà có thể uống hết các con nước? Khi ấy, người này nghĩ rằng, ‘Tôi sẽ uống nước biển. Vì sao? Tất cả con sông đều đổ vào biển.’ Thế nào, La-hầu-la, người ấy có thể uống hết các con nước chẳng?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bằng phương tiện như vậy thì có thể uống hết các con nước. Vì sao? Tất cả mọi dòng nước đều đổ vào biển. Cho nên người ấy có thể uống hết nước.”

Phật nói:

“Cũng vậy, La-hầu-la. Hết thấy sự bố thí riêng từ đều như dòng nước kia, hoặc được phước, hoặc không được phước. Chúng Tăng như biển cả kia. Vì sao? Cũng như nước của các sông khi đổ vào biển đều mất tên cũ, mà chỉ có một gọi là biển cả. La-hầu-la, ở đây cũng vậy. Nay mười hạng người đều từ trong Chúng mà ra; không có Chúng thì không thành. Những gì là mười? Đó là, hướng Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, hướng Tu-đà-hàm, Từ-đà-hàm, hướng A-na-hàm, A-na-hàm, hướng A-la-hán, đấng A-la-hán, Bích-chi Phật, và Phật. Đó là mười hạng người đều do từ trong Chúng, không đơn độc, không biệt lập.

“La-hầu-la, hãy do phương tiện này mà biết rằng, với người được sai cử từ Chúng, phước ấy không thể hạn lượng. Cho nên, này La-hầu-la, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn cầu phước không thể kể xiết ấy hãy cúng dường Thánh chúng.

“La-hầu-la, nên biết, cũng như người lấy bơ bỏ vào nước, nó đặc lại chứ không tan ra. Nếu đem dầu bỏ vào nước, nó lan

khấp trên mặt nước. [792b] Cho nên, này La-hầu-la, hãy nhớ nghĩ cúng dường Thánh chúng, Tăng Tỷ kheo. La-hầu-la, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ trưởng giả Su Tử nghe Như Lai tán thán phước do bố thí Chúng, chứ không tán thán các phước khác. Vào một lúc khác, ông trưởng giả đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Con có nghe Như Lai tán thán phước do bố thí Chúng, mà không tán thán phước do người được biệt thỉnh. Từ nay về sau, con sẽ thường xuyên cúng dường Thánh chúng.”

Phật nói:

“Ta không nói như vậy, rằng cúng dường Thánh chúng chứ đừng cúng dường người khác. Nay cúng bố thí cho súc sanh còn được phước, huống nữa cho người. Nhưng điều mà Ta nói, là phước nhiều hay ít. Vì sao vậy? Thánh chúng của Như Lai là bậc đáng kính, đáng quý trọng, là ruộng phước tối thượng của thế gian. Nay trong Chúng này có bốn Hương và bốn Quả,⁵² cùng Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, Phật thừa. Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn chúng đắc đạo của ba thừa, hãy tìm cầu từ trong Chúng. Vì sao vậy? Đạo của ba thừa đều xuất từ trong Chúng.

“Này Trưởng giả, Ta quán sát nhân duyên ý nghĩa này cho nên mới nói như vậy. Ta cũng không khuyên dạy người chỉ nên cúng dường Thánh chúng chứ đừng cho các người khác.”

Khi ấy ông trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Đúng vậy, như lời Thế Tôn dạy. Từ nay về sau, nếu có làm phước nghiệp, con thấy đều cúng dường Thánh chúng, không lựa chọn người mà cho.”

⁵² Nguyên Hán: đắc.

Sau đó, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho ông trưởng giả, khiến ông sanh tâm hoan hỷ. Trưởng giả nghe xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân, rồi cáo lui.

Ý của trưởng giả Su Tử lúc bấy giờ muốn lập phước nghiệp. Chư thiên khi ấy đến bảo ông rằng: “Vị này là hướng Tu-đà-hoàn. Vị này đắc Tu-đà-hoàn. Hãy thí cho vị này sẽ được phước nhiều. Thí cho vị kia sẽ được phước ít.” Rồi chư thiên này nói bài kệ:

*Phật khen thí lựa chọn.
Cho vị có đức này,
Cho vị ấy phước nhiều,
Nhu ruộng tốt trở mạ.*

Trưởng giả Su Tử khi ấy im lặng không trả lời. Chư thiên này lại nói với trưởng giả: “Đây là người trì giới. Đây là người phạm giới. Đây là vị hướng Tu-đà-hoàn. Đây là vị đắc Tu-đà-hoàn. Vị này là hướng Tu-đà-hàm. Vị này đắc Tu-đà-hàm. Vị này hướng A-na-hàm. Vị này đắc A-na-hàm. Vị này hướng A-la-hán. Vị này đắc A-la-hán. Vị này là Thanh văn thừa. Vị này là Bích-chi-phật thừa. Vị này là Phật thừa. Thí cho vị này được ít phước. Thí cho vị này được nhiều phước.”

Bấy giờ trưởng giả Su Tử im lặng không trả lời. Vì sao vậy? Ông chỉ nhớ đến giáo giới của Như Lai, là bố thí mà không lựa chọn.

Vào một lúc khác, trưởng Su Tử lại đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Ông nói:

“Con ghi nhớ nên thỉnh Thánh chúng dùng cơm. Có vị Trời đến bảo con, ‘Đây là người trì giới. Đây là người phạm giới. Đây là vị hướng Tu-đà-hoàn. Đây là vị đắc Tu-đà-hoàn.’ Cho đến, cả ba thừa, thầy đều phân biệt. Vị Trời ấy lại nói kệ:

*Phật khen thí lựa chọn.
Cho vị có đức này,
Cho vị ấy, phước nhiều,
Nhu ruộng tốt trở mạ.*

“Khi ấy con lại nghĩ như vậy: Không nên làm trái giáo giới của Như Lai. Há có thể sanh tâm lựa chọn sao? Không bao giờ nên có tâm thị phi ý cao thấp. Rồi con lại nghĩ: Ta sẽ bố thí cho hết thảy mọi loài chúng sanh. Ai trì giới, người ấy được phước vô cùng. Ai phạm giới, tự mình lãnh thọ tai ương. Ta chỉ vì thương xót chúng sanh rằng không ăn thì không thể sống.”

Phật bảo ông trưởng giả:

“Lành thay, lành hay, Trưởng giả, ông có thể nguyện rộng lớn như vậy! Bồ tát bố thí với tâm luôn luôn bình đẳng. Trưởng giả nên biết, khi Bồ tát huệ thí, chur thiên đến bảo rằng, ‘Thiện nam tử, nên biết, đây là người trì giới. Đây là người phạm giới, thí đây, được phước nhiều, thí đây được phước ít.’ Bồ tát bấy giờ không hề có tâm như vậy, rằng ‘Nên thí đây. Không nên thí đây.’ Nhưng Bồ tát giữ tâm ý không có thị phi. Không nói, đây trì giới. Cũng không nói, đây phạm giới. Cho nên, này Trưởng giả, hãy với tâm niệm bình đẳng mà huệ thí, trong lâu dài được phước vô lượng.”

Bấy giờ ông trưởng giả ghi nhớ lời dạy của Như Lai, nhìn chăm chú Thế Tôn, ý không di động, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn thanh tịnh. Sau đó, ông trưởng giả rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi lui ra.

Ông trưởng giả đi chưa bao lâu, Phật nói với các Tỳ kheo:

“Trưởng giả Sư Tử này do ghi nhớ bình đẳng thí, lại nhìn kỹ Như Lai từ đầu đến chân, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn thanh tịnh.”

Rồi Phật bảo các Tỳ kheo:

[793a] “Trong hàng ưu-bà-tắc của Ta, đệ tử đệ nhất bình đẳng thí, đó là trưởng giả Sư Tử.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6⁵³

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng 500 đại Tỳ kheo.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang vá y trong một hang vắng trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy có một nghìn Phạm-di-ca từ cõi Phạm thiên biến mất và xuất hiện trước Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi đứng hầu, và nói bài kệ tán thán này:

*Quy mạng đáng Thượng nhân.
Quy mạng đáng Tôn quý.
Nay chúng tôi không biết
Ngài y nơi thiên nào?*

Sau khi các trời Phạm-di-ca nói xong bài kệ này, Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận. Chư thiên sau khi thấy Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận rồi, bèn cúi lạy dưới chân mà lui.

Chư thiên đi chưa xa, Xá-lợi-phất liền nhập Kim cang tam-muội. Khi ấy có hai con quỷ; một tên là Già-la, và một tên là Ưu-bà-già-la. Chúng được Tỳ-sa-môn Thiên vương sai đi đến Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương để luận bàn việc người và trời. Khi hai con quỷ bay ngang qua hư không, chúng từ xa thấy Xá-lợi-phất ngồi kiết già, buộc niệm trước mắt, tâm ý tịch nhiên định. Quỷ Già-la nói với quỷ kia:

“Bấy giờ ta có thể nắm tay đấm lên đầu sa-môn này.”

Quỷ Ưu-bà-già-la nói với con quỷ thứ hai:

“Người chớ có khởi ý nghĩ đánh lên đầu sa-môn. Vì sao? Sa-môn này có thần đức, có oai lực rất lớn. Vị Tôn giả này tên là Xá-lợi-phất. Trong hàng đệ tử của Thế, ngài là vị thông minh tài cao không ai hơn, là đệ nhất trí tuệ trong các đệ tử. Nếu không, người sẽ chịu khổ vô lượng lâu dài.”

⁵³ Cf. *Tap* (Việt) kinh 1244; Ud. 4.4. Junha.

Nhưng con quỷ kia lặp lại ba lần, nói:

“Ta có thể đánh lên đầu sa-môn này.”

Quỷ Ưu-bà-già-la nói:

“Người không nghe lời ta, thì người cứ ở lại đây. Ta sẽ bỏ người mà đi.”

Con ác quỷ kia nói:

“Người sợ sa-môn sao?”

Quỷ Ưu-ba-già-la nói:

“Ta sợ thật. Nếu người lấy tay đánh sa-môn này, đất này sẽ nứt làm hai. Ngay lúc đó mưa to gió lớn sẽ nổi lên. Đất cũng rung động, chư thiên kinh sợ. Khi đất rung động, Tứ thiên vương cũng kinh sợ. Tứ thiên vương mà kinh sợ, [793b] chúng ta không ở yên được đâu.”

Khi ấy, con ác quỷ nói:

“Ta có thể làm nhục sa-môn này.”

Con quỷ thiện nghe thế liền bỏ đi. Con quỷ ác kia bèn lấy tay đánh vào đầu Xá-lợi-phất. Tức thì, trời đất bị chấn động. Bốn phía mưa to gió lớn kéo đến. Đất liền nứt làm hai. Con quỷ ác này cả toàn thân rơi xuống địa ngục.

Sau đó, Tôn giả Xá-lợi-phất từ tam-muội dậy, sửa lại y phục, và bước xuống núi Kỳ-xà-quật, đi đến Thế Tôn tại vườn Trúc, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Phật bảo Xá-loại-phất:

“Thân thể ông nay không có bệnh tật gì chăng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thân thể con nguyên chẳng bệnh hoạn gì. Duy chỉ có nhức đầu.”

Thế Tôn nói:

“Quỷ Già-la lấy tay đánh vào đầu ông. Nếu nó lấy tay đánh vào núi Tu-di, núi ấy cũng bị vỡ làm đôi. Vì sao? Con quỷ ấy có

sức mạnh to lớn. Nay nó đã chịu tội báo, toàn thân rời vào địa ngục A-tỳ.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Kim cang tam-muội có uy lực như vậy! Do uy lực của tam-muội này, không có gì làm tổn thương được. Giả sử mang cả núi Tu-di mà động vào đầu, nó cũng không hề làm tổn thương một sợi lông. Vì sao vậy? Tỳ kheo, hãy lắng nghe!

“Trong Hiền kiếp này có Phật hiệu Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Đức Phật ấy có hai Đại Thanh vân; một tên là Đẳng Thọ, và một tên là Đại Trí.⁵⁴ Tỳ kheo Đẳng Thọ có thần túc đệ nhất. Tỳ kheo Đại Trí có trí tuệ đệ nhất; như Ta hiện nay có Xá-lợi-phất là trí tuệ đệ nhất và Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất. Hai vị Tỳ kheo này, Đẳng Thọ và Đại Trí, đều đắc Kim cang tam-muội. Vào một lúc, Tỳ kheo Đẳng Thọ nhập Kim cang tam-muội⁵⁵ tại một nơi vắng vẻ. Khi ấy, bọn chăn bò, chăn dê và những người đi lấy củi thấy Tỳ kheo này đang tọa thiền, họ bảo nhau rằng, ‘Sa-môn này hôm nay đã bị vô thường bắt rồi.’ Những người chăn bò và lấy củi bèn gom lá, cây các thứ chất lên mình Tỳ kheo, xong rồi châm lửa đốt, và sau đó bỏ đi. Khi Tỳ kheo Đẳng Thọ rời khỏi tam-muội, sửa lại y phục, rồi bỏ đi. Ngay ngày hôm đó, Tỳ kheo khóac y, cầm bát vào thôn khát thực. Những người lấy củi lượm cỏ thấy Tỳ kheo này vào thôn khát thực, liền bảo nhau, ‘[793c] Tỳ kheo này chết từ hôm qua rồi. Chúng ta đã châm lửa thiêu. Hôm nay ông ấy sống lại. Bây giờ nên đặt tên cho ông, gọi là Hoàn Hoạt.’⁵⁶

“Tỳ kheo nào đắc Kim cang tam-muội, lửa đốt không cháy, dao chém không đứt; xuống nước không bị chìm; không bị ai đá

⁵⁴ Đẳng Thọ 等壽 và Đại Trí 大智. Pali: Sañjīva, Vidhura; cf. D.ii. 7.

⁵⁵ Trung kinh 131, M. 50: nhập diệt tận định (*saññāvedayitanirodha*).

⁵⁶ Hoàn Hoạt 還活, Pali: Sañjīva (cf. M.i. 333), trên kia dịch là Đẳng Thọ.

thương. Như vậy, này Tỳ kheo, Kim cang tam-muội có uy đức như vậy. Nay Xá-lợi-phất đắc tam-muội này. Tỳ kheo Xá-lợi-phất phần nhiều an trú trong hai chỗ, là Không tam-muội và Kim cang tam-muội. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành kim cang tam-muội.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta sẽ dạy các ông, như Tỳ kheo Xá-lợi-phất, là Tỳ kheo trí tuệ, đại trí, phân biệt trí, quảng trí, vô biên trí, tiệp tậ trí, phổ du trí, lợi trí, thậm thâm trí, đoạn trí, thiếu dục trí túc, tịch tĩnh, dững mãnh, niệm không phân tán, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến huệ thành tựu, nhu hòa, vô tránh, đoạn trừ sự ác, đặc biệt tài, huệ biện vô ngại, tán thán sự dứt trừ ác, thường niệm xả ly, thương xót quần sanh, nhiệt hành chánh pháp, thuyết pháp cho người không hề mệt mỏi.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Mười nghìn các dân trời,
Thảy đều Phạm-ca-di,
Tự quy Xá-lợi-phất,
Ở trên đỉnh Linh thú.*

*Quy mạng đáng Thượng nhân.
Quy mạng đáng Tôn quý.
Nay chúng tôi không biết
Ngài y nơi thiên nào?*

*Hoa đệ tử như vậy
Làm đẹp cây Phật đạo.
Như vườn Trú độ⁵⁷ trời,
Khoái lạc không thể sánh.*

⁵⁷ Cây Trú độ (Pali: Pāricchattaka) trên trời Tam thập tam. Xem kinh số 2 phẩm 39. Cf. *Trung I*, knh 2 (tr. 422a20).

“Hoa đệ tử, tức là Tỳ kheo Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Con người này có thể làm đẹp cây Phật, cây Đạo, tức là Như Lai vậy. Như Lai che mát tất cả chúng sanh. Cho nên, Tỳ kheo, hãy chuyên niệm tinh cần, dũng mãnh tinh tấn, như Tỳ kheo Xá-lợi-phất. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵⁸

⁵⁸ Bản hán, hết quyển 45.

CHƯƠNG 9: PHÓNG NGƯỜU

KINH SỐ 1¹

[794a07] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Người chăn bò nếu thành tựu mười một pháp, đàn bò sẽ không bao giờ tăng trưởng; nó cũng không thể giữ gìn bò. Những gì là mười một? Người chăn bò không phân biệt sắc, không hiểu tướng, cần vuốt chải mà không vuốt chải,² không che đậy vết thương lở, không tùy lúc xông khói, không biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, không biết chỗ nào an ổn, không biết chỗ dẫn bò qua sông, không biết thời nghỉ,³ khi vắt sữa mà vắt cạn không biết chừa lại, khi bò đã lớn có thể dùng mà lại không tùy thời chăm sóc.⁴

“Tỳ kheo, đó là mười một pháp mà nếu người chăn bò thành tựu, thì sẽ không thể phát triển đàn bò, không thể chăm sóc thân chúng. Ở đây, Tỳ kheo trong chúng cũng vậy, sẽ không thể thêm ích được gì. Những gì là mười? Không phân biệt sắc, không hiểu rõ tướng, cần vuốt chải mà không vuốt chải, không che đậy vết thương lở, không tùy lúc xông khói, không biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, không biết chỗ nào an ổn, không biết chỗ dẫn bò qua sông, không biết đúng lúc cho ăn, không biết chừa lại, không kính trọng biệt đãi các Tỳ kheo trưởng lão.

¹ Tham chiếu Pali, A. XI. 18 (R. v. 347) , M. 33 Gopāka (R. i. 410). Hán, *Tap* (Việt) 909.

² Hán: ma loát 摩刷. Pali: *na āsāṭikam hāretā*, không diệt trứng ruồi nhặng.

³ Thời nghỉ 時宜, đoạn dưới: thời nghỉ thực, cho ăn đúng lúc.

⁴ Pali: không coi trọng con bò đầu đàn.

“Thế nào là Tỳ kheo không biết sắc? Ở đây, Tỳ kheo, có bốn đại và sắc do bốn đại tạo, mà hoàn toàn không biết. Tỳ kheo, như vậy là không biết sắc.

“Thế nào là Tỳ kheo không hiểu rõ tướng? Ở đây, Tỳ kheo không biết hành vi gì là ngu, hành vi gì là trí; thấy đều không như thật biết. Tỳ kheo, như vậy là không hiểu rõ tướng.

“Thế nào, Tỳ kheo cần vượt chải mà không vượt chải? Ở đây, Tỳ kheo thấy sắc liền khởi tưởng về sắc, có các loạn niệm, lại không thủ hộ nhãn căn; do không khéo nhiếp niệm [794a] nên gây ra các tai ương chồng chất,⁵ không thủ hộ nhãn căn.⁶ Cũng vậy, Tỳ kheo khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm trơn láng, ý biết pháp, mà khởi các tương tạp loạn, cũng không phòng hộ ý căn, không sửa đổi hành vi. Tỳ kheo, như vậy là cần vượt chải mà không vượt chải.

“Thế nào, Tỳ kheo, là không che đậy vết thương? Ở đây Tỳ kheo khởi dục tưởng mà không xả ly, cũng không trừ khử niệm ấy. Hoặc khởi sân tưởng, sát hại tưởng, khởi các tưởng ác bất thiện mà không hề xả bỏ.⁷ Tỳ kheo, như vậy là không che đậy vết thương.

“Thế nào, Tỳ kheo, là không tùy thời xông khói? Ở đây, pháp mà Tỳ kheo đọc tụng không tùy thời nói cho người khác nghe. Như vậy, Tỳ kheo, là không tùy thời xông khói.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết ruộng tốt, nhiều cỏ? Ở đây, Tỳ kheo không biết bốn ý chỉ; không như thật biết. Tỳ kheo, như vậy là không biết ruộng tốt, nhiều cỏ.

⁵ Nguyên Hán: tạo chúng ương điệp 造眾殃疊 (?). Pali: Do không phòng hộ nhãn căn khiến các pháp ác bất thiện, tham, ưu trôi chảy vào.

⁶ Bản Pali: không che đậy vết thương (*na vaṇaṃ paṭicchādetā*): Tỳ kheo không phòng hộ nhãn căn.

⁷ Bản Pali: không diệt trứng ruồi, tức không dứt bỏ ba bất thiện tâm: dục (*kāma vitakkam*), sân (*byāpāda vitakkam*), hại (*vihiṃsā vitakkam*).

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết chỗ qua sông? Ở đây Tỳ kheo không biết tám phẩm đạo của Hiền Thánh. Tỳ kheo, như vậy là không biết chỗ qua sông.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết điều yêu quý⁸? Ở đây, Tỳ kheo, đối với 12 bộ: Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Nhân duyên, Bản mạt, Phương đẳng, Thí dụ, Sanh kinh, Thuyết, Quảng phổ, Vị tăng hữu pháp. Tỳ kheo, như vậy không biết điều được yêu quý.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết thời nghỉ? Ở đây, Tỳ kheo đi đến nhà hèn hạ, nhà cờ bạc. Tỳ kheo, như vậy là không biết thời nghỉ.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết chừa lại? Ở đây, Tỳ kheo có bà-la-môn, ưu-bà-tắc, là những người có tín tâm, đến thỉnh. Nhưng Tỳ kheo ấy tham ăn uống, không biết đủ mà dừng lại. Tỳ kheo, như vậy là không biết chừa lại.

“Thế nào, Tỳ kheo, không kính các Tỳ kheo trưởng lão, cao đức? Ở đây, Tỳ kheo không khởi tâm cung kính người có đức. Tỳ kheo như vậy có nhiều sai phạm. Đó gọi là Tỳ kheo không kính trưởng lão.

“Nếu Tỳ kheo nào thành tựu mười một pháp này, người ấy ở trong chánh pháp này trọn không được điều gì lợi ích.

“Lại nữa, nếu người chăn thành tựu mười một pháp, người ấy có thể chăm sóc đàn bò không hề thất thời, được nhiều lợi ích. Những gì là mười một? Ở đây người chăn bò biết sắc, biết phân biệt tướng, cần vượt chài thì vượt chài, che đậy vết thương lở, thù thời xông khói, biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, biết chỗ qua sông, biết yêu mến bò, phân biệt [794c] thời nghỉ, biết tính hạnh, khi vắt sữa thì biết chừa lại, tùy thời chăm sóc con bò đang được dùng. Như vậy người chăn bò chăm sóc đàn bò.

⁸ Bất tri sở ái 不知所愛, không có trong liệt kê trên. Có thể dịch khác từ “không biết chỗ nào an ổn.”

“Cũng vậy, cũng như người chẵn bò, Tỳ kheo thành tựu mười một pháp mà không mất thời tiết, trọn không bị trở ngại. Tỳ kheo thành tựu mười một pháp như vậy, ngay trong hiện pháp, được nhiều điều lợi ích. Những gì là mười một? Ở đây, Tỳ kheo biết sắc, biết tướng, biết vượt chái, biết che đậy vết thương, biết xông khói, biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, biết điều đáng yêu, biết chọn đường đi, biết chỗ qua sông, biết kính Tỳ kheo trưởng lão mà tùy thời lễ bái.

“Thế nào là Tỳ kheo biết sắc? Ở đây, Tỳ kheo biết sắc bốn đại, và cũng biết sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là Tỳ kheo biết sắc.

“Thế nào là Tỳ kheo biết tướng? Ở đây, Tỳ kheo biết tướng ngu, biết tướng trí; biết như thật. Như vậy, Tỳ kheo biết tướng.

“Thế nào là Tỳ kheo biết vượt chái? Ở đây, Tỳ kheo khi khởi tâm niệm dục tướng, liền biết xả ly, không thân cận, vĩnh viễn không có dục tướng. Khi sân tướng, hại tướng, các tướng ác bất thiện khởi lên, liền biết xả ly, không thân cận, vĩnh viễn không có sân tướng các thứ. Như vậy, Tỳ kheo biết vượt chái.

“Thế nào là Tỳ kheo biết che đậy vết thương? Ở đây, Tỳ kheo khi mắt thấy sắc mà không khởi sắc tướng, cũng không nhiễm trước, mà làm thanh tịnh nhãn căn; trừ khử các pháp ác bất thiện, sầu ưu, tâm không tham đắm, ở trong đó mà thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, Tỳ kheo khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết trơn láng, ý biết pháp mà không khởi thức tướng, cũng không nhiễm trước, mà thanh tịnh ý căn. Như vậy, Tỳ kheo biết che đậy vết thương.

“Thế nào, Tỳ kheo biết xông khói? Ở đây, Tỳ kheo nói lại cho người khác pháp mà mình đã từng nghe. Như vậy, Tỳ kheo biết xông khói.

Thế nào, Tỳ kheo biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ? Ở đây, Tỳ kheo như thật biết tám phẩm đạo Hiền Thánh. Như vậy, Tỳ kheo biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ.

“Thế nào, Tỳ kheo biết điều đáng yêu quý? Ở đây, Tỳ kheo nghe pháp bảo mà Như Lai đã nói, trong tâm liên yêu quý. Như vậy, Tỳ kheo biết điều đáng yêu quý.

“Thế nào, Tỳ kheo biết chọn đường đi? Ở đây, Tỳ kheo đối với 12 bộ kinh⁹ biết lựa chọn mà hành. Đó là, Khế kinh, Kỳ-đạ, Thọ quyết, Kệ, Nhân duyên, Bản mạt, Phương đẳng, Thí dụ, [795a] Sanh kinh, Thuyết, Quảng phổ, Vị tăng hữu pháp. Như vậy, Tỳ kheo biết chọn đường đi.

“Thế nào, Tỳ kheo biết chỗ qua sông? Ở đây, Tỳ kheo biết bốn niệm xứ.¹⁰ Đó là Tỳ kheo biết chỗ qua sông.

“Thế nào, Tỳ kheo biết ăn vừa đủ no?¹¹ Ở đây, Tỳ kheo có bà-la-môn, ưu-bà-tắc, là những người có tín tâm, đến thỉnh. Tỳ kheo không tham ăn uống, có thể biết đủ mà dừng lại. Tỳ kheo, như vậy là vừa đủ.

“Thế nào, Tỳ kheo tùy thời cung kính Tỳ kheo trưởng lão? Ở đây, Tỳ kheo hằng với thiện hành bởi thân, miệng, ý đối với các Tỳ kheo trưởng lão. Như vậy Tỳ kheo tùy thời cung phụng các Tỳ kheo trưởng lão.

“Tỳ kheo thành tựu mười một pháp như vậy, ở ngay trong hiện pháp, được nhiều điều lợi ích.”

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

*Chấn bò không buông lung,
Người chủ được nhiều phước.
Sáu bò trong sáu năm,
Lần lượt thành sáu chục.
Tỳ kheo giới thành tựu,
Tự tại trong thiền định,
Sáu căn được vắng lặng,*

⁹ Hán dịch có chỗ bất nhất. Trên kia, đây là mục Tỳ kheo biết điều sở ái.

¹⁰ Đoạn trên, bốn ý chỉ (niệm xứ) trong mục biết ruộng cỏ. Tám Thánh đạo, trong mục biết chỗ qua sông.

¹¹ Văn dịch không nhất quán. Ở đây, vắt sữa biết chừa lại.

Sáu năm thành sáu tông.

“Nhu vậy, Tỳ kheo, nếu ai có thể xa lìa pháp ác này, thành tựu mười một pháp kể sau cùng này, người ấy ở trong hiện pháp được nhiều điều lợi ích. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu Tỳ kheo thành tựu mười một pháp này chắc chắn có điều được tăng trưởng. Những gì là mười một? Ở đây, Tỳ kheo thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, các căn tịch tĩnh, ăn uống biết đủ, hằng tu hành cộng pháp, và cũng biết phương tiện ấy, phân biệt nghĩa ấy, không đắm lợi dưỡng. Như vậy Tỳ kheo, nếu thành tựu mười một pháp này, có khả năng để tăng trưởng. Vì sao vậy? Tất cả các thực hành, chân chánh có mười một pháp.”

Lúc bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Vì sao chân chánh có mười một pháp, mà không nhiều hơn?”

“Những gì là mười một?¹² Đó là, a-lan-nhã, khát thực, ngồi một chỗ, ăn một bữa, ăn đúng giữa trưa, ăn không chọn nhà, thủ ba y, ngồi dưới gốc cây, ngồi giữa trời trống, chỗ nằm tĩnh, mặc y vá, hoặc ở tại bãi tha ma.¹³ Đó là Tỳ kheo nếu thành tựu mười một pháp này, thì [795b] có điều sở đắc.

¹² Hán dịch sót một đoạn Phật trả lời A-nan.

¹³ Mười một hạnh đầu đà, xem kinh 5 phẩm 12; văn dịch trong 2 đoạn có một điểm khác nhau

“Nay Ta lại nói thêm cho ông biết. Nếu ai trong mười một năm học pháp này, tức hiện thân thành A-na-hàm, chuyển thân thành A-la-hán.

“Nay các Tỳ kheo, hãy bỏ qua mười một năm. Nếu ai trong chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm học pháp này, người ấy sẽ thành một trong hai quả, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

“Hãy bỏ qua mười hai tháng. Tỳ kheo nào có thể trong một tháng tu hành pháp này, Tỳ kheo ấy chắc chắn thành một trong hai quả: hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Vì sao vậy? Mười hai nhân duyên đều xuất từ mười một pháp. Đó là, sanh, già, bệnh, chết, ưu, sầu, khổ, não.

“Nay Ta dạy các Tỳ kheo, hãy như Tỳ kheo Ca-diếp. Giả sử có người hành pháp khiêm khổ, khó có hành nào sánh kịp. Vì sao? Tỳ kheo Ca-diếp đã thành tựu mười pháp này. Nên biết, các Như Lai¹⁴ trong quá khứ thành đấng chánh giác cũng do thành tựu mười một pháp khổ này. Nay Tỳ kheo Ca-diếp, vì thương tưởng hết thầy chúng sanh. Nếu cúng dường các Thanh văn quá khứ, thân sau mới được báo ứng. Giả sử cúng dường Ca-diếp, ngay thân này mà thọ nhận báo ứng. Giả sử Ta không thành Vô thượng Đẳng chánh giác, sau sẽ do Ca-diếp thành Đẳng chánh giác. Do nhân duyên này, Ca-diếp vượt hơn các Thanh văn quá khứ. Ai có thể hành như Ca-diếp, ấy là hành tối thượng. Như vậy Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

¹⁴ Trong bản: Đa-tát-a-kiệt 多薩阿竭.

Bấy giờ Phật đang thuyết pháp cho vô số chúng sanh vây quanh trước sau. Trong lúc ấy, Xá-lợi-phất đang dẫn một số đông các Tỳ kheo đi kinh hành. Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Ca-chiên-diên, Mãn Nguyên Tử, Ưu-ba-li, Tu-bồ-đề, La-hầu-la, và Tỳ kheo A-nan; mỗi vị đều dẫn một số đông Tỳ kheo an trú. Đề-bà-đạt-đâu cũng dẫn số đông Tỳ kheo kinh hành.

Khi ấy, Thế Tôn thấy các đệ tử có thần túc,¹⁵ mỗi vị đang dẫn số chúng kinh hành. Thấy như vậy, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Những kẻ thiện thì đi với thiện. Những kẻ ác thì đi với ác. Cũng như sữa với sữa thì hòa với nhau; bơ với bơ hòa với nhau; [795c] phân tiêu, mỗi thứ mỗi tương ứng với nhau. Ở đây cũng vậy, do căn nguyên của chúng sanh mà pháp sở hành mỗi mỗi tương ứng với nhau. Thiện tương ứng với thiện. Ác tương ứng với ác. Các ông có thấy Xá-lợi-phất đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Những người như vậy đều là các bậc trí tuệ.”

Lại bảo các Tỳ kheo:

“Các ông có thấy Mục-kiền-liên đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Tỳ kheo ấy đều là những vị có thần túc.”

¹⁵ Ở đây nên hiểu là các đệ tử nổi tiếng, được nhiều người biết (Pāli: *abhiññāta*).

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Ca-diếp đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật bói:

“Các vị thượng sỹ đó đều là những người hành pháp đầu đà.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy A-na-luật đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sỹ đều là những vị thiên nhân đệ nhất.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Ly-việt không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Những người đó là những nhập định.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Ca-chiên-diên không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các vị Thượng sỹ đó đều là những người phân biệt nghĩa lý.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Mãn Nguyên Tử không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sĩ ấy đều là các Tỳ kheo thuyết pháp.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Ưu-ba-ly không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Những vị đó đều là những người trì cấm luật.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Tu-bồ-đề không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Thượng nhân ấy đều là những vị giải Không đệ nhất.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo La-hầu-la không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sĩ ấy đều là những vị giới đầy đủ.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo A-nan không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sỹ ấy đều là những vị đa văn; điều gì đã nghe một lần sẽ không bao giờ quên.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Đề-bà-đạt-đâu [796a] đang dẫn nhiều người đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Những người ấy đứng đầu làm ác, không có gốc rễ thiện.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Chớ bạn với người xấu.
Chớ từng sự người ngu.
Hãy bạn với người lành;
Giao thiệp với người trí.

Nếu người vốn không ác,
Do thân cận người ác,
Sau sẽ thành nhân ác.
Tiếng ác khắp thiên hạ.*

Bấy giờ hơn ba mươi đệ tử của Đề-bà-đạt-đâu, sau khi nghe Thế Tôn nói bài tụng này, xả bỏ Đề-bà-đạt-đâu mà đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, cầu sửa đổi trọng tội. Lại bạch Thế Tôn:

“Chúng con ngu hoặc không biết chân nguy, bỏ thiện tri thức mà theo ác tri thức. Cúi xin Thế Tôn rộng lượng tha thứ. Về sau không dám tái phạm.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Ta chấp thuận các ông sám hối, sửa lỗi cũ, tu tập điều mới, chớ có tái phạm.”

Rồi các đệ tử của Đề-bà-đạt-đâu vâng theo lời giáo giới của Thế Tôn, sống tại chỗ nhàn tĩnh, tư duy diệu nghĩa, tự mình khắc kỷ hành pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu

tóc, xuất gia học đạo, để tu phạm hạnh vô thượng. Khi ấy, các Tỳ kheo này đều đắc A-la-hán.

“Tỳ kheo, nên biết, căn nguyên của chúng sanh theo loại mà về với nhau. Ác đi theo ác, thiện đi theo thiện. Căn nguyên chúng sanh trong quá khứ, tương lai, cũng đều như vậy, theo loại mà đi với nhau. Như tịnh thì tương ứng với tịnh; bất tịnh tương ứng với bất tịnh. Cho nên, Tỳ kheo, hãy cùng tương ứng với tịnh, xả ly bất tịnh. Như vậy Tỳ kheo hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Câu-lu-sa trong thành Pháp hành,¹⁶ cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Lúc bấy giờ Tượng Xá-lợi-phất¹⁷ trả lại pháp phục, trở về đời sống bạch y. Vào một lúc nọ, A-nan khóac y, cầm bát vào thành khát thực, lần hồi đi đến nhà Tượng Xá-lợi-phất. Trong lúc đó, Tượng Xá-lợi-phất đang đứng tựa trên vai hai người phụ nữ. A-nan từ xa trông thấy thế, trong lòng buồn rầu, không vui. Tượng Xá-lợi-phất trông thấy A-nan, cảm thấy rất xấu hổ, bèn ngồi xuống một mình.

A-nan khát thực xong, ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, [796b] cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

“Vừa rồi con vào thành khát thực, lần hồi đi đến nhà của Tượng Xá-lợi-phất, thấy ông đang đứng tựa trên vai hai người nữ. Thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu.”

Thế Tôn nói:

¹⁶ Câu-lu-sa Pháp hành thành 拘留沙法行城. Pali: Kammāsadamma (Kammāsadhamma), thị trấn của người Kuru.

¹⁷ Tượng Xá-lợi-phất 象舍利弗, Pali: Hatthisāriputta, cũng gọi là Citta Hatthisāriputta, hay Hatthirohaputta. Ông xả giới hoàn tục sáu lần.

“Ông thấy vậy rồi, có ý nghĩ gì?”

A-nan bạch Phật:

“Con nghĩ, Tượng Xá-lợi-phất tinh tấn, đa văn, tính hạnh nhu hòa, thường thuyết pháp cho các vị đồng phạm hạnh mà không hề biết mệt mỏi, sao nay lại trả pháp phục, trở về đời sống bạch y? Sau khi thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu. Thế nhưng, Tượng Xá-lợi-phất ấy có thần lực lớn, uy đức vô lượng. Con nhớ lại, xưa kia thấy ông đã từng đàm luận với Thích Đề-hoàn Nhân, sao nay lại đuổi theo dục vọng làm điều xấu?”

Thế Tôn nói:

“Đúng vậy, A-nan, như điều ông nói. Nhưng ông ấy không phải là A-la-hán. Nếu là A-la-hán thì không trả lại pháp phục mà trở về đời sống bạch y. Nhưng thôi, A-nan, chớ có sầu ưu. Sau bảy ngày nữa, Tượng Xá-lợi-phất sẽ trở lại trong đây, rồi sẽ dứt sạch các lậu, thành A-la-hán. Bởi vì Tượng Xá-lợi-phất ấy bị nghiệp đời trước lôi kéo nên mới thành như vậy. Nay hành đã đầy đủ, sẽ dứt sạch các lậu.”

Bấy giờ, bảy ngày sau, Tượng Xá-lợi-phất đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, ông đứng dậy bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn hứa khả cho con tu hành đời sống sa-môn ở hàng thấp nhất.”

Khi ấy Tượng Xá-lợi-phất liền được nhận làm sa-môn, ngay sau đó từ trên chỗ ngồi mà đăc A-la-hán.

Vào một thời Tượng Xá-lợi-phất khoác y, cầm bát vào thành khát thực. Khi ấy có một bà-la-môn gặp ông, liền có ý nghĩ rằng, “Nhưng ông con nhà họ Thích này, không chỗ nào không có, khắp mọi nơi, lẩn cắt đứt chú thuật mà chúng ta thực hành. Bây giờ ta hãy vào thành nói cho mọi người biết những cái xấu của sa-môn.”

Rồi bà-la-môn này vào thành, nói với mọi người:

“Các người có thấy ông Tượng Xá-lợi-phất này không? Xưa ông tự xưng mình là A-la-hán, Nửa chừng cởi bỏ pháp phục, trở về đời sống bạch y, hưởng thụ ngũ dục. Nay lại làm sa-môn, đi khất thực từng nhà làm ra vẻ trong sạch. Nhưng khi nhìn thấy phụ nữ thì ý tưởng dục tình nổi dậy, trở về già-lam mà nhớ tưởng nữ sắc mà trong lòng không dứt. Giống như con lừa hèn yếu không đủ sức mang chõ nặng mà lặng lẽ nằm yên. Bọn con nhà họ Thích này cũng vậy, giả trang đi khất thực, thấy nữ sắc thì suy nghĩ trừ tính.”

Tượng Xá-lợi-phất khi nghe bà-la-môn này rao truyền tiếng xấu như vậy, bèn suy nghĩ rằng, “Người này rất là ngu si mới khởi tâm tật đố. Thấy người được lợi dưỡng thì tâm tham lam ganh tị nổi lên. Nếu mình được lợi dưỡng thì trong lòng vui sướng. Cho nên ông đến nhà bạch y làm việc phi báng. Nay ta nên ngăn lại chớ để làm ác, để người này sẽ không chịu tội báo vô lượng.”

Rồi thì, Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, nói với bà-la-môn:

*Không mắt, không tai khéo,
Khởi ý chê phạm hạnh;
Tự gây nghiệp vô ích,
Địa ngục khô lâu dài.*

Tượng Xá-lợi-phất nói bài kệ này xong, trở lại bình thường, và quay về chỗ ở của mình.

Bấy giờ người trong thành đã nghe lời phi báng của bà-la-môn, lại nghe bài kệ của Tượng Xá-lợi-phất, họ nghĩ như vậy: “Nếu đúng như lời bà-la-môn, thì sự thị hiện thần thông sau đó khó làm được. Nhưng chúng ta đã thấy ông này cởi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y.”

Rồi thì, mọi người cùng nhau đi đến chỗ Tượng Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, có đông người hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

“Có vị A-la-hán nào mà cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y chăng?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Không có vị A-la-hán nào cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y.”

Mọi người lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

“Có vị A-la-hán nào do duyên đời trước mà phạm giới không?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Đã đắc A-la-hán thì không bao giờ còn phạm giới.”

Mọi người lại hỏi:

“Những vị trong hàng học địa có ai do duyên đời trước mà phạm giới không?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Những vị ở hàng học địa có khi vì duyên đời trước mà phạm giới.”

Mọi người lại hỏi:

“Tôn giả trước kia là A-la-hán, rồi cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Nay xuất gia học đạo trở lại. Trước kia ngài có thần thông, sao lại như vậy?”

Bấy giờ Tượng Xá-lợi-phất nói bài kệ này:

*An trú thiền thế tục
Rốt cuộc không giải thoát,
Không được đạo diệt tận,
Nên quay hướng ngũ dục.

Hết củi, lửa cũng tắt.
Không rẽ, cành không sanh.
Thạch nữ không mang thai.
La-hán không còn lậu.*

Khi ấy mọi người lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

“Tôn giả trước kia không phải là [797a] La-hán chăng?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Tôi trước kia không phải là A-la-hán. Nay các Cư sỹ, nên biết, năm thông và sáu thông khác nhau. Nay tôi sẽ nói mười một thứ thần thông.

“Phàm Tiên nhân đắc năm thứ thần thông, ái dục đã hết,¹⁸ nếu sanh lên trời thì sau cũng rơi trở lại Dục giới. A-la-hán có sáu thông, đệ tử của Như Lai, đắc lậu tận thông, tức thì ở ngay trong Niết-bàn giới vô dư mà bát-niết-bàn.”

Mọi người lại hỏi:

“Chúng con quán sát lời nói của ngài Tượng Xá-lợi-phất, biết rằng thế gian không có vị A-la-hán nào mà lại cõi bỏ pháp phục trở về đời sống bạch y.”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như các người nói. Không có A-la-hán nào mà cõi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Có mười pháp, mà A-la-hán không tập theo. Mười một pháp ấy là gì? A-la-hán lậu tận không bao giờ cõi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y. A-la-hán lậu tận không bao giờ tập theo hạnh bất tịnh. A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sanh. A-la-hán lậu tận không bao giờ trộm cắp. A-la-hán lậu tận ăn mà không bao giờ cất giữ đồ thừa. A-la-hán lậu tận không bao giờ nói dối. A-la-hán lậu tận không bao giờ hòa theo phe đảng. A-la-hán lậu tận không bao giờ phun lời hung dữ. A-la-hán lậu tận không bao giờ có hồ nghi. A-la-hán lậu tận không bao giờ sợ hãi. A-la-hán lậu tận không bao giờ nhận ai khác làm Thầy và cũng không bao giờ nhập thai trở lại.

“Này các Hiền sỹ, đó là mười một trường hợp không bao giờ xảy đối với một vị A-la-hán.”

¹⁸ Nguyên Hán: ái dục dĩ tận 欲愛已盡. Dịch ngữ không chính xác, do đó không nên nhầm với ái tận giải thoát (Pali: *tāṇhakkhayavimutti*) của A-la-hán. Đây chỉ Tiên nhân ly dục, những vị đắc sơ thiên, không bị lôi cuốn bởi ham muốn dục giới.

Bấy giờ, mọi người bạch Tượng Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng con nghe những điều Tôn giả nói, và quán sát những người ngoại đạo dị học, giống như quán sát cái bình rỗng, chẳng có gì bên trong cả. Ở đây, quán sát nội pháp, chúng con thấy giống như bình đựng mật, ngọt không thể kể. Chánh pháp của Như Lai ở đây cũng vậy. Bà-la-môn kia sẽ chịu vô lượng tội.”

Khi ấy Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, ngồi kiết già, nói bài kệ này:

*Không hiểu pháp đây, kia,
Mà hành thuật ngoại đạo;
Gây đấu loạn đây kia.
Người trí không làm vậy.*

Bấy giờ, những người Câu-lưu-sa bạch với Tượng Xá-lợi-phất rằng:

“Những điều được nói là quá nhiều; thật khó sánh kịp. Như người mù mà được mắt sáng. Như người điếc mà được nghe. Nay những điều Tôn giả nói cũng giống như vậy. Ngài đã dùng nhiều phương tiện để thuyết pháp. Chúng con hôm nay tự quy y Như Lai, quy y Pháp, và Tăng Tỳ kheo. Cúi mong Tôn giả nghe cho, [797b] nhận chúng con làm ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh.”

Rồi Tượng Xá-lợi-phất nói những pháp vi diệu cho mọi người nghe, khiến họ phát sanh tâm hoan hỷ. Mọi người rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân rồi cáo lui.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe nói bà-la-môn báng bô Tượng Xá-lợi-phất mà không đạt được gì, nên nhìn kỹ Tượng Xá-lợi-phất còn không dám, huống nữa là tranh luận. Nghe vậy, Tôn giả đi đến Thế Tôn, đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ Phật bảo A-nan:

“Phàm nói về bình đẳng A-la-hán, phải nói đến Tượng Xá-lợi-phất Vì sao vậy? Nay Tượng Xá-lợi-phất đã thành A-la-hán.

Cái danh A-la-hán được truyền tụng trước đó, nay mới đạt được. Năm thứ thần thông của thế tục không phải là hành chân thật, rồi sau sẽ mất. Sáu thần thông mới là hành chân thật. Các người hãy học theo Tượng Xá-loi-phất. Hãy nhớ nghĩ mà phụng hành ý nghĩa này.”

Bấy giờ A-nan nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nay ta sẽ nói về pháp nhân duyên. Hay suy niệm kỹ, và tu tập hạnh này.”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ kheo vâng lời Thế Tôn dạy.

Thế Tôn nói:

“Ở đây, thế nào là pháp nhân duyên? Đó là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có chết, duyên chết có ưu, bi, khổ, não, không thể kể xiết, như vậy thành thân năm ấm.

“Thế nào là vô minh? Đó là, không biết Khổ, không biết Tập, không biết Tận, không biết Đạo. Đó gọi là vô minh.

Thế nào là hành? Hành có ba loại. Thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó gọi là hành.

“Thế nào là thức? Sáu thức thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức. Đó là thức.

Thế nào là danh? Thọ, tướng, niệm, xúc, tư duy. Đó là danh. Thế nào là sắc? Đó là thân bốn đại và sắc do thân bốn đại tạo. [797c] Đó gọi là sắc. Sắc là một cái khác và danh là một cái khác, nên gọi là danh sắc.

“Thế nào là sáu xứ? Sáu nội xứ. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ. Đó là sáu xứ.

“Thế nào là xúc? Đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là xúc.

“Thế nào gọi là thọ? Ba thọ. Những gì là ba? Lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó gọi là thọ.

“Thế nào là ái? Ba ái thân. Dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Đó là ái.

“Thế nào là thủ? Bốn thủ. Những gì là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó là bốn thủ.

“Thế nào hữu? Ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Đó là hữu.

“Thế nào là sanh? Đầy đủ xuất xứ, lãnh thọ các hữu, đạt được năm uẩn, lãnh thọ các xứ. Đó gọi là sanh.¹⁹

“Thế nào là già? Từng loại từng loại chúng sanh, mà ở đây nơi thân thể răng rụng, tóc bạc, khí lực khô cạn, các căn chín rục, thọ mạng ngày càng suy, thức cũ không phục hồi. Đó gọi là già.

“Thế nào là chết? Từng loại từng loại chúng sanh, mà dần dần thân thể không còn hơi ấm, vô thường biến dịch, năm thân thuộc chia lìa, thân năm uẩn bị vất bỏ, mạng căn bị cắt đứt. Đó gọi là chết.

¹⁹ Định nghĩa này rất gần với Pali, nhưng văn dịch không được rõ. Cf. D. 22 (R.ii. 305): *yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jāti sañjāti okkanti abhinibbatti khandhānaṃ pātubhāvo āyatanānaṃ paṭilābho, ayaṃ vuccati, bhikkhave, jāti*, “từng loại từng loại chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sanh, sản sanh, nhập thai, chuyển sanh, năm uẩn xuất hiện, nhận được các xứ, đó gọi là sanh.”

“Tỳ kheo, nên biết, đó gọi là già, bệnh, chết. Đây là pháp nhân duyên mà ý nghĩa được phân biệt rộng rãi. Những gì mà Chư Phật Như Lai cần làm với tâm từ ái, Ta nay đã làm xong. Các người hãy đến dưới gốc cây, ngồi ngoài trời trống, hay giữa bãi tha ma, hay nhớ nghĩ tọa thiền. Chớ ôm lòng ngại khổ. Nay không tinh tấn, sau hối hận vô ích.”

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

“Như Lai đã giảng thuyết cho các Tỳ kheo gốc rễ nhân duyên sâu xa. Nhưng con quán sát thấy nghĩa ấy không có gì sâu.”²⁰

Thế Tôn nói:

“Thôi, thôi, A-nan, chớ có khởi lên ý tưởng ấy! Vì sao? Mười hai nhân duyên cực kỳ thậm thâm, không phải là điều mà người thường có thể hiểu. Xưa kia, khi Ta chưa giác ngộ pháp nhân duyên này nên trôi nổi sanh tử, không có lúc thoát ly.

“Lại nữa, A-nan, không phải chỉ ngày nay ông mới nói pháp nhân duyên không có gì sâu xa, mà xưa cũng đã từng nói pháp ấy không sâu xa rồi. Vì sao vậy?

“Trong quá khứ xa xưa, có vua A-tu-la tên là Tu-diệm, chợt có ý nghĩ này, muốn [798a] bóc mặt trời, mặt trăng ra khỏi nước của biển cả. Ông hóa thân cực kỳ to lớn, mà nước biển cả chỉ ngang hông. Bấy giờ vua A-tu-la này có người con tên là Câu-na-la, tâu với vua cha rằng: ‘Nay con muốn xuống tắm nước biển.’ A-tu-la Tu-diệm nói: ‘Chớ nên ham thích tắm trong nước biển. Vì sao? Nước biển vừa rất sâu, vừa rộng; không thể ở trong nước biển mà tắm được.’ Câu-na-la nói, ‘Nay con thấy nước biển chỉ ngang hông của Đại vương thôi; vì sao lại nói là rất sâu?’ Khi ấy vua A-tu-la liền nắm người con thả xuống trong nước biển. Chân của đứa con này không chạm đến đáy nước nên trong lòng nó rất kinh sợ. Vua A-tu-la bấy giờ mới bảo con: ‘Cha đã bảo con là nước biển rất sâu, mà con lại nói,

²⁰ Cf. *Trung 24*, kinh 97, A-nan phát biểu tương tự. Cf. *Trường 10*, kinh 13; Pali, D. 15 Mahānidāna.

chẳng sao. Duy chỉ mình cha là có thể ở trong biển lớn mà tắm gội. Nhưng con thì không thể.’

“A-tu-la Tu-diệm bây giờ là ai khác chẳng? Chớ nghĩ như vậy Tu-diệm tức là thân Ta vậy. Con của A-tu-la khi ấy là ông vậy. Ông đã từng nói, ‘Không sao.’ Nay lại nói, pháp mười hai nhân duyên không có gì sâu thẳm. Chúng sanh mà không thấu hiểu pháp mười hai nhân duyên nên trôi nổi sanh tử không có ngày xuất ly; thấy đều mê hoặc không nhận thức rõ gốc rễ của hành; từ đời này đến đời sau; từ đời sau đến đời này, vĩnh viễn ở trong năm điều bức não, mong được xuất ly thật là quá khó. Ta khi mới thành Phật đạo tư duy mười hai nhân duyên, hàng phục Ma và quyến thuộc của nó, do trừ vô minh mà được ánh sáng của trí tuệ, bóng tối hoàn toàn bị diệt trừ, không còn trần cấu.

“Lại nữa, A-nan, Ta ba lần chuyển mười hai chi để thuyết minh duyên do²¹ này, khi đó tức thì thành tựu Giác đạo. Do phương tiện này mà biết rằng pháp mười hai duyên rất là sâu thẳm, không phải điều mà người thường có thể công bố. Như vậy, A-nan, hãy nhớ nghĩ sâu thẳm mà phụng trì pháp mười hai nhân duyên này. Hãy nhớ học điều này.”

Bây giờ A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành La-duyệt, trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Lúc bấy giờ trong thành La-duyệt có một bà-la-môn tên là Thi-la, biết đủ các thuật, nhớ thuộc các điển tịch của ngoại đạo dị học. Thiên văn, địa lý, không thứ gì ông không thông suốt. Ông lại dạy dỗ 500 đồng tử bà-la-môn.

²¹ Nguyên hán: duyên bản, đồng nghĩa với từ *nidāna* (Pali), có khi được dịch là nhân duyên.

Trong thành ấy cũng có một bà-la-môn nữa ên là [798b] Sí-ninh, hiểu biết rất nhiều, được vua Tần-bà-sa-la yêu kính, tùy thời cúng dường, cấp dưỡng bà-la-môn các thứ nhu yếu.

Bấy giờ danh tiếng Như Lai được truyền đi ắt xa, rằng Ngài là Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn, độ vô lượng người, xuất hiện ở đời. Bà-la-môn Sí-ninh liền khởi lên ý nghĩ này: “Danh hiệu Như Lai thật khó được nghe. Nay ta muốn đến đo thăm hỏi, thân cận, lễ kính.” Rồi bà-la-môn Sí-ninh đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Sa-môn Cù-đàm, thuộc chủng tánh nào?”

Phật nói:

“Ta thuộc chủng tánh sát-lợi.”

Bà-la-môn nói:

“Các bà-la-môn nói như vậy, ‘Chủng tánh của chúng ta hào quý nhất không gì hơn.’ Có người nói chủng tánh da trắng. Có người nói chủng tánh da đen. Những người bà-la-môn tự cho là được sanh bởi Phạm thiên. Nay Sa-môn Cù-đàm có luận gì về những điều này?”

Phật nói:

“Này Bà-la-môn, nên biết, ai có hôn nhân, cưới hỏi, mới cần đến chủng tánh hào quý. Nhưng trong Chánh pháp của Ta, không có cao thấp, không có danh tánh thị phi.”

Bà-la-môn hỏi:

“Thế nào, Cù-đàm, có sanh xứ²² thanh tịnh, sau đó pháp mới được thanh tịnh.”

Phật bảo bà-la-môn:

²² Sanh xứ, đây hiểu là huyết thống thọ sanh (Pāli: jāti).

“Ông cần pháp thanh tịnh, hay sanh xứ thành tịnh?”

Bà-la-môn nói:

“Các bà-la-môn đều nêu lên luận đề này, ‘Chúng tánh của ta hào quý, không ai hơn.’ Có người nói chúng tánh da trắng. Có người nói chúng tánh da đen. Những người bà-la-môn tự cho là được sanh bởi Phạm thiên.”

Phật hỏi ông bà-la-môn:

“Giả sử người nữ sát-lợi lấy chồng thuộc gia đình bà-la-môn, khi sanh con trai, nó sẽ theo chủng tánh nào?”

Bà-la-môn nói:

“Nó sẽ được nói là chúng tánh bà-la-môn. Vì sao? Do thân hình người cha mà có được đứa con này.”

Phật hỏi:

“Nếu người nữ bà-la-môn lấy chồng nhà sát-lợi, khi sanh con trai, nó thuộc chủng tánh nào?”

Bà-la-môn đáp:

“Người đó sẽ thuộc chủng tánh sát-lợi. Vì sao? Do di hình của cha mà có đứa con này.”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ông hãy suy nghĩ chín chắn rồi sau đó mới trả lời Ta. Điều ông nói trước sau không phù hợp nhau. Thế nào, bà-la-môn, lừa theo ngựa, sau đó sanh con câu.²³ Ông sẽ nói nó là ngựa hay lừa?”

Bà-la-môn đáp:

“Loại như thế sẽ được gọi là con ngựa lừa.²⁴ Vì sao? Do di hình của lừa mà được con câu này.”

Phật bảo bà-la-môn:

²³ Nguyên Hán: câu 駒, ngựa con; cũng chỉ lừa con.

²⁴ Hán: lô mã 驢馬, con ngựa có liên hệ đến lừa. Phân biệt với mã lô 馬驢 nói sau. Lưu ý danh từ làm định ngữ.

[798c] “Ông hãy suy nghĩ chín chắn rồi sau đó trả lời Ta. Điều ông nói ở đây, trước sau không phù hợp. Trước đó ông nói, nếu con gái sát-lợi đi lấy chồng nhà bà-la-môn, khi sanh con, nó sẽ thuộc chủng tánh bà-la-môn. Ở đây, lừa theo ngựa sanh câu, ông lại nói nó là ngựa lừa. Như vậy không mâu thuẫn với lời nói trước đó chẳng? Giả sử, này Bà-la-môn, nếu ngựa theo lừa mà sanh câu. Gọi nó là con gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Gọi nó là con lừa ngựa.”

Phật hỏi:

“Thế nào, bà-la-môn, con lừa ngựa, với con ngựa lừa, có khác gì nhau chẳng? Có người nói, ‘Một học báu.’ Người khác nói, ‘Báu một học.’ Cả hai nghĩa có khác gì nhau chẳng?”

Bà-la-môn đáp:

“Đây chỉ một nghĩa. Vì sao? Báu một học, hay một học báu, ý nghĩa chẳng khác gì nhau.”

Phật hỏi:

“Thế nào, bà-la-môn, con lừa ngựa, và con ngựa lừa, đây không phải là một nghĩa²⁵ sao?”

Bà-la-môn nói:

“Ở đây tuy Sa-môn Cù-đàm có nói như vậy, nhưng bà-la-môn tự cho là. ‘Chúng tánh của ta hào quý không ai hơn.’”

Phật nói:

“Ông trước đó khen cha Sau đó khen mẹ. Nếu cha thuộc tánh bà-la-môn, mẹ cũng thuộc tánh bà-la-môn, sau đó, sanh hai người con. Trong đó, về sau, một đứa biết nhiều kỹ thuật, không việc gì không rành. Đứa thứ hai chẳng biết gì. Khi ấy, cha mẹ chúng biệt đãi đứa nào? Biệt đãi đứa con trí tuệ, hay đứa không biết gì?”

²⁵ Nghĩa 義, đây nên hiểu là vật. Pali: *attha*, hay Skt. *artha*.

Bà-la-môn đáp:

“Cha mẹ chúng tất sẽ biết đãi đũa cao đức, thông minh, chứ không biết đãi đũa không có trí tuệ. Vì sao? Ở đây, đũa con này không việc gì không biết, không việc gì không rành, cho nên phải biết đãi nó, mà không biết đãi đũa con không trí tuệ.”

Phật bảo bà-la-môn:

“Trong hai đũa con ấy, đũa thông minh về sau nổi lên ý tưởng làm việc sát sanh, trộm cướp, dâm dật, cả mười pháp ác. Đũa không thông minh kia thì giữ hành vi của thân, miệng, ý. Mười pháp thiện, không phạm một pháp nào. Cha mẹ ấy sẽ kính đãi đũa nào?”

Bà-la-môn đáp:

“Cha mẹ tất sẽ kính đãi đũa con hành mười điều thiện. Đũa hành bất thiện kia thì kính đãi làm gì?”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ông trước khen đa văn, Ssau khen giới. Thế nào, bà-la-môn, giả sử có hai người con; một người từ cha chuyên chánh²⁶ nhưng từ mẹ không chuyên chánh; một người từ cha không chuyên chánh nhưng từ mẹ chuyên chánh. Người con có mẹ chánh nhưng cha không chánh không việc gì không rành, biết rộng các kinh thơ, kỹ thuật, Đũa thứ hai có cha chánh [799a] nhưng mẹ không chánh không học rộng nhưng trì mười điều thiện. Cha mẹ chúng nên kính đãi đũa nào? Kính đãi đũa có mẹ tịnh nhưng cha không tịnh, hay đũa có cha tịnh nhưng mẹ không tịnh?”

Bà-la-môn đáp:

“Nén kính đãi đũa con có mẹ tịnh. Vì sao? Vì nó biết kinh thơ, rộng các kỹ thuật. Còn đũa con thứ hai, cha tịnh nhưng mẹ

²⁶ Chuyên chánh 專正, đoạn dưới nói là tịnh 淨, đều chỉ ý nghĩa huyệt thông thuần tịnh tức không bị lai giống.

không tịnh, tuy trì giới nhưng không có trí tuệ, thì rốt cuộc chẳng làm được gì. Có văn thì có giới.”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ông trước khen cha tịnh, không khen mẹ tịnh. Nay lại khen mẹ tịnh, không khen cha tịnh. Trước khen phẩm đức nghe, sau khen cấm giới. Rồi lại nói giới sau đó mới nói văn. Thế nào, bà-la-môn, trong hai đứa con kia, một đứa nghe nhiều, học rộng, kiêm trì mười điều thiện. Đứa thứ hai có trí tuệ kiêm hành mười điều ác. Cho mẹ chúng nên kính đấng nào?”

Bà-la-môn đáp:

“Nên kính đấng đứa con nào mà có cha tịnh nhưng mẹ không tịnh. Vì sao? Người ấy mà bác lãm kinh thư, hiểu biết nhiều kỹ thuật, ấy là do cha tịnh mà sanh được đứa con này, kiêm hành mười điều thiện không có điều vi phạm, tất cả các phẩm đức đều đầy đủ.”

Phật nói:

“Ông trước đó chủ trương chùng tánh. Sau đó lại nói văn mà không nói chùng tánh. Sau nữa lại nói giới mà không nói văn. Rồi sau nữa lại nói văn mà không nói giới. Nay ông khen cha, mẹ, văn, giới, há không mâu thuẫn với điều nói trước đó?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Sa-môn Cù-đàm tuy có nói như vậy, nhưng những người bà-la-môn tự cho rằng, ‘Chùng tánh của ta hào quý nhất không ai hơn.’”

Thế Tôn nói:

“Những ai có cưới hỏi thì mới nói đến chùng tánh. Nhưng trong pháp ta, không có nghĩa đó. Ông có nghe nói đến người ở nước láng giềng, nước xa, và những người biên địa khác nữa không?”

“Vâng, tôi có nghe nói đến những người này.”

Thế Tôn nói:

“Nhân dân trong các nước này có hai hạng chủng tánh.²⁷ Những gì là hai? Một là con người, hai là nô lệ. Hai chủng tánh này cũng không nhất định.”

Lại hỏi:

“Thế nào là bất định?”

Phật nói:

“Có khi trước là người, sau đó là nô lệ. Có khi trước làm nô lệ, sau làm người. Tuy nhiên, các loại chúng sanh hết thay đổi một loại chứ không có nhiều loại khác nhau. Khi trời đất hủy diệt, thế gian trở thành trống không. Khi ấy núi, sông, vách đá, cỏ cây các thứ vân vân đều bị thiêu hủy hết. Con người cũng mạng chung. Khi trời đất sắp sửa chuyển thành, bảy giờ chưa có mặt trời, mặt trăng, hạn kỳ năm tháng. [799b] Lúc bấy giờ trời Quang âm đến chốn này. Khi phước của trời Quang âm sắp hết, ánh sáng tinh không còn, dần dần nhìn nhau chúng khởi dục tưởng. Ai dục ý nhiều hơn thì trở thành người nữ. Ai có dục ý ít hơn, thành người nam. Chúng giao tiếp với nhau mà thành bào thai. Do nhân duyên này mà có con người đầu tiên. Dần dần chuyển sanh bốn chủng tánh lan tràn trong thiên hạ. Do phước thiện này mà biết rằng, mọi người đều xuất xứ từ chủng tánh sát-lợi.”²⁸

Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Thôi, Cù-đàm. Như người gù được đứng thẳng, người mù được mắt, trong tối thấy ánh sáng. Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, bằng vô số phước thiện nói pháp cho con nghe. Nay con tự quy y Sa-môn Cù-đàm. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp, nhận con làm ưu-bà-tắc.”

Rồi bà-la-môn lại bạch Thế Tôn:

“Cúi mong Như Lai nhận lời mời của con.”

²⁷ Nguyên hán: tánh 姓, chỉ giai cấp xã hội.

²⁸ Cf. *Trường 6*, kinh 5 Tiểu duyên; Pali, D 24 Aggañña.

Khi ấy Thế Tôn im lặng nhân lời. Bà-la-môn thấy Thế Tôn im lặng nhân lời mời, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân rồi lui đi.

Ông trở về nhà, sửa soạn các thứ thức ăn, trải các chỗ ngồi, rảy nước thơm lên đất và tự nói rằng: “Nhu Lai sẽ ngồi chỗ này.”

Trong lúc ấy bà-la-môn Thi-la dẫn 500 đệ tử đến nhà bà-la-môn Ninh-sí. Từ xa, trông thấy nhà ấy đang trải các chỗ ngồi sang trọng, bèn hỏi bà-la-môn Ninh-sí:

“Nhà ông hôm nay đang cưới gả con trai, con gái, hay muốn mời Vua Tần-và-sa-la nước Ma-kiệt chăng?”

Bà-la-môn Sí-ninh đáp:

“Tôi không thỉnh mời vua Tần-bà-sa-la, cũng không có việc cưới gả con. Hôm nay tôi muốn gây dựng phước nghiệp lớn.”

Bà-la-môn Thi-la hỏi:

“Mong được nghe rõ ý ông, muốn làm phước nghiệp gì?”

Khi ấy bà-la-môn Ninh-sí trả lời bà-la-môn Thi-la rằng:²⁹

“Thi-la, nên biết, có vị con nhà Thích xuất gia học đạo, thành vô thượng Chí chân Đẳng chánh giác. Tôi nay thỉnh Phật và Tăng Tỳ kheo, nên mới bày biện trải các chỗ ngồi như vậy.”

Bà-la-môn Thi-la hỏi:

“Bà-la-môn Sí-ninh, ông nói Phật phải không?”

Đáp:

“Tôi nói Phật.”

Lại hỏi:

²⁹ Để bản: Phạm chí thiên lộ hữu kiên trường quy xoa thủ bạch Thế tôn từ trần tánh danh Thi la 梵志偏露右肩。長跪叉手。白世尊自陳姓名施羅 (19 chữ); đoạn văn này không phụ hợp sự việc đang xảy ra. Ở đây dịch theo bản Nguyên Minh: Si-ninh phạm chí báo Thi la phạm chí viết 翅甯梵志報施羅梵志曰 (10 chữ).

“Thật là kỳ diệu, thật hy hữu, nay được nghe tiếng Phật. Nhưng Phật đang ở đâu? Tôi muốn gặp.”

Sí-ninh nói:

“Đang ở trong vườn Trúc, ngoài thành La-duyet, cùng với 500 đệ tử.³⁰ Ông muốn gặp, hãy đến đó. Nên biết đúng lúc thích hợp.”

Bấy giờ ông bà-la-môn này dẫn 500 đệ tử đi đến [799c] chỗ Phật. Đến nơi, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Khi ấy bà-la-môn Thi-la có ý nghĩ này: “Sa-môn Cù-đàm thật là đẹp. Thân màu hoàng kim. Trong kinh thơ của ta có nói, Như Lai xuất hiện ở đời, thật khó gặp. Cũng như hoa ưu-đàm-bát lâu lắm mới trở hoa. Nếu thành tựu 32 tướng và 80 vẻ đẹp, sẽ có hai con đường. Nếu sống tại gia, sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ. Nếu xuất gia học đạo, chắc chắn thành Đạo vô thượng, là đáng Chí tôn³¹ trong ba cõi. Nay ta muốn nhìn thấy 32 tướng của Phật.” Nhưng lúc đó bà-la-môn chỉ quan sát được 30 tướng, không thấy hai tướng kia. Ông còn đang hồ nghi do dự, là không thấy tướng lưỡi dài, và mã âm tàng.” Bà-la-môn Thi-la bèn nói bài kệ để hỏi:

*Tôi nghe ba mươi hai
Tướng tốt bậc Đại nhân.
Nay không thấy hai tướng.
Rốt lại, chúng ở đâu?*

*Mã âm tàng trình khiết,
Tướng này khó thí dụ.
Tướng lưỡi có rộng dài,
Đến tai, che cả mặt?*

³⁰ Việt dịch bỏ 4 từ: tự tương ngu lạc 自相娛樂, vốn dịch từ *viharati*: an trú; do đó không thể dịch sát: “cùng vui thú với nhau.” Vừa ngây ngô mà dễ gây ngộ nhận.

³¹ Nguyên hán: Thế hựu 世祐, có khi dịch là Thế Tôn, dịch từ *bhagava*.

*Mong thấy lưới rộng dài,
Để tôi không hồ nghi.
Mong cho tôi được thấy,
Để cắt đứt lưới nghi.³²*

Bây giờ Thế Tôn liền thè lưới ra, hai bên liếm đến tai. Rồi Ngài rút lưới trở lại, và nhập tam-muội, khiến cho bà-la-môn trông thấy mã âm tàng. Bà-la-môn sau khi thấy 32 tướng và 80 vẻ đẹp của Phật, hoan hỷ phần chân không thể dùng được. Bà-la-môn Thi-la liền bạch Phật:

“Ồ đây tôi là bà-la-môn. Sa-môn là dòng sát-lợi. Nhưng sa-môn, bà-la-môn đều chung một con đường, tìm cầu một giải thoát như nhau. Sa-môn có thừa nhận chúng ta cùng một con đường chăng?”

Phật bảo [800a] bà-la-môn:

“Ông có thấy vậy chăng?”

Bà-la-môn đáp:

“Tôi thấy như vậy.”

Phật bảo:

“Ông hãy khởi tâm ý hướng về một giải thoát duy nhất, đó là chánh kiến.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Chánh kiến tức là một giải thoát duy nhất, hay còn có giải thoát nào nữa?”

Thế Tôn nói:

“Còn có giải thoát khác nữa, để đắc Niết-bàn. Sự ấy có tám. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Bà-la-môn, đó là đạo có tám chi dẫn đến Nết-bàn.”

Bà-la-môn hỏi:

³² Bản Hán, hết quyển 46.

“Có chúng sanh nào biết được đạo tám chi này không?”

Phật nói:

“Số ấy không chỉ một trăm nghìn. Bà-la-môn, nên biết, có vô số trăm nghìn chúng sanh biết đạo tám chi ấy.”

Bà-la-môn hỏi:

“Có hạng chúng sanh nào không hiểu được đạo tám chi này chăng?”

Phật nói:

“Hạng chúng sanh không hiểu, không phải chỉ một người.”

Bà-la-môn hỏi:

“Có hạng chúng sanh nào không thể đắc pháp này chăng?”

Phật nói:

“Cũng có hạng chúng sanh không đắc đạo. Hạng người ấy có mười một. Những gì là mười một? Đó là, gian nguy, ác ngữ, khó can gián, không biết đền trả, hay ganh tị, giết cha mẹ, giết A-la-hán, đoạn thiện căn, việc thiện trở lại làm ác, chấp có ngã, khởi ác niệm nhắm đến Như Lai. Bà-la-môn, đó là mười một hạng người không thể đạt đến đạo tám chi này.”

Khi Phật nói đạo tám chi này, ông bà-la-môn liền dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi bà-la-môn Thi-la nói với 500 đệ tử:

“Các người ai có sở thích gì thì hãy tự mình tụng tập. Ta nay muốn theo Như Lai khéo tu phạm hạnh.”

Các đệ tử bạch rằng:

“Chúng con cũng muốn xuất gia học đạo.”

Bấy giờ, bà-la-môn cùng 500 đệ tử thầy đều quỳ xuống, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Cúi mong Thế Tôn nhận cho chúng con xuất gia học đạo.”

Phật nói:

“Hãy khéo đến đây, Tỳ kheo! Hãy đến với Như Lai mà tu hành phạm hạnh vô thượng, để dần dần dứt sạch nguồn khổ.”

Như Lai nói xong lời này, 500 bà-la-môn tức thì thành sa-môn. Sau đó Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói các đề tài vi diệu cho 500 người này nghe; đề tài về thí, về giới, sanh thiên, dục là bất tịnh tướng, xuất yếu là an lạc. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Thế Tôn bấy giờ rộng nói chi tiết cho những người này nghe. Tức thì 500 người hoàn toàn dứt sạch các lậu, đắc pháp thượng nhân.

Bấy giờ **[800b]** bà-la-môn Sí-ninh đến báo:

“Đã đến thời, cúi mong thần đức hạ cố.”

Thế Tôn nói với Thi-la và 500 Tỳ kheo:

“Các ông thầy đều khóac y, cầm bát.”

Rồi Phật cùng với một nghìn Tỳ kheo vây quanh trước sau đi vào thành, đến nhà bà-la-môn, ngồi trên chỗ dọn sẵn.

Khi bà-la-môn Sí-ninh thấy 500 bà-la-môn đều đã trở thành sa-môn, bèn nói rằng:

“Lành thay! Các ông đã đi theo con đường chân chánh, không có gì hơn nữa.”

Bà-la-môn Thi-la nói với bà-la-môn Sí-ninh bằng bài kệ này:

*Ngoài đây, không pháp nào
Vượt hơn pháp yếu này.
So loại tợ như vậy,
Chỉ thiện không đâu hơn.*

Bấy giờ bà-la-môn Sí-ninh bạch Thế Tôn:

“Cúi mong Thế Tôn hoan hỷ đơi thêm chút nữa. Chúng con đang bày biện thêm thức ăn.”

Phật nói:

“Thức ăn đã làm, đúng thời thì dọn lên, chớ sợ không đủ.”

Bà-la-môn Sí-ninh vô cùng hoan hỷ, tự thân bưng sót thức ăn cúng dường Phật và Tăng Tỳ kheo. Sau khi Thế Tôn và Tăng

Tỳ kheo ăn xong, cất dọn chén bát xong, bà-la-môn rải đủ các loại hoa lên Phật Tăng Tỳ kheo, rồi bước lên trước bạch Phật rằng:

“Kính bạch Thế Tôn, hết thầy trai gái lớn nhỏ trong nhà con đều cầu xin Thế Tôn nhận là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.³³”

Vợ của bà-la-môn lúc đang mang thai. Bà hỏi Phật:

“Con đang mang thai, không biết là trai hay gái, cũng xin từ quy y Như Lai. Cúi xin nhận con là ưu-bà-di.”

Bấy giờ Như Lai nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Ngay trên chỗ ngồi, Ngài nói kệ rằng:

*Đẹp thay, phước báo này!
Sở nguyện đều thành tựu.
Dẫn đến chỗ an ổn,
Không còn lo tai hoạ;
Khi chết, sanh lên trời.
Giả sử các Ma thiên
Cũng không thể khiến cho
Người làm phước đọa tội.

Những ai cầu phương tiện,
Trí tuệ của Thánh Hiền,
Sẽ dirt sạch gốc khổ,
Vĩnh viễn xa tám nạn.*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bấy giờ bà-la-môn Sí-ninh nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7³⁴

Tôi nghe như vậy:

³³ Trong bản Hán không có ưu-bà-di.

³⁴ Tham chiếu Pali, M 65 Baddāli, 66 Laṭukikopama. Hán, *Trung*, kinh 194, kinh 192.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta hằng ăn một lần ngồi,³⁵ thân thể nhẹ nhàng, khí lực khỏe mạnh. Tỳ kheo các ông cũng nên ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng, khí lực mạnh khỏe, để có thể tu phạm hạnh.”

Lúc bấy giờ Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

“Con không thể ăn một bữa. Vì sao vậy? Khí lực con sẽ yếu ớt.”

Phật nói:

“Nếu ông đến nhà đàn-việt, ăn một phần, còn một phần mang về nhà.”³⁶

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

“Con cũng không thể thực hành pháp này.”

Phật nói:

“Cho phép ông phá bỏ trai,³⁷ mà ăn thông qua ngày.”

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

“Con cũng không thể thi hành pháp này.”

Khi ấy, Thế Tôn im lặng không trả lời.

³⁵ Nhất tọa thực 一坐食. Pali: *ekāsana*, có hai giải thích. Hoặc *eka-asana*: một bữa ăn; hoặc *eka-āsana*: một chỗ ngồi. Tất cả các bản Hán đều hiểu theo nghĩa sau. Ý nghĩa này liên hệ hai điều luật. Thứ nhất, liên hệ điều luật phi thời thực. Thứ hai, liên hệ điều luật dư thực pháp.

³⁶ Quan điểm của Đại chúng bộ về nhất tọa thực. Quan điểm này không được Thượng tọa bộ và Hữu bộ đồng tình.

³⁷ Hán: hoại trai 壞齋, có thể ăn quá Ngọ. Điểm tranh luận giữa Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ, Cf. *Tứ phần 54* (tr. 969c18): nhị chỉ sao thực 二指抄食. Pali, Pali: *dvaṅgulakappa*, nhị chỉ tịnh, được giải thích: *dvaṅgulāya chāyāya vītivattāya*, (được phép ăn quá trưa) khi bóng chưa quá hai ngón tay. Liên hệ điều luật phi thời thực. Vin.ii. 230.

Bấy giờ Ca-lưu-đà-di vào lúc sắp tối, mặt trời lặn, khoác y cầm bát vào thành khất thực. Khi ấy trời rất tối. Ưu-đà-di³⁸ lần hồi đi đến nhà một trưởng giả kia. Vợ của ông trưởng giả đang mang thai, nghe có tiếng sa-môn khất thực ngoài cửa, liền bung com ra để cho. Nhưng vì Ưu-đà-di có sắc da cực kỳ đen, lại gặp lúc trời đang mưa, chớp giật khắp nơi, cho nên khi vợ ông trưởng giả ra công vừa thấy một ông sa-môn sắc da cực kỳ đen, tức thì kinh hãi la lớn:

“Quý! Trời ơi, tôi gặp quý!”

Ngay lúc ấy thai nhi bị chấn thương nên mạng chung.³⁹

Sau đó, Ca-lưu-đà-di trở về tinh xá, ưu sầu không vui, ngồi mà suy nghĩ hối hận không còn kịp. Lúc bấy giờ trong thành Xá-vệ có tiếng đồn xấu như vậy: “Sa-môn họ Thích dùng chú thuật làm trụ thai con của người ta.” Trong đó, trai gái bảo nhau: “Thời giờ này các sa-môn đi đứng vô độ, ăn không biết phải thời, giống như người bạch y tại gia, có gì khác?”

Bấy giờ, số đông các Tỳ kheo nghe mọi người bàn luận lý lẽ như vậy: “Sa-môn họ Thích không biết chừng mực, lui tới bất kể.” Trong số đó, có Tỳ kheo tri giời hoàn hảo cũng tự oán trách: “Thật là không thích hợp đối với chúng ta.” Rồi họ đi đến Phật cúi đầu lạy dưới chân, và đem hết nhân duyên ấy thuật lên đức Thế Tôn.. Thế Tôn bảo một Tỳ kheo:

“Ông đi gọi Ca-lưu-đà-di đến đây.”

Tỳ kheo ấy vâng lời Phật, tức thì đi gọi Ưu-đà-di. Ưu-đà-di nghe Phật gọi, vội vàng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

“Có thật hôm qua vào lúc tối mặt trời lặn ông vào thành khất thực, đến nhà trưởng giả, khiến cho vợ ông ấy trụ thai chẳng?”

³⁸ Trong bản: Ưu-đà-di 優陀夷, tức Ca-lưu-đà-di nói trên. Vì Ưu-đà-di (Pali: Udāyi) có nước da rất đen, nên xươc danh là *Ca-la* (Pali: *kāla*, đen).

³⁹ *Trung*, *ibid*, và Pali,*ibid*., bà chỉ hoảng sợ, nhưng không chết.

Ưu-đà-di bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Ưu-đà-[801a]di:

“Ông vì sao không phân biệt thời tiết, nhằm lúc trời sắp mưa mà vào thành khát thực? Việc làm của ông không thích hợp. Thiện gia nam tử xuất gia học đạo mà lại tham đắm chuyện ăn?”

Ưu-đà-di liền rời chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

“Từ nay về sau con không dám tái phạm nữa. Cúi mong hể tôn nghe cho con sám hối.”

Bấy giờ Phật bảo A-nan:

“Ông hãy kíp đánh kiền chùy, tập họp các Tỳ kheo tại giảng đường Phổ hội.

A nan vâng lời Phật dạy, liền tập họp các Tỳ kheo vào giảng đường Phổ hội, rồi đến trước Phật, bạch rằng:

“Các Tỳ kheo đã tập họp. Bạch Thế Tôn, giờ là lúc thích hợp.”

Khi ấy Thế Tôn liền đi đến giảng đường, ngồi xuống giữa, nói với các Tỳ kheo:

“Chư Phật trong thời quá khứ xa xưa đều chỉ ăn một lần ngồi. Các Thanh văn cũng ăn một lần ngồi. Chư Phật và các đệ tử trong tương lai cũng chỉ ăn một lần ngồi. Vì sao vậy? Đó là pháp yếu để hành đạo. Hãy ăn một lần ngồi. Nếu ai có thể ăn một lần ngồi, thân thể nhẹ nhàng, tâm được mở tỏ. Do tâm đã mở tỏ mà được các thiện căn. Do được các thiện căn mà đắc tam-muội. Do đắc tam-muội mà như thật biết. Như thật biết những gì? Như thật biết Khổ đế. Như thật biết Khổ tập đế. Như thật biết Khô tận đế. Như thật biết Khổ xuất yếu đế.

“Các người, những thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, xả bỏ tám nghiệp ở đời mà không biết thời tiết, vậy có khác gì với những con người tham dục kia? Bà-la-môn có pháp riêng của bà-la-môn. Ngoại đạo có pháp riêng của ngoại đạo.”

Lúc bấy giờ Ưu-ba-li bạch Thế Tôn:

“Chư Phật trong quá khứ và chư Phật trong tương lai đều ăn một lần ngồi. Cúi mong Thế Tôn hạn định thời gian ăn cho các Tỳ kheo.”

Thế Tôn nói:

“Nhu Lai cũng đã có nhận thức đó. Nhưng vì chưa có người sai phạm. Phải đợi khi ngay trước mắt có người phạm tội, Ta mới chế luật.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta chuyên ăn một lần ngồi. Các ông cũng nên ăn một lần. Nay, các ông chỉ ăn giữa ngày mà không được quá thời.

“Các ông cũng nên học pháp khát thực. Tỳ kheo học pháp khát thực như thế nào? Ở đây, Tỳ kheo chỉ vì mục đích duy trì mạng sống. Được cũng không vui, mà không được cũng không buồn. Khi được thức ăn, hãy tư duy mà ăn. Ăn không với tâm tham đắm, mà chỉ cốt giữ cho thân này được tồn tại, trừ khử bệnh⁴⁰ cũ **[801b]**, không gây thêm bệnh mới, khiến cho khí lực sung túc. Tỳ kheo, như vậy gọi là khát thực.

“Tỳ kheo các người, hãy ăn một lần ngồi. Tỳ kheo, thế nào là ăn một lần ngồi? Đã đứng dậy rồi, ăn xong, không ăn trở lại nữa; nếu ăn, là phạm.⁴¹ Tỳ kheo, như vậy gọi là ăn một lần ngồi.

“Tỳ kheo các người, cũng nên nhận được thức ăn rồi mới ăn.⁴² Thế nào là Tỳ kheo nhận được rồi mới ăn? Ở đây, Tỳ kheo đã được thức ăn rồi, lại được thêm nữa thì có thể nhận. Nhưng đã ăn xong, không được ăn trở lại. Như vậy, Tỳ kheo nhận được thức ăn thì ăn.

⁴⁰ Đề bản: thống 痛 . TNM: bệnh.

⁴¹ Các bộ luật như nhau: Tỳ kheo ăn xong (đã đứng dậy), rồi ăn lại, hay ăn thêm, phải tác pháp dư thực.

⁴² Điều luật: Tỳ kheo ăn xong, nếu nhận được thêm nữa, có thể ăn nhưng phải tác pháp dư thực.

“Tỳ kheo các người, nên khoác ba y,⁴³ nên ngồi dưới gốc cây; nên ngồi chỗ nhàn tĩnh; nên ngồi ngoài trời trống, khô hành; nên khoác y chấp mảnh; nên sống trong bãi tha ma; nên khoác y tồi tàn. Vì sao vậy? Người sống thiếu dục thì được khen ngợi.

“Nay Ta dạy các ông, hãy như Tỳ kheo Ca-diếp. Vì sao vậy? Tỳ kheo Ca-diếp tự mình hành mười hai pháp đầu đà, và cũng khuyến khích người khác hành theo pháp yếu này.

“Nay Ta dạy các ông, hãy như Tỳ kheo Diện Vương,⁴⁴ Vì sao vậy? Tỳ kheo Diện Vương khoác loại y thô xấu tồi tàn, không bận các thứ tốt đẹp.

“Tỳ kheo, đó là giáo huấn của Ta. Hãy chuyên tâm tu tập. Tỳ kheo, hãy học như vậy.”

Bấy giờ, Bạt-đề-bà-la trải qua ba tháng⁴⁵ không đến gặp Thế Tôn. Khi vừa hết ba tháng, A-nan đi đến Bạt-đề-bà-la, nói rằng:

“Nay chư Tăng đang khâu vá y. Như vậy, Như Lai sẽ du hành trong nhân gian. Nay thầy không đến gặp, sau này hối hận vô ích.”

Rồi A-nan dẫn Bạt-đề-bà-la đến chỗ Thế Tôn. Bạt-đề-bà-la cúi đầu lạy dưới chân Phật, và bạch rằng:

“Cúi mong Thế Tôn nghe cho con sám hối. Từ nay về sau sẽ không tái phạm nữa. Như Lai chế cấm giới, mà con không vâng lãnh. Cúi mong Thế Tôn rủ lòng tha thứ.”

Ông nói như vậy ba lần. Bấy giờ Phật bảo Bạt-đề-bà-la:

“Ta nhận cho ông sám hối lỗi lầm, về sau chớ có phạm nữa. Vì sao vậy? Ta tự nghĩ, sống chết vô số, có khi làm thân lừa, loa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, nuôi dương thân bốn đại này bằng

⁴³ Luật quy định: mỗi Tỳ kheo chỉ được sở hữu ba y, không được quá.

⁴⁴ Diện Vương, xem kinh 6 phẩm 4. Tham chiếu, A.i.25: Thọ trì y phục thô xấu (*lūkhacīvaradhārānam*) là Mogharājāti.

⁴⁵ *Trung*, ibid., suốt ba tháng hạ an cư.

cỏ. Hoặc ở trong địa ngục, ăn nuốt sắt nóng. Hoặc ở trong loài ngựa quý hằng ăn máu mủ. Hoặc có khi làm người, ăn năm thứ thóc gạo này. Hoặc sanh làm thân trời, ăn cam lộ tự nhiên. Trong vô số kiếp, hình mạng cùng cạnh tranh mà chưa hề biết nhàm đủ, Ưu-ba-ly,⁴⁶ nên biết, như lửa gặp củi, mới đầu không biết đủ. [801c] Như biển nuốt các sông, không bao giờ biết đủ. Nay, kẻ phàm phu cũng vậy, tham ăn không biết nhàm đủ.”

Rồi Thế Tôn nói kệ:

*Sanh tử không đoạn tuyệt,
Thấy đều do tham dục.
Oán ghét thêm lớn ác,
Điều người ngu quen làm.*

“Cho nên, Bạt-đà-bà-la, hãy chuyên niệm thiểu dục tri túc. Như vậy, Ưu-ba-ly*, hãy học điều này.”

Rồi bấy giờ Bạt-đà-bà-la, sau khi nghe những điều Như Lai dạy, sông tại chỗ nhàn tĩnh mà tự mình khắc kỷ, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, là như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa. Bấy giờ, Bạt-đà-bà-la thành A-la-hán.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Trong đệ tử của Ta, đệ nhất trong các Thanh văn ăn nhiều là Tỳ kheo Cát Hộ⁴⁷ vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

⁴⁶ Nguyên trong bản.

⁴⁷ Cát Hộ 吉護, dịch nghĩa của Bạt-đà-bà-la, Skt. Bhadrupāli (?). Pali, ibid.: Baddāli.

Một thời Phật ở trong thôn Ương-nghê, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Mọi người đều gọi các người là sa-môn. Giả sử có người hỏi, ‘Các ông có phải là sa-môn không?’ Các ông cũng trả lời, ‘Tôi là sa-môn.’”

“Nay Ta nói với các người về hành của sa-môn, và hành của bà-la-môn. Các người hãy suy niệm tu tập, về sau nhất định đạt thành kết quả, như thật, không thể sai khác. Vì sao vậy? Có hai hạng sa-môn. Có sa-môn tập hành. Có sa-môn thệ nguyện.

“Thế nào gọi là sa-môn tập hành? Ở đây, Tỳ kheo đi đứng, tới lui, nhìn ngó, dung mạo khóac y, bưng bát, thấy đều đứng như pháp. Không đắm tham dục, sân hận, ngu si. Duy chỉ trì giới, tinh tấn không phạm các điều phi pháp, học các giới. Đó gọi là sa-môn tập hành.

“Thế nào gọi là sa-môn thệ nguyện? Ở đây, hoặc có Tỳ kheo mà oai nghi, giới luật, ra vào, tới lui, bước đi, dung mạo, nhìn ngó, cử động, thấy đều như pháp, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, ở ngay trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ mà an trú, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa. Đó gọi là sa-môn thệ nguyện.

“Tỳ kheo, đó là hai hạng sa-môn.”

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Thế nào [802a] là pháp hành của sa-môn, pháp hành của bà-la-môn?”

Phật bảo A-nan:

“Tỳ kheo ăn uống biết đủ, ngày đêm kinh hành, không mất thời tiết, hành các đạo phẩm.

“Thế nào là Tỳ kheo có các căn tịch tĩnh? Ở đây, Tỳ kheo, khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm trước, gọi các loạn niệm, ở trong đó mà nhãn căn được thanh tịnh, trừ các niệm xấu,

không niệm pháp bất thiện. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn mịn, ý biết pháp, ở nơi ý căn mà được thanh tịnh. Như vậy, Tỳ kheo được các căn thanh tịnh.

“Thế nào là Tỳ kheo ăn uống biết đủ? Ở đây, Tỳ kheo lường bụng mà ăn; không vì mục đích mập trắng, mà chỉ cốt duy trì thân này cho được tồn tại, trừ khử bệnh cũ, bệnh mới không sanh, để có thể tu phạm hạnh. Cũng như trai hay gái, trên thân sanh ghẻ, tùy thời lấy thuốc cao mà bôi lên vết thương, thường mong vết thương được lành. Nay Tỳ kheo ở đây cũng vậy, lường bụng mà ăn. Sỡ dĩ lấy mỡ bôi bánh xe, là muốn đi được xa. Tỳ kheo lường bụng mà ăn, vì để duy trì mạng tồn tại. như vậy, Tỳ kheo ăn uống biết đủ.

“Thế nào là Tỳ kheo hằng biết tỉnh giác? Ở đây, Tỳ kheo vào lúc đầu đêm, cuối đêm, hằng biết tỉnh giác, tư duy pháp 37 phẩm đạo. Lại nữa, đầu đêm, cuối đêm, đi kinh hành, trừ khử ý tưởng ác kết bất thiện. Rồi lại, nửa đêm nằm nghiêng bên hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau, hướng đến tướng ánh sáng. Cuối đêm, trở dậy kinh hành, trừ khử niệm bất thiện. Như vậy, Tỳ kheo biết tỉnh giác.

“Như vậy, A-nan, đó là yếu hành của sa-môn.

“Thế nào là yếu hành của bà-la-môn? Ở đây, Tỳ kheo như thật biết Khổ đế, như thật biết Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu. Rồi sau đó, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn thọ thai nữa. Đó gọi là yếu hành của bà-la-môn.

“A-nan, nên biết, đây là nghĩa của yếu hành.”

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

*Sa-môn: tâm tĩnh lặng,⁴⁸
Các ác đã diệt tận.*

⁴⁸ Tức tâm 息心, định nghĩa từ sa-môn. Pāli: *samaṇa* (Skt. *śramaṇa*).

[802b] *Bà-la-môn, là thanh tịnh,
Trừ khử các loạn tướng.*

“Đó là, A-nan, pháp hành của sa-môn và pháp hành của bà-la-môn. Hãy suy niệm tu hành. Chúng sanh nào hành pháp này, nhiên hậu mới được gọi là sa môn.

“Lại nữa, vì sao gọi là sa-môn? Các kết sử hoàn toàn lắng dịu, cho nên gọi là sa-môn.

“Lại nữa, vì sao gọi là bà-la-môn? Tận trừ pháp ngu hoặc, cho nên gọi là bà-la-môn.⁴⁹

“Lại nữa, vì sao gọi là sát-lợi? Do đã đoạn trừ dâm, nộ, si, nên gọi là sát-lợi.

“Cũng gọi là người Đã Tắm.⁵⁰ Thế nào gọi là Đã Tắm? Người ấy đã rửa sạch 21 kết sử, vì vậy gọi là Đã Tắm.

“Cũng gọi là giác. Thế nào gọi là giác? Vì đã giác ngộ pháp và pháp trí, nên gọi là giác.

“Cũng gọi là Bờ Kia. Thế nào gọi là Bờ Kia? Người ấy đã từ bờ này sang đến bờ bên kia, cho nên gọi là Bờ Kia.

“Này A-nan, những ai hành được pháp này, mới được gọi là sa-môn, bà-la-môn. Ý nghĩa như vậy, các người hãy suy niệm phụng hành.”

Bấy giờ A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở giữa những người họ Thích,⁵¹ ngụ trong vườn Ni-câu-lưu, Ca-tỳ-la-việt, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

⁴⁹ Trong bản, chép là “phạm chí.” Định ngài từ bà-la-môn; Pāli: *brāhmaṇa*.

⁵⁰ Mộc dục 沐浴, một từ chỉ A-la-hán, người đã tắm sạch.

⁵¹ Nguyên Hán: Thích sí 釋翅, phiên âm từ tương đương Pāli: Sakkesu, sở y cách của từ Sakka.

Bấy giờ Vương tử Đề-bà-đạt-đâu đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Đề-bà-đạt-đâu bạch Phật rằng:

“Cúi mong Thế Tôn chấp thuận cho con được vào đạo làm sa-môn.”⁵²

Phật bảo Đề-bà-đạt-đâu:

“Ông nên sống tại gia mà huệ thí phân-đàn.⁵³ Vì làm sa-môn thật không dễ.”

Đề-bà-đạt-đâu lặp lại ba lần, bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con tại hàng thấp nhất.”

Phật lại bảo:

“Ông nên sống tại gia, không nên xuất gia tu hạnh sa-môn.”

Lúc bấy giờ Đề-bà-đạt-đâu liền có ý nghĩ rằng, “Sa-môn này có lòng tật đố. Nay ta cứ tự mình cạo đầu, khéo tu phạm hạnh. Cần gì sa-môn ấy.”⁵⁴

Rồi Đề-bà-đạt-đâu lui về, tự mình cạo tóc, khoác ca-sa, tự xưng “Ta là Thích tử.”

Bấy giờ có một Tỳ kheo tên là Tu-la-đà,⁵⁵ hành đầu đà khát thực, khoác y vá mảnh, thông suốt năm thân thông. Đề-bà-đạt-đâu đến chỗ Tỳ kheo này, cúi đầu lạy dưới chân, bạch rằng:

“Cúi xin Tôn giả thuyết giáo cho tôi, để tôi được an ổn lâu dài. **[802c]** Bấy giờ Tỳ kheo Tu-la-đà liền dạy các oai nghi lễ tiết, tư duy pháp này, theo học pháp này, vân vân. Đề-bà-đạt-đâu y

⁵² Nhân duyên Đề-bà-đạt-đâu xuất gia, cùng các Vương tử họ Thích, xem *Tứ phần 4* (tr. 590b13tt). Pali, *Cullavagga* vii. Vin. ii. 180ff.

⁵³ Phân-đàn huệ thí 分檀惠施. Pali: piṇḍadāyaka, bố thí vật thực. Xem cht. 46, kinh 2 phẩm 29.

⁵⁴ Có lẽ đây là truyền thuyết riêng của các nhà truyền Tăng nhất. Tất cả các bộ đều không thừa nhận giới cụ túc được phép tự thọ.

⁵⁵ Tu-la-đà, có thể đồng nhất với Pali Surādha, Theragāthā 135-6; nhưng không có liên hệ gì đến Devadatta.

theo lời dạy của Tỳ kheo ấy, không có điều gì sai sót. Sau đó, Đề-bà-đạt-đâu bạch Tỳ kheo rằng:

“Cúi xin Tôn giả chỉ dạy tôi đạo thần túc. Tôi có thể tu hành được đạo này.”

Khi ấy, Tỳ kheo này dạy cho ông đạo thần túc:

“Ông bây giờ phải học về sự khinh trọng của tâm ý. Sau khi đã biết tâm ý khinh trọng, lại phải phân biệt sự khinh trọng của bốn đại là đất, nước, lửa, gió. Sau khi đã biết sự khinh trọng của bốn đại, phải tu hành tam-muội tự tại. Sau khi hành tam-muội tự tại, lại phải tu tam-muội dừng mãi. Sau khi hành tam-muội dừng mãi, lại phải tu hành tam-muội tâm ý. Sau khi hành tam muội tâm ý, lại phải hành tam-muội tự giới.⁵⁶ Sau khi hành tam-muội tự giới, như vậy chẳng bao lâu sẽ thành tựu đạo thần túc.”

Đề-bà-đạt-đâu sau khi nhận sự chỉ giáo của thầy, tự biết sự khinh trọng của tâm ý. Sau đó lại biết sự khinh trọng của bốn đại. Rồi tu suốt hết thầy các tam-muội, không có điều gì sai sót. Không bao lâu, ông đắc đạo thần túc, bằng vô số phương tiện như vậy, ông biến hóa thành vô lượng. Lúc bấy giờ danh tiếng Đề-bà-đạt-đâu được lưu truyền khắp bốn phương.

Bấy giờ, bằng thần túc, Đề-bà-đạt-đâu lên cho đến cõi trời Tam thập tam lấy đủ các loại hoa ưu-bát, câu-mâu-đầu, đem dâng cho thái tử A-xà-thế, lại bảo:

“Hoa này xuất xứ từ trên trời Tam thập tam. Thích Đề-hoàn Nhân sai mang đến dâng Thái tử.”

Thái tử A-xà-thế thấy Đề-bà-đạt-đâu thần túc như vậy nên tùy thời cúng dường, cung cấp những gì cần thiết. Thái tử lại suy nghĩ: “Thần túc của Đề-bà-đạt-đâu thật khó ai sánh kịp.”

⁵⁶ Một cách trình bày khác về bốn thần túc (như ý túc): dục tam-ma-địa, cần (tinh tấn) tam-ma-địa, tâm tam-ma-địa, quán tam-ma-địa. Cf. *Tập dị 5* (tr.391c26).

Đề-bà-đạt-đâu lại ẩn hình biến thành đũa bọ, ngồi lên đùi của Thái tử. Lúc ấy, các thế nữ nghĩ thầm: “Đây là người gì? Quỷ chăng? Trời chăng?” Nói năng chưa dứt, Đề-bà-đạt-đâu hiện hình lại như cũ. Vương thái tử và các cung nhân đều ca ngợi: “Đây là Đề-bà-đạt-đâu.” Tức thì cung cấp cho những thứ cần dùng. Lại cho loan truyền lời này: “Danh đức của Đề-bà-đạt-đâu thật không thể ghi hết.”

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo nghe lời đồn này, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi bạch Phật rằng:

“Đề-bà-đạt-đâu có thần túc rất lớn, nên được các thứ y phục, ẩm thực, giường chõng và ngọc cụ, thuốc men trị bệnh.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các ông chớ **[803a]** có khởi ý nghĩ ấy, mong đấm trước lợi ưỡng của Đề-bà-đạt-đâu. Lại cũng chớ khen tốt sức thần thông của ông ấy. Người đó sẽ vì thần túc mà đọa vào ba đường dữ. Lợi dưỡng mà Đề-bà-đạt-đâu thu hoạch được, cùng với thần thông ấy rồi sẽ mất hết. Vì sao vậy? Đề-bà-đạt-đâu tự mình gây các hành vi thân, miệng ý, lại khởi lên ý tưởng rằng,⁵⁷ ‘Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc cao quý, ta cũng thuộc chủng tộc cao quý. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn Cù-đàm hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn. Ông ấy hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Tùy theo Sa-môn Cù-đàm niên hóa thể nào, ta sẽ biến hóa gấp bội.’”

⁵⁷ Trong đoạn này, văn dịch Hán hình như nhảy sót, nên thiếu mạch lạc so với đoạn tiếp theo. Từ đây trở xuống, nên xem là lời tự rao truyền của Đề-bà-đạt-đâu, chứ không lời tiên đoán của Phật.

Bấy giờ, có rất đông Tỳ kheo nghe Đề-bà-đạt-đâu tự tuyên bố như vậy. Do đó, có 500 Tỳ kheo đi đến với Đề-Bà-đạt-đâu, và 550 Tỳ kheo nhận sự cúng dường của Thái tử.⁵⁸

Bấy giờ, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bảo nhau:

“Chúng ta hãy đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đâu, nghe xem ông ấy thuyết pháp đề tài gì?”

Rồi hai vị cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đâu. Từ xa, Đề-bà-đạt-đâu thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, liền bảo các Tỳ kheo:

“Hai người ấy là đệ tử của Tất-đạt.”

Trong lòng ông rất vui sướng. Sau khi chào hỏi xong, họ ngồi xuống một bên. Các Tỳ kheo đều khởi lên ý nghĩ rằng, “Đệ tử của Phật Thích-ca nay đều theo Đề-bà-đạt-đâu hết.”

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đâu nói với Xá-lợi-phất:

“Nay Thầy có thể thuyết pháp cho các Tỳ kheo không? Tôi muốn nghỉ một chút. Vì hơi đau lưng.”

Rồi Đề-bà-đạt-đâu nằm nghiêng hông bên phải, hai bàn chân chồng lên nhau, vì trong lòng rất vui sướng, nên ngủ liền.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thấy Đề-bà-đạt-đâu ngủ rồi, liền dùng thần túc tiếp các Tỳ kheo bay lên hư không mà đi. Khi Đề-bà-đạt-đâu thức dậy, không thấy các Tỳ kheo, vô cùng tức giận, phun ra lời này, “Ta không trả được oán này, sẽ không gọi là Đề-bà-đạt-đâu nữa.” Đây là lần thứ nhất Đề-bà-đạt-đâu phạm tội ác ngữ nghịch.⁵⁹ Khi Đề-bà-đạt-đâu vừa khởi lên ý nghĩ ấy, tức thì mất thần túc.

⁵⁸ Các Luật bộ đều nói, Đề-bà-đạt-đâu đề nghị Phật chấp thuận 5 điều luật mới khắt khe hơn. Phật bác bỏ. Đề-bà-đạt-đâu tự công bố luật mới. 500 Tỳ kheo tách khỏi Tăng đi theo. Tăng bị vỡ.

⁵⁹ Đây muốn nói Đề-bà-đạt-đâu phạm tội phá hòa hiệp tăng. Nhưng diễn tiến câu chuyện được kể trên đây, nếu theo phân tích của các bộ luật, không hội đủ yếu tố để thành phá Tăng. Nên nghi ngờ chuyện kể ở đây không phải chính thống, mà chỉ là một loại truyền thuyết nhân gian, thiếu căn bản Luật và Pháp.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Tỳ kheo Đề-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn, có thể phá hoại Thánh chúng.⁶⁰”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Không chỉ ngày nay Đề-bà-đạt-đâu mới **[803b]** phá hoại Thánh chúng, mà trong đời quá khứ cũng đã thường xuyên phá hoại Thánh chúng. Vì sao vậy? Trong quá khứ, đã hoại Thánh chúng, ông lại khởi ác niệm rằng,⁶¹ ‘Ta sẽ bắt Sa-môn Cù-đàm mà giết đi. Để trong ba cõi này ta là Phật độc tôn, không có ai ngang lữa.’”

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đâu nói với thái tử A-xà-thế⁶²:

“Thưa xưa, thọ mạng con người rất dài. Ngày nay rất ngắn. Giả sử Vương Thái tử một mai chết đi, thật là uổng phí sanh ra trên đời. Sao ngài không bắt Vua cha giết đi để nối ngôi Thánh vương? Còn tôi, sẽ giết Như Lai để được làm Phật. Vua mới, Phật mới, không khoái lắm sao?”⁶³

A-xà-thế liền sai người giữ cửa bắt vua cha nhốt vào ngục, tự lập làm vua cai trị nhân dân. Bấy giờ dân chúng bàn bạc với nhau: “Người con này khi chưa sanh đã là đứa con oan gia.” Nhân đó, họ gọi là vua A-xà-thế. Đề-bà-đạt-đâu đã nhốt vua cha rồi, bèn khởi ý tưởng này: “Ta phải bắt Sa-môn Cù-đàm mà giết đi.”

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ở bên sườn một hòn núi nhỏ trong núi Kỳ-xà-quật. Đề-bà-đạt-đâu leo lên núi Kỳ-xà-quật, tay bưng một tảng đá lớn, dài 30 khuy tay, rộng 15 khuy tay, ném vào Thế Tôn. Ngay lúc đó, thần núi là quỷ Kim-tỳ-la, thường trực sống trên núi này, thấy Đề-bà-đạt-đâu ôm đá ném Phật, liền đưa tay ra đón lấy rồi để xuống chỗ khác. Trong lúc

⁶⁰ Hán: hoại Thánh chúng 壞聖眾, tức phá Tăng, hay phá hòa hiệp Tăng.

⁶¹ Đoạn văn thiếu mạch lạc xét theo ngữ cảnh. Hán dịch có thể nhảy sót.

⁶² Trong đề bản: A-xà-thế vương.

⁶³ Xem kinh 11 phẩm 17.

đó, một mảng đá vụn văng trúng chân Như Lai, tức thì chảy máu. Thế Tôn trong thấy Đê-bà-đạt-đâu, liền nói:

“Người nay khởi ý muốn hại Như Lai. Đây là tội ngũ nghịch thứ hai.”

Khi ấy, Đê-bà-đạt-đâu nghĩ thầm: “Giờ ta không giết được Sa-môn Cù-đàm này, sẽ tìm phương tiện khác.” Rồi bỏ đi, đến chỗ A-xà-thế, tâu vua rằng:

“Vua hãy cho con voi Đen uống rượu say, để nó giết Sa-môn.⁶⁴ Vì sao? Con voi này rất hung bạo. Nhất định nó sẽ giết sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, ngày mai sẽ không vào thành khát thực. Nếu ông không có nhất thiết trí, ngày mai chắc sẽ vào thành khát thực, và sẽ bị con voi dữ này giết.”⁶⁵

Vua A-xà-thế liền sai cho voi uống rượu thuần⁶⁶ cho thật say, và bố cáo dân chúng trong nước biết:

“Những ai muốn yên ổn, tiếc mạng sống, ngày mai, không ai được đi lại trong thành.”

Bấy giờ, đến giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành La-duyệt [803c] khát thực. Trong nước, trai gái lớn nhỏ, chúng bốn bộ, nghe vua A-xà-thế cho voi uống rượu để hại Như Lai, ai nấy đều đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn chớ vào thành La-duyệt khát thực. Vì sao? Vua A-xà-thế cho voi uống rượu say để hại Như Lai.”

Phát bảo các ru-bà-tắc:

“Phàm là Đẳng chánh giác, không ai có thể hại được.”

Thế Tôn tuy có nghe lời ấy, nhưng vẫn vào thành. Con voi dữ khi trông thấy Phật từ xa, nó bùng cơn thịnh nộ, nhắm chạy

⁶⁴ Truyện kể trên, kinh 5 phẩm 18.

⁶⁵ Xem kinh 5 phẩm 18.

⁶⁶ Hán: thuần tửu 醇酒, một loại rượu cực mạnh.

đến Như Lai, để giết. Phật thấy con voi chạy đến, liền nói bài kệ:

*Voi chớ có hại Rồng,
Khó gặp Voi rồng⁶⁷ hiện.
Do bởi không giết Rồng,
Mà được sanh cõi lành.⁶⁸*

Con voi ấy sau khi nghe Như Lai nói bài kệ này, liền quỳ xuống liếm chân Như Lai. Trong lòng con voi khi ấy hối hận không yên, nên nó mạng chung, liền được sanh lên trời Tam thập tam.

A-xà-thế và Đề-bà-đạt-đâu thấy con voi đã chết, buồn bã vô cùng. Đề -bà-đạt-đâu nói với vua:

“Sa-môn Cù-đàm đã giết chết con voi rồi.”

A-xà-thế nói:

“Sa-môn Cù-đàm này có thần lực rất lớn, có nhiều kỹ thuật, lại có chú thuật mới giết được con voi rồng đó.”

Rồi A-xà-thế lại nói:

“Sa-môn này rất có oai đức đầy đủ, nên rốt cuộc không bị voi dữ giết.”

Đề-bà-đạt-đâu nói:

“Sa-môn Cù-đàm có chú làm huyền hoặc, khiến cho các đệ học ngoại đạo bị khuất phục hết, huống gì loài súc sanh.”

Khi ấy Đề-bà-đạt-đâu lại nghĩ thầm: “Ta nay quán sát thấy tâm ý vua A-xà-thế muốn cải đổi. Thế rồi Đề-bà-đạt-đâu rầu rĩ không vui, đi ra khỏi thành La-duyệt.

Lúc bấy giờ Tỳ kheo ni Pháp Thi⁶⁹ trông thấy Đề-bà-đạt-đâu từ xa đi đến, cô nói với ông:

⁶⁷ Nguyên hán: long tượng 龍象, chỉ loại voi chúa.

⁶⁸ Bài kệ, như knh 5 phẩm 18.

“Ông đã gây tội lỗi cực kỳ. Nay sám hối còn dễ; để sau nay thì rất khó.”

Đề-bà-đạt-đâu nghe lời này, lại càng tức giận, trả lời rằng:

“Con tiện tỳ trọc này, tội lỗi gì mà nay dễ, sau khó?”

Tỳ kheo ni Pháp Thí đáp:

“Ông đã đi theo kẻ ác, lại tạo gốc rễ bất thiện.”

Cơn lửa giận trong người Đề-đạt-đâu liền cháy bùng bùng; tức thì ông lấy tay đánh chết Tỳ kheo ni [804a]. Như vậy, Đề-đạt-đâu đã giết bậc Chân nhân.⁷⁰

Sau đó, ông trở về phòng của mình, nói với các đệ tử:

“Các người nên biết, ta đã có chủ ý nhắm đến Sa-môn Cù-đàm, nhưng theo nghĩa lý thì không phù hợp. Vì La-hán lại khởi ác ý nhắm đến A-la-hán. Ta nay nên hướng đến ông ấy mà sám hối.”

Đề-bà-đạt-đâu vì vậy mà buồn bã không vui, chẳng bao lâu lâm trọng bệnh. Ông bảo đệ tử:

“Ta không còn sức lực nào để đi gặp Sa-môn Cù-đàm. Các người hãy dìu ta đi đến chỗ Sa-môn.”

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đâu lấy thuốc độc bôi lên đầu móng tay; sau đó bảo đệ tử:

“Các người hãy cáng ta đến chỗ Sa-môn kia.”

Các đệ tử liền cáng Đề-bà-đạt-đâu đi đến chỗ Thế Tôn. A-nan trông thấy Đề-bà-đạt-đâu từ xa đang đến, liền bạch Thế Tôn:

“Đề-bà-đạt-đâu nay đến đây, chắc đã có tâm hối hận, muốn đến Như Lai cầu sám hối sửa đổi lỗi lầm.”

⁶⁹ Pháp Thí 法施. Trên kia, kinh 2 phẩm 5, phiên âm là Đàm-ma-đề-na. Đồng nhất với Pali, Dhammaddinā, đệ nhất thuyết pháp trong các Tỳ kheo ni. Cf. A.i. 25

⁷⁰ Tội ngũ nghịch thứ ba: giết A-la-hán. Vì Tỳ kheo ni này là một A-la-hán. Nhưng không thấy truyền thuyết nơi khác Tỳ kheo ni ấy bị Đề-bà-đạt-đâu giết.

Phật bảo A-nan:

“Đề-bà-đạt-đâu không bao giờ có thể đi đến chỗ Thế Tôn.”

A-nan ba lần lặp lại, bạch Phật

“Nay Đề-bà-đạt-đâu muốn đến Như Lai cầu xin sám hối lỗi lầm..”

Phật nói với A-nan:

“Con người ác này không bao giờ có thể đi đến chỗ Như Lai. Con người này, hôm nay mạng căn đã chín.”

Khi đến chỗ Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đâu nói với các đệ tử:

“Nay ta không nên nằm mà gặp Như Lai. Hãy để ta xuống giường rồi gặp Như Lai.”

Khi Đề-bà-đạt-đâu vừa đặt chân xuống đất, ngay lúc ấy từ trong đất một ngọn lửa theo gió nổi lên bao phủ thân Đề-bà-đạt-đâu. Đề-bà-đạt-đâu trong khi bị ngọn lửa thiêu đốt, liền phát sanh tâm hối hận đối với Như Lai, vừa muốn xưng “Nam mô Phật” nhưng rốt cuộc không phát ra được tiếng “Nam mô Phật” mà rơi ngay xuống địa ngục.

A nan sau khi thấy Đề-bà-đạt-đâu rơi xuống địa ngục, liền bạch Thế Tôn rằng:

“Đề-bà-đạt-đâu hôm nay mạng chung mà vào trong địa ngục chẳng?”

Phật nói”

“Đề-bà-đạt-đâu không phải vì diệt tận mà đạt đến Niết-bàn. Nay Đề-bà-đạt-đâu khởi ác tâm nhắm đến Như Lai; khi thân hoại mạng chung, rơi xuống địa ngục.”

Khi ấy A-nan buồn rầu rơi lệ không thể dùng được. Phật bảo A-nan:

“Vi sao mà ông khóc?”

A nan bạch Phật:

“Con nay tâm dục ái chưa hết, chưa đoạn dục, nên mới buồn khóc vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói bài kệ này:

[804] *Như người tự gây hành
Tự xét trở lại gốc.
Điều thiện nhận báo thiện;
Điều ác nhận báo ác.
Người đời ạo hành ác,
Chết, chịu khổ địa ngục.
Nếu có đạo hành thiện,
Chuyển thọ lộc trời.
Đây không phải lỗi Phật;
Người có gì mà buồn?*

A nan bạch Phật:

“Đề-bà-đạt-đâu thân hoại mạng chung sanh vào chỗ nào?”

Phật bảo A-nan:

“Nay Đề-bà-đạt-đâu này thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục. Vì sao vậy? Do ông ấy đã tạo tội ác ngũ nghịch, nên chịu quả báo ấy.”

A nan lại bạch Phật:

“Đúng vậy, Thế Tôn, như lời dạy của Thánh tôn. Thân quá khứ đã làm ác; thân hiện tại vào địa ngục. Vậy thì, vì sao nay con lại buồn khóc rơi lệ? Bởi vì Đề-bà-đạt-đâu không tiếc danh hiệu dòng họ, chủng tánh, cũng không vì cha mẹ, tôn trưởng. Ông đã làm nhục dòng học Thích, hủy hoại môn hộ của chúng ta. Nhưng Đề-bà-đạt-đâu hiện thân vào địa ngục, thật sự không thích hợp. Vì sao vậy? Môn hộ chúng tộc của chúng ta xuất từ ngôi vị Chuyển luân Thánh vương. Đề-bà-đạt-đâu xuất thân từ chủng tộc của vua, không nên hiện thân vào địa ngục. Đáng lẽ, Đề-bà-đạt-đâu hiện thân dứt sạch các lậu, thành vô lậu, tâm được giải thoát, ở trong hiện thân mà thọ chứng quả, biết như thật rằng sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thai nữa. Tập theo dấu tích bậc Chân nhân, đắc A-la-hán, ở nơi Niết bàn giới vô dư mà bát-niết-bàn. Không dè hiện thân này lại vào địa ngục. Đề-bà-đạt-đâu khi

xưa có oai thần rất lớn, rất có thần đức, nên mới lên đến trời Tam thập tam, biến hóa tự do, há có thể tưởng người đó lại vào địa ngục! Thế Tôn, không rõ Đê-bà-đạt-đâu ở trong địa ngục trải qua bao nhiêu năm?”

Phật bảo A-nan:

“Con người này ở trong địa ngục trải qua một kiếp.”

A nan lại bạch Phật:

“Nhưng kiếp có hai loại. Có đại kiếp, có tiểu kiếp. Không rõ người này chịu theo kiếp nào?”

Phật nói:

“Người này trải qua đại kiếp. Nói đại kiếp, là khi con số kiếp của Hiền kiếp này tận cùng. Khi ấy, hành tận, mạng chung, trở lại làm người.”

A nan [804c] bạch Phật:

“Đê-bà-đạt-đâu đã vùi lấp hết gốc rễ làm người, rồi sau khỏi phục trở lại. Vì sao vậy? Con số của kiếp rất lâu dài. Phạm đại kiếp không dài quá Hiền kiếp.”

Rồi A-nan lại buồn khóc, nghẹn ngào, không vui; lại bạch Phật:

“Đê-bà-đạt-đâu ra khỏi địa ngục sẽ sanh về đâu?”

Phật nói:

“Đê-bà-đạt-đâu mạng chung ở đó, rồi sẽ sanh lên trời Tứ thiên vương.”

A nan lại hỏi:

“Sau khi mạng chung ở trời này, lại sanh về đâu?”

Phật nói với A-nan:

“Sau khi mạng chung ở đó, lần lượt sanh lên trời Tam thập tam, trời Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại.”

A nan lại hỏi:

“Tù đó mạng chung, lại sanh vào chỗ nào?”

Phật bảo A-nan:

“Ồ đay, Đề-bà-đạt-đâu từ địa ngục chết đi, sanh vào cõi lành, sanh lên trời, trải qua 60 kiếp không rơi vào ba đường dữ; qua lại cõi trời, cõi người, đến thân cuối cùng, sẽ cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô.”

Bấy giờ A-nan bước tới trước bạch Phật:

“Nhu vậy Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đâu do ác báo của mình mà bị dẫn xuống địa ngục chịu tội. Nhưng ông đã làm công đức gì mà trải qua 60 kiếp sanh tử không phải thọ khổ não, và cuối cùng lại thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô?”

Phật bảo A-nan:

“Tâm ý thiện trong khoảnh khắc búng ngón tay mà phước ấy khó có thể thí dụ. Huống hồ Đề-bà-đạt-đâu thông kim bác cổ, tụng tập rất nhiều, ghi nhớ tổng trì các pháp, điều gì đã nghe rồi thì không quên. Đề-bà-đạt-đâu này xưa vì thù oán mà khởi tâm muốn hại Như Lai. Nhưng cũng do duyên báo tử quá khứ xa xưa, vì đã khởi tâm hoan hỷ hướng đến Như Lai. Do nhân duyên báo ứng này, trong 60 kiếp không đọa ba đường dữ. Lại do Đề-bà-đạt-đâu vào giây phút cuối cùng trước khi mạng chung đã khởi tâm vui vẻ xưng ‘Nam mô Phật’, cho nên sau này thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô.”

Khi ấy A-nan bước lên trước Phật, lặp lại trình bày của mình:

“Vâng, bạch Thế Tôn, như lời Phật⁷¹ dạy.”

Lúc bấy giờ Đại Mục-kiền-liên bước lên trước Phật bạch rằng:

“Con nay muốn vào trong địa ngục, thuyết yếu hành⁷² cho Đề-bà-đạt-đâu, để ủy lạo và chúc mừng ông ấy.”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

⁷¹ Để bản; thần. Bản khác: Phật thần.

⁷² Hán: yếu hành; đây chỉ hành trạng tương lai mà Phật dự báo.

“Ông nên biết rõ, chớ có đường đột khinh suất, mà hãy chuyên tâm chánh ý, không để loạn tưởng. Vì sao vậy? Chúng sanh có hành vi cực ác khó mà khắc chạm⁷³ cho thành, vì vậy mới đọa vào địa ngục. Lại nữa, tội nhân ấy không hiểu tiếng nói [805a] trao đổi của nhân gian.”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Con ở đây hiểu biết 64 thứ ngôn ngữ. Con sẽ bằng tiếng nói thích hợp mà trao đổi với người ấy.”

Phật bảo Mục-liên:

“Ông nên biết lúc thích hợp.”

A nan nghe những lời này, hoan hỷ phần khởi không dừng được. Khi ấy Đại Mục-kiền-liên bước lên trước lạy dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ngay trước Phật, trong khoảnh khắc chùng lực sỹ co duỗi canh tay, biến mất và đi đến địa ngục A-tỳ. Khi ấy Đại Mục-kiền-liên ở trên hư không trong địa ngục A-tỳ búng ngón tay gọi:

“Đề-bà-đạt-đâu.!”

Nhưng Đề-bà-đạt-đâu im lặng không trả lời. Các ngục tốt hỏi Mục-liên:

“Ông gọi Đề-bà-đạt-đâu nào?”

Rồi ngục lại bạch:

“Ở đây cũng có Đề-bà-đạt-đâu thời Phật Câu-lâu-tôn; Đề-bà-đạt-đâu thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni; Đề-bà-đạt-đâu thời Phật Ca-diếp; cũng có Đề-bà-đạt-đâu tại gia; cũng có Đề-bà-đạt-đâu xuất gia. Ông Tỳ kheo! Nay đích thực ông muốn gọi Đề-bà-đạt-đâu nào?”

Mục-liên đáp:

“Đề-bà-đạt-đâu mà tôi muốn gọi là con của chú của Phật Thích-ca Văn. Tôi muốn gặp ông ấy.”

⁷³ Để bàn: điều, khắc chạm. bản khác: điều: điều phục.

Khi ấy, ngục tốt cầm cây chia sắt, hoặc cầm ngọn lửa đỏ, châm đốt vào thân ông ấy để cho tỉnh giấc. Thân thể Đề-bà-đạt-đâu lúc bấy giờ bị ngọn lửa đốt cao 30 khuỷu tay. Ngục tốt bảo:

“Nhà ngươi, gả ngu si, sao còn ngủ?”

Đề-bà-đạt-đâu đang bị đủ các thứ khổ bức bách, trả lời:

“Hôm nay ông dạy bảo điều gì?”

Ngục tốt lại nói:

“Ngươi hãy ngược mắt nhìn lên trời xem.”

Theo lời ấy Đề-bà-đạt-đâu ngược mắt nhìn lên hư không, thấy Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết già trên một đóa hoa sen báu, như mặt trời đang vén đám mây. Thấy vậy Đề-bà-đạt-đâu nói bài kệ:

*Ai đó hiện thiên quang,
Như mặt trời vén mây?
Cũng như tụ núi vàng,
Không một chút bụi dơ?*

Mục-liên trả lời bằng bài kệ:

*Ta là con Thích tôn,
Đáng dòng họ Cù-đàm.
Là Thanh văn của Ngài,
Tên gọi Đại Mục-liên.*

Đề-bà-đạt-đâu nói với Mục-liên:

“Tôn giả Mục liên, vì sao khuất hận đến đây? Chúng sanh trong đây đã gây vô lượng tội ác, khó mà khai hóa được. Vì đã không [805b] tạo thiện căn nên sau khi mạng chung sanh vào đây.”

Mục-liên đáp:

“Tôi được Phật sai đến đây. Vì thương tưởng, muốn giúp nhỏ bứt cội khổ.”

Nghe đến tiếng Phật, Đề-bà-đạt-đâu hoan hỷ phấn khởi không dùng được, liền nói lên lời này:

“Cúi mong Tôn giả kịp thời nói rõ, Như Lai Thế Tôn có dạy điều gì. Ngài lại không tiên báo cội nguồn⁷⁴ của nẻo dữ nữa chẳng?”

Mục-liên nói:

“Đề-bà-đạt-đâu, chớ có kinh sợ. Cực khổ của địa ngục không đâu hơn nơi này nữa. Đức Phật Thích-ca Văn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, thương xót đến hết thủy loài bò bay máy cựa, như mẹ yêu con, tâm không phân biệt, đúng hợp thời cơ thì diễn giáo nghĩa, không để mất đầu mối, cũng không nghịch với từng loại mà diễn nói quá lượng. Nay, từ chính kim khẩu của Ngài ký thuyết, ông trước kia khởi ác ý muốn hại Thế Tôn, lại lôi kéo người khác chạy theo đường ác.⁷⁵ Do nhân duyên báo ứng này mà sanh vào địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp không có ngày ra. Hết số kiếp này, hành đã hết, mạng chung, sẽ sanh lên trời Tứ thiên vương, lần lượt sanh lên Tam thập tam, Diệm, thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại. Trong 60 kiếp, không rơi vào nẻo dữ. Châu lưu giữa cõi trời và cõi người, sau cùng thọ thân trở lại làm người, cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố xuất gia học đạo, sẽ thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô. Sở dĩ như vậy, do khi ông sắp chết, đã ung ‘Nam mô’ nên mới có danh hiệu này. Nay đức Như Lai quán sát thấy thiên ngôn Nam mô này, nên nói trong 60 kiếp ông sẽ thành Bích-chi-phật với danh hiệu ấy.”

Đề-bà-đạt-đa nghe xong những lời này, hoan hỷ phần khởi, tâm thiện phát sanh, lại bạch Mục-liên:

“Những điều Như Lai nói tất nhiên không thể nghi ngờ, vì thương xót chúng sanh mà cứu vớt vô lượng, đại từ, đại bi, giáo hóa bao trùm đến kẻ ngu hoặc. Dù nay tôi nằm nghiêng hông phải trong địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp, tâm ý chuyên chánh, không hề mệt mỏi.”

⁷⁴ Đề bản chép: vô. Nghi là chữ *nguyên* chép nhầm.

⁷⁵ Đề bản: vô do. bản khác: ác nguyên.

Bấy giờ Mục-liên nói với Đề-bà-đạt-đâu:

“Thế nào, bây giờ nỗi thống khổ của ông có thêm bớt gì không?”

Đề-bà-đạt-đâu đáp:

“Thân tôi thống khổ chỉ tăng chứ không giảm. Nay nghe được Như Lai đã thọ ký cho danh hiệu, thống khổ có hơi giảm chút ít nhưng không đáng kể.”

Mục-liên hỏi:

“Căn nguyên thống khổ mà ông đang chịu giống như thứ gì?”

Đề-bà-đạt-đâu nói:

“Bằng [805c] bánh xe sắt nóng cán cho thân tan rã; rồi lại bằng chày sắt giã nát thân hình tôi; con voi đen hung bạo dày xéo thân tôi. Lại có ngọn núi lửa đến trán vào mặt tôi. Ca-sa ngày xưa nay biến thành tấm đồng đỏ rực đến quàng lên thân tôi. Tình trạng thống khổ nguyên lai như vậy.”

Mục-liên nói:

“Ông có biết nguồn gốc tội lỗi xưa mà nay phải phải chịu khổ não này chăng? Tôi phân biệt từng thứ, ông có muốn nghe không?”

Đề-bà-đạt-đâu nói:

“Thưa vâng, xin hợp thời thì nói.”

Khi ấy Mục-liên nói bài kệ này:

*Xưa nơi đáng Tôi thắng,
Ông phá hoại chúng Tăng;
Nay bị chày sắt nóng
Giã nát thân hình ông.
Bởi vì đại chúng kia
Là Thanh văn đệ nhất;
Gây đầu loạn chúng Tăng;
Nay bị bánh sắt cán.

Xưa ông đã xúi vua*

*Cho Voi Đen uống say;
Nay bị đám voi đến,
Dày xéo thân hình ông.*

*Xưa ông ôm đá lớn,
Ném vào chân Như Lai;
Nay chịu báo núi lửa,
Đốt ông cháy không sót.*

*Xưa ông vung tay đấm,
Giết chết Tỳ kheo nỳ;
Nay bị lá đồng nóng,
Quần siết không chút lỏng.*

*Nghiệp báo không hề mất.
Không thể ẩn trong không
Mà tránh thoát được,
Xa các nguồn ác này.*

“Ông trước kia là Đê-bà-đạt-đâu, căn nguyên mà ông đã gây ra chính là như vậy. Hãy tự chuyên tâm chánh ý hướng đến Phật Như Lai, trong lâu dài sẽ được phước vô lượng.”

Đê-bà-đạt-đâu lại bạch Mục-liên:

“Nay tôi gởi nhờ Mục-liên cúi đầu lạy dưới chân Thế Tôn, cầu mong Ngài đi đứng nhẹ nhàng, bước đi khỏe mạnh. Cũng xin kính lễ Tôn giả A-nan.”

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-liên-phóng đại thần túc khiến cho thống khổ trong địa ngục A-tỳ ngưng lại. Rồi nói bài kệ này:

*Thầy xưng Nam mô Phật
Thích Sư, đáng Tối thắng.
Ngài đem lại an ổn,
Dứt trừ các khổ ão.*

Chúng sanh trong địa ngục sau khi nghe Mục-liên nói bài kệ này, có hơn sáu vạn người hành nghiệp hết, tội sạch, tức thì mạng chung nơi đó mà sanh lên trời Tứ thiên vương.

Bấy giờ Mục-liên [806a] thâm thân tức lại, trở về chốn cũ, đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Mục-liên khi ấy bạch Phật:

“Đề-bà-đạt-đâu dâng lời thăm hỏi vô lượng, đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Lại cũng thăm hỏi A-nan và nói lời này, ‘Được Như Lai thọ ký trong 60 kiếp nữa thành Bích-chi-phật hiệu Nam-mô, thì dù tôi nằm nghiêng hông phải trong địa ngục A-tỳ không bao giờ thấy mệt mỏi.’”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, lành thay, Mục-liên! Ông đã làm được nhiều điều lợi ích, nhiều thắm nhuận, vì thương xót các loài chúng sanh, mong cầu an lạc cho trời và người, khiến cho Thanh văn của chư Như Lai dần dần đạt đến Niết-bàn diệt tận. Cho nên, này Mục-liên, hãy tinh cần để thành tựu ba pháp. Vì sao? Nếu Đề-bà-đạt-đâu mà tu hành thiện pháp, thân ba, miệng bốn, ý ba; người ấy chung thân không tham đắm lợi dưỡng, cũng không tạo tội ngũ nghịch để đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Phạm người tham đắm lợi dưỡng cũng (không)⁷⁶ có tâm cung kính đối với Tam bảo, cũng không phụng trì cấm giới, không đầy đủ các hành thân, miệng, ý. (Vây, các người) hãy chuyên niệm các hành của thân, miệng, ý. Như vậy, Mục-liên, hãy học điều này.”

Bấy giờ Mục-liên nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

⁷⁶ Nghi trong đề bản chép thiếu.

“Nếu chúng sanh nào tu hành từ tâm giải thoát,⁷⁷ quảng bố ý nghĩa ấy, diễn nói cho người khác nghe, sẽ thu hoạch được mười một quả báo. Những gì là mười một? Nằm ngủ yên, tỉnh giấc yên, không thấy ác mộng, chư thiên hộ vệ, mọi người yêu mến, không bị độc, không bị binh đao, không bị nước, lửa, giặc cướp; thấy đều không bị xâm hại; sau khi thân hoại mạng chung sanh lên trời Phạm thiên. Đó gọi là Tỳ kheo tu hành từ tâm sẽ có được mười một phước này.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu ai hành từ tâm,
Cũng không hành phóng dật;
Các kết dần dần đoạn,
Rồi thấy được dấy đạo.*

*Do hành từ tâm này,
Sẽ sanh lên Phạm thiên;
Nhanh chóng được diệt độ,
Cuối cùng đến Vô vi.*

*Tâm không sát, không hại,
Cũng không ý hơn thua;
Hành từ đến tất cả,
Không hề tâm oán hận.*

[806b] “Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành nơi từ tâm, quảng bố nghĩa ấy. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bây giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁷⁸

⁷⁷ Tu từ vô lượng tâm.

⁷⁸ Bản hán, hết quyển 47.

PHẨM 50: LỄ TAM BẢO

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn lễ bái chùa tháp¹ Như Lai, hãy hành mười một pháp lễ tháp Như Lai. Những gì là mười? Khởi ý dừng mãnh, vì có điều khả kham. Ý không tán loạn, vì hằng nhất tâm. Thường niệm chuyên ý, vì có chí quán. Các niệm vắng lặng, vì nhập tam-muội. Ý đến vô lượng, do bởi trí tuệ. Ý khó quán sát, do bởi hình². Ý tĩnh đạm nhiên, do bởi oai nghi. Ý không rong ruổi, do bởi danh xưng. Ý không tương tượng, do bởi sắc. Phạm âm khó sánh, vì diệu dàng.

“Này các Tỳ kheo, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn lễ bái tháp miếu Như Lai, nên đầy đủ mười một pháp lễ bái tháp miếu Như Lai này, để cho lâu dài được phước vô lượng. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

¹ Nguyên Hán: Như Lai thần tự 神寺.

² Đây chỉ hình tướng của Phật.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành lễ bái Pháp, hãy niệm mười một sự, rồi sau đó hành lễ bái Pháp. Những gì là mười một? Có mạn hãy trừ mạn. Phàm chánh pháp là nhắm dứt tướng khát ái đối với dục. Phàm chánh pháp là nhắm trừ dục ở nơi dục. Phàm chánh pháp là nhắm cắt đứt dòng nước sâu sanh tử. Phàm chánh pháp là nhắm đạt được pháp bình đẳng. Nhưng chánh [806c] pháp này nhắm đoạn trừ các nẻo dữ, và rồi chánh pháp nhắm đưa đến cõi lành. Phàm chánh pháp là nhắm cắt đứt lưới ái. Người hành chánh pháp là đi từ có đến không. Người hành chánh pháp thì sáng tỏ không đâu không rọi đến. Người hành chánh pháp là để đi đến Niết-bàn giới.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành lễ bái Pháp, hãy tư duy mười một pháp này. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành lễ bái Tăng, hãy chuyên cần mười một pháp, rồi sau đó mới hành lễ bái Tăng. Những gì là mười một? Chúng của Như Lai là những vị đã thành tựu pháp. Chúng của Như Lai hòa hiệp trên dưới. Tăng của Như Lai đã thành tựu pháp tùy pháp. Chúng của Như Lai thành tựu giới; thành tựu tam-muội; thành tựu trí tuệ; thành tựu giải thoát; thành tựu giải thoát tri kiến huệ. Thánh chúng của Như Lai thủ hộ Tam bảo. Thánh chúng Như lại hay hàng phục dị học ngoại đạo. Thánh chúng của Như Lai là bạn tốt, và là ruộng phước cho hết thầy thế gian.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn lễ bái Tăng, hãy tư duy mười một pháp này, sẽ được phước báo lâu dài. Như vậy Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo và troiừ, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, A-tu-la, ca-lưu-la, nhân-đà-la, ma-huru-lặc, trời và người, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Bà-già-bà trú tại nước Ma-kiệt-đà, phía đông thành Mật-thí-la, trong vườn Đại thiên,⁴ cùng với Tăng Tỳ kheo 1250 vị.

Bấy giờ, sau bữa ăn,⁵ cùng với A-nan đi kinh hành trong vườn cây. Lúc đó Phật mỉm cười. A-nan nghĩ thầm: “Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, không cười suông. Nay vì sao cười? tất phải có ý gì. Ta nên hỏi.” A-nan bèn sửa lại y phục, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay hỏi Phật:

“Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, không cười suông. Hôm nay vì sao mỉm cười, tất có ý gì. Con mong được nghe ý ấy.”

Phật nói với A-nan:

“Ta sẽ nói cho ông nghe.

“Quá khứ, khởi đầu Hiền kiếp, trong khoảng đó có vị Chuyển luân Thánh vương thống lãnh bốn thiên hạ, [807a] tên là Đại

³ Tham chiếu Pali, M 83 Makkhādeva (R. ii. 74). Hán, *Trung 13*, kinh 67.

⁴ Mật-thí-la 蜜瀋 (土反利) 羅. Trung 13: Phật tại nước Tỳ-đà-đề 鞞陀提, rồi đi đến Di-tát-la 彌薩羅; ngụ trong vườn xoài Đại thiên 大天奈林. Pali: Phật trú tại Mithilā, trong khu vườn xoài Makkhādeva. Mihilā là thủ của vương quốc Videha. Bản Hán đồng nhất Videha với Magadha.

⁵ Nguyên hán: thực hậu khởi 食後起, dịch nghĩa đen là “ăn xong đứng dậy.” Trung 13, ibid. Thế tôn đang đi trên con đường. Pali: *aññatarasmim padese*, tại một địa điểm nọ.

Thiên,⁶ sống lâu, không bệnh, đẹp đẽ, dũng mãnh, cai trị bằng chánh pháp, không hao phí của dân, có bảy báu tự nhiên. Những gì là báu? Đó là, bánh xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, quan chủ kho tàng, tướng điểu binh.

“Này Anan, thời gian ấu thơ của vua Đại Thiên là tám vạn bốn nghìn năm. Thời gian làm thái tử là tám vạn bốn nghìn năm. Thời gian lên ngôi Thánh vương là tám vạn bốn nghìn năm.”

A nan hỏi Phật:

“Thế nào là báu bánh xe?”

Phật nói:

“Ngày thứ 15 trong tháng, khi trăng tròn, vua tắm gội sạch sẽ, cùng với thể nữ lên lầu, nhìn về phía đông. Khi ấy có bánh xe bằng vàng có một nghìn cãm, cao bằng bảy đa-la. Bảy nhẫn là một đa-la. Đa-la là loại cây đứng thẳng một mình,⁷ lấy nó làm chuẩn đo. Bánh xe làm bằng thuần vàng tử ma. Thấy bánh xe, vua nghĩ thầm: ‘Bánh xe này tuyệt đẹp. Ta muốn bắt nó, có được chăng?’ Vừa nghĩ xong, bánh xe tức thì đến trên tay trái của vua, rồi dời qua tay phải. Vua nói với bánh xe, ‘Nơi nào chưa được chinh phục, hãy chinh phục cho ta. Đất nào chưa phải của ta, hãy chêm lấy cho ta. Lấy đúng pháp chứ không phải không đúng pháp.’ Nói xong, bánh xe quay trở lại giữa hư không. Vành hướng về phía đông, trục hướng về phía bắc.

“Vua ra lệnh kẻ tả hữu cộ bị bốn loại binh chủng. Sau khi chuẩn bị xong, vua dẫn binh chủng di theo bánh xe đứng giữa hư không, theo bánh xe dân về hướng đông, tuần hành cho đến tận cùng bờ cõi phía đông. Buổi tối, vua cùng binh chủng ngủ bên dưới bánh xe. Các Tiểu vương ở bờ cõi phía đông, vào buổi sáng sớm, đều đến chào, những cống vật nếu là bằng bát

⁶ Đại Thiên 大天. Pali: Makkhādeva.

⁷ Độc đĩnh thọ 獨挺樹. Pali (Skt.): *tāla*, một loại cây cọ, lá hình quạt. Thường dùng so sánh chiều cao. Đoạn này nghi do dịch giả Hán thêm vào chứ không có trong nguyên bản Phạn.

vàng thì bên trong đựng đầy thóc bằng bạc; nếu bát bằng bạc thì bên trong đựng thóc bằng vàng. Họ tâu, ‘Hoan nghênh Đại vương! Tất cả đất đai, trôn bảo, nhân dân ở bờ cõi phía đông này, thấy đều sở hữu của Vua. Chúng tôi sẽ vâng lệnh giáo sắc của Thiên vương.’ Vua Đại Thiên trả lời các Tiểu vương: ‘Nếu các vị muốn tuân theo giáo sắc của ta, hãy trở về nước của mình, mỗi vị hãy dạy dân mình hành mười điều thiện, chớ hành pháp ngang trái.’

“Vua giáo sắc xong, bánh xe liền ở trên biển quay trở lại, nương theo quỹ tròn⁸ mà đi. Trong biển tự nhiên mở ra một con đường rộng một do-tuần. Vua cùng binh chủng đi theo bánh xe, nhắm phía trước tuần hành, tiến về bờ cõi phía nam.

“Buổi sáng, các Tiểu vương trong bờ cõi phía nam đến châu. Họ mang cống vật đến dâng, nếu là bát vàng thì bên trong đựng đầy thóc bằng bạc; nếu bát bằng bạc thì bên trong đựng thóc bằng vàng. Họ tâu, ‘Hoan nghênh Đại vương! Tất cả đất đai, trôn bảo, nhân dân ở bờ cõi phía nam này, thấy đều sở hữu của Vua. Chúng tôi sẽ vâng lệnh giáo sắc của Thiên vương.’ Vua Đại Thiên trả lời các Tiểu vương: ‘Nếu các vị muốn tuân theo giáo sắc của ta, **[807b]** hãy trở về nước của mình, mỗi vị hãy dạy dân mình hành mười điều thiện, chớ hành pháp ngang trái.’

“Giáo sắc xong, bánh xe quay về về tây, tiến về bờ cõi phía tây. Các Tiểu vương trong bờ cõi phía tây đến cống hiến và khuyến thỉnh cũng như ở phía nam.

“Xong, bánh xe lại quay hướng nhắm về phía bắc, tuần hành tiến đến bờ cõi phía bắc. Các tiểu vương phía bắc đến châu, cống hiến, khuyến thỉnh đúng như pháp.

“Chu du bốn ngày, khắp cả Diêm-phù-địa tận đến bờ biển, rồi quay trở về Mật-thí-la. Bánh xe dừng lại giữa hư không phía trước cửa cung, cao bảy cây đa-la, vành hướng về đông.

“Đại Thiên có được bánh xe báu như vậy.”

⁸ Đề bản: thừa văn 乘雲. TNM: thừa hư.

A nan lại hỏi:

“Đại Thiên có được báu voi như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, nhìn thấy trong hư không có con voi chúa màu trắng tên là Vũ-hô⁹ nương theo hư không mà bay đến; bảy chi của nó bằng phẳng, miệng có sáu ngà, trên đầu có mũ bằng vàng với chuỗi anh lạc bằng vàng, thân mình quấn bọc bởi chân châu, hai bên mang linh bằng vàng. Voi có thần lực, biến hình tự tại. Đại Thiên thấy nó, trong lòng nghĩ thầm, ‘Ta có được con voi này chăng? Ta sẽ khiến nó làm việc.’ Vừa nghĩ xong, voi liền đến đứng trước vua, giữa hư không. Vua liền sai làm năm việc. Vua lại nghĩ, ‘Hãy thử xem con voi này làm được hay không.’ Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc, vua cỡi voi này, trong thoáng chốc chu du khắp bốn biển, rồi trở về chỗ cũ, đứng ở phía đông cửa cung, hướng về phía đông.

“A-nan, Đại Thiên có được voi báu như vậy.”

A nan lại hỏi Phật:

“Đại Thiên được báu ngựa như thế nào?”

Phật nói:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, nhìn thấy trong hư không có con ngựa xanh tên là Bà-la-hàm¹⁰ nương hư không mà đến; khi đi, thân hình nó không dao động. Trên đầu nó có mũ bằng vàng, với chuỗi anh lạc bằng báu; thân mình phủ bằng lưới chân châu, hai bên có treo linh. Ngựa có thần lực, biến

⁹ Để bản chép: Mãn-hô 滿呼. Tên Pali của nó là Uposatha; Trung 13 âm là Vu-sa-hạ 于娑賀. Do đó sửa lại, đọc là Vũ-hô.

¹⁰ Bà-la-hàm 婆羅含. Phụ chú trong để bản: “Tiếng nước Tần nói là *phát minh* 髮鳴 (tóc kêu!), lông đuôi đỏ.” Pali: Valāhaka.

hình tự tại. Thấy nó, Vua Đại Thiên nghĩ, ‘Ta có thể bắt lấy nó mà cỡi.’ Nghĩ xong, ngựa đến trước vua. Vua liền muốn cỡi thử. Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc, vua cỡi nó đi về phía đông. Thoáng chốc, chu du khắp bốn biển, rồi quay về bản quốc, trụ phía tây cửa cung, đứng hướng về phía tây.

“A-nan, Đại Thiên có được báu ngựa như vậy.”

A nan hỏi Phật:

“Đại Thiên có được báu minh châu như thế nào?”

Phật nói:

[807c] “A-nan, Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, nhìn thấy có thần châu. Châu dài 1 thước 6 tấc, có tám cạnh, màu lưu ly xanh biếc, nương hư không mà đến, cao bầy cây đala. Thấy nó, Đại Thiên nghĩ, ‘Ta có thể được minh châu này mà ngắm.’ Theo ý nghĩ tức thì nhận được. Vua muốn thử. Khi đến nửa đêm, tập họp bốn binh chủng, đem minh châu treo trên đầu ngọn phướn, rồi ra khỏi thành đi dạo. Minh châu chiếu sáng một phạm vi 12 do diên. Binh chủng nhìn thấy nhau như ban ngày không khác. Ánh sáng minh châu soi đến mọi người, khiến họ giật mình thức dậy, đều bảo là trời đã sáng. Vua liền quay trở về cung. Trong ngoài thường sáng như ban ngày không khác.

“A-nan, Đại Thiên có được báu minh châu như vậy.”

A nan hỏi Phật:

“Đại Thiên có được báu ngọc nữ như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, trông thấy báu ngọc nữ thuộc dòng sát- lợi, tên là Mạn-na-kha-lợi,¹¹ xinh đẹp

¹¹ Mạn-na-kha-lợi 曼那呵利. Phụ chú trong đề bản: “Tiếng nước Tần nói là đoạt tình 奪情.” Skt. *mānohāri*?

vô song, trong trắng kỳ diệu, không cao không thấp, không mập, không gầy, không trắng không đen, mùa đông thì ấm, mà hè thì tươi mát, từ các lỗ chân lông nơi thân tỏa ra mùi thơm chiền đàn; miệng thường tỏa mùi thơm hoa sen ưu-bát, và cũng không các tư thái xấu của người nữ, tính tình nhu hòa, biết trước ý vua mà phục vụ. Nàng từ hư không mà đến chỗ vua.

“A-nan, Đại Thiên có được báu ngọc nữ như vậy.”

A nan hỏi Phật:

“Đại Thiên có được báu chủ kho tàng như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía bắc, trông thấy vị đại thần chủ kho tên là A-la-tha-chi,¹² đẹp đẽ kỳ diệu, không cao không thấp, không mập không gầy, thân màu hoàng kim, tóc màu biếc, con mắt đen trắng phân minh. Ông có thể nhìn thấy bảy báu trong kho tàng ẩn dưới đất. Nếu có chủ, ông giữ gìn cho. Nếu vô chủ lấy [808a] sung công để vua dùng. Thông minh, trí tuệ, khéo léo có mưu chước. Ông nương hư không mà đến trình trước vua, tâu vua rằng, ‘Từ nay trở đi, vua thích cái gì, cứ tự mình vui hưởng, chớ có lo rầu. Tôi sẽ cung cấp châu báu cho vua, không hề thiếu thốn.’ Vua bèn thử đại thần quản kho này, cùng với ông đi trên một con thuyền vào biển. Vua bảo quan quản kho: ‘Ta muốn có vàng bạc, châu báu.’ Quan chủ kho tâu, ‘Xin đợi khi lên bờ tôi sẽ cung cấp tài bảo.’ Vua nói, ‘Ta muốn được bảo vật trong nước, chứ không phải trên bờ.’ Quan chủ kho liền đứng dậy, sửa lại y phục, rồi quỳ gối phải xuống, chấp tay lạy nước. Từ trong nước tức thì thời vàng hiện ra, lớn bằng bánh xe, phút chốc đầy cả thuyền. Vua nói, ‘Thôi, đủ rồi. Chớ lấy vàng lên nữa mà chìm thuyền.’

¹² A-la-tha-chi 阿羅唵岐. Phú chú trong đề bản: “Tiếng nước Tần gọi là Tài Tràng 財幢.” Skt. *arthaketu/ arthadhvajā*?

“A-nan, Đại Thiên có được báu chủ kho như vậy.”

A nan lại hỏi Phật:

“Đại Thiên có được tướng quân điển binh như thế nào?”

Phật nói:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía nam, trông thấy phía nam có vị đại tướng quân tên là Tỉ-tì-na,¹³ đẹp đẽ kỳ diệu, tóc màu như chân châu, toàn thân màu lục, không cao không thấp, không mập không gầy, mắt có thể nhìn suốt biết đọc tâm niệm của người khác; quân sách, mưu lược, tiến thoái đúng thời; ông nương hư không mà đến trình vua, tâu rằng, ‘Mong vua cứ tự vui thích, chớ có lo rầu việc thiên hạ. Thần sẽ đảm trách chinh phạt bốn phương.’ Vua bèn muốn thử. Nửa đêm suy nghĩ muốn tập hợp bốn binh chủng. Vừa nghĩ xong, bốn binh chủng đều tập hợp đủ hết. Vua lại nghĩ, muốn kéo quân về phía đông, tức thì quân được kéo về phía đông. Vua ở trung ương, tướng quân ở phía trước, bốn binh chủng vây quanh. Vua nghĩ muốn tiến, quân tiến; nghĩ muốn lui về, quân lui về.

“A-nan, Đại Thiên có được báu tướng quân điển binh như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên có được bảy báu như vậy.”

Phật lại nói với A-nan:

“Vua Đại Thiên cai trị thiên hạ một thời gian lâu, sau đó bảo người hầu chải tóc tên là Kiếp-bắc,¹⁴ ‘Nếu thấy có sợi tóc bạc, hãy nhổ đưa cho ta xem.’ Một thời gian lâu về sau, Kiếp-bắc nhìn thấy có một sợi tóc bạc, liền tâu vua, ‘Như trước đã có lệnh, nay tôi đã thấy sợi tóc bạc.’ Vua nói, ‘Hãy nhổ, đưa cho

¹³ Tỉ-tì-na 比毘那. Phụ chú trong đề bản: “Tiếng nước Tần gọi là Vô Úy 無畏.” Skt. *Vibhī(śa)na*?

¹⁴ Đề bản: Kiếp-bắc 劫北. TNM: Kiếp-tý. Pali: Kappaka.

ta xem.’ Kiếp-bắc liền lấy cái nhíp bằng vàng nhỏ sợi tóc bạc để trong tay vua. Vua cầm sợi tóc bạc mà nói bài kệ:

*Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy huỷ.
Sứ giả đã gọi,
Đến thời nhập đạo.*

“Vua nghĩ thầm trong lòng, ‘Ta đã tận hưởng ngũ dục. Nay ta nên xuất gia. Cạo bỏ râu tóc. khoác pháp phục.’ Vua triệu thái tử Trường Sanh vào bảo: ‘Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trường làm Thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hay giao nước lại cho Thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo Thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn sẽ trở thành người biên địa. Nếu cắt đứt thiện hành, sẽ sanh vào chỗ vô pháp.’ Vua Đại Thiên khuyên dạy xong, giao nước lại cho thái tử Trường Sanh, cấp phát điền nghiệp cho Kiếp-bắc.”

Phật bảo A-nan:

“Vua Đại Thiên ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ¹⁵ từ, bi, hỷ, xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sanh lên trời Phạm thiên.

“Sau khi Đại Thiên xuất gia được bảy ngày, nữ bảo mạng chung. Trường Sanh lên ngôi, đến ngày 15 khi trăng tròn, mang các thể nữ lên lầu, nhìn về phía đông, thấy ngọc nữ xinh đẹp như trước kia nương hư không mà đến. Trường Sanh có trở lại bầy báu, làm vua thống lãnh bốn thiên hạ.

¹⁵ Nguyên hán: bốn phạm hạnh.

“Sau đó Trường Sanh lại nói với Kiếp-bắc, ‘Từ nay trở đi, khi nào chải đầu cho ta mà thấy có tóc bạc, hãy báo cho ta biết ngay.’ Lên ngôi Thánh vương qua tám vạn bốn nghìn năm, tóc bạc lại sanh. Kiếp-bắc tâu vua: ‘Tóc bạc đã sanh rồi.’ Vua bảo, ‘Nhỏ lên để trong lòng tay ta.’ Kiếp-bắc lấy nhíp vàng nhổ sợi tóc để vào trong tay vua. Vua cầm sợi tóc bạc, nói bài kệ:

*Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy huỷ.
Sứ giả đã gọi,
Đến thời nhập đạo.*

“Vua suy nghĩ trong lòng, ‘Ta đã tận hưởng ngũ dục của loài người. Nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục. Vua liền triệu Thái tử đến bảo: “Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trường làm Thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hãy giao nước lại cho Thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo Thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn, sẽ trở thành người biên địa. Nếu cắt đứt thiện hành, sẽ sanh vào chỗ vô pháp.’”

“Trường Sanh khuyên dạy rồi, giao nước lại cho Thái tử Quan Kế, cấp ruộng đất cho Kiếp-bắc.”

Phật bảo A-nan:

“Vua Trường Sanh cũng ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ* từ, bị, hủy, xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sanh lên trời Phạm thiên.”

Phật bảo A-nan:

“Sau khi vua Trường Sanh xuất gia được bảy ngày, bảy báu tự nhiên biến mất. Vua Quan Kế buồn rầu không vui. Các quan

thầy vua không vui, bèn hỏi: ‘Thiên vương vì sao không vui?’ Vua trả lời các quan: ‘Vì bầy báu đã biến mất hết rồi.’ Các quan tâu vua: ‘Vua chớ có lo buồn.’ Vua hỏi: ‘Vì sao không lo?’ Các quan tâu: ‘Vua cha tu phạm hạnh, ở trong khu vườn gần đây. Nên đến đó hỏi. Tất sẽ được Vua chỉ dạy cách là sao để có bảo vật.’ Vua liền ra lệnh sửa soạn cỗ xe bảy báu, biểu dương bằng năm thứ: mũ báu, lông chim, guom, quạt và hài, cùng với tả hữu theo hầu, tiến đến khu vườn. Đến nơi, xuống xe, dẹp bỏ năm thứ nghi trượng ấy, đi bộ vào vườn. Đến trước phụ vương, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên, chấp tay thưa rằng, ‘Bảy báu mà vua có, nay đã biến mất.’ Vua cha bảo ngồi xuống, nghe những điều trình bày, rồi ngẩng đầu lên đáp rằng, ‘Này con, pháp của Thánh vương là không cậy vào những cái mà cha sở hữu. Con phải tự mình hành đúng pháp để có.’ Vua lại hỏi: ‘Chuyển luân Thánh vương trị hóa bằng pháp gì?’ Vua cha đáp: ‘Pháp kính, pháp trọng, pháp niệm, pháp nuôi dưỡng, pháp tăng trưởng, pháp làm cho rục rờ, pháp làm cho pháp trở thành lớn. Thực hành bảy điều này, là phù hợp với sự cai trị của Thánh vương. Như vậy sẽ có được báu vật.’ Vua lại hỏi: ‘Thế nào là pháp kính, cho đến pháp trở thành lớn?’ **[809a]** Vua cha đáp: ‘Hãy học ban cấp cho kẻ nghèo cùng, dạy dân hiểu thảo nuôi dưỡng cha mẹ; bốn mùa tám tiết đúng thời tế tự; dạy biết nhẫn nhục, trừ hành dâm loạn, tật đố, ngu si. Hành bảy pháp này là phù hợp với pháp của Thánh vương.’ Vua vâng lời dạy, cáo từ, lễ và nhiễu quanh ba vòng, rồi dẫn chúng quay trở về. Bây giờ, vua phụng hành bảy pháp theo lời dạy của cha, truyền lệnh xa gần đều tuân hành giáo lệnh của vua. Vua lại cho mở kho, ban cấp cho kẻ nghèo cùng, chăm sóc người già cô quả. Nhân dân bốn phương không đâu không vâng theo mà làm.

“Bây giờ, vào ngày 15 trăng tròn, tám gộ sạch sẽ, vua cùng các thể nữ lên lầu, nhìn về hướng đông, trông thấy bánh xe bằng vàng từ ma có nghìn căm, cao bảy cây đa-la, cách mặt đất cũng bảy cây đa-la, nương theo hư không mà đến, rồi trụ giữa

hư không. Vua nghĩ thầm trong lòng, ‘Cầu mong ta có được bánh xe này.’ Bánh xe tức thì hạ xuống, đến bên cánh tay trái của vua, rồi dôi qua cánh tay phải. Vua nói với bánh xe: ‘Nơi nào chưa được chinh phục, hãy chinh phục cho ta. Đất nào chưa phải của ta, hãy thuộc về cho ta. Đứng pháp chứ không phải không đứng pháp.’ Rồi vua lấy tay ném bánh xe trở lại trên hư không, ở phía đông cửa cung, vành bánh xe hướng về đông, trục hướng về bắc, trụ giữa không trung.

“Sau bánh xe, lại có voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, chủ kho tàng, tướng quân. Bảy báu này như vua Đại Thiên, so sanh cũng như vậy.

“Rồi trải qua tám vạn bốn nghìn năm, vua ban cho Kiếp-bác, sắc lệnh cho Thái tử và giáo phó việc nước, rồi xuất gia nhập đạo như các vua trước..”

Phật bảo A-nan:

“Vua Quan Kế cũng ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ từ, bi, hỷ, xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sanh lên trời Phạm thiên.”

Phật bảo A-nan:

“Con cháu của vua Đại Thiên nối nhau cho đến tám vạn bốn ngàn năm ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, dòng giống thiên không bị đứt đoạn. Thánh vương cuối cùng tên Nhẫm,¹⁶ cai trị bằng chánh pháp, là người thông minh, xét đoán chắc thật không sai chạy, có 32 tướng, màu da như hoa sen hồng, ưa thích bố thí, cúng dường sa-môn, bà-la-môn, chăm sóc người già côi cút, ban cấp kẻ nghèo cùng. Tại bốn cổng thành và ở giữa thành đặt kho lẫm, chứa các thứ vàng, bạc, tạp bảo, voi, ngựa, xe cộ, y phục, giường đệm, thuốc men trị bệnh, hương hoa, ẩm thực. Ai cô độc thì cấp vợ cho; ban phát đủ mọi thứ

¹⁶ Nhẫm. Phụ chú trong bản Hán: “Tiếng nước Tấn gọi là Bất Huyền (không nháy mắt).” Pali: Nemi.

cho những ai cần. Vua vào sáu [809b] ngày trai, sắc lệnh cho trong ngoài điều thọ trì tám quan trai. Ngày đó chư thiên trên trời Thủ-đà-hội¹⁷ tất sẽ hiện xuống trao cho tám giới. Đế Thích trên trời Tam thập tam đều khen nhân dân nước ấy, ‘Vui thay, thật ích lợi mà có được vị pháp vương như vậy! Đã ban phát đủ thứ những gì dân cần dùng, lại còn thanh khiết trai giới không khuyết.’ Thiên đế nói với các thiên tử: ‘Các vị có muốn gặp vua Nhẫm không?’ Thấy đều đáp: ‘Muốn gặp. Xin đưa ông ấy đến đây.’

“Thích Đề-hoàn Nhân liền sai thiên nữ Cùng-ti-ni¹⁸ : ‘Cô hãy đến thành Mật-thí-la báo với vua Nhẫm rằng, Khanh thật được lợi lớn! Ở đây chư thiên đều ca ngợi khang công đức vòi vọi, nhờ tôi thăm hỏi ân cần. Các thiên tử này rất muốn gặp khang. Xin tạm thời khuất ý đi đến đó.’ Cùng-ti-ni vâng lời, trong khoảnh khắc bằng người lực sỹ co duỗi cánh tay, hốt nhiên xuất hiện trước điện vua, trụ giữa hư không. Vua đang ở trên điện với một thể nữ hầu, ngồi tư duy, ‘Mong cho cho tất cả thế gian đều được an ổn, không có các thứ khổ họa.’ Cùng-ti-ni ở giữa hư không búng ngón tay để cảnh tỉnh. Vua ngẩng đầu nhìn lên thấy ánh sáng phía trên điện, lại nghe có tiếng nói, ‘Tôi là thị giả của Thích Đề-hoàn Nhân, được sai đến vua.’ Vua đáp: ‘Không rõ Thiên Đế có điều gì dạy bảo.’ Thiên nữ nói, ‘Thiên Đế có ý ân cần. Các thiên tử trên đó đều ca ngợi công đức của khang, muốn được gặp mặt. Xin vua tạm khuất ý.’ Vua im lặng nhận lời. Thiên nữ quay trở về tâu Thiên đế, ‘Tôi đã truyền lệnh. Ông ấy hứa sẽ đến.’ Thiên đế ra lệnh vị hầu xe nghiêm chỉnh xe bảy báu được kéo bằng ngựa bay, xuống đến thành Mật-thí lợi rước vua Nhẫm. Vị trời hầu xe vâng lệnh, cỡi xe ngựa hốt nhiên hiện xuống. Vua và quần thần đang ngồi hội họp. Xe đến ngay trước vua, dừng lại trong hư không. Trời

¹⁷ Thủ-đà-hội: Tịnh cư thiên.

¹⁸ Cùng-ti-ni 窮鼻尼. Phụ chú trong bản Hán: “Tiếng nước Tấn gọi là Cực đoan chánh 極端正.” Skt. *Kumbhīnī*?

đánh xe báo, ‘Thiên đế sai mang xe đến đón. Các thiên tử đang nghiêm nhiên chờ trên đó. Mời vua lên xe. Chớ có quyến luyến. Các thần thuộc lớn nhỏ nghe vua sắp đi, buồn rầu không vui, đều đứng dậy chấp tay tâu rằng, ‘Sau khi Vua đi rồi, chúng tôi vâng mệnh như thế nào?’ Vua đáp, ‘Các khanh chớ lo. Sau khi ta đi, việc ban phát, trai giới, nuôi dân, trị nước, như ta còn ở đây. Ta đi rồi về không lâu.’ Vua dặn dò xong, xe tức thì hạ xuống đất. Trời hầu xe hỏi vua, ‘Vua sẽ đi theo con đường nào?’ Vua nói: ‘Lời ấy muốn nói gì?’ Trời hầu xe đáp: **[809c]** ‘Phàm có hai đường. Một là con đường dữ, và hai là con đường lành. Người làm ác đi theo con đường dữ đến chỗ khổ. Người tu thiện đi theo con đường lành đến chỗ vui.’ Vua đáp: ‘Hôm nay tôi muốn đi cả hai đường lành và dữ.’ Trời đánh xe nghe nói, giây lát mới hiểu, nói, ‘Rất tốt, Đại vương!’ Trời đánh xe liền dẫn đi giữa hai con đường, thiện ác gì đều thấy hết, lên đến trời Tam thập tam. Thiên đế và chư thiên trong thấy vua đang từ xa đến. Thích Đề-hoàn Nhân nói, ‘Hoan nghênh Đại vương!’ Rồi ra lệnh cùng ngồi chung.”

Phát bảo A-nan:

“Vua liền theo Thiên đế cùng ngồi. Vua và Đế Thích có tướng mạo, y phục, âm thanh đều một bậc như nhau. Các thiên tử nghĩ thầm trong lòng, ‘Ai là Thiên đế? Ai là vua?’ Lại nghĩ, ‘Pháp của loài người là nháy mắt. Nhưng cả hai đều không nháy.’ Nên ai cũng kinh ngạc không làm sao phân biệt được. Thiên đế thấy chư thiên có tâm nghi ngờ, liền nghĩ, ‘Ta sẽ lưu vua ở lại đây. Sau đó sẽ hiểu rõ.’ Đế Thích hỏi các thiên tử, ‘Các khanh có muốn ta mời vua lưu lại đây không?’ Các thiên tử đáp, ‘Thật sự chúng tôi muốn mời ở lại.’ Thiên đế bảo vua Nhấm, ‘Đại vương, có thể lưu lại đây không? Tôi sẽ cung cấp cho ngũ dục. Nhân đó chư thiên sẽ biết được vua của loài người.’ Vua tâu Thiên đế, ‘Như vậy là đã cung cấp rồi. Cầu chúc chư thiên thọ mạng vô cực.’ Chủ và khách mời và từ chối như vậy ba lần. Đế Thích hỏi vua, ‘Vì sao không ở lại đây?’ Vua đáp: ‘Tôi sẽ xuất gia tu đạo. Nay ở trên trời không có

duyên để học đạo.’ Thiên Đế nói, ‘Học đạo mà làm gì?’ Vua nói, ‘Phụ vương tôi có di mệnh. Nếu khi tóc bạc sanh, phải xuất gia học đạo.’ Đế Thích nghe nói có di mệnh nhập đạo, liền im lặng không nói. Vua ở trên trời hưởng thú ngũ dục, phút chốc đã mười hai năm. Khi sắp từ già, vua cùng chư thiên bàn luận pháp. Đế Thích sai vị trời hầu xe, ‘Người đưa vua Nhắm trở về bản quốc.’ Trời đánh xe vâng lệnh, chính bị xa giá, xong rồi tâu vua, ‘Mời Vua lên xe.’ Vua bèn nói lời từ biệt với Đế Thích và chư thiên, rồi lên xe, theo đường cũ mà trở về. Đến cung Mật-thí-la rồi, trời hầu xe quay trở về trời.

“Vua trở về được vài hôm, ra lệnh cho Kiếp-bắc, nếu thấy tóc bạc thì báo cho biết. Vài ngày sau, trên đầu vua có tóc bạc. Kiếp-bắc lấy nhíp bằng vàng nhổ tóc bạc để trong tay vua. Vua nhìn thấy rồi, nói bài kệ:

[810a] *Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy hỷ.
Sứ giả đã gọi,
Đến thời nhập đạo.*

“Vua suy nghĩ trong lòng, ‘Ta đã tận hưởng ngũ dục của loài người. Nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục. Vua liền triệu Thái tử đến bảo: “Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trường làm Thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hãy giao nước lại cho Thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo Thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn, sẽ trở thành người biên địa.”

Phật bảo A-nan:

“Vua Nhắm liền giao việc trị nước lại cho Thái tử, cấp ruộng đất cho Kiếp-bắc, rồi ở trong khu vườn này, tại chỗ đất này,

cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Vua tu đạo được bảy ngày, bánh xe, minh châu biến mất. Voi, ngựa, trưởng giả, ngọc nữ, tướng quân đều vô thường. Vua ở trong vườn này trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ từ, bi, hỷ, xả*. Khi mạng chung, ông sanh lên trời Phạm thiên.

“Sau đó vua Thiện Tận¹⁹ không kế thừa sự nghiệp của cha, chánh pháp bị bỏ bê, do đó bảy báu không còn xuất hiện trở lại; hành vi thiện không được nối tiếp, năm thứ suy giảm²⁰ dần dần xảy ra: thọ mạng con người vẫn lại, sắc da nhợt, sức lực ít, nhiều bệnh, không có trí. Năm sự suy giảm đã xuất hiện, chuyển đến nghèo khổ. Do khổ cùng mà sinh trộm cướp, bắt trói nhau nhau dẫn đến vua, tâu rằng, ‘Người này lấy của không cho. Vua ra lệnh mang ra ngoài hành hình. Người trong nước nghe nói, ai lấy của không cho vua liền bắt giết, thấy đều hận là ác, nên ai nấy sắm dao bén, dao được chế tạo bắt đầu từ đó. Sự sát sanh do từ đây mà khởi. Như vậy đã xuất hiện hai việc ác. Thứ đến, dâm phạm vợ người, rồi cãi với người chồng, ‘Tôi không có!’ Như vậy thành bốn việc ác. Nói hai lời gây đấu tranh, là ác thứ năm. Đấu tranh cho nên chửi nhau, đó là ác thứ sáu. Nói lời không chí thành, là ác thứ bảy. Ganh ghét sự hòa hiệp của người khác, là ác thứ tám. Ngậm hờn, biến sắc, là ác thứ chín. Trong lòng nghi ngờ tạp loạn là ác thứ mười. Mười ác đã đủ, năm suy giảm càng tăng.”

Phật bảo A-nan:

“Ông muốn biết vua Đại Thiên trong buổi đầu của Hiền kiếp bảy giờ là ai chăng? Chính Ta vậy.

“A-nan, ông muốn biết vua tên Nhẫm, trong tám vạn bốn nghìn năm bảy giờ trị nước không cong vạy là ai chăng? Chính là ông vậy. Ông muốn biết vua cuối cùng tên Thiện Tận bạo nghịch

¹⁹ Thiện Tận vương (?).

²⁰ Ngũ giảm, từ dịch khác cùng nghĩa ngữ trực. Pāli: *kasāya*.

vô đạo, làm đứt đoạn dòng Thánh là ai chẳng? Chính là Đê-bà-đa vậy.

“A-nan, [810b] ông thừa xưa kế thừa nếp thiện của Chuyển luân Thánh vương Đại Thiên, khiến cho ngôi vị tiếp nối không đứt, đó là công của ông vậy. Đụng pháp, chứ không phải không đúng pháp.

“A-nan, nay Ta là Pháp vương vô thượng, Ta di chúc pháp thiện vô thượng, ân cần giao lại cho ông. Ông là con nhà họ Thích, chớ làm người biên địa. Chớ gây hành vi đoạn tuyệt dòng giống.”

A nan hỏi Phật:

“Như thế nào là sẽ gây hành vi đoạn tuyệt dòng giống?”

Phật bảo A-nan:

“Vua Đại Thiên tuy hành pháp thiện, nhưng chưa dứt sạch các lậu, chưa siêu xuất thế gian, chưa được độ thoát vì chưa đoạn dục, chưa phá hai mươi mốt²¹ kết, chưa trừ 62 kiến, chưa tịnh ba cấu, chưa được thần thông, chưa được con đường chân chánh giải thoát, chưa đạt đến Niết-bàn. Pháp mà Đại Thiên, chẳng quá sanh Phạm thiên.

“A-nan, pháp của Ta cứu cánh đến Vô vi. Pháp của Ta đưa đến chân tế, vượt lên trời người. Pháp ta vô lậu, vô dục, tịch diệt, diệt tận. độ thoát, giải thoát, chân sa-môn, đưa đến Niết-bàn.

“A-nan, nay Ta đem Đạo pháp vô thượng này ân cần giao phó cho ông. Chớ tăng giảm pháp của Ta. Chớ làm người biên địa. Nếu có hiện hành Thanh văn. A-nan, ai làm đoạn tuyệt pháp này, người đó là người biên địa. Ai làm hưng thịnh pháp này, đó là trưởng tử của Phật, tức là thành tựu quyền thuộc. A-nan, ông hãy thành tựu quyền thuộc. Chớ có hành vi làm tuyệt chủng tộc. A-nan, những pháp Ta đã nói trước sau đều phó chúc hết cho ông. Ông hãy học điều này.”

²¹ Để bản chép nhầm thành 20 ức.

Phật nói xong, A-nan hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Có bốn người trong đại địa ngục.²² Bốn người ấy là ai? Tội nhân Mạt-khur-lê; đại tội nhân Tỳ kheo Đê-xá;²³ đại tội nhân Đê-bà-đạt-đâu; đại tội nhân Tỳ kheo Cù-ba-li.²⁴

“Tội nhân Mạt-khur-lê,²⁵ thân bốc ngọn lửa dài 60 khuỷu. Tội nhân Đê-xá, thân bốc ngọn lửa dài 40 khuỷu. Tội nhân Đê-bà-đạt-đâu, thân bốc ngọn lửa dài 30 khuỷu. Tội nhân Cù-ba-li, thân bốc ngọn lửa dài 20 khuỷu.

“Tỳ kheo, nên biết, Mạt-khur-lê dạy vô số chúng sanh, khiến hành tà kiến, điên đảo, chấp có không. Kẻ ngu Đê-xá đoạn ứng khí để dành của Thánh chúng.²⁶ Kẻ ngu Đê-bà-đạt-đạt [810c] gây đấu loạn chúng Tăng, giết Tỳ kheo ni A-la-hán, khởi ý sát hại nhắm đến Như Lai. Tội nhân Cù-ba-ly phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

“Lại nữa, Tỳ kheo, tội nhân Mạt-khur-lê dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục Diêm quang. Tội nhân Đê-xá làm đoạn tuyệt ứng khí lưu dư của Thánh chúng, thân hoại mạng chung đọa địa ngục Đẳng hoạt. Tội nhân Đê-bà-đạt-đâu khởi tâm mưu hại nhắm đến Như

²² Nguyên Hán: đại nê-lê 大泥黎.

²³ Đê-xá; có thể Pali: Tissa. Có nhiều Tỳ kheo Tissa trong Pali, nhưng không thấy ai đọa địa ngục. Chỉ có một Tissa tiếc y, chết đầu thai làm con chuột, cố cản không cho Tăng chia y của ông.

²⁴ Cù-ba-ly, xem kinh 5 phẩm 21 trên.

²⁵ Mạt-khur-lê, Pali: Makkhali, một trong sáu tôn sư ngoại đạo.

²⁶ Ứng khí di dư 應器遺餘, chưa rõ nghĩa. Ứng khí thường hiểu là dịch nghĩa từ bát-đa-la tức bình bát khất thực của Tỳ kheo.

Lai, thân hoại mạng chung đọa địa ngục A-tỳ. Tội nhân Cù-ba-ly, do phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, thân hoại mạng chung đọa địa ngục Bát-đầu-ma.

“Bấy giờ tội nhân Mạt-khu-lê bị ngục tốt kéo lưỡi ra, lôi ngược phía sau dọc trên xương sống. Sở dĩ như vậy, vì xưa kia dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến. Đại tội nhân Đê-xá bị ngục tốt xẻ mình ra, rồi rót nước đồng sôi lên tim, lại lấy viên sắt nóng bắt nuốt. Sở dĩ như vậy, do đoạn tuyệt ứng khí lưu dư của Thánh chúng. Tội nhân Đê-bà-đạt-đầu bị bánh xe sắt nóng cán nát thân hình, lại bị chà sát giã nát nát thân thể, rồi bị bầy voi dày xéo thân thể, lại bị ngọn núi sắt cháy nóng trấn áp lên mặt, toàn thân bị quấn bởi lá đồng nóng cháy. Sở dĩ như vậy, do xưa kia gây đầu loạn chúng Tăng, phá hòa hiệp Tăng nên bị bánh xe sắt cán nát đầu. Lại kẻ ngu Đê-bà-đạt-đầu này xúi thái tử kia giết vua cha, do quả báo này mà bị chà sát giã nát thân. Lại kẻ ngu si Đê-bà-đạt-đầu kia cho voi uống rượu say để hại Như Lai, do quả báo này nên bị bầy voi dày xéo. Lại kẻ ngu Đê-bà-đạt-đầu kia ở trên núi Kỳ-xà-quật cầm đá ném Phật, do quả báo này nên bị núi sắt nóng trấn áp lên mặt. Lại kẻ ngu Đê-bà-đạt-đầu kia giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán, do quả báo này nên bị là đồng sắt nóng cháy quấn chấth thân.

“Tỳ kheo, nên biết, tội nhân Cù-ba-ly trong địa ngục Liên hoa kia, bị nghìn con trâu cày cày lên lưỡi. Sở dĩ như vậy, do phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-liên. Do nhân duyên quả báo này mà bị nhìn con trâu cày cày nát lưỡi.

“Lại nữa, **[811a]** Tỳ kheo, tội nhân Mạt-kha-lê, thân bốc ngọn lửa dài 60 khuỷu. Nếu có chúng sanh nào khởi lên ý nghĩ này, ‘Ta nên cứu vớt, làm ích lợi cho người này.’ Rồi lấy nước trong bốn biển lớn cao đến 40 khuỷu mà tưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu hết mà ngọn lửa không tăng không giảm. Cũng như tấm lá sắt nóng được lửa đốt suốt bốn ngày; rồi có người đến lấy bốn giọt nước mà rưới vào. Nước tức thì tiêu hết. Ở đây cũng vậy, nếu có người đến lấy nước bốn biển lớn mà

rưới lên thân người kia để tắt lửa, sẽ không bao giờ kết quả. Sở dĩ như vậy, do tội của người ấy quá sâu, quá nặng.

“Còn tội nhân Đê-xá kia, thân bốc ngọn lửa dài 40 khủy. Nếu có chúng sanh nào vì thương xót người này, lấy nước trong ba biển lớn rưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu mất, mà ngọn lửa không giảm. Cũng như có người lấy ba giọt nước nhiều lên ấm vì sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Ở đây cũng vậy, giả sử lấy nước của ba biển lớn mà rưới lên thân của Đê-xá, nước tức thì tiêu mất mà lửa không tăng giảm.

“Tội nhân Đề-bà-đạt-đâu, thân bốc ngọn lửa dài 30 khủy. Nếu có chúng sanh nào khởi tâm thương xót, muốn khiến cho lửa trên thân của Đề-bà-đạt-đâu vĩnh viễn tắt mất, lấy nước của hai biển lớn đến rưới lên thân. Nước tức thì tiêu mất. Cũng như nhiều hai giọt nước lên vì sắt nóng, không làm tăng giảm. Với kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu cũng vậy, lấy nước của hai biển lớn mà rưới lên thân, nước lập tức tiêu mất mà lửa không giảm. Sự thống khổ của Đề-bà-đạt-đâu là như vậy.

“Tội nhân Cù-ba-ly, thân bốc ngọn lửa dài 20 khủy. Giả sử có chúng sanh vì thương xót người này, lấy nước trong một biển lớn đến rưới lên thân, nước tức thì tiêu mất mà lửa không giảm. Cũng như nhiều một giọt nước lên vì sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Với Tỳ kheo Cù-ba-ly cũng vậy. Vì bị tội báo lỗi cuốn, phải nhận chịu tội ấy.

“Đó là bốn người thọ tội cực trọng. Các người hãy tự chuyên xa lánh các tai hoạn như vậy, vâng theo các Hiền Thánh mà tu tập phạm hạnh. Như vậy, các Nhân giả hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

[811b] Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta nay biết rõ địa ngục, và cũng biết con đường dẫn đến địa ngục, và cũng biết gốc rễ của chúng sanh trong địa ngục kia. Giả sử có chúng sanh nào tạo các hành ác bất thiện, khi thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục; Ta cũng biết rõ.

“Lại nữa, Tỳ kheo, Ta cũng biết rõ súc sanh; cũng biết rõ con đường dẫn đến súc sanh; và cũng biết rõ gốc của súc sanh; biết rõ những điều trước kia đã làm để sanh vào nơi này.

“Ta nay biết rõ con đường ngã quý; cũng biết rõ những ai đã gây nên gốc rễ ác mà sanh vào ngã quý.

“Ta nay biết rõ con đường dẫn đến làm người; cũng biết rõ hạng chúng sanh nào sanh được thân người.

“Ta cũng biết con đường dẫn đến cõi trời; cũng biết công đức trước kia mà chúng sanh đã làm để sanh lên trời.

“Ta cũng biết con đường dẫn đến Niết-bàn; những chúng sanh nào mà hữu lậu đã dứt sạch, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp mà thủ chứng quả; Ta thấy đều biết rõ

“Ta biết con đường dẫn đến địa ngục. Do nhân duyên gì mà nói điều này?”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Ta nay quán sát tâm ý của chúng sanh, thấy rằng người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ phải vào địa ngục. Sau đó, quán sát thấy người này khi vào trong địa ngục chịu đau đơn, bị tra khảo, vô số sầu ưu khổ não không kể xiết. Cũng như một hầm lửa lớn không có bụi bặm. Giả sử có một người đang đi trên con đường dẫn đến đó. Lại có một người khác có mắt, thấy người đang đi đến đó, chắc chắn sẽ rơi xuống đó, không phải là điều nói suông. Rồi sau đó thấy người kia đã rơi xuống hầm lửa. Người mà Ta nói đến đó đã rơi xuống hầm lửa. Ta nay

quán sát những điều suy nghĩ trong tâm ý của chúng sanh, biết chắc chắn nó sẽ vào địa ngục, không có gì nghi ngờ. Như Ta sau đó quán sát thấy người này sau khi đã vào địa ngục chịu sự đau đớn, khóc hại, không hề kể xiết.

“Người kia làm thế nào mà vào địa ngục? Ta quán quán thấy chúng sanh hướng đến địa ngục do gây các hành ác, nghiệp bất thiện, thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục. Ta thấy biết rõ điều đó. Điều mà ta muốn nói là như vậy.

“Ta biết con đường súc sanh, và cũng biết con đường dẫn đến súc sanh. Do nhân duyên gì mà nói vậy? Ở đây, này Tỳ kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm ý của chúng sanh, biết người ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong súc sanh. Rồi ta quán sát thấy người ấy sau khi vào trong súc sanh mà sầu ưu **[811c]** khổ não không kể xiết. Vì sao người này rời vào trong súc sanh? Cũng như tại thôn xóm có một hầm xí trong đó đầy cả phân. Giả sử có người đang đi trên lối đi dẫn đến đó. Lại có người khác có mắt thấy người kia đang đi đến chỗ đó. Người kia không bao lâu đi đến đó và rơi xuống hầm xí. Sau đó quán sát thấy người kia sau khi rơi xuống hầm xí chịu khốn ách không kể xiết. Tại sao người kia đã rơi xuống hầm xí? Ta thấy các loài chúng sanh cũng vậy. Người này mạng chung sẽ sanh vào trong súc sanh. Lại quán sát thấy sau khi sanh vào trong súc sanh phải chịu khổ vô lương. Ta nay quán sát chúng sanh súc sanh đều biết rõ như vậy. Đó là điều Ta muốn nói.

“Ta nay biết chúng sanh ngã quý, cũng biết con đường ngã quý. Chúng sanh nào sau khi thân hoại mạng chung sanh vào đó, Ta cũng biết rõ. Chúng sanh nào đi theo con đường mà khi thân hoại mạng chung dẫn đến ngã quý, Ta cũng biết rõ. Về sau quán sát thấy chúng sanh vào ngã quý chịu đau đớn. Vì sao người ấy sanh vào ngã quý? Cũng như gần thôn xóm có một gốc đại thọ, ở chỗ phát sanh nguy hiểm, cành cây lá cây rơi rớt. Giả sử có người đang đi đến đó. Khi ấy có người có

mắt từ xa thấy người kia chắc chắn đi đến chỗ đó. Sau đó thấy người kia hoặc nằm, hoặc ngồi, chịu các báo ứng khổ lạc. Người kia vì sao đi đến gốc cây ấy mà ngồi? Ta nay quán sát các loài chúng sanh cũng như vậy, khi thân hoại mạng chung sanh vào ngạ quỷ, không nghi ngờ gì, để chịu báo ứng khổ lạc không kể xiết. Ta biết con đường dẫn đến ngạ quỷ; thấy đều biết rõ phân minh. Điều mà ta nói là như vậy.

“Ta biết con đường của con người, cũng biết con đường dẫn đến chỗ người. Những ai tạo hành vi gì khi thân hoại mạng chung sanh vào trong loài người, Ta cũng biết rõ. Ở đây, Tỳ kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm của các loài chúng sanh, thấy người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong loài người. Về sau Ta quán sát thấy người ấy đã sanh trong loài người. Vì sao người ấy sanh trong loài người? Cũng như gần thôn xóm có một gốc đại thọ, ở tại chỗ bằng phẳng, có nhiều bóng mát. Có một người có mắt, thấy biết chỗ đó. Người ấy đi đến đó, nhất định không nghi ngờ gì. Về sau Ta quán sát thấy người ấy đã đến nơi gốc cây này, được nhiều lạc thú vô lượng. Làm **[812a]** sao người ấy đến được chỗ đó? Đây cũng vậy, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm chúng sanh, biết người ấy khi thân hoại mạng chung sanh vào loài người không nghi. Về sau ta quán sát thấy người ấy sanh vào loài người hưởng vô lượng an lạc. Ta biết nẻo đến loài người, cũng biết con đường dẫn đến chỗ loài người. Điều mà Ta đã nói là như vậy.

“Ta cũng biết con đường dẫn đến cõi trời. Những chúng sanh nào làm các công nghiệp gì để sanh trời, Ta cũng biết rõ. Do nhân duyên gì mà Ta nói điều này? Ta nay quán sát những điều suy nghĩ trong tâm của chúng sanh, biết người ấy khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên trời. Về sau quán sát thấy người ấy thân hoại mạng chung đã sanh lên trời, ở đó hưởng thọ phước báo tự nhiên, khoái lạc vô cùng. Nói rằng người ấy đã sanh lên trời ở đó hưởng thọ phước tự nhiên, khoái lạc vô cùng. Cũng như gần thôn xóm có một giảng đường cao rộng, được chạm

trở vãn về, treo tràng phan, lụa là, rưới nước thơm lên đất, trái lột chỗ ngồi bằng đệm chăn thêu thùa. Có người đi thẳng một đường đến. Có người có mắt nhìn thấy con đường duy nhất thẳng đến đó. Người ấy đang hướng đến giảng đường cao rộng ấy mà đi, tất đến đó không nghĩ. Về sau quán sát thấy người ấy đã đến trên giảng đường, hoặc ngồi, hoặc nằm, ở đó hưởng thọ phước, khái lạc vô cùng. Ở đây cũng vậy, Ta quán sát thấy chúng sanh nào thân hoại mạng chung sẽ sanh và cõi thiện, sanh lên trời, ở đó hưởng thọ phước lạc không kể xiết. Vì sao người ấy đã sanh lên trời? Há không phải Ta biết rõ con đường dẫn đến thiên đạo chăng? Điều mà Ta nói là như vậy.

“Ta nay biết Niết-bàn, cũng biết con đường Niết bàn. Cũng biết hạng chúng sanh nào sẽ vào Niết-bàn. Hoặc có chúng sanh dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự thân chứng ngộ và an trú; ta thấy đều biết rõ. Do nhân duyên gì mà ta nói điều này? Ở đây, Tỳ kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm chúng sanh, biết người này dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nên nói người ấy đã dứt sạch lậu, thành vô lậu. Cũng như cách thôn xóm không xa có một ao nước mà nước rất sạch, trong suốt. Có người đang thẳng một đường đến đó. Lại có người có mắt sáng từ xa thấy người ấy đi đến, biết rõ người ấy nhất định đi đến ao nước **[812b]** không nghĩ. Về sau lại quán sát thấy người ấy đã đến ao nước, tắm gội, rửa các cái bẩn, sạch các ô uế, rồi ngồi bên cạnh ao, mà không tranh giành gì với ai. Ta nay quán sát các loài chúng sanh cũng vậy, biết người đã dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật rằng²⁷ sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.²⁸ Đó là nói, người ấy đã đến chỗ này, mà Ta

²⁷ Đề bản chép: danh sắc tri như chân. Nghi chép nhầm. Nay sửa lại theo định cú thường gặp.

²⁸ Đề bản chép thiếu câu này.

biết rõ con đường Niết-bàn, cũng biết rõ chúng sanh nào vào Niết-bàn. Thầy đều biết rõ.

“Nhu Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, có trí này, lực, vô úy này, thầy đều thành tựu đầy đủ. Trí của Nhu Lai là không thể lường được. Nhu Lai có thể nhìn thấy sự việc quá khứ vô hạn, vô lượng, không kể xiết; thầy đều biết rõ.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu mười lực, vô sở úy. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Trên núi Tuyết có một góc ây to lớn, cao rộng. Có năm sự kiện khiến nó phát triển to lớn. Những gì là năm? Rễ không di chuyển; vỏ rất dày và lớn; cành nhánh vươn xa; bóng râm che phủ lớn; tàn lá rậm rạp.

“Tỳ kheo, đó là nói trên Tuyết song có cây đại thọ hùng vĩ ấy. Ở đây, thiện nam tử, thiện nữ nhân, sanh vào dòng họ hào quý, có năm điều làm tăng trưởng lợi ích. Những gì là năm? Tăng ích bởi tín; tăng ích bởi giới; tăng ích bởi vãng; tăng ích bởi thí; tăng ích bởi huệ. Đó là, Tỳ kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhờ sanh vào dòng tộc hào quý mà thành tựu năm sự này.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tín, giới, vãng, thí huệ.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Nhu cây trên Tuyết sơn,
Hội đủ năm công đức:
Rễ, vỏ, cành nhánh rộng,*

Bóng râm, lá rậm rạp.

*Thiện nam tử có tín,
Năm sự thành công đức:
Tín, giới, văn, thí, huệ.
Nhờ đó trí tuệ tăng.*

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, [812c] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Tỳ kheo Mậu-la-phá-quần³⁰ giao du với các Tỳ kheo ni, và các Tỳ kheo ni cũng thích giao du với ông. Nếu kho mọi người khen chê gì Tỳ kheo Mậu-la-phá-quần, khi ấy các Tỳ kheo ni rất tức giận, buồn rầu không vui. Lại nếu có người chê bai các Tỳ kheo ni, khi ấy Tỳ kheo Mậu-la-phá-quần cũng buồn rầu không vui.

Bấy giờ số đông Tỳ kheo nói với Tỳ kho Mậu-la-phá-quần rằng:

“Thầy sao lại thân cận với các Tỳ kheo ni? Các Tỳ kheo ni lại cũng giao tiếp với Thầy?”

Phá-quần đáp:

“Theo chỗ tôi hiểu giáo giới mà Như Lai nói, là sự phạm dâm không đáng tội để nói.”

Số đông các Tỳ kheo lại nói:

²⁹ Tham chiếu Pali, M. 21 Kakacūpama (R.i.222). Hán, Trung 50, kinh 193.

³⁰ Mậu-la-phá-quần 茂羅破群. *Trung* kinh 193: Mậu-lê-phá-quần-na 牟犁破群那. Pali: Moḷiya-phagguno.

“Thôi, thôi, Tỳ kheo. Chớ có nói như vậy. Chớ có phỉ báng Như Lai. Ai phỉ báng ngôn giáo của Như Lai, tội lỗi không phải nhỏ. Lại nữa, Thế Tôn bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Ai tập theo dâm mà không có tội, không có lý đó. Nay Thầy nên xả bỏ kiến giải ấy. Nếu không, sẽ chịu khổ lâu dài.”

Nhưng Tỳ kheo Phá-quần-na này vẫn cứ giao thông với các Tỳ kheo ni, không chịu sửa đổi hành vi của mình.

Bấy giờ số đông Tỳ kheo đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân mà bạch Thế Tôn rằng:

“Trong thành Xá-vệ có một Tỳ kheo tên Phá-quần, cùng giao tiếp với các Tỳ kheo ni, và các Tỳ kheo ni cũng qua lại giao tiếp với Tỳ kheo Phá-quần. Chúng con có đến đó khuyên dụ để ông ấy sửa đổi hành vi. Nhưng hai người ấy vẫn quan hệ nhiều hơn, không xả bỏ tà kiến điên đảo, cũng không có hành vi phù hợp với chánh pháp.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ kheo:

“Ông hãy vâng lời Như Lai đi ngay đến chỗ Tỳ kheo Phá-quần, bảo rằng, ‘Ông nên biết, Như Lai cho gọi.’”

Tỳ kheo Phá-quần nghe Tỳ kheo này nói, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn hỏi Tỳ kheo này:

“Có thật ông thân cận với Tỳ kheo ni chăng?”

Tỳ kheo này đáp:

“Thật vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Ngươi là Tỳ kheo, sao lại giao tiếp với Tỳ kheo ni? Nay ngươi có phải là thiện gia nam tử, đã cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố **[813a]** xuất gia học đạo chăng?”

Tỳ kheo Phá-quần bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn. Con là thiện gia nam tử do tín tâm kiên cố xuất gia học đạo.”

Phật nói với Tỳ kheo:

“Việc làm của người phi pháp. Sao người lại cũng giao tiếp với Tỳ kheo ni?”

Tỳ kheo Phá-quân bạch Phật:

“Con nghe Như Lai nói, tập theo dâm, tội ấy không đáng nói.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Người, kẻ ngu, sao lại nói Như Lai nói tập theo dâm không có tội? Ta bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Người nay sao lại nói rằng Như Lai có nói dâm không tội? Người hãy cẩn thận giữ tội lỗi nơi miệng, chớ để lâu dài hằng chịu tội khổ.”

Phật lại nói:

“Thôi, nay không nói đến ông nữa. Ta cần hỏi các Tỳ kheo.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Các ông có nghe Ta nói với các Tỳ kheo rằng dâm không tội chẳng?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Thưa không bạch Thế Tôn. Chúng con không nghe Như Lai nói dâm không tội. Vì sao? Như Lai đã bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Nói dâm mà không tội, không có trường hợp ấy.”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Lành thay, lành thay, các Tỳ kheo! Đúng như các ông nói, Ta bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nói với các Tỳ kheo:

“Các người nên biết, có người ngu tập nơi các pháp hành như Khế kinh, Kỳ dạ, Kê, Thọ quyết, Nhân duyên, Bản mạt, Thí dụ, Sanh, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ. Tuy tụng mà không hiểu rõ nghĩa, do không quán sát kỹ ý nghĩa, cũng không thuận theo pháp ấy, pháp đang thuận theo lại không thuận theo mà hành. Sở dĩ tụng pháp này, chỉ cốt tranh luận với người, ý

muốn hơn thua, chứ không phải vì để giúp ích cho chính mình. Người ấy tụng pháp như vậy tất phạm điều cấm chế.

“Cũng như có người muốn ra khỏi thôn xóm, muốn đi tìm rắn độc. Khi nó thấy một con rắn lớn kịch độc, bèn chạy đến lấy tay trái mà vuốt đuôi. Rắn quay đầu lại mổ cho. Vì lý do đó mà người ấy mạng chung. Ở đây cũng vậy. Có người ngu học tập pháp ấy; 12 bộ kinh điển, không bộ nào không tập qua, nhưng không quán sát nghĩa lý. Vì sao vậy? Vì không rốt ráo chánh nghĩa.

“Ở đây có thiện nam tử chăm lo học tập pháp ấy, là Khế kinh, Kỳ-da, Kệ, Thọ quyết, Nhân duyên, Bản mạt, Thí dụ, Sanh, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ. Người ấy sau khi tụng đọc pháp này rồi, hiểu **[813b]** ý nghĩa trong đó. Do người ấy hiểu sâu ý nghĩa của pháp, nên thuận theo giáo lý ấy, không có điều gì trái nghịch sai quấy. Sở dĩ người ấy tụng pháp, không vì tâm hơn thua để tranh luận với người, mà tụng tập pháp là muốn đạt thành sở nguyện. Do nhân duyên này, dần dần đạt đến Niết-bàn

“Cũng như có người ra khỏi thôn xóm để tìm rắn độc. Khi thấy rắn rồi, người ấy tay cầm cái gắp sắt, trước hết đè đầu con rắn xuống, sau đó nắm lấy cổ, không để cho vùng vẫy. Giả sử con rắn muốn ngoắt đuôi lại để hại người này cũng không bao giờ được. Vì sao vậy? Tỳ kheo, vì đã nắm lấy cổ rắn.

“Thiện nam tử này cũng vậy, tụng tập đọc tụng, đủ khắp mọi thứ, rồi quán sát ý nghĩa, thuận theo pháp đó, không hề có điều gì trái nghịch sai lạc. Dần dần do nhân duyên này mà đạt đến Niết-bàn. Vì sao vậy? Do bắt nắm chánh pháp.

“Cho nên, Tỳ kheo, ai hiểu rõ ý nghĩa của Ta, hãy suy niệm mà phụng hành. Ai không hiểu, hãy đến hỏi lại Ta. Như Lai nay còn hiện tại. Chớ để sau này phải hối tiếc vô ích.”

Rồi Phật nói với các Tỳ kheo:

“Giả sử có Tỳ kheo ở giữa đại chúng nói rằng, ‘Cấm giới mà Như Lai đã thuyết, tôi đã thấu hiểu, theo đó dâm không tội, ví không đáng để nói.’ Các Tỳ kheo nên nói với Tỳ kheo này, ‘Thôi, thôi, chớ nói điều đó. Chớ phỉ báng Như Lai rằng Như Lai có nói điều đó. Như Lai không bao giờ nói điều đó.’ Nếu Tỳ kheo ấy sửa đổi điều trái phạm thì tốt. Nếu không sửa đổi hành vi, nên ba lần can gián. Nếu sửa đổi thì tốt. Không sửa đổi thì phạm đọa.³¹ Tỳ kheo nào bao che việc ấy không để phát lộ, những người đó đều phạm đọa.³² Đó là cấm giới Ta chế cho Tỳ kheo.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ bà-la-môn Sanh Lậu đi đến chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn rằng:

“Có bao nhiêu kiếp quá khứ?”

Phật nói với bà-la-môn:

“Các kiếp trong quá khứ nhiều không thể kể.”

Bà-la-môn hỏi:

“Có thể kể con số được chăng? Sa-môn Cù-đàm thường hay nói về ba đời. Thế nào là ba? Đó là quá khứ, tương lai, hiện tại.

³¹ Nguyên hán: đọa. Tức phạm tội đọa hay ba-dật-đề. *Tứ phần* điều 68; *Ngũ phần*, điều 48; *Tăng kỳ*, 45; *Thập tụng*, *Căn bản*, điều 55. Pali, Pāc. 68. Theo *Tứ phần*, trương hợp này gọi là “không xả bỏ ác kiến.” Nguyên nhân do bởi Tỳ kheo A-lê-tra (pali: Ariṭṭha).

³² *Tứ phần*, điều khoản ba-dật-đề 69: hỗ trợ Tỳ kheo bị xả trí (do không chịu xả bỏ ác kiến), cũng phạm ba-dật-đề. *Ngũ phần*, điều 49; *Tăng kỳ*, điều 46; *Thập tụng*, *Căn bản*, điều 56. Pali, Pāc, 69.

Sa-môn Cù-đàm cũng biết các đời quá khứ, đương lai, hiện tại. Cúi mong Sa-môn diễn nói nghĩa của [913c] con số số của kiếp.”

Phật nói với bà-la-môn:

“Ta sẽ nói nhân kiếp này mà tiếp đến kiếp khác, cho đến Ta diệt độ, rồi ông mạng chung, cũng không biết hết nghĩa của con số của kiếp. Vì sao vậy? Người nay tuổi thọ quá vắn, sống lâu không quá trăm năm. Kể số kiếp trong một trăm năm, cho đến ta diệt độ, ông mạng chung, cuối cũng vẫn không biết được nghĩa của kiếp số.

“Bà-la-môn nên biết, Như Lai cũng có trí này, phân biệt đầy đủ kiếp số, thọ mạng của chúng sanh dài vắn, thọ khổ lạc như thế nào; thấy đều biết rõ hết.

“Nay Ta sẽ nói cho ông một thí dụ. Người trí nhờ thí dụ mà hiểu. Cũng như con số của cát sông Hằng, không thể hạn, không thể lượng, không thể tính đếm. Con số của kiếp trong quá khứ nhiều cũng như vậy, không thể tính đếm, không thể trừ lượng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Con số của kiếp trong tương lai là bao nhiêu?”

Phật bảo bà-la-môn:

“Cũng như con số của cát sông Hằng, không có giới hạn, không thể đếm, không thể tính toán.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Có kiếp thành, kiếp hoại³³ của kiếp hiện tại chăng?”

Phật nói:

“Có kiếp thành, kiếp hoại này, không phải một kiếp, hay một trăm kiếp. Cũng đồ chén bát để tại chỗ bấp bênh thì không trụ yên được. Giả sử có trụ, rồi cũng đổ lộn. Các phương vực thế

³³ Nguyên hán: bại kiếp.

giới cũng vậy. Hoặc có kiếp đang thành, hoặc có kiếp đang hoại. Con số ấy cũng không thể kể, là có bao nhiêu kiếp thành, bao nhiêu kiếp hoại. Vì sao vậy? Sanh từ lâu xa không có biên tế. chúng sanh bị bao phủ bởi vô minh kết, trôi nổi theo dòng cuốn từ cõi đời này sang đời sau; từ đời sau đến cõi đời này, lâu dài chịu khổ não. hãy nên nhàm chán mà xa lìa khổ não này. Cho nên, Bà-la-môn, hãy học điều này.”

Bấy giờ bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn rằng:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, sa-môn Cù-đàm! Ngài biết nghĩa của số kiếp quá khứ, đương lai, hiện tại. Con nay lần nữa xin tự quy y Sa-môn Cù-đàm. Cúi xin Sa-môn Cù-đàm nhận con làm ưu-bà-tắc, suốt đời không còn dám sát sanh, cho đến uống rượu”

Bấy giờ bà-la-môn Sanh Lậu nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú trong núi Kỳ-xà-quật, thành la-duyệt, cũng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ có một Tỳ kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Kiếp có biên tế chăng?”

Phật nói với Tỳ kheo:

“Ta sẽ phương tiện dùng thí dụ để dẫn. Nhưng số của kiếp không cùng tận. Quá khứ lâu xa, trong Hiền kiếp này [814a] có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Lúc bấy giờ núi Kỳ-xà-quật này còn có tên khác. Nhân dân thành La-duyệt leo lên núi Kỳ-xà-quật, phải bốn ngày bốn đêm mới đến tận đỉnh.

“Tỳ kheo, thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, núi Kỳ-xà-quật này lại có tên hiệu khác. Nhân dân thành La-duyệt phải ba ngày ba đêm mới leo đến đỉnh.

“Khi Phật Ca-diếp Như Lai xuất hiện thế gian, núi Kỳ-xà-quật này lại có tên hiệu khác. Nhân dân thành La-duyệt phải đi hai ngày hai đêm mới leo đến đỉnh.

“Như Ta hôm nay, Phật Thích-ca Văn xuất hiện ở đời, núi này tên là Kỳ-xà-quật. Chỉ trong chốc lát là leo đến đỉnh núi.

“Khi Di-lặc Như Lai xuất hiện ở đời, núi này vẫn có tên là Kỳ-xà-quật. Vì sao vậy? Do thần lực của chư Phật khiến nó vẫn tồn tại.

“Tỳ kheo, hãy dùng phương tiện mà biết, kiếp có suy tận, không thể tính kể. Nhưng kiếp có hai thứ. Đại kiếp và tiểu kiếp. Nếu trong kiếp nào mà không có Phật xuất thế, khi ấy lại có Bích-chi-phật xuất thế, kiếp ấy gọi là tiểu kiếp. Nếu trong kiếp nào có Như Lai xuất thế, bấy giờ trong kiếp ấy không có Bích-chi-phật xuất thế; kiếp này gọi là đại kiếp.

“Tỳ kheo, hãy lấy phương tiện này để biết số của kiếp dài lâu không thể tính kể. Cho nên, Tỳ kheo, hãy ghi nhớ nghĩa của số kiếp này.”

Bấy giờ Tỳ kheo kia nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.³⁴

³⁴ Bản Hán, hết quyển 48.

PHẨM 51: PHI THUỜNG

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Thế nào, Tỳ kheo, các người trôi nổi sanh tử, trải qua khổ não, trong đó nước mắt buồn thương khóc lóc [814b] nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sanh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Lành thay, lành thay, các Tỳ kheo! Đúng như các ông nói không khác. Nước mắt mà các ông đổ ra trong sanh tử nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao vậy? Trong sanh tử đó, hoặc mẹ chết, nước mắt đổ xuống không thể kể xiết. Trong đêm dài, hoặc cha, hoặc anh, chị, em, vợ con, năm thân, những người ân ái, vì thương tiếc mà buồn khóc không thể kể xiết. Cho nên, Tỳ kheo, hãy nên nhàm chán sanh tử, tránh xa pháp này. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Khi nói pháp này, hơn 60 Tỳ kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

¹ Tham chiếu Pali, S.15.3 Asu (R. ii. 179). Hán, *Tap* (Việt) 1319.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Thế nào, Tỳ kheo, các người, trong sanh tử, máu đổ ra khi thân thể các người hủy hoại nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sanh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Lành thay, lành thay, các Tỳ kheo! Đúng như các ông nói, máu nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao vậy? Trong sanh tử, hoặc có khi làm bò, dê, heo, chó, hươu, ngựa, chim, thú, và vô số loài khác nữa, trải qua khổ não, thật đáng nhàm chán, hãy suy niệm xả ly. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Khi Thế Tôn nói pháp này, hơn 60 Tỳ kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Hãy tư duy vô thường tưởng, hãy quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy quảng bá vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn, thấy đều dứt sạch. Cũng như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn gì. Tỳ kheo, nên biết, nếu tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng, sẽ đoạn trừ sạch ái dục trong ba cõi.

“Thủa xưa, có vị quốc vương tên là Thanh Tịnh Âm Hưởng, thống lãnh Diêm-phù-địa với tám vạn bốn nghìn thành quách, có tám vạn bốn nghìn đại thần, tám vạn bốn nghìn cung [814c] nhân thể nữ. Mỗi một thể nữ có bốn người hầu. Bấy giờ Thanh vương Âm Hưởng không có con. Vị Đại vương này nghĩ như vậy, ‘Nay ta thống lãnh bờ cõi này, trị hóa mà không làm trái đạo lý. Nhưng nay ta không có người nối dõi. Nếu sau khi ta chết, gia đình, dòng họ sẽ đoạn tuyệt.’ Vì để có con nên quốc vương quy y nơi các trời, rồng, thần, mặt trời, mặt trăng, các sao; tỵ quy y Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, thần núi, thần cây, cho đến thần cỏ thuốc, cây trái: ‘Nguyện cầu phước cho tôi sanh con.’ Lúc bấy giờ trên trời Tam thập tam có một thiên tử tên Tu-bồ-đề, mạng sắp dứt, năm điềm báo tự nhiên bức bách. Những gì là năm? Hoa quan của chư thiên không hề héo úa, nhưng hoa quan của thiên tử này tự nhiên héo húa. Y phục của chư thiên không có cấu bẩn, nhưng y phục của thiên tử đã cấu bẩn. Thân thể của chư thiên Tam thập tam thơm tho, tinh khiết, có ánh sáng rọi suốt; thân thể thiên này này bấy giờ có mùi hôi không ai gần được. Chư thiên Tam thập tam luôn luôn có ngọc nữ vây quanh trước sau để ca, múa, xướng hát, vui thú với ngũ dục; thiên tử này khi sắp mạng chung các ngọc nữ ly tán. Chư thiên Tam thập tam có tòa ngồi tự nhiên, sâu xuống đất bốn thước, và khi thiên tử đứng dậy thì tòa này rời khỏi mặt đất bốn thước; nhưng thiên tử này sắp mạng chung nên không thích chỗ ngồi cũ nữa. Đó là năm điềm báo tự nhiên bức bách.

“Khi thiên tử Tu-bồ-đề có điềm báo này, Thích Đề-hoàn Nhân bảo một thiên tử: ‘Ông hãy đến Diêm-phù-địa nói với vua Âm Hưởng rằng, Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong Vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của Vua. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm niềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của Vua. Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia

học đạo, tu phạm hạnh vô thượng.’ Vị thiên tử vâng lời, nói ‘Kính vâng, Thiên vương! Xin vâng lời dạy của Thiên vương.’ Rồi trong khoảnh khắc bằng như lực sỹ co duỗi cánh tay, biên mất khỏi Tam thập tam, hiện đến Diêm-phù-địa. Lúc bấy giờ Đại vương Âm Hưởng đang ở trên lầu cao, cùng với một người cầm lọng hầu. Khi ấy vị trời này đứng giữa hư không nói với vua rằng, ‘Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong Vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của Vua. [815a]. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm niềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của Vua Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng.’ Vua Âm Hưởng nghe được lời này, hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, liền trả lời vị trời rằng, ‘Nay ngài đến báo cho biết, thật đại hạnh! Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý.’ Rồi thiên tử ấy trở về, đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân tâu lại, ‘Tâu Thiên vương, vua Âm Hưởng rất mừng rỡ.’ Và thuật lại lời vua Âm Hưởng, ‘Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý.’

“Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ thiên tử Tu-bồ-đề, nói với thiên tử Tu-bồ-đề rằng, ‘Ông hãy phát nguyện sanh vào trong cung của vua loài người là Âm Hưởng. Vì sao vậy? Vua Âm Hưởng không có con. Nhưng luôn luôn cai trị đúng theo chánh pháp. Ông xưa có phước, tạo các công đức, nay nên giáng thần vào trong cung đó.’ Thiên tử Tu-bồ-đề tâu, ‘Thôi, thôi, tâu Thiên vương! Tôi không thích nguyện sanh vào cung vua. Ý tôi muốn xuất gia học đạo. Nhưng ở trong cung thì sự học đạo rất khó.’ Thích Đề hoàn Nhân nói, ‘Ông chỉ cần phát nguyện sanh vào cung vua kia. Ta sẽ giúp đỡ để ông xuất gia học đạo.’

“Tỳ kheo, nên biết, thiên tử Tu-bồ-đề khi ấy liền phát nguyện sanh vào cung vua. Bấy giờ vua Âm Hưởng cùng với Đệ nhất phu nhân giao hội. Bà liền cảm thấy mình mang thai, liền tâu

với vua Âm Hưởng, ‘Đại vương, nên biết, tôi nay cảm giác mình đang mang thai.’ Vua nghe vậy rồi, hoan hỷ phần khởi không thể dừng được. Vua liền đặc biệt sai trái lót chỗ ngồi rất đẹp đẽ, ăn các thứ ngon ngọt như vua không khác. Qua tám chín tháng, sinh một đứa con trai cực kỳ xinh đẹp, hiếm có trên đời. Vua Âm Hưởng bèn triệu các bà-la-môn ngoại đạo cùng các quần thần xem tướng. Vua đem hết nguồn gốc nhân duyên kể hết cho các tướng sư. Các bà-la-môn đáp: ‘Tâu Đại vương, hãy xét lý này. Nay sanh Thái tử hiếm có trên đời. Xưa tên là Tu-bồ-đề, nay theo như trước mà đặt tên là Tu-bồ-đề.’ Các tướng sư sau khi đặt tên rồi, ai nấy đứng dậy ra về.

“Vương tử Tu-bồ-đề bấy giờ được vua rất quý trọng, chưa từng rời khỏi **[815b]** mắt. Rồi một lúc, vua Âm Hưởng suy nghĩ, ‘Xưa ta không có con. Vì không có con nên cầu đảo các trời để có một đứa con. Sau một thời gian nay mới sanh con. Nhưng Thiên Đế đã báo trước, nó sẽ xuất gia học đạo. Ta nay hãy bày phương tiện để nó không xuất gia học đạo.’ Rồi vua Âm Hưởng cho dựng cung điện ba mùa cho Thái tử. Mùa lạnh, có cung điện ấm. Mùa nóng có cung điện mát. Khi không lạnh không nóng, có cung điện thích thời. Lại cho dựng bốn chỗ ở cho cung nữ. Cung thứ nhất có sáu vạn thể nữ. Cung thứ hai có sáu vạn thể nữ. Cung thứ ba có sáu vạn thể nữ. Cung thứ tư có sáu vạn thể nữ. Mỗi cung có bốn người hầu dọn trải thảm ngồi để cho thái tử ngồi nằm trên đó. Nếu ý vương tử Tu-bồ-đề muốn dạo chơi phía trước, tức thì có các thể nữ đứng phía trước, khi ấy thăm ngòi tùy thân chuyển tới. Phía trước có sáu vạn thể nữ và bốn người hầu. Nếu muốn dạo chơi phía sau, thăm ngòi liền tùy thân chuyển theo. Nếu muốn cùng vui thú với các thể nữ, kho ấy thăm ngòi cùng tùy thân chuyển theo. Khiến cho vương tử Tu-bồ-đề tâm ý đắm nơi ngũ dục mà không muốn xuất gia.

“Cho đến một lúc, vào lúc nửa đêm, lúc không có người, Thích Đề-hoàn Nhân đi đến vương tử Tu-bồ-đề, ở giữa hư không mà nói với vương tử, ‘Vương tử, há không phải xưa kia đã có ý

ngĩ này, ‘Ta sống tại gia cho đến tuổi tráng thịnh sẽ xuất gia học đạo’ chẳng? Nay sao lại vui thú trong ngũ dục, ý không còn ý nguyện xuất gia nữa? Nhưng ta cũng đã có nói, sẽ khuyến khích Vương tử xuất gia học đạo. Nay đã đúng lúc, nếu không xuất gia học đạo, sau hối tiếc vô ích.’ Thích Đề-hàn Nhân nói xong, biến mất.

“Lúc bấy giờ Vương tử Tu-bồ-đề ở trong cung suy nghĩ như vậy, ‘Vua Âm Hưởng giăng lưới ái dục cho ta. Do bởi lưới ái dục này mà ta không xuất gia học đạo được. Nay ta phải cắt đứt lưới này không để bị lôi kéo bởi những thứ ô trược. Bằng chí tín kiên cố mà xuất gia học đạo, sống chỗ nhàn tĩnh, siêng năng tu tập nghiệp học để cho càng ngày càng tiến.’ Rồi vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ thêm, ‘Phụ vương Âm Hưởng cho sáu vạn thế [815c] nữ vây quanh trước sau. Ta hãy quán sát lý này, thử xem có ai tồn tại mãi ở đời chẳng?’ Rồi vương tử Tu-bồ-đề quán sát khắp trong cung, không thấy có nữ nhân nào sống mãi ở đời. Rồi Tu-bồ-đề lại nghĩ, ‘Ta nay sao lại quán vật bên ngoài? Hãy quán sát nội thân, do nhân duyên gì mà có. Nay trong thân này, các thứ như tóc, lông, móng, răng, xương, tủy, có cái nào còn mãi ở đời chẳng? Từ đầu đến chân, quán sát ba mươi sáu thứ, thấy là ô uế bất tịnh. Từ quán sát thấy không một thứ đáng tham. Cũng không có cái gì chân thật, mà chỉ là huyễn vọng giả dối, thấy đều trở về không, không còn mãi ở đời.’ Rồi Vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ, ‘Ta nay phải cắt đứt cái lưới này mà xuất gia học đạo.’

“Bấy giờ Tu-bồ-đề quán sát thân năm thủ uẩn này. Rằng ‘Đây là sắc khổ. Đây là tập khởi của sắc. Đây là sắc diệt tận. Đây là xuất yếu của sắc.’² Thọ, tưởng, hành, thức khổ. Đây là tập khởi

² Bấy xử thiện, được nói rất nhiều trong các A-hàm cũng như Nikāya. Nói đủ (Cf. *Tap 2*, kinh 42, tr. 10a05): sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc diệt đạo, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Pali, S. xxii. 57 Sattatthāna (R. iii. 61) : *rūpaṃ, rūpasamudayaṃ, rūpanirodhaṃ, rūpanirodhagāminiṃ paṭipadaṃ, rūpassa assādaṃ, rūpassa ādīnavaṃ, rūpassa nissaraṇaṃ.*

của thức. Đây là diệt tận của thức. Đây là xuất yếu của thức.’ Sau khi quán thân năm thủ uẩn này rồi, biết rằng những gì là pháp tập khởi đều là pháp diệt tận, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà đắc quả Bích-chi-phật. Lúc bấy giờ Bích-chi-phật Tu-bồ-đề biết mình đã thành Phật, liền nói bài kệ:

Này Dục, ta biết người.

Ý do tư tưởng sanh.

Ta không tư tưởng người;

Thì người không tồn tại.

“Sau khi nói bài kệ xong, Bích-chi-phật liền bay lên hư không mà đi, rồi một mình bát-niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới dưới một gốc cây trong một núi nọ.

“Bấy giờ vua Âm Hưởng bảo kẻ tả hữu, ‘Người hãy đi đến cung của Tu-bồ-đề, xem Vương tử có ngủ giấc yên ổn không?’ Quan đại thần vâng lệnh vua, đi đến cung của Thai tử. Nhưng cửa phòng ngủ đã khóa chặt. Đại thần quay trở lại tâu vua, ‘Vương tử ngủ yên. Cửa phòng đã khóa chặt.’ Vua lặp lại ba lần hỏi, ‘Người đến xem Vương tử ngủ có ngon không.’ Quan đại thần lại đến trước cửa cung. Nhưng cánh cửa đóng chặt. Ông quay trở lại, tâu vua, ‘Vương tử ở trong cung ngủ say không biết gì. Cửa cung khóa chặt, đến giờ vẫn chưa mở.’ Khi ấy vua Âm Hưởng nghĩ thầm, ‘Con ta, Vương tử, khi thiếu thời còn không mê ngủ. Sao nay tuổi tráng niên lại mê ngủ? Ta nên tự mình đến đó xem để biết con ta cát hung, hay có bệnh hoạn gì không.’

“Rồi vua Âm Hưởng đi đến cung của Tu-bồ-đề [816a], đứng ngoài cửa, bảo một người, ‘Người bắc thang leo vào trong cung mà mở cửa cho ta.’ Người ấy vâng lệnh vua, tức thì bắc thang, leo tường vào bên trong, mở cửa cho vua. Khi vua vào bên trong, quán sát bên trong cung, thấy chẵn đệm trống không mà không có vương tử. Không trông thấy vương tử, vua hỏi các thể nữ, ‘Vương tử Tu-bồ-đề hiện ở đâu?’ Thể nữ đáp, ‘Chúng

tôi cũng không biết Vương tử hiện đang ở đâu.’ Nghe nói thế, Vua Âm Hưởng gieo mình xuống đất, giây lâu mới tỉnh.

“Khi ấy, vua Âm Hưởng nói với quần thần, ‘Con ta khi còn nhỏ đã có ý nghĩ rằng, ‘Lớn lên con sẽ cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với tín tâm kiên cố xuất gia học đạo.’ Nay chắc chắn Vương tử đã bỏ ta mà xuất gia học đạo. Các người hãy đi khắp bốn phương tìm xem Vương tử rốt cuộc đang ở tại đâu.’

Quần thần tức thì cho xe cộ dung ruổi khắp mọi nơi tìm kiếm. Khi ấy có một vị đại thần đi vào trong núi kia, nửa đường chợt nghĩ, ‘Nếu Vương tử Tu-bồ-đề xuất gia học đạo tất phải ở trong núi này.’ Rồi thì, ông đại thần từ xa trông thấy vương tử Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây. Ông liền nghĩ thầm, ‘Đây chính là Vương tử Tu-bồ-đề.’ Nhìn kỹ, rồi quay trở về Vua, tâu rằng, ‘Vương tử Tu-bồ-đề đang ở gần đây, đang ngồi kiết già dưới một gốc cây trong núi.’ Vua Âm Hưởng nghe nói thế, liền đi đến núi đó. Từ xa trông thấy Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây, tức thì vua gieo mình xuống đất, nói rằng, ‘Con ta ngày xưa đã tự thề nguyện rằng, Con đến 20 tuổi sẽ xuất gia học đạo. Nay quả không sai. Vả lại, trời đã có báo với ta rằng, con ta sẽ học đạo.’

“Bấy giờ Vua Âm Hưởng đi thẳng đến trước, nói với Tu-bồ-đề rằng, ‘Con nay sao bỏ cha mà xuất gia học đạo?’ Khi ấy Bích-chi-phật im lặng không trả lời. Vua lại nói, ‘Mẹ con rất buồn lo. Phải gặp con mới chịu ăn. Hợp thời thì con nên về cung.’ Bích-chi-phật vẫn ngồi im lặng. Vua Âm Hưởng liền bước tới nắm tay, cũng không lay động. Vua mới nói với quần thần, ‘Vương tử hôm nay đã mạng chung rồi. Thích Đề-hoàn Nhân trước đây đã có báo ta, rằng ta sẽ có con, nhưng con ta sẽ xuất gia học đạo. Nay Vương tử đã xuất gia học đạo. Giờ hãy rước xá-lợi này về trong nước.’

“ Trong lúc đang hỏa thiêu,³ các vị thần kỳ trong núi đó, [816b] hiện nửa thân hình, tâu vua rằng, ‘Đây là Bích-chi-phật, chứ không phải là Vương tử. Ta là đệ tử của chư Phật quá khứ. Chư Phật cũng có dạy rằng, ở đời có bốn hạng người xứng đáng dựng tháp⁴ thờ. Những gì là bốn? Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xứng đáng dựng tháp thờ. Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ. A-la-hán lậu tận, đệ tử của Như Lai, xứng đáng dựng tháp thờ. Chuyển luân Thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.’⁵ Hỏa thiêu thân của Chuyển luân Thánh vương như hế nào, thì hỏa thiêu thân của Như Lai và Bích-chi-phật cũng như vậy.’ Vua Âm Hưởng hỏi chư thiên, ‘Cúng dường hỏa thiêu thân của Chuyển luân Thánh vương như thế nào?’ Thần cây đáp: ‘Làm quách bằng sắt cho Chuyển luân Thánh vương, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Chuyển luân Thánh vương, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu màu phủ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên đất, rồi để quách bằng sắt vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa thân Vua đi hỏa thiêu để lấy xá-lợi. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường không dứt. Dựng tháp tại các ngã tư đường. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ cúng dường. Đại vương, nên biết, sự việc cúng dường xá-lợi của Chuyển luân Thánh vương là như vậy. Cúng dường chư Phật Như Lai, Bích-chi-phật, A-la-hán, cũng giống như vậy.’

“Vua Âm Hưởng hỏi vị trời ấy rằng, ‘Do nhân duyên gì mà cúng dường thân của Chuyển luân Thánh vương? Lại do nhân duyên gì mà cúng dường thân của chư Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán?’ Trời đáp: ‘Chuyển luân Thánh vương cai trị đúng

³ Nguyên Hán: xà-tuần 蛇旬, một âm khác của trà-ti. Pali: *jhāpeti*.

⁴ Nguyên Hán; thân-bà 偷婆; phiên âm của *stūpa* (Skt.) hay *thūpa* (Pali).

⁵ Đề bản chép thiêu mục số 4 này.

pháp, tự mình không sát sanh, lại dạy người khác không sát sanh; tự mình không lấy của không cho, lại dạy người khác không trộm cướp; tự mình không đâm dật, lại dạy người khác không xâm phạm vợ người; tự mình không nói dối, không ý ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, sân nhuế, ngu si; tự mình chuyên hành chánh kiến, lại làm cho người khác cũng tập theo chánh kiến. Đại vương, do nhân duyên này Chuyên luân Thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Vua lại hỏi, ‘Do nhân duyên gì A-la-hán lậu tận xứng đáng **[816c]** dựng tháp thờ?’ Trời đáp: ‘Tỳ kheo A-la-hán lậu tận, ái dục đã dứt sạch, sân hận, ngu si đã diệt trừ, tự mình đã độ thoát, đạt đến Vô vi, là ruộng phước của thế gian. Do nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Vua lại hỏi, ‘Do nhân duyên gì Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ?’ Trời đáp: ‘Bích-chi-phật không Thầy mà tự mình giác ngộ, xuất hiện đời thật khó gặp, được báo ngay trong hiện pháp, thoát khỏi đường dữ, khiến người được sanh lên trời. Do nhân duyên này, Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Vua lại hỏi, ‘Do nhân duyên gì Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ?’ Trời đáp: ‘Như Lai có đầy đủ mười lực. Mười lực ấy không phải là những pháp mà Thanh văn, Bích-chi-phật có thể đạt được. Như Lai có bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, vận chuyển Phạm luân. Như Lai độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến bát-niết-bàn những ai chưa bát-niết-bàn; che chở những ai cô khổ, làm con mắt cho kẻ mù, làm đại y vương cho người bệnh; hết thầy chư thiên, người đời, Ma và Ma thiên, thầy đều tuân phụng, tôn kính, quý trọng, xoay chuyển nẻo dữ quay sang nẻo lành. Đại vương, do nhân duyên này Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ. Đại vương, đó là nhân duyên gốc ngọn mà bốn hạng người xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Bấy giờ Vua Âm Hưởng nói với vị thiên thần này, ‘Lành thay, lành thay, Thiên thần! Nay tôi sẽ theo lời ông dạy để cúng dường xá-lợi này theo phép cúng dường Bích-chi-phật.’”

“Sau đó, Vua Âm Hưởng bảo mọi người, ‘Các người hãy rước xá-lợi của Bích-chi-phật Tu bồ-đề về trong nước’ Quân thần vâng lệnh vua, đặt lên kim sàng rồi rước về trong nước. Khi ấy Vua Âm Hưởng liền ra lệnh là cái quách bằng sắt, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Bích-chi-phật, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu nhiều màu phủ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ cho chắc chắn. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên, rồi để thân Bích-chi-phật vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa xá-lợi Bích-chi-phật đi hỏa thiêu. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường ca nhạc. Tại **[817a]** ngã tư đường dựng một ngôi tháp. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ và tấu nhạc cúng dường.”

“Tỳ kheo, nên biết, những chúng sanh nào cúng dường xá-lợi của Bích-chi-phật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên trời Tam thập tam. Có chúng sanh tư duy vô thường tưởng, quay khỏi ba đường dữ mà chuyển sanh vào cõi người, trên trời.”

“Các Tỳ kheo, các ông chớ nghĩ Vua Âm Hưởng bây giờ là ai khác. Đó là thân Ta vậy. Những ai tư duy vô thường tưởng, sẽ được nhiều lợi ích. Nay Ta xét nghĩa này nên nói với các Tỳ kheo, hãy tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn cũng vĩnh viễn diệt trừ. Cũng như ngọn lửa đốt cháy cỏ cây trước cửa sổ giảng đường cao đẹp, cháy sạch không còn gì. Tỳ kheo tư duy vô thường tưởng cũng vậy, đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái. dứt sạch không còn tàn dư,”

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy chuyên nhất tâm ý chớ để sai trái.”

Khi pháp này được thuyết, 60 tỷ kheo ngay trên chỗ ngồi dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỷ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỷ kheo:

“Tỷ kheo, Tỷ kheo ni nào không đoạn năm tặc của tâm,⁷ không từ năm kết của tâm,⁸ với Tỷ kheo, Tỷ kheo ni ấy pháp thiện giảm chứ không tăng.

“Những gì là năm tặc của tâm mà không đoạn trừ? Ở đây, Tỷ kheo có tâm hồ nghi đối với Như Lai, không giải thoát,⁹ không nhập chánh pháp.¹⁰ Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỷ kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỷ kheo có tâm hồ nghi đối với chánh pháp, không giải thoát, không nhập chánh pháp. Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỷ kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỷ kheo có tâm hồ nghi đối với Thánh chúng, không giải thoát, cũng không dụng ý hướng đến chúng hòa hiệp, cũng

⁶ Tham chiếu Pali, M.16 Cetokhila (R. i. 101). Hán, *Trung 56*, kinh 106 (Tâm uế 心穢).

⁷ Nguyên Hán: tâm ngũ tặc 心五弊. Cf. *Trung 56*: tâm ngũ uế 心中五穢; *Tập dị 11* (tr 416b29): ngũ tâm tài 五心裁. Pali: pañca *cetokhilā*, năm trạng thái hoang dã của tâm.

⁸ Hán: tâm ngũ kết 心五結. *Trung 56*: tâm ngũ phược 心中五縛; *Tập dị 11* (tr. 0418a13): ngũ tâm phược 五心縛者.

⁹ Hiểu là khôngg cõi mở, không quyết đoán.

¹⁰ Hiểu là không có tịnh tín.

không ở trng pháp đạo phẫm. Đó là Tỳ kheo có tậ của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo phạm cấm giới cấm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm. Tỳ kheo đã phạm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm, nên không để tâm nơi pháp đạo phẫm. Đó là Tỳ kheo có tậ của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại **[817b]** nữa, Tỳ kheo có tâm ý bất định mà tu phạm hạnh, rằng ‘Với công đức tu phạm hạnh này, mong ta sanh lên trời, hoặc sanh làm các thần kỳ.’ Với tâm ấy mà tu phạm hạnh, tâm không chuyên nhất vào trong đạo phẫm. Do tâm không ở trong đạo phẫm, nên đó là tậ của tâm mà không đoạn trừ.

“Nhu vậy, Tỳ kheo có năm tậ của tâm mà không đoạn trừ.

“Thế nào là năm kết của tâm không được đoạn trừ? Ở đây, Tỳ kheo biếng nhác, không tìm cầu phương tiện. Tỳ kheo kia do biếng nhác, không tìm cầu phương tiện, nên nói là Tỳ kheo có kết của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo thường hay quên lãng, tham ngủ nghỉ. Tỳ kheo ấy do thường hay quên lãng, tham ngủ nghỉ, nên nói là Tỳ kheo có kết thứ hai của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo mà ý không định, thường xuyên hay tán loạn. Tỳ kheo kia do tâm loạn bất định, nên nói Tỳ kheo có kết thứ ba của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo mà căn môn bất định. Tỳ kheo ấy do căn môn bất định, nên nói là Tỳ kheo có kết thứ tư của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo hằng ưa ở tại thị tứ, không thích ở chỗ vắng tĩnh. Đó là Tỳ kheo có kết thứ năm của tâm không được đoạn trừ.

“Tỳ kheo, Tỳ kheo ni có năm kết của tâm này mà không được đoạn trừ, với Tỳ kheo, Tỳ kheo ni ấy ngày đêm pháp thiện đoạn tuyệt chứ không tăng trưởng.

“Cũng như gà có tám hoặc mười hai trứng¹¹ mà không tùy kheo được bao che, được ấp ủ, được chăm sóc; dù gà mẹ có ý nghĩ rằng, ‘Mong cho các con của ta được an toàn không gì khác.’ Nhưng các gà con ấy không được an ổn. Vì sao vậy? Vì không được tùy thời chăm sóc. Về sau chúng bị hư, không nở gà con. Ở đây cũng vậy, Tùy kheo, Tùy kheo ni mà năm kết của tâm không được đoạn, năm tề của tâm không được trừ, thì ngày đêm pháp thiện giảm chứ không tăng ích.

“Nếu Tùy kheo mà năm kết của tâm được đoạn, [817c] năm tề của tâm được trừ, thì ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm. Cũng như gà có tám hoặc mười hai trứng, tùy thời chăm sóc, tùy thời nuôi nấng, tùy thời che chở, gà tuy có nghĩ rằng, ‘Mong các con của ta toàn không thành tựu. Nhưng các gà con kia vẫn thành tựu an ổn, vô vi. Vì sao vậy? Tùy thời được nuôi lớn khiến được vô vi, cho đến khi các gà con được ra khỏi ngoài. Đây cũng vậy, Tùy kheo, Tùy kheo mà năm tề của tâm được đoạn, năm kết của tâm được trừ, với Tùy kheo, Tùy kheo ni ấy, ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm.

“Cho nên, Tùy kheo, Tùy kheo ni, hãy an lập tâm không có do dự hồ nghi đối với Phật, do dự hồ nghi đối với Pháp, do dự hồ nghi đối với Chúng, đầy đủ giới, tâm ý chuyên chánh không có thác loạn, cũng không khởi ý mong cầu pháp khác, cũng không tu phạm hạnh cầu may rằng ‘Ta do hành pháp này sẽ sanh làm thân người trời, thần diêu, tôn quý.’

“Nếu Tùy kheo, Tùy kheo ni không có hồ nghi do dự đối với Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng không phạm giới, cũng có điều gì sai sót, Ta nói với các người, dặn dò thêm nữa các người, Tùy kheo kia có hai nơi để đến, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh trong loài người.

“Cũng như người ở trong chỗ cực nóng, lại bị đói khát; mà gặp được chỗ có bóng mát, được nước suối mát lạnh mà uống;

¹¹ Hán: kê tử 雞子, gà con. Cũng có thể hiểu là trứng.

người ấy dù có nghĩ rằng, ‘Ta tuy gặp được bóng mát, nước lạnh của suối mà uống, nhưng không dứt đói khát.’ Nhưng người ấy vẫn hết nóng bức, trừ được đói khát. Đây cũng vậy. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mà không hề nghi do dự đối với Như Lai, Tỳ kheo ấy có hai chỗ để đến, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh vào loài người.

“Cho nên, Tỳ kheo, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện đoạn năm kết của tâm, trừ năm tặc của tâm. Như vậy, các Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Hoặc có khi uy quyền của vua không phổ cập, trộm cướp tranh nhau nổi lên. Khi trộm cướp nổi lên, nhân dân trong các thôn xóm, thành thị, thầy đều bị bại vong. Hoặc có người gặp phải đói khát mà mạng chung. Giả sử chúng sanh ấy vì đói khát mà mạng chung, đều rơi vào ba nẻo dữ.

“Ở đây, với Tỳ kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu sự trì giới bị sút kém, khi ấy ác Tỳ kheo tranh nhau khởi lên làm ác. Khi Tỳ kheo tranh nhau nổi lên làm ác, Chánh pháp dần dần suy giảm, **[818a]** phi pháp tăng trưởng. Khi phi pháp tăng trưởng, chúng sanh ở đó đều rơi vào ba nẻo dữ.

“Hoặc khi uy quyền của vua lan xa, khiến cho giặc cướp lẫn trốn. Do uy quyền của vua lan xa mà nhân dân trong thành thị, thôn xóm trở nên đông đúc. Ở đây, với Tỳ kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu trì giới trọn vẹn, Tỳ kheo phạm giới dần dần suy giảm, Chánh pháp hưng thịnh. Bấy giờ, chúng sanh sau khi mạng chung thầy đều sanh lên trời, sanh trong loài người.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy tâm niệm giới luật cho đầy đủ; uy nghi, lễ tiết, không có điều gì khuyết giảm. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chẳng thà cứ thường hay ngủ nhiều, chớ đừng trong khi thức mà tư duy loạn tưởng, để rồi thân hoại mạng chung sanh vào nẻo dữ.

“Chẳng thà để cho dùi sắt đang rực cháy ịn vào mắt, chứ không để nhìn sắc mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ kheo khởi tưởng như vậy bị bại hoại bởi thức. Tỳ kheo bị hủy hoại bởi thức sẽ rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Điều Ta muốn nói là như vậy.

“Người kia chẳng thà cứ thường hay ngủ, chứ đừng khi thức mà tư duy loạn tưởng. Thà lấy dùi bén đâm vào lỗ tai cho nó hư hoại chứ không để vì nghe tiếng mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ kheo nổi lên loạn tưởng sẽ bị bại hoại bởi thức.

“Chẳng thà cứ thường xuyên ngủ chứ đừng để khi thức mà tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy kim nóng làm hư hoại mũi, chứ đừng vì ngửi mùi mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ kheo nổi lên loạn tưởng thì bị bại hoại bởi thức. Do bị bại hoại bởi thức mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Điều mà Ta muốn nói là như vậy.

“Chẳng thà lấy gươm bén cắt đứt lưỡi, chứ không để vì lời nói hung dữ, thô bạo, mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Chẳng thà thường ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà nổi lên tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy tấm lá đồng nóng đỏ quán quanh thân mình, chứ không giao thông với phụ nữ của trưởng giả, cư sỹ, bà-la-môn. Nếu cùng giao thông, qua lại chuyện trò, tất phải rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Điều Ta muốn nói chính là như vậy.

“Chẳng thà thường hay ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà có ý nghĩ muốn phá hoại Thánh chúng. Đã phá hoại Thanh chúng, đọa tội ngũ nghịch, thì dù có đến ức nghìn chư Phật cũng không thể cứu chữa. Những ai gây đầu loạn giữa Chúng, người ấy sẽ đọa tội không thể cứu chữa [818b]. Vì vậy ở đây Ta nói, chẳng thà cứ hay ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà có ý muốn phá hoại Thánh chúng, chịu tội không thể cứu chữa.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy gìn giữ sáu tình chứ để sai sót. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ trưởng Cấp Cô Độc¹² có bốn người con.¹³ Chúng không thờ Phật, Pháp, Thánh chúng, không tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Trưởng giả Cấp Cô Độc nói với bốn người con:

“Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài.”

Các con thưa:

¹² A-na-bân-đề 阿那分邸. Để bản chép nhầm là A-na-bân-kỳ 阿那分祁.

¹³ Theo nguồn Pali, ông có một con trai tên Kāla, và 3 người con gái: Mahā-Subhddā, Cūla-Subhaddā, Sumanā.

“Thưa cha, chúng con không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.”

Cấp Cô Độc nói:

“Cha sẽ các con mỗi đứa một nghìn lượng vàng ròng, nếu nghe lời cha mà tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.”

Các con thưa:

“Chúng con cũng không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.”

Người cha lại nói:

“Cha cho các con hai nghìn” Rồi cứ thêm: ba nghìn, bốn nghìn, năm nghìn lượng vàng, “Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài.”

Các con sau khi nghe nói vậy, im lặng nhận lời. Rồi chúng hỏi:

“Chúng con sẽ tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng như thế nào?”

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

“Các con tất cả theo cha đi đến Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, các con hãy ghi nhớ mà vâng làm.”

Các con thưa với cha:

“Như Lai nay đang ở đâu, cách đây gần xa?”

Người cha đáp:

“Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, nay đang ở tại nước Xá-vệ, trú trong vườn của cha.”

Rồi thì, Cấp Cô độc dẫn bốn người con đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Khi ấy, trưởng gia Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn rằng:

“Bốn đứa con của con đây chưa tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Gần đây, con cho mỗi đứa năm nghìn lượng vàng, khuyến khích thờ Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp cho chúng, để chúng được phước vô lượng lâu dài.”

Bấy giờ Thế Tôn lần lượt thuyết pháp cho bốn người con của ông trưởng giả, khiến cho được hoan hỷ. Các người con của ông trưởng giả sau khi nghe pháp, hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, quỳ mọp trước Phật, bạch Thế Tôn rằng:

“Chúng con mỗi đứa tự quy y Thế Tôn, Chánh pháp, Thánh chúng. Từ nay về sau không sát sanh, cho đến không uống rượu.”

Nói như vậy [818c] ba lần. Khi ấy trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn rằng:

“Nếu có ai xuất tài vật thuê người thờ Phật, người ấy được phước như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Lành thay. lành thay, Trưởng giả! Vì để người trời được an lạc mà ông hỏi Như Lai nghĩa này. Hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ nói cho ông nghe.”

Trưởng giả vâng lời Phật, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Có bốn kho báu lớn.¹⁴ Những gì là bốn? Kho của rồng Y-bát-la ở nước Càn-đà-vệ, là một kho. Trong cung này chứa đầy vô số vật trân bảo. Kho Ban-trù ở nước Mật-đế-la, chứa trân bảo nhiều vô lượng không thể kể hết. Kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, chứa trân bảo nhiều không thể kể. Kho Tương-khu tại nước Bà-la-nại chứa trân bảo nhiều không thể kể. Giả sử trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho Y-bát-la vẫn không hề voi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Ban-trù, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không voi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không voi bớt. Mỗi người đến

¹⁴ Xem kinh 3 phẩm 48 trên.

lấy nơi kho Tương-khu tại nước Bà-la-nại, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt.

“Này Trưởng giả, đó là bốn kho lớn, mà trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, vẫn không hề vơi bớt.

“Trong đời tương lai có Phật hiệu Di-lặc xuất hiện ở đời. Quốc giới bấy giờ có tên là Kê-đầu, đó là chỗ vua cai trị, đông sang tây 12 do-tuần; nam đến bắc 7 do-tuần. Nhân dân đông đúc. Thóc lúa dồi dào. Chung quanh thành Kê-đầu nơi vua cai trị có bảy lớp ao nước, mỗi cái rộng một do-tuần, mà đây là cát vàng. Trong ao mọc các loại hoa sen ưu-bát, câu-vật-đầu, phân-đa-lợi. Nước tượng màu vàng, màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly. Khi nước bạc đông cứng, nó trở thành bạc. Khi nước vàng đông cứng, nó trở thành vàng. Khi nước thủy tinh đông cứng, nó trở thành thủy tinh. Khi nước lưu ly đông cứng, nó trở thành thủy tinh.

“Này ông Trưởng giả, nên biết, thành có bốn cửa. Trong ao nước bạc, bực cửa được làm bằng vàng. Trong ao nước vàng, bực cửa được làm bằng bạc. Trong ao thủy tinh, bực cửa được làm bằng lưu ly. Trong ao lưu ly, bực cửa được làm bằng thủy tinh.

“Trưởng giả, nên biết, chung quanh thành Kê-đầu bấy giờ treo các linh. Tiếng linh khi được nghe [819a] đều phát ra âm thanh năm loại nhạc. Trong thành này thường xuyên có bảy loại tiếng. Những gì là bảy? Đó là tiếng tiếng loa, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng trống nhỏ, tiếng trống tròn,¹⁵ tiếng trống trận,¹⁶ tiếng ca múa.

“Trong thành Kê-đầu lúc bấy giờ sanh thứ lúa tự nhiên dài ba tấc, rất là thơm ngon, cho ra các mùi vị thượng hạng; vừa gặt xong thì sanh trở lại, không thấy chỗ đã bị cắt lấy.

¹⁵ Hán; viên cổ 員鼓.

¹⁶ Hán: bè cổ 鞞鼓.

“Vua thời bấy giờ tên là Trương-khư,¹⁷ cai trị bằng pháp, có đầy đủ bảy báu. Trưởng giả, nên biết, vị đại thần điển tàng lúc đó tên là Thiện Bảo, đức cao, trí tuệ, thiên nhân đệ nhất. Ông có thể biết chỗ nào có kho tàng bảo vật. Nếu kho có chủ, ông tự nhiên giữ gìn. Nếu là kho vô chủ, ông lấy đem dâng cho vua. trong lúc đó, Long vương Y-bát-la, Long vương Ban-trù, Long vương Tân-già-la, Long vương Trương-khư; bốn Long vương này quản lý bốn kho báu. Các vị này đến nói với quan điển tàng Thiện Bảo:

“Cần gì, chúng tôi sẽ cung cấp.”

Khi ấy bốn Long vương nói:¹⁸

“Xin nguyện dâng hiến bảo vật trong bốn kho để tự ý sử dụng.”

Điển tàng Thiện Bảo liền lấy bảo vật trong bốn kho dâng lên vua Trương-khư, cùng với xe lông chim¹⁹ bằng vàng.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Y-la ở Kiên-đà;
Ban-trù tại Mật-si,²⁰
Tân-già nước Tu-lại;
Trương khư, Ba-la-nại.*

*Đây là bốn kho báu,
Trần đầy các bảo vật,
Bấy giờ thường xuất hiện,
Do công đức mà có;*

*Dem dâng Thánh vương kia,
Vàng, bạc, xe bảo vũ.
Các thần đều hộ vệ,
Ngày đêm được hưởng phước.*

¹⁷ Xem kinh3 phẩm 48.

¹⁸ Bản hán có thể nhảy sót nên đoạn văn thiếu mạch lạc.

¹⁹ Bảo vũ xa 寶羽車, xe có gắn lông chim; xem kinh 1 phẩm 23.

²⁰ Mật-si 蜜締, trên kia chép Mật-đế.

“Bấy giờ có Phật xuất hiện ở đời giáo hóa nhân dân, hiệu là Di-lặc, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn.

“Trương giả, nên biết, quan điển tàng Thiện Bảo lúc đó há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chủ kho bấy giờ chính là Trương giả hiện nay vậy.

“Bấy giờ vua Trương-khư đem vàng bạc đi làm phước đức rộng rãi. Vua dẫn theo tám vạn bốn nghìn đại thần vây quanh trước sau đi đến chỗ Di-lặc mà xuất gia học đạo. Quan điển tàng cũng làm phước đức rộng rãi, rồi cũng xuất gia học đạo, chăm dứt biên tế khổ. Đấy đều là do Trương giả dắt [819b] dẫn bốn con khiến tự quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ kheo. Do bởi công đức này mà không rơi vào ba nẻo dữ. Lại do duyên đức này mà được bốn kho báu lớn. Cũng do bởi báo ứng này mà làm người quản lý kho tàng cho vua Trương-khư, rồi ngay trong đời ấy mà chăm dứt biên tế khổ. Vì saovậy? Công đức quy y Phật, Pháp, Tăng không thể lường hết được. Những ai tự quy y Phật, Pháp, Chúng, phước đức đều như vậy.

“Cho nên, này Trương giả, hãy thương tưởng đến các loài hữu hình, tìm cầu phương tiện hướng đến Phật pháp. Như vậy, Trương giả, hãy học điều này.”

Trương giả Cấp Cô Độc khi ấy hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, làm lễ rồi lui đi. Bốn người con của ông cũng vậy.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc cùng với bốn con nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8²¹

Tôi nghe như vậy:

²¹ Tham chiếu Pali, M. 143. Anāthapiṇḍikovāda (R. iii. 257). Hán, *Trung 6*, kinh 28.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ trưởng Cấp Cô Độc thân mang trọng bệnh. Xá-lợi-phất, bằng thiên nhãn thanh tịnh không bợn dơ, thấy trưởng giả Cấp Cô Độc thân mang trọng bệnh, bèn nói với A-nan:

“Thầy cùng tôi đi đến thăm Trưởng giả Cấp Cô Độc.”

A nan đáp:

“Nên biết bây giờ là đúng lúc.”

Lúc bấy giờ, đến giờ, A-nan khoác y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; lần hồi đi đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc, ngồi lên chỗ ngồi. Khi ấy Xá-lợi-phất đang ở trên chỗ ngồi, nói với trưởng giả Cấp Cô Độc:

“Bệnh của ông nay có thêm bớt gì không? Có thấy đau nhức bớt dần mà không tăng thêm nặng không?”

Trưởng giả đáp:

“Bệnh của con giờ rất ít hy vọng. Chỉ cảm thấy tăng chứ không cảm thấy giảm.”

Xá-lợi-phất nói:

“Bây giờ Trưởng giả hãy nhớ tưởng Phật, rằng Như Lai là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn. Ông cũng hãy nhớ tưởng Pháp, rằng Pháp của Như Lai rất sâu thẳm, đáng tôn, đáng quý, không gì sánh bằng, là điều mà Hiền Thánh tu hành. Ông cũng hãy nhớ tưởng Tăng, rằng Thánh chúng của Như Lai hòa thuận trên dưới, không tranh tụng, thành tựu pháp tùy pháp. Thánh chúng ấy thành tựu giới, thành tựu tam muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Tăng ấy gồm bốn đôi tám hạng. Đây gọi là Thánh chúng của Như Lai đáng tôn, đáng quý, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

“Này Trưởng giả, nếu ai tu hành niệm Phật, [819c] niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, phước đức ấy không thể tính kể, đạt đến chỗ cam lộ diệt tận.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, niệm Tam tôn Phật, Pháp, Thánh chúng, mà đọa vào ba nẻo dữ, không có trường hợp ấy. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tu niệm Tam tôn chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên trời, trong loài người.

“Rồi sau đó, này Trưởng giả, không khởi nơi sắc,²² cũng không y sắc mà khởi nơi thức²³ không khởi nơi thanh, cũng không y thanh mà khởi nơi thức; không khởi hương, cũng không y hương mà khởi nơi thức; không khởi nơi vị, cũng không y vị mà khởi nơi thức; không khởi nơi xúc trơn mịn, cũng không y xúc trơn mịn mà khởi nơi thức; không khởi nơi ý, cũng không y ý mà khởi nơi thức. Không khởi đời này, đời sau;²⁴ cũng không y đời này, đời sau mà khởi nơi thức. Không khởi nơi ái, cũng không y ái mà khởi nơi thức. Vì sao vậy? Duyên ái mà có thủ; duyên thủ mà có hữu; duyên hữu mà có sanh, chết, sầu ưu khổ não không thể kể hết. Đó là có năm khổ thủ uẩn này.

“Không có ngã, nhân, thọ mạng, sĩ phu, manh triệu, các loài hữu hình.²⁵ Khi mất khởi thì khởi, không biết nó từ đâu đến. Khi mất diệt thì diệt, không biết nó đi về đâu. Không có, mà mất sanh; đã có, rồi mất diệt; thấy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Nói là pháp nhân duyên, đó là, duyên cái này mà

²² Hán: bắt khởi 不起於色. Pali: *na cakkhum upādiyissāmi*, tôi không chấp thủ sắc; nhưng bản Hán đọc là *uppādessāmi*, tôi sẽ không khởi

²³ Pali: *na ca me cakkhunissitam viññāṇaṃ bhavissati*, tôi cũng không có thức y nơi mắt.

²⁴ Hán: kim thế, hậu thế. Pali: *idhalokaṃ, paralokaṃ*, thế giới này, thế giới khác.

²⁵ Các từ khác nhau chỉ tự ngã: ngã 我 (Pali: *attā*, Skt. *ātman*), nhân 人 (Pali: *puggala*, Skt. *pudgala*), thọ mạng 壽命 (Pali, Skt.: *jīva*), sĩ phu 士夫 (Pali: *purisa*, Skt. *puruṣa*), manh triệu 萌兆 (=bằng triệu? có dấu hiệu này mầm, Pali, Skt. *bhūta*, mầm sống, sinh vật, linh vật).

có cái kia; cái này không thì cái kia không. Tức là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc*, duyên xúc có thọ*, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ*, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có chết, duyên chết có sàu ưu khổ não không thể kể xiết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Không có, mà sanh; đã có, rồi diệt; không biết nó từ đâu đến cũng không biết nó đi về đâu; thấy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Nay Trưởng giả, đó gọi là pháp hành Không đệ nhất.”

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc buồn rầu rơi lệ không thể tự dùng. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Cấp Cô Độc:

“Vi nhân duyên gì mà ông bi cảm như vậy?”

Trưởng giả đáp:

“Không phải con bi cảm. Vì sao? Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ kheo trưởng lão, nhưng chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy.”

Khi ấy A-nan nói với Cấp Cô Độc:

“Trưởng giả, nên biết, thế gian có hai hạng [820a] người được Như Lai nói đến. Những gì là hai? Một là biết lạc, hai là biết khổ. Người đã quen sống với lạc kia, như thiện gia nam tử Da-thâu-đề. Người quen sống với khổ kia như Tỳ kheo Bà-già-lê. Lại nữa, này Trưởng giả, Tỳ kheo Da-thâu-đề giải Không đệ nhất. Người được tin giải thoát là Tỳ kheo Bà-già-lê. Lại nữa, này Trưởng giả, người biết khổ và người biết lạc, cả đều tâm được giải thoát, cả hai đều là đệ tử của Như Lai, không ai có thể sánh bằng. Bởi vì họ không chìm mất (chết), cũng không sanh.²⁶ Cả hai đều tinh cần vắng lời Phật dạy không biếng

²⁶ Pali, A-nan hỏi Cấp Cô Độc: *olīyasi kho tvam, gahapati, saṃsīdasi kho tvam, gahapati?* “Giả chủ, ông đang bám chặt lấy (sự sống), hay đang chìm lìm (chết)?”

nhắc, bỏ phé. Nhưng vì tâm có sự tăng giảm, nên người ta có kẻ biết, có kẻ không biết. Đùng như Trưởng giả đã nói, ‘Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ kheo trưởng lão, nhưng trước đây chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy.’ Tỳ kheo Da-thâu-đề nhìn nơi đất mà tâm được giải thoát. Tỳ kheo Bà-già-lê quán sát nhìn con dao mà tức thì tâm được giải thoát. Cho nên, này Trưởng giả, nên làm như Tỳ kheo Bà-già-lê.”

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp một cách rộng rãi, khiến ông hoan hỷ, khiến phát tâm vô thượng. Sau đó, ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Xá-lợi-phất đi chưa bao lâu, giây lát Cấp Cô Độc mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam. Thiên tử Cấp Cô Độc này có năm công đức hơn hẳn chư thiên kia. Những gì là năm? Thọ mạng cõi trời, nhan sắc cõi trời, lạc thú cõi trời, oai thần cõi trời, và ánh sáng cõi trời. Thiên tử Cấp Cô Độc khi ấy suy nghĩ như vậy, “Ta có được thân này là do ân đức của Như Lai. Nay ta không nên an trú mà hưởng thụ nơi ngũ dục. Trước hết, hãy đến Thế Tôn lễ bái, thăm hỏi.

Rồi thiên tử Cấp Cô Độc với các thiên tử khác vây quanh trước sau cầm hoa trời rải lên thân Như Lai. Như Lai lúc ấy đang ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Vị thiên tử này đứng giữa hư không, chấp tay hướng về Thế Tôn mà nói bài kệ:

*Đây là cõi Kỳ-hoàn,
Chúng Tiên nhân²⁷ đang ở.
Nơi Pháp vương ngự trị;
Khiến phát tâm hoan hỷ.*

²⁷ Tiên nhân chúng; Tiên nhân ở đây chỉ Phật. Chúng, dịch nghĩa của Tăng. Pāli: *isisaṅgha*.

Thiên tử Cấp Cô Độc nói xong bài kệ này, Như Lai im lặng ẩn khả. Liên khi ấy, vị thiên tử này nghĩ, “Như Lai đã im lặng ẩn khả, ta nên xả thân túc để xuống hầu một bên.

Bấy giờ Thiên tử Cấp Cô Độc bạch [820b] Thế Tôn rằng:

“Con là Tu-đạt, lại tên là Cấp Cô Độc mà mọi người đều rõ, lại cũng là đệ tử của Như Lai, vâng lời dạy của Thánh Tôn. Nay con đã mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam.”

Thế Tôn nói:

“Ông do ân đức gì mà nay được thân trời này?”

Thiên tử bạch Phật:

“Con mong nhờ oai lực của Phật mà được thân trời.”

Rồi thiên tử Cấp Cô Độc rải hoa trời lên trên thân Như Lai, và cũng rải lên trên thân của A-nan và Xá-lợi-phất. Sau đó, đi nhiều khắp Kỳ-hoan bảy vòng, và biến mất.

Bấy giờ Thế Tôn nói với A-nan:

“Đêm qua có thiên tử đến chỗ Ta, nói bài kệ sau đây.:

*Đây là cõi Kỳ-hoàn,
Chúng Tiên nhân đang ở.
Nơi Pháp vương ngự trị;
Khiến phát tâm hoan hỷ.*

“Rồi thiên tử ấy đi nhiều khắp Kỳ-hoan bảy vòng, và lui mất. A-nan, ông có biết thiên tử ấy không?”

A nan đáp:

“Tất nhiên là Trưởng giả Cấp Cô Độc.”

Phật nói:

“A-nan, đúng như lời ông nói. Lành thay, ông bằng trí vị trí²⁸ mà biết được thiên tử ấy. Vì sao vậy? Vị đó là thiên tử Cấp Cô Độc.”

A nan bạch Phật:

²⁸ Vị trí trí 未知智, trí chưa biết, chỉ trí tuệ của bậc hữu học. Pali: *anaññāta*.

“Cấp Cô Độc nay sanh lên trời, tên là gì?”

Phật đáp:

“Vẫn tên là Cấp Cô Độc. Vì sao vậy? Vị thiên tử này ngay ngày mới sanh chư thiên ở đó ai cũng nói, ‘Thiên tử này khi còn ở loài người là đệ tử của Như Lai, luôn luôn với đấng tâm mà bố thí rộng khắp, giúp đỡ hết thảy những người nghèo khổ. Do công đức này, ở trên trời Tam thập tam vẫn gọi tên cũ là Cấp Cô Độc.’”

Bấy giờ Thế Tôn ói với các Tỳ kheo:

“Tỳ kheo mà có công đức lớn, thành tựu trí tuệ, đó là A-nan. Nay đang ở địa vị hữu học mà trí tuệ không ai sánh bằng. Vì sao vậy? Điều mà A-la-hán cần phải biết, thì A-nan cũng biết. Điều cần học nơi chư Phật quá khứ, A-nan cũng đều biết rõ. Thời quá khứ có người nghe rồi mới hiểu rõ, còn như Tỳ kheo A-nan hiện nay mới nhìn ngắm cũng biết rõ, rằng ‘Như Lai cần như vậy, Như Lai không cần như vậy.’ Đệ tử của chư Phật quá khứ nhập định rồi mới biết sự việc chưa xảy ra. Còn như Tỳ kheo A-nan của Ta ngày nay nhìn đến là tỏ rõ.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, hiểu biết rộng rãi, có tinh tấn dũng mãnh, niệm không thác loạn. đa **[820c]** văn đệ nhất, có khả năng chấp sự, đó là Tỳ kheo A-nan.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

²⁹ Tham chiếu Pali, A.VII 59 Sattabhariyā (R. iv. 91).

Bấy giờ trưởng Cấp Cô Độc có người con dâu tên là Thiện Sanh,³⁰ dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, là con gái của vị đại thần của vua Ba-tu-nặc,³¹ ý vào dòng họ, cậy thế hào tộc, không cung kính cha mẹ chồng và chồng, cũng không thờ Phật, Pháp, Tăng Tỳ kheo, không kính phụng Tam tôn.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Ông trưởng giả bạch Thế Tôn rằng:

“Gần đây con cưới vợ cho con trai. Nàng ấy là con gái của vị đại thần của vua Ba-tu-nặc, tự thị dòng tộc trọng vọng, không thừa sự Tam tôn, không biết trưởng lão, tôn ti. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp để nàng sanh hoan hỷ, tâm ý khai tỏ.”

Như Lai khi ấy im lặng hứa khả điều mà trưởng giả nói. Ông trưởng giả lại bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh của con, cùng với Tăng Tỳ kheo.”

Khi ông trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật, nhiễu ba vòng, rồi lui về.

Về đến nhà, ông cho sửa soạn các thứ ẩm thực, trái dọn chỗ ngồi tốt đẹp. Khi đến giờ, ông bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Cơm đã dọn đủ.”

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ kheo vây quanh trước sau đi đến nhà ông trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Ông trưởng giả lấy lấy một cái ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai. Rồi Thế Tôn nói với cô Thiện Sanh:

“Này con gái ông Trưởng giả, nên biết, chồng đối với vợ có bốn việc.³² Những gì là bốn? Có người vợ như là mẹ. Có người

³⁰ Thiện Sanh 善生, Pali: Sujātā.

³¹ Theo tài liệu Pali, cô là em gái út của bà Visakhā, con của Trưởng giả Dhanañjayasetthi.

³² Pali: có bảy loại vợ

vợ như là bạn thân, có người vợ như là giặc, có người vợ như là nô tỳ.

“Cô nên biết, vợ như mẹ, ấy là tùy thời chăm sóc chồng không để thiếu thốn, thờ kính, phục vụ. Người ấy được chư thiên hộ vệ; người và loài phi nhân không thể rình cơ hội. Nay con gái ông trưởng giả, đó gọi là vợ như mẹ.

“Người vợ kia như thế nào gọi là bạn thân? Ở đây, này con gái ông trưởng giả, sau khi thấy chồng rồi, tâm không tăng giảm, cùng chung vui hay khổ. Đó gọi là vợ như bạn thân.

Thế nào gọi vợ như giặc? Ở đây, này Cô, khi thấy chồng, trong lòng sân nhuế, [821a], ganh ghét chồng, không phục vụ, không thờ kính, không cung kính, thấy là muốn hại, mà tâm để nơi người khác. Chồng không thân vợ, vợ cũng không thân chồng. Người ấy không được mọi người yêu kính; không được chư thiên hộ vệ, sẽ bị ác quỷ xâm hại; thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục. Người như vậy gọi là vợ như giặc.

“Thế nào là vợ như nô tỳ? Ở đây, người vợ hiền lương, thấy chồng thì tùy thời chăm sóc, nhẫn nhịn lời nói, không bao giờ cãi lại; nhẫn chịu khổ lạnh, hằng có tâm từ ái. Đối với Tam tôn thì sanh niệm tưởng này. ‘Kia còn thì tôi còn. Kia suy thì tôi suy.’ Do sự việc ấy, người ấy được chư thiên hộ vệ; người và loài phi nhân đều yêu mến; thân hoại mạng chung sanh vào chỗ lành, sanh lên trời.

“Đó là, này con gái ông Trưởng giả, có bốn loại vợ này. Nay Cô thuộc vào loại nào?”

Cô gái ấy sau khi nghe Thế Tôn nói, liền đến trước Phật, lạy dưới chân rồi bạch Thế Tôn rằng:

“Cúi lạy Thế Tôn, con nay xin sửa đổi việc đã qua, tu tập việc sẽ đến. Không còn dám như trước nữa.. Từ nay về sau, con sẽ thường hành lễ pháp như là nô tỳ vậy.”

Rồi nàng Thiện Sanh trở lại chỗ chồng, cúi đầu lạy dưới chân:

“Nay xin nguyện chăm sóc người như là nô tỳ.”

Sau đó, nàng Thiên Sanh lại đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói về giới, về thí, về sanh thiên, dục là bất tịnh tướng, dâm là đại ô uế. Khi Thế Tôn biết tâm ý cô đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; bấy giờ Thế Tôn cũng nói hết cho cô nghe. Tức thì ngay trên chỗ ngồi, cô được pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải mới dễ nhuộm màu. Đây cũng như vậy, cô phân biệt các pháp, khéo hiểu ý nghĩa thâm diệu, tự quy y Tam tôn, thọ năm giới.

Bấy giờ cô gái Thiên Sanh nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 19

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, rời chỗ ngồi, bạch Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn thường khen ngợi địa vị cao, hào tộc tôn quý mà không nói đến hạng thấp hèn. Còn con, bạch Thế Tôn, không khen ngợi hào tộc tôn quý, cũng không nói đến hạng thấp hèn. Con giữ bực trung mà nói, khiến người được xuất gia học đạo.”

Phật nói với Xá-lợi-phất:

“Ông tự nói là không khen ngợi **[821b]** hào tộc tôn quý, không nói hạng thấp hèn, giữ bực trung mà nói, để khiến người được xuất gia học đạo. Nhưng Ta nay không nói thượng, trung, hạ dẫn đến thọ sanh³³. Vì sao vậy? Phạm sanh là rất khổ, không đáng để ước nguyện. Như đồng phân kia, một ít mà còn rất hôi thối, huống chi là chứa nhiều. Nay sự thọ sanh cũng vậy. Một đời hay hai đời còn là khổ nạn, huống nữa lưu chuyển vô cùng

³³ Hán: thọ sanh phần 受生分.

mà lại có thể cam chịu. Do hữu mà có sanh. Do sanh mà có già. Do già mà có bệnh, có chết, sầu ưu khổ não, có gì vui mà tham đắm? Như thế thành thân năm thủ uân.

“Ta nay sau khi quán sát nghĩa này, nên nói một đời, hai đời, còn là khổ nạn, hưởng nữa lưu chuyển vô cùng mà lại có thể cam chịu.

“Này Xá-lợi-phất, nếu có ý muốn thọ sanh, nên phát nguyện sanh vào nhà hào quý chứ không sanh thấp hèn. Vì sao vậy? Xá-lợi-phất, chúng sanh đê mê dài bị tâm trời buộc chứ không phải bị hào quý trời buộc. Nhưng này, Xá-lợi-phất, Ta vốn ở nhà hào quý, là dòng sát-lợi, xuất từ Chuyển luân Thánh vương. Giả sử không xuất gia học đạo, Ta làm Chuyển luân Thánh vương. Nay xả ngôi vị Chuyển luân Thánh vương mà xuất gia học đạo, thành Đạo vô thượng. Phàm sanh vào nhà thấp hèn, không được xuất gia học đạo, ngược lại phải rơi vào nẻo dữ. Cho nên, Xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hàng phục tâm. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.”

Bấy giờ Xá-lợi-phất nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁴

³⁴ Bản hán, hết quyển 49. (30 Chạp, Giáp thân).

PHẨM 52: ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NIỆT-BÀN

KINH SỐ 1

Nghe nhe vậy:

Một thời Phật trú tại Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Phổ Tập, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Đại Ái Đạo¹ đang trú tại thành Tỳ-xá-ly, trong chùa Cao đài² cùng với chúng đại Tỳ kheo ni 500 vị, thấy đều A-la-hán, đã dứt sạch các lậu.

Đại Ái Đạo nghe các Tỳ kheo ni [821c] nói, “Nhu Lai không bao lâu nữa, không quá ba tháng, sẽ diệt độ, giữa đôi cây sa-la, tại Câu-di-na-kiệt.” Bà liền suy nghĩ, “Ta không kham thấy Nhu Lai diệt độ. Vậy nay Ta nên diệt độ trước.” Rồi Đại Ái Đạo đi đến Thế Tôn,³ cúi đầu lạy dưới chân, và ngồi xống mọt bên. Khi ấy Bà bạch Phật:

“Tôi nghe Thế Tôn không bao lâu nữa, không quá ba tháng, sẽ nhập Niết-bàn giữa đôi cây sa-la, tại Câu-di-na-kiệt. Tôi nay không kham thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ. Cúi mong Thế Tôn cho phép tôi diệt độ.”

Lúc bấy giờ Thế Tôn im lặng Đại Ái Đạo lại bạch Phật”

“Từ nay trở đi, cúi mong Thế Tôn cho Tỳ kheo ni thuyết giới.”

¹ Đại Ái Đạo 大愛道, di mẫu của Phật. Nguyên Skt. Mahāprajāpatī (Pali: Mahāpajāpatī), phiên âm là Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提, dịch là Đại Sanh Chủ 大生主. Một số Hán dịch là Đại Ái Đạo, có lẽ Skt đọc là Mahāpriyapatī (?).

² Cao đài tự 高臺寺. Pali: Kūṭagārasālā (Kūṭagāra-vihāra?), tại đây, Bà cùng 500 Thích nữ lần đầu tiên trở thành Tỳ kheo ni. Nhưng không thấy nói có chùa ni ở đâu đây.

³ Tài liệu Pali nói, khi dùng chân tại miếu Cāpāla, Phật báo hiệu sẽ nhập Niết-bàn. Miếu Cāpāla ở gần Vesālī, nhưng không rõ bao xa. Lúc này, Bà đã 120 tuổi.

Phật nói:

“Nay Ta cho phép Tỳ kheo ni thuyết cấm giới cho Tỳ kheo ni, đúng như cấm giới mà Ta đã ban hành, chớ để sai phạm.”

Đại Ái Đạo đến trước lạy dưới chân Phật, rồi đứng trước Phật. Bà bạch Phật:

“Nay tôi không còn thấy nhan sắc của Như Lai, cũng không thấy chư Phật tương lai, không còn chịu bào thai nữa, vĩnh viễn ở trong Vô vi. Hôm nay từ biệt Thánh nhan, không bao giờ còn gặp lại nữa.”

Rồi Đại Ái Đạo nhiễu quanh Phật ba vòng, và lui đi. Trở về trong Ni chúng, Bà nói với các Tỳ kheo ni:

“Nay ta muốn nhập Niết-bàn giới Vô vi. Sở dĩ như vậy vì Như Lai không bao lâu nữa sẽ diệt độ. Các người hãy tùy thời thích hợp làm những điều cần làm.”

Khi ấy Tỳ kheo ni Sai-ma, Tỳ kheo ni Ưu-bát Sắc, Tỳ kheo ni Cơ-lợi-thí, Tỳ kheo ni Xá-cừ-lê, Tỳ kheo ni Xa-ma, Tỳ kheo ni Bát-đà-luyện-chá, Tỳ kheo ni Bà-la-chá-la, Tỳ kheo ni Ca-chiên-diên, Tỳ kheo ni Xà-da,⁴ cùng 500 Tỳ kheo ni, đi đến chỗ Thế Tôn, đứng sang một bên. Khi ấy Tỳ kheo Ni Sai-ma, Thượng thủ của 500 Tỳ kheo ni, bạch Phật rằng:

“Chúng con nghe Như Lai không bao lâu nữa sẽ diệt độ. Chúng con không nỡ thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ trước. Cúi mong Thế Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Chúng con nay vào Niết-bàn chính là đúng lúc.”

Khi ấy **[823a]** Thế Tôn im lặng hứa khả. Tỳ kheo ni Sai-ma cùng với 500 Tỳ kheo ni thấy Thế Tôn đã im lặng hứa khả, liền

⁴ Các Tỳ kheo ni danh tiếng, Sai-ma 差摩, Ưu-bát Sắc 優鉢色, Cơ-lợi-thí 基利施, Xá-cừ-lê 舍仇梨, Xa-ma 奢摩, Bát-đà-luyện-chá 鉢陀闍柁, Bà-la-chá-la 婆羅柁羅, Ca-chiên-diên 迦旃延, Xà-da 闍耶, xem phẩm 5. Nhưng phiên dịch không thống nhất.

đến trước lạy dưới chân Phật, đi nhiều ba vòng, rồi lui đi, trở về thất của mình.

Lúc bấy giờ Đại Ái Đạo đóng cửa giảng đường, gióng kiền chùy, trải tọa cụ trên đất trống. Sau đó, Bà bay lên hư không, ngồi, nằm, hoặc kinh hành, hoặc phát ra ngọn lửa, dưới thân bốc khói, trên thân bốc lửa, hoặc dưới thân bốc lửa, trên thân bốc khói, hoặc toàn thân bốc lửa, hoặc toàn thân bốc khói; hoặc hông trái phun nước, hông phải phun lửa; hoặc hông trái phun lửa, hông phải phun nước; hoặc phía trước phun lửa, phía sau phun nước; hoặc phía trước phun nước, phía sau phun lửa; hoặc toàn thân phun lửa, hoặc toàn thân phun nước. Sau khi thực hiện các biến hóa như vậy, Đại Ái Đạo trở về chỗ ngồi, kiết già mà ngồi, thân ngay, ý chánh, buộc niệm trước mắt, nhập sơ thiên; xuất sơ thiên nhập nhị thiên; xuất nhị thiên nhập tam thiên; xuất tam thiên nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập không xứ; xuất không xứ nhập thức xứ; từ thức xứ nhập vô sở hữu xứ; từ vô sở hữu xứ nhập phi tướng phi phi tướng; xuất phi tướng phi phi tướng nhập tướng thọ diệt; xuất tướng thọ diệt trở lại nhập phi tướng phi phi tướng; xuất phi tướng phi phi tướng trở lại nhập vô sở hữu xứ; xuất vô sở hữu xứ trở lại nhập thức xứ; xuất thức xứ trở lại nhập không xứ; xuất không xứ trở lại nhập tứ thiên; xuất tứ thiên trở lại nhập tam thiên; xuất tam thiên trở lại nhập nhị thiên; xuất nhị thiên trở lại nhập sơ thiên; xuất sơ thiên nhập nhị thiên; xuất nhị thiên nhập tam thiên; xuất tam thiên nhập tứ thiên. Sau khi nhập tứ thiên, liền diệt độ. Khi ấy trời đất rung động lớn; phía đông vọt lên, phía tây chìm xuống; phía tây vọt lên, phía đông chìm xuống; bốn bên đều vọt lên, ở giữa chìm xuống; lại bốn mặt có gió mát nổi lên. Chư thiên trong hư không tấu nhạc. Chư thiên Dục giới buồn khóc, nước mắt rơi xuống như mùa xuân trời tuôn nước mưa ngọt. Các vị trời thần diệu nghiền nát hoa ưu-bát làm bột thơm; lại nghiền nát chiên đàn, rải lên phía trên. Lúc bấy giờ, Tỳ kheo ni Sai-ma, Tỳ kheo ni Ưu-bát Sắc, Tỳ kheo ni Cơ-lợi-thí Cù-đàm-di, Tỳ kheo ni Xá-cù-li, Tỳ kheo ni Xa-ma, Tỳ kheo ni

Bát-đà-lan-giá-la, Tỳ kheo ni Ca-chiên-diên, Tỳ kheo ni Xà-da,⁵ các Tỳ kheo ni này là **[822b]** Thượng thủ của 500 Tỳ kheo ni; mỗi vị trải tọa cụ trên đất trống, sau đó, bay lên hư không, ngồi, nằm, hoặc kinh hành, thực hiện 18 biến hóa, cho đến nhập tướng tri diệt, rồi diệt độ.⁶

Lúc bấy giờ trong thành Tỳ-da-ly có vị đại tướng tên là Da-thâu-đề, dẫn năm trăm đồng tử tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận một số vấn đề. Du-thâu-đề và 500 đồng tử từ xa thấy 18 biến hóa của 500 Tỳ kheo ni. Thấy như vậy, họ rất hoan hỷ phần khởi không thể dừng được, thầy đều chấp tay hướng về phía đó. Lúc đó, Thế Tôn nói với A-nan:

“Ông hãy đến chỗ tướng quân Da-thâu-đề, bảo rằng: Hãy nhanh chóng sửa soạn 500 khăn trải giường, 500 khăn trải ngồi, 500 hủ bơ, 500 hủ dầu mè, 500 cỗ xe tang, 500 bó hương, 500 xe củi.”

A-nan bước lên trước hỏi:

“Không rõ Thế Tôn muốn làm gì?”

Phật nói:

“Đại Ái Đạo đã diệt độ. Năm trăm Tỳ kheo ni cũng nhập Niết-bàn. Chúng ta sẽ cúng dường xá-lợi.”

A-nan nghe nói thế, buồn thương giao cảm không cảm được:

“Đại Ái Đạo sao diệt độ vội thế?”

Rồi A-nan lấy tay gạt lệ, đi đến chỗ đại tướng Da-thâu-đề. Da-thâu-đề thấy A-nan từ xa đi lại, liền đứng dậy đón tiếp, cùng nói lời chào đón:

“Kính chào A-nan! Có điều gì dạy bảo mà đến bất thường như vậy?” A nan đáp:

⁵ Danh sách đã nêu trên, nhưng đây lại có vài phiên âm khác, không thống nhất.

⁶ Bản Hán kết vấn tất nên có vẻ thiếu. A-la-hán không nhập Niết-bàn trong Diệt tận định.

Tôi là sứ giả của Phật, có điều yêu cầu.”

Đại tướng liền hỏi:

“Ngài có điều gì dạy bảo?”

A nan nói:

“Thế Tôn sai nói với Đại tướng: Hãy nhanh chóng sửa soạn 500 khăn trải giường, 500 khăn trải ngồi, 500 hủ bọ, 500 hủ dầu mè, 500 cỗ xe tang, 500 bó hương, 500 xe củi. Đại Ái Đạo cùng năm trăm Tỳ kheo ni đều đã diệt độ. Chúng ta sẽ cúng dường xá-lợi.”

Khi ấy đại tướng buồn khóc thương cảm, nói rằng:

“Đại Ái Đạo cùng năm trăm Tỳ kheo ni sao diệt độ sớm vậy thay! Ai sẽ răn dạy chúng tôi, khuyến khích chúng tôi bỏ thí vật thực?”⁷

Đại tướng Da-thâu-đề liền sửa soạn 500 khăn trải giường, 500 khăn trải ngồi, 500 hủ bọ, 500 hủ dầu mè, 500 cỗ xe tang, 500 bó hương, 500 xe củi và các dụng cụ để hỏa thiêu.⁸ Xong rồi, ông đến Thế Tôn, cúi lạy dưới chân và đứng sang một bên. Đại tướng Da-thâu-đề bạch Thế Tôn:

“Theo như Như Lai dạy, hôm nay chúng con đã sửa soạn đủ các dụng cụ để cúng dường.”

Phật nói:

[822c] “Các ông mỗi người mang di thể của Đại Ái Đạo và của 500 Tỳ kheo ni ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ đồng trống. Ta muốn đến đó cúng dường xá-lợi.”

Đại tướng bạch Phật:

“Thưa vâng, Thế Tôn.”

Khi ấy đại tướng đi đến chỗ Đại Ái Đạo, bảo một người:

⁷ Nguyên bản: phân-đàn bố thí.

⁸ Da-duy 耶維, trên kia, kinh 3 phẩm 51 âm là xà-tuần, đều là phiên âm khác của trà-tỳ, tức hỏa thiêu.

“Người hãy bắc thang leo tường mà vào bên trong, từ từ mới công chó có gây tiếng động.”

Người ấy vâng lệnh, leo vào bên trong, mở cửa. Đại tướng lại sai 500 người đưa các di thể đặt lên giường. Bấy giờ có hai sa-di-ni ở đó. Một, tên là Nan-đà, và hai, tên là Ưu-ban-nan-đà. Hai sa-di-ni nói với đại tướng:

“Thôi, thôi, Đại tướng! Chớ quấy nhiễu các Sư.”

Đại tướng Da-thâu-đề nói:

“Không phải Thầy của các Cô ngu, mà diệt độ cả rồi.”

Hai sa-di-ni nghe nói các Sư đã diệt độ, trong lòng kinh sợ, liền nghĩ thầm: “Xem thế thì, pháp gì tập khởi, đều là pháp diệt tận.” Tức thì, ngay trên chỗ ngồi mà được ba minh, sáu thông. Hai sa-di-ni liền bay lên hư không, trước hết, đến chỗ đồng hoang thực hiện 18 biến hóa, ngôi, nằm, kinh hành, thân tuôn nước, bốc lửa, biến hóa vô lượng. Rồi ngay đó mà bát-niết-bàn trong Niết-bàn-giới vô dư.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ kheo vây quanh trước sau đi đến chỗ Đại Ái Đạo, trong chùa ni. Thế Tôn bảo A-nan, nan-đà, La-hầu-la:

“Các người hãy khiêng di thể của Đại Ái Đạo. Ta sẽ tự thân cúng dường.”

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân biết những điều suy nghĩ trong lòng Thế Tôn, tức thì, khoảnh khắc như lực sỹ co duỗi cánh tay, từ Tam thập tam thiên hiện đến Tỳ-da-li, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Trong đây, các Tỳ kheo lậu tận đều trông thấy Thích Đề-hoàn Nhân và chư thiên Tam thập tam. Còn các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di chưa dứt sạch các lậu đều không thấy Thích Đề-hoàn Nhân.

Khi ấy Phạm thiên từ xa biết được những điều suy nghĩ trong lòng Thế Tôn, liền dẫn chư thiên từ trên cõi Phạm thiên biến

mất, hiện đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Khi ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương biết được ý nghĩ của Thế Tôn, dẫn các quỷ thần Dạ-xoa đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ Đê-đâu-lại-tra Thiên vương dẫn các Càn-thát-bà, từ **[823a]** phương đông đến chỗ Như Lai, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Tỳ-lũ-lặc-xoa Thiên vương dẫn vô số Câu-bàn-trà từ phương nam đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Tỳ-lũ-ba-xoa Thiên vương dẫn các thần Rồng đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân, Tỳ-sa-môn Thiên vương lên trước bạch Phật rằng:

“Cúi mong Thế Tôn không phải nhọc sức. Chúng con sẽ tự thân cúng dường xá-lợi.”

Phật nói với chư Thiên:

“Thôi, thôi, thiên vương! Như Lai tự biết thời. Đây là điều Như Lai cần phải làm; không phải là điều mà trời, rồng, quỷ, thần có thể làm được. Vì sao vậy? Cha mẹ sanh con đã cho nhiều lợi ích, ân nuôi lớn rất nặng, cho bú mớm, bông ả. Cần phải báo đáp ân, không thể không báo đáp. Nhưng, này chư thiên, nên biết, cha mẹ của chư Phật Thế Tôn quá khứ đều diệt độ trước, nhiên hậu chư Phật Thế Tôn thấy đều tự thân cúng dường trà-tỳ xá-lợi. Cha mẹ của chư Phật Thế Tôn tương lai cũng diệt độ trước, nhiên hậu chư Phật thấy đều tự thân cúng dường. Do phương tiện này mà biết Như Lai cần phải tự thân cúng dường, chứ không phải việc chư thiên, quỷ thần có thể làm.”

Bấy giờ Tỳ-sa-môn Thiên vương nói với 500 quỷ thần:

“Các người đi vào trong rừng chiêm-đàn lấy củi thơm về đây để cúng dường trà-tỳ.”

Năm trăm quý thần vâng lệnh Thiên vương, đi vào rừng chiên-đàn lấy củi chiên-đàn, mang đến chỗ đồng hoang. Khi ấy Thế Tôn tự thân khiêng một đầu chân giường, La-hầu-la khiêng một chân, A-nan khiêng một chân, Nan-đà khiêng một chân, bay lên hư không mà đi đến bãi tha ma. Còn chúng bốn bộ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, khiêng di thể 500 Tỳ kheo ni đi đến bãi tha ma.

Bấy giờ Thế Tôn nói với đại tướng Da-thâu-đề:

“Ông hãy sửa soạn thêm hai bộ khăn trải đường, hai bộ khăn trải ngồi, hai xe cũi, cúng hương hoa, để cúng đường di thể hai sa-di-ni.”

Đại tướng Da-thâu-đề bạch Phật:

“Kính vâng, Thế Tôn.”

Ngay sau đó ông sắm sửa các dụng cụ để cúng đường.

Bấy giờ Thế Tôn lấy gỗ chiên-đàn chuyển cho từng vị chư thiên. Thế Tôn lại bảo đại tướng:

“Ông cho mỗi người đưa 500 di thể, phân biệt từng vị mà **[823b]** cúng đường, Hai vị sa-di-ni cũng vậy.”

Đại tướng vâng lời Phật dạy, phân biệt từng vị mà cúng đường, sau đó thì hỏa thiêu.

Bấy giờ Thế Tôn lấy gỗ chiên-đàn chất lên di thể Đại Ái Đạo. Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Hết thấy hành vô thường;
Có sanh thì có diệt.
Không sanh thì không chết.
Diệt ấy là tối lạc.*

Khi ấy, chư thiên và nhân dân đều vân tập vào bãi tha ma. Người trời đại chúng có đến mười ức cai-na-thuật.

Sau khi hỏa thiêu, đại tướng đưa xá-lợi đi dựng tháp. Phật nói với đại tướng:

“Giờ ông hãy đưa 500 xá-lợi đi dựng tháp, để trong lâu đài thọ phước vô lượng. Vì sao vậy? Thế gian có bốn người được dựng tháp thờ. Những gì là bốn? Những ai dựng tháp thờ Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác; thờ Chuyển luân Thánh vương, Thanh văn và Bích-chi-phật, được phước vô lượng.”

Bấy giờ Thế Tôn nói pháp vi diệu cho chư thiên và nhân dân, khiến phát tâm hoan hỷ. Khi ấy trời và người, có đến một ức, dắt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ chư thiên, nhân dân, càn-thát-bà, a-tu-la, chúng bốn bộ, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, cùng với chúng đại tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có Tỳ kheo ni tên là Bà-đà,⁹ dẫn 500 Tỳ kheo ni đến chỗ kia du hóa. Trong khi ở tại chỗ nhàn tịnh, Tỳ kheo ni tự tư duy, ngồi kiết già, buộc niệm trước mắt, nhớ lại sự việc vô số đườn trước, liền cười một mình. Có một Tỳ kheo ni từ xa trông thấy Tỳ kheo ni Bà-đà cười, liền đi đến chỗ các Tỳ kheo ni, nói:

“Hôm nay Tỳ kheo ni Bà-đà ngồi cười một mình dưới gốc cây. Không biết có duyên cớ gì.”

Năm trăm Tỳ kheo ni liền cùng nhau đi đến chỗ Tỳ kheo ni Bà-đà, cúi đầu lạy dưới chân, rồi hỏi Tỳ kheo ni Bà-đà:

“Có nhân duyên gì mà ngồi cười một mình dưới gốc cây?”

Tỳ kheo ni Bà-đà nói với các Tỳ kheo ni:

“Vừa rồi ngồi dưới gốc cây, tôi nhớ lại sự việc vô số đườn trước. Lại thấy ngày xưa **[823c]** đã trải qua bao nhiêu thân hình, chết đây sanh kia; thấy đều thấy hết.”

⁹ Tức Bạt-đà Ca-tỳ-ly, xem kinh 2 phẩm 5 trên.

Năm trăm Tỳ kheo ni lại bạch:

“Cúi mong kể lại nhân duyên ngày xưa.”

Tỳ kheo ni Bà-đà nói với các Tỳ kheo:”

“Chín mươi một kiếp quá khứ xa xưa có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn. Thế giới khi ấy tên là Bàn-đầu-ma. Nhân dân đông đúc không thể kể xiết. Bấy giờ Như Lai du hóa tại quốc giới đó, thuyết pháp đại chúng gồm cho mười sáu vạn tám nghìn Tỳ kheo vây quanh trước. Danh hiệu Phật được truyền rộng khắp nơi. Phật Tỳ-bà-thi có đầy đủ các tướng, là ruộng phước tốt cho hết thảy mọi người. Trong quốc giới ấy bấy giờ có một đồng tử tên là Phạm Thiên, dung mạo xinh đẹp ít có trên đời.

“Bấy giờ, đồng tử kia, tay cầm lọng báu, đi vào trong ngõ. Trong lúc đó, có vợ cư sỹ, cũng xinh đẹp, cũng đi trên đường đó. Mọi người đều ngắm nhìn. Đồng tử khi ấy nghĩ thầm, ‘Ta đây cũng xinh đẹp, tay cầm lọng báu, nhưng mọi người không nhìn ngắm thân ta. Những người này đều nhìn ngắm bà kia. Ta cần phải làm cách nào đó để mọi người nhìn ngắm ta.’ Rồi thì đồng tử ấy ra khỏi thành, đi đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi, tay cầm lọng báu, cúng dường bảy ngày bảy đêm, và cũng phát thệ nguyện rằng, ‘Nếu như Phật Tỳ-bà-thi có thần túc như vậy, có thần lực như vậy, là ruộng phước trên hết của người, trời, thì mong nhờ công đức này khiến cho con đời tương lai sanh làm thân nữ, mọi người thấy không ai là không hoan hỷ phần khởi.’ Đồng tử ấy sau bảy ngày bảy đêm cúng dường Phật, tùy theo thọ mạng vẫn dài, về sau sanh lên trời Tam thập tam, ở đó làm thân nữ, cực kỳ xinh đẹp, đệ nhất trong các ngọc nữ. Cô có năm công đức vượt hơn các thiên nữ khác. Những gì là năm? Đó là, tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, lạc thú trời, oai phước trời, tự tại cõi trời. Các trời Tam thập tam thấy cô, ai cũng nói, ‘Thiên nữ này xinh đẹp kỳ lạ không ai sánh bằng.’ trong đó, có thiên

tử nói, ‘Ta phải được thiên nữ này làm thiên hậu.’ Các thiên tử bèn giành nhau. Khi ấy Đại thiên vương nói, ‘Các người chớ có tranh cãi nhau. Trong các ông, ai thuyết pháp hay nhất, ta sẽ cho lấy thiên nữ này [824a] làm vợ.’ Bấy giờ có một thiên tử nói bài kệ:

*Hoặc đứng, hoặc lại ngồi,
Thức ngủ, đều chẳng vui.
Chỉ khi nào ngủ say,
Ta mới không tưởng dục.*

“Lại có thiên tử khác nói kệ này:

*Ông nay vẫn còn vui,
Ngủ say không niệm tưởng.
Tôi đây dục niệm khởi,
Y như đánh trống trận.*

“Lại có thiên tử khác nói kệ:

*Giả sử đánh trống trận,
Còn có khi ngưng nghỉ.
Dục nơi tôi ruổi nhanh,
Như nước chảy không ngừng.*

“Lại thiên tử khác nói kệ:

*Như nước cuốn cây lớn
Còn có lúc ngưng nghỉ.
Tôi hằng tư tưởng dục,
Như giết voi không nháy.¹⁰*

“Bấy giờ có vị thiên tử tối tôn trong chư thiên nói bài kệ này cho các người trời:

*Các ông còn rồi rảnh,
Mỗi người nói kệ ấy.
Tôi nay còn chưa biết
Mình còn hay là mất.*

¹⁰ hán: như sát tượng bất huyền 殺象不暈. Bản khác chép là “giết chim.”

“Chư thiên nói với vị thiên tử này: ‘Lành thay, Thiên tử! Bài kệ ông nói cực kỳ tinh diệu. Nay chúng tôi phụng cúng thiên nữ này cho Thiên vương.’ Thiên nữ ấy tức thì được đưa vào cung của Thiên vương.

“Các Sư muội, các cô chớ có do dự. Vì sao vậy? Đồng tử cúng dường Phật bằng cây lọng thượng hạng khi xưa há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Chính là thân của tôi đó.

“Quá khứ ba mươi một kiếp, có Phật hiệu Thi-khí Như Lai xuất hiện ở đời, du hóa trong thế giới Dã mã, cùng với chúng đại Tỳ kheo mười sáu vạn. Bảy giờ thiên nữ kia sau khi mạng chung sanh vào loài người, thọ thân nữ, cực kỳ xinh đẹp hiếm có trên đời. Khi đức Thi-khí Như Lai, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành Dã mã khát thực. Thiên nữ kia sanh làm người, làm vợ ông trưởng giả. Cô dâng ẩm thức lên đức Thi-khí Như Lai, đồng thời phát thệ nguyện, ‘Mong nhờ nghiệp công đức này, con sanh vào chỗ nào cũng không rơi vào ba nẻo dữ; được dung mạo xinh đẹp khác hẳn mọi người.’ Người nữ này về sau **[824b]** mạng chung sanh lên Tam thập tam. Tại đó, lại làm thân nữ, cực kỳ xinh đẹp, có năm sự công đức vượt hẳn chư thiên kia.

“Thiên nữ bảy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Người nữ ấy chính là thân của tôi vậy.

“Rồi ngay trong kiếp có Phật Tỳ-xá-phù Như Lai xuất hiện ở đời. Khi thiên nữ tùy theo thọ mạng dài vẫn mà mạng chung, sanh vào loài người, thọ thân người nữ, dung mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Cô lại làm vợ ông trưởng giả. Bảy giờ vợ ông trưởng giả dâng y phục thượng hảo lên Như Lai, phát thệ nguyện rằng, ‘Nguyện con đời tương lai được làm thân nữ.’ Cô này sai khi mạng chung sanh lên Tam thập tam, dung mạo xinh đẹp hơn hẳn các thiên nữ khác. Người nữ khi ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Người nữ lúc đó chính là thân của tôi vậy.

“Cô gái ấy, tùy theo tuổi thọ vẫn dài, về sau mạng chung đến sanh trong loài người, tại đại thành Ba-la-nại, làm nô tỳ cho trưởng giả Nguyệt Quang, dung mạo xấu xí chẳng ai muốn nhìn. Từ khi Phật Tỳ-xá-phù đi mất, đời không còn có Phật nữa. Lúc ấy có Bích-chi-phật¹¹ du hóa. Khi ấy vợ ông trưởng giả Nguyệt Quang bảo cô nữ tỳ, ‘Người hãy đi ra ngoài, tìm xem có vị sa-môn nào dung mạo xinh đẹp hợp ý ta, hãy thỉnh về nhà. Ta muốn cúng dường.’ Cô nữ tỳ bèn đi ra ngoài tìm kiếm sa-môn, gặp Bích-chi-phật đang khát thực trong thành. Nhưng dung mạo của ngài thô kệch, xấu xí. Nữ tỳ liền đến nói với Bích-chi-phật: ‘Bà chủ con muốn gặp. Xin rước Ngài đến nhà.’ Rồi cô vào thưa với bà chủ, ‘Sa-môn đã đến. Mời Bà ra gặp.’ Khi vợ ông trưởng giả trông thấy vị sa-môn, trong lòng không vui, bảo nữ tỳ: ‘Bảo ông ấy về đi. Ta không muốn bỏ thí. Vì sao? Dung mạo ông ấy xấu xí quá.’ Nữ tỳ liền thưa với bà chủ, ‘Nếu Phu nhân không huệ thí cho sa-môn, phần ăn hôm nay của con sẽ huệ thí hết cho sa-môn.’ Bà chủ phát cho phần ăn là một đấu cơm khô vụn. Nữ tỳ tiếp lấy, đưa cho sa-môn. Bích-chi-Phật nhận thức ăn rồi, bay lên hư không, hiện 18 phép biến hóa. Khi ấy nữ tỳ của ông trưởng giả phát thệ nguyện rằng, ‘Mong nhờ công đức này, tôi sanh vào chỗ nào cũng không rơi vào ba nẻo dữ; đời tương lai tôi được làm thân nữ cực kỳ xinh đẹp. Bảy giờ vị Bích-chi-phật bung bát cơm bay quanh thành ba vòng. Trưởng giả Nguyệt Quang lúc đó đang họp với 500 thương nhân trong giảng đường Phổ hội. Người trong thành lúc bảy giờ trai gái lớn bé, thấy đều trông thấy vị Bích-chi-phật bung bát cơm bay trong hư không. Thấy vậy, họ bảo nhau: ‘Công đức của ai mà được như vậy? Ai gặp đức Bích-chi-phật mà huệ thí bát cơm ấy vậy?’ Khi ấy cô nữ tỳ của ông trưởng giả nói với bà chủ: ‘Bà hãy ra xem thân đức của sa-môn. Ngài đang bay trong hư không, làm 18 phép biến hóa,

¹¹ Để bản chép là các Phật 各佛. TNM: Bích-chi-phật. Nhưng theo tài liệu Pali, thời bảy giờ có Phật Kassapa xuất hiện.

thần đức không lường được.’ Vợ trưởng giả bèn nói với nữ tỳ: ‘Com huệ thí cho sa-môn bữa nay, có bao nhiêu công đức, người hãy cho ta. Ta sẽ trả lại cho người hai ngày ăn. Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không kham đem phước mà cho lại Bà.’ Bà chủ nói, ‘Ta trả cho người bốn ngày ăn.’ Cho đến mười ngày ăn. Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không kham đem phước cho lại Bà.’ Bà chủ nói: ‘Nay ta cho người một trăm đồng tiền vàng.’ Nữ tỳ đáp: ‘Tôi cũng không cần.’ Bà chủ lại nói: Ta cho người hai trăm, cho đến một nghìn đồng tiền vàng. Nữ tỳ vẫn nói: ‘Tôi cũng không cần.’ Bà chủ nói: ‘Ta miễn cho thân người khỏi làm nô tỳ. Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không cần làm người thường.’ Bà chủ nói: ‘Ta cho người làm bà chủ, con ta làm nô tỳ.’ Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không cầu làm bà chủ.’ Bà chủ nói: ‘Giờ ta sẽ đánh đập người, xẻo mũi, tai, chặt tay chân, cắt đầu người.’ Nữ tỳ đáp: ‘Những việc đau đớn đó, tôi chịu được hết. Nhưng không bao giờ đem phước tặng lại cho Bà. Thân tôi thuộc Bà chủ. Nhưng tâm thiện khác nhau.’ Vợ ông trưởng giả tức thì đánh cô nữ tỳ. Trong lúc đó, 500 thương nhân bàn với nhau rằng: ‘Thần nhân này hôm nay đến đây khát thực, chắc nhà ta có cho gì.’ Trưởng giả Nguyệt Quang sai người trở về nhà xem. Người này thấy bà chủ đang bắt cô nữ tỳ mà đánh đập, bèn hỏi: ‘Vi nhân lý do gì mà bà đánh roi vọt cô này?’ Nữ tỳ thuật lại hết nguyên do. Trưởng giả Nguyệt Quang khi ấy mừng rỡ không cần được, liền bắt nàng chủ làm nô tỳ, và thay cô nữ tỳ vào chỗ bà chủ. Thời bấy giờ vua Phạm-ma-đạt đang trị vì trong thành Ba-la-nại. Vua nghe nói trưởng giả Nguyệt Quang cúng cơm cho vị Bích-chi-phật, trong lòng rất vui mừng, vì ông này đã gặp bậc Chân nhân, hợp thời mà huệ thí. Phạm-ma-đạt liền sai sứ triệu trưởng giả Nguyệt Quang đến bảo [825a] rằng: ‘Có thật ông đã bố thí cơm cho vị Chân nhân thần tiên không?’ Trưởng giả tâu: ‘Thật tôi đã có gặp vị Chân nhân mà huệ thí cơm.’ Phạm-ma-đạt tức thì ban tặng cho, lại cất nhắc chức vị. Cô nữ tỳ của ông trưởng giả ấy, tùy theo tuổi thọ vẫn dài, sau khi mạng chung sanh lên trời

Tam thập tam, nhan sắc tuyệt đẹp ít có trên đời, và có năm sự công đức hơn hẳn các chư thiên khác.

“Này các Sư muội, các cô chớ nghĩ cô nữ tử của ông trưởng giả khi ấy là ai khác, mà đó chính là thân của tôi vậy.

“Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Vị thiên nữ kia, tùy tuổi thọ vẫn dài, sau khi mạng chung, sanh vào loài người., làm con gái của bà-la-môn Da-nhã-đạt. Cô gái ấy lại cúng dường cơm cho Như Lai, và phát thệ nguyện cầu sanh làm thân nữ. Về sau, khi mạng chung, cô sanh lên trời Tam thập tam, dung mạo xinh đẹp hơn các chư thiên. Rồi từ đó mạng chung, sanh vào loài người. Bảy giờ Phật Câu-na-hàm-mâu-ni xuất hiện ở đời. Thiên nữ kia sanh làm con gái của một ông trưởng giả. Cô lại cúng dường hoa bằng vàng cho Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, đem công đức ấy nguyện sanh vào chỗ nào cũng không rơi xuống ba nẻo dữ, trong đời sau được làm thân nữ. Cô gái ấy tùy theo thọ mạng vẫn dài, sau khi mạng chung sanh lên trời tam thập tam xinh đẹp vượt trên các thiên nữ, có năm sự công đức không vị nào sánh bằng. Người con gái của ông trưởng giả cúng dường Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ấy há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Người con gái của ông trưởng giả bảy giờ chính là thân của tôi vậy.

“Vị thiên nữ ấy lại tùy theo tuổi thọ vẫn dài, sau khi mạng chung sanh vào loài người, lại làm vợ ông trưởng giả, nhan sắc xinh đẹp lạ lùng hiển có trên đời. Lúc bảy giờ đức Ca-diếp Như Lai xuất hiện ở đời. Bà vợ ông trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp trong bảy ngày bảy đêm, phát thệ nguyện rằng: ‘Mong đời tương lai con sẽ được làm thân nữ.’ rồi vợ ông trưởng giả tùy theo tuổi thọ vẫn dài mà mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam, có năm sự công đức hơn các thiên nữ khác. Vợ ông trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp bảy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Đó chính là thân của tôi vậy.

“Trong Hiền kiếp này, Phật Thích-ca vẫn xuất hiện ở đời. Thiên nữ kia sau khi mạng chung sanh vào nhà bà-la-môn

Kiếp-tì-la,¹² trong thành La-duyệt, dung mạo xinh đẹp hơn hẳn các cô gái khác. Cô con gái của bà-la-môn Kiếp-tì-la đẹp như pho tượng bằng vàng tử ma,¹³ khiến cho ai đến gần cô đều thành đen như mực. **[825b]** Tâm ý cô không tham ngũ dục.

“Này các Sư muội, các cô chớ nghĩ cô con gái của người bà-la-môn đó là ai khác. Con gái bà-la-môn lúc bấy giờ chính là thân của tôi vậy.

“Các Cô nên biết, do duyên báo ứng của công đức xưa kia mà cô làm vợ của Tỳ-la ma-nạp.¹⁴ Đó tức là Ma-ha Ca-diếp. Tôn giả Đại Ca-diếp tự mình xuất gia trước. Tôi sau đó mới xuất gia. Tự mình nhớ lại những thân nữ mà tôi đã trải qua xưa kia, cho nên nay tôi tự cười một mình. Tôi vì bị vô trí che lấp, cúng dường sáu vị Như Lai để cầu mong làm thân nữ. Vì nhân duyên đó, tôi cười cho những việc trải qua trước kia.”

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo ni nghe Tỳ kheo ni Bà-đà tự nhớ lại sự việc vô số đời quá khứ, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên, đem nhân duyên ấy tường thuật đầy đủ lên Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các ông có thấy trong hàng Thanh văn có Tỳ kheo ni nào tự nhớ lại sự việc trong vô số đời như cô này không?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Chúng con không thấy, bạch Thế Tôn.”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất tự nhớ lại sự việc vô số đời trước, là Tỳ kheo ni Kiếp-tì-la¹⁵ vậy.”

¹² Kiếp-tì-la 劫毘羅. Pali: Kapila. Ap.ii. 583 (kệ 57), tên cha của bà Baddhā Kapilānī; tên mẹ là Sucīmatī. Hoặc là con gái của người bà-la-môn dòng họ Kosiyagotta.

¹³ Pho tượng vàng của công tử Pippali, tên tại gia của Đại Ca-diếp.

¹⁴ Tỳ-la ma-nạp. Pali: Pippalī-maṇava (Pippali). Xen cht. trên.

¹⁵ Kiếp-tỳ-la 劫毘羅. Tức tên gọi đủ là Bạt-đà Kiếp-tỳ-la. Pali: Bhaddā Kapilānī.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ có một Tỳ kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, ông đứng dậy, đến trước bạch Phật rằng:

“Kiếp ngắn hay dài, có giới hạn không?”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Kiếp rất dài lâu, Ta có thể cho ông một thí dụ. Hãy chuyên ý nghe. Ta sẽ nói.”

Tỳ kheo ấy vâng lời Thế Tôn, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Tỳ kheo, nên biết, cũng như một thành trì bằng sắt, dài rộng một do-tuần,¹⁷ trong đó chứa đầy hạt cải, không chứa một lỗ hồng. Giả sử có một người, một trăm năm đến lấy đi một hạt cải. Cho đến khi hạt cải trong thành bằng sắt ấy hết hẳn, mà một kiếp vẫn không thể tính kê hết. Vì sao vậy? Sanh tử lâu dài không có bờ mé. Chúng sanh bị ân ái trôi buộc mà trôi lăn trong sanh tử, chết đây sanh kia, không hề cùng tận. Ta ở trong đó mà nhàm chán sanh tử. Như vậy Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện để dứt hết tướng ân ái này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁸

¹⁶ Pali, S 15,6 Sāsapā (R. ii. 182).

¹⁷ Thiếu chiều cao. Cũng một do tuần.

¹⁸ Bản Hán, hết quyển 50. (1 Giếng, Ất dậu)

KINH SỐ 4¹⁹

[285c7] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ có một Tỳ kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Tỳ kheo này bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, một kiếp có dài lâu không?”

Phật bảo tỳ kheo:

“Một kiếp cực kỳ dài lâu, không thể trừ lượng được. Nay Ta nói cho ông một thí dụ. Hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ nói.”

Tỳ kheo ấy vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Ví dụ có một núi đá lớn, dài rộng một do tuần, cao một do tuần. Giả sử một người tay cầm một tấm lụa trời, cứ một trăm năm phát một cái. Cho đến khi đá mà hết mà số kiếp vẫn khó hạn định. Số kiếp lâu dài không có biên tế, như vậy không phải một kiếp hay một trăm kiếp. Vì sao vậy? Sanh tử lâu dài, không thể hạn lượng, không có biên tế. Chúng sanh bị vô minh bao phủ, trôi nổi sanh tử không có kỳ hạn thoát ra. Chết đây, sanh kia, không hề cùng tận. Ta ở trong đó mà nhầm chán sanh tử. Như vậy, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện dứt hết tướng ái ân này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

¹⁹ Pali, S 15. 5 Pabbata (R. ii. 181).

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Tùy thời nghe pháp, có năm công đức, không khi nào mất. Những gì là năm? Nghe được pháp chưa từng nghe; nghe rồi thì ghi nhớ; trừ dẹp hoài nghi; cũng không tà khiến; hiểu pháp sâu thẳm. Tỳ kheo, đó là nói tùy thời nghe pháp có năm công đức này. Cho nên, Tỳ kheo, hãy chuyên niệm thường nghe pháp sâu thẳm. Đây là giáo giới của Ta. Như vậy Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁰

[826a] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, trong rừng Ma-ha-bà-na,²¹ cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Đại tướng Sư Tử²² đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Như Lai nói với Đại tướng:

“Thí chủ đàn-việt²³ có năm công đức.²⁴ Những gì là năm? Ở đây, danh tiếng của thí chủ được truyền xa rộng, ‘Tại thôn kia có người ưa bố thí, chu cấp cho những kẻ nghèo thiếu mà không hề tiếc lẩn. Nay Đại tướng, đó là công đức thứ nhất.

“Lại nữa, Đại tướng, khi thí chủ đến trong các chúng sát-lợi, bà-la-môn, sa-môn, không có điều gì sợ hãi, cũng không có điều gì nghi ngờ khó khăn. Nay Sư Tử, đó là công đức thứ hai.

²⁰ Pali, A.V 34. Sīha (R. iii. 38).

²¹ Ma-ha-bà-na-viên 摩訶婆那園. Pali Mahāvana, Đại lâm, khu rừng gần Vesāli, chạy dài đến Hy-mã-lạp sơn.

²² Sư Tử Đại tướng 師子大將. Pali: Sīhasenāpati.

²³ Thí chủ đàn-việt; Pali: *dāyako dānapati*.

²⁴ Pali: *sandiṭṭhikam dānaphalam*, quả báo bố thí thấy ngay trong đời hiện tại.

“Lại nữa, thí chủ đàn-việt được nhiều người yêu mến, thầy đều tôn sùng kính ngưỡng. Như con yêu mẹ, tâm không rời xa, thí chủ được nhiều người yêu mến cũng vậy.

“Lại nữa, Sư Tử, thí chủ đàn-việt khi bố thí, phát tâm hoan hỷ. Do có hoan hỷ mà hân hoan,²⁵ ý tánh kiên cố; khi ấy tự thân giác tỏ biết có lạc, có khổ cũng không thay đổi hối tiếc,²⁶ tự biết một cách như thật. Tự biết những gì? Biết có Khổ đế, Khổ tập, Khổ tận, Xuất yếu đế, biết một cách như thật.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thí, hội đủ các phước;
Lại đạt đệ nhất nghĩa.²⁷
Ai hay nhớ bố thí,
Liên phát tâm hoan hỷ.*

“Lại nữa, Trưởng giả Sư Tử, thí chủ đàn-việt khi bố thí, thân hoại mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam, ở đó có năm sự kiện hơn hẳn các chư thiên khác. Những gì là năm? Thứ nhất, dung mạo hào quý, oai thần, ánh sáng. Thứ hai, tự tại với những gì ước muốn, không điều gì mà không thỏa mãn. Thứ ba, nếu đàn-việt thí chủ sanh trong loài người, thường gặp gia đình phú quý. Thứ tư, có nhiều của cải. Thứ năm, lời nói được mọi người nghe theo, làm theo. Nay Sư Tử, đàn việt có năm công đức này dẫn vào nẻo thiện.”

Đại tướng Sư Tử sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, lên trước bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn, cùng bói Tăng Tỳ kheo, nhận lời thỉnh của con.”

²⁵ Nguyên Hán: duyệt dự 悅豫.

²⁶ Đệ bản: biến hối 變悔: bất biến hối. Đoạn văn có liên hệ đến chứng đắc các thiên và Thánh đế trí, nhưng không được rõ ràng.

²⁷ Đệ nhất nghĩa: chỉ mục đích cứu cánh, tức thấy Thánh đế.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Sư Tử biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân rồi lui đi,

Về đến nhà, ông cho sửa soạn đủ các món thực phẩm, trải chỗ ngồi tốt đẹp, rồi đi **[826b]** báo đã đến giờ. Nay đã đúng lúc, cúi mong Đại Thánh rủ lòng thương hạ cố.”

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ khước y, cầm bát, dẫn chúng Tỳ kheo trước sau vây quanh đi đến nhà Đại tướng. Ai nấy ngồi theo thứ lớp. Khi tướng quân Sư Tử thấy Phật và Tăng Tỳ kheo đã thứ lớp ngồi, tự tay bưng dọn các món thức ăn. Khi đại tướng đang bưng dọn thức ăn, chư thiên ở trên hư không nói rằng:

“Đây là A-la-hán. Người này là hướng A-la-hán. Thí người này được phước nhiều. Thí người này được phước ít. Người này là A-na-hàm. Người này là hướng A-na-hàm. Người này là Tu-đà-hàm. Người này là hướng Tu-đà-hàm đạo. Người này là Tu-đà-hoàn. Người này là hướng Tu-đà-hoàn đạo. Người này con bảy lần tái sanh qua lại. Người này còn một lần tái sanh. Người này là Tùy tín hành. Người này là Tùy pháp hành. Người này là độn căn. Người này là lợi căn. Người này thấp kém. Người này tinh tấn trì giới. Người này phạm giới. Thí người này được phước nhiều. Thí người này được phước ít.”

Đại tướng Sư Tử có nghe chư thiên nói thế, nhưng không để trong lòng. Khi thấy Như Lai ăn xong, cất dẹp bát, ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Lúc bấy giờ Đại tướng Sư tử bạch Phật rằng:

“Vừa rồi con có chư thiên đến chỗ con, nói với con rằng ... Từ A-la-hán, cho đến người phạm giới, ông thuật lại đầy đủ lên Như Lai. “Con tuy có nghe những lời ấy, nhưng không để vào lòng, cũng không sanh ý tưởng rằng, nên bỏ vị này mà thí cho vị kia; bỏ vị kia mà thí cho vị này. Song con lại có ý nghĩ, nên bố thí cho hết thấy các loại hữu hình. Vì tất cả đều do ăn mà tồn tại; không ăn thì chết. Tự thân con nghe Như Lai nói bài kệ

ấy, hằng ghi nhớ trong lòng không hề quên mất. Bài kệ ấy như vậy:

*Bồ thí, bình đẳng khắp,
Không hề có trái nghịch,
Tất sẽ gặp Hiền Thánh,
Nhờ đây mà được độ.*

“Bạch Thế Tôn, bài kệ đó như vậy, mà chính con đã nghe Như Lai nói, hằng ghi nhớ kỹ và vâng làm theo.”

Phật nói với Đại tướng:

“Lành thay! Đó gọi là huệ thí với tâm bình đẳng của Bồ tát. Bồ tát khi bồ thí không khởi lên ý niệm rằng ‘Ta nên cho người này, bỏ qua người này.’ Mà luôn luôn huệ thí bình đẳng, với suy niệm rằng, ‘Hết thảy chúng sanh do ăn mà tồn tại, không ăn thì chết.’ Bồ tát khi hành bồ thí, cũng tư duy hành nghiệp này.”

Rồi Phật nói bài kệ:

[826c] *Những ai tu hạnh này,
Hành ác và hành thiện;
Người ấy tự thọ báo,
Hành không hề suy hao.
Người kia theo hành nghiệp
Mà nhận quả báo ấy;
Làm thiện được báo thiện,
Làm ác chịu ác báo.
Làm ác hay làm thiện,
Tùy theo việc đã làm.
Cũng như năm giống thóc,
Theo giống mà kết hạt.*

“Này Đại tướng Sư Tử, hãy bằng phương tiện này mà biết rằng thiện hay ác đều tùy theo những gì đã hành. Vì sao vậy? Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Đạo, tâm không tăng giảm, không lựa chọn người, không xét đến hạng bậc của người ấy. Cho nên, này Sư Tử, nếu khi muốn huệ thí, hãy luôn niệm bình

đăng, chớ khởi tâm thị phi. Như vậy, này Sur Tù, hãy học điều này.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài kệ tùy hỷ²⁸:

*Thí vui, người yêu mến,
Được mọi người khen ngợi;
Đến đâu cũng không ngại;
Cũng không có tâm ganh tị.
Cho nên người trí thí,
Đẹp bỏ các tướng ác.
Lâu dài đến cõi thiện,
Được chư thiên đón mừng.*

Thế Tôn nói bài kệ này xong rồi, rời chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

Bấy giờ Sur Tù nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Phàm nhà bố thí, nên thí chỗ nào?”

Thế Tôn nói:

“Tùy theo, tâm hoan hỷ chỗ nào, bố thí chỗ đó.”

Vua lại bạch Phật:

“Thí chỗ nào thì được công đức lớn?”

Phật đáp:

²⁸ Nguyên Hán: sần 嗔, chú nguyện hồi hương công đức sau khi ăn. Pali: *anumodana*.

“Vua đã hỏi nên thí chỗ nào, nay lại hỏi được phước công đức.”

Rồi Phật nói với Vua:

“Ta nay hỏi lại Vua, tùy theo sở thích mà trả lời.

“Này Đại vương, hoặc có con trai sát-lợi đến; hoặc con trai bà-la-môn đến; nhưng người đó ngu si, không biết gì, tâm ý thác loạn, hằng không định tĩnh. Nó đến chỗ Vua, hỏi Vua: ‘Chúng tôi sẽ phụng sự Thánh [827a] vương, tùy thời mà ngài cần đến.’ Thế nào, Đại vương có cần người ấy ở hai bên không?”

Vua đáp:

“Không cần, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Do người ấy không có trí tuệ sáng suốt, tâm thức không định tĩnh, không kham đối phó kẻ địch bên ngoài kéo đến.”

Phật bảo Vua:

“Thế nào, Đại vương, nếu có người sát-lợi hay bà-la-môn có nhiều phương tiện, không e ngại điều gì, cũng không sợ hãi, có thể trừ dẹp kẻ địch bên ngoài; người ấy đến chỗ Vua, tâu Vua rằng, ‘Chúng tôi tùy thời hầu hạ Đại vương. Nguyên ban ân mà chấp nhận.’ Thế nào, Đại vương, Vua có thâu nhận người ấy không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn, con sẽ thâu nhận người ấy. Vì sao vậy? Do người ấy có khả năng trừ dẹp ngoại địch, không e ngại, không sợ hãi.”

Phật nói với Vua:

“Ở đây, Tỳ kheo cũng vậy, các căn đầy đủ, xả năm, thành tựu sáu, thủ hộ một, hằng phục bốn.²⁹ Bồ thí đến vị ấy được phước rất nhiều.”

Vua hỏi Phật:

²⁹ Xem kinh 2 phẩm 46 trên và các cht.

“Thế nào là Tỳ kheo xả năm, thành tựu sáu, thủ hộ một, hàng phục bốn?”

Phật nói:

“Ở đây, Tỳ kheo xả bỏ năm triền cái, là triền cái tham dục, triền cái sân hận, triền cái thùy miên, triền cái trạo cử và nghi³⁰. Như vậy gọi là Tỳ kheo xả năm.

“Thế nào Tỳ kheo thành tựu sáu? Đại vương, nên biết, ở đây Tỳ kheo khi thấy sắc không khởi sắc tưởng, duyên vào đó mà giữ gìn nhãn căn; trừ khử niệm ác bất thiện mà thủ hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi,³¹ thân, ý, không khởi ý thức³² mà thủ hộ ý căn. Như vậy gọi là Tỳ kheo thành tựu sáu.

“Thế nào là Tỳ kheo hộ trì một? Ở đây, Tỳ kheo buộc niệm trước mắt. Như vậy, Tỳ kheo hộ trì một.

“Thế nào là Tỳ kheo hàng phục bốn? Ở đây, Tỳ kheo hàng phục thân ma, dục ma, tử ma, thiên ma. Tất cả đều được hàng phục. Như vậy, Tỳ kheo hàng phục bốn.

“Đó là, Đại vương, xả năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn. Bồ thí đến người như vậy được phước không thể lường. Đại vương, tà kiến và biên kiến tương ưng, những người như vậy mà thí cho thì không có ích.”

Khi ấy Vua bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, bồ thí cho những vị như vậy, phước đức không thể lường. Nếu cho một Tỳ kheo thành tựu chỉ một pháp, phước còn không thể lường, hà huống cho các vị khác. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm thân. Vì sao vậy? Ni-kiền Từ

³⁰ Nguyên Hán: điệu nghi.

³¹ Đề bản chép nhầm là khẩu (miệng).

³² Nguyên Hán: bất khởi ý thức. Có lẽ chép nhầm. Nên hiểu, ý nhận thức pháp, nhưng không khởi các tướng về pháp.

chủ trương thân hành, không chủ trương khẩu hành và ý hành.³³”

Phật nói:

“Những người Ni-kiền Tử ngu hoặc, ý thường thác loạn, tâm [827b] thức bất định. Vì pháp của Thầy họ là như vậy, nên họ nói như vậy. Báo ứng do bởi hành vi của thân mà họ phải chịu thì không đáng nói. Hành vi của ý thì vô hình, không thể thấy.”

Vua bạch Phật:

“Trong ba hành này, hành nào nặng nhất, hành bởi thân, hành bởi miệng, hay hành bởi ý?”

Phật nói với vua:

“Trong ba hành này, hành bởi ý nặng nhất. Hành bởi thân và hành bởi miệng, không đáng để nói.”

Vua hỏi Phật:

“Do nhân duyên gì mà nói hành bởi ý là tối đệ nhất?”

Phật nói:

“Phàm những hành vi mà con người làm trước hết được suy niệm bởi ý, sau đó mới phát ra miệng. Đầu phát ra miệng, khiến thân hành sát, đạo, dâm. Thiết căn bất định, cũng không có đầu mối. Giả sử người mạng chung, thiết căn vẫn tồn tại. Nhưng, này Đại vương, vì sao thân, miệng của người ấy không làm được gì cả?”

Vua bạch Phật:

“Vi người kia không có ý căn, nên mới như vậy.”

Phật bảo Vua:

“Do phương tiện này mà biết rằng ý căn là tối quan trọng, còn hai cai kia thì nhẹ thôi.”

³³ Đề bản chép nhầm: kể thân hành và khẩu hành, không kể ý hành. Xem *Trung 32* kinh 133: Ni-kiền Tử chủ trương thân phật quan trọng, còn khẩu và ý không quan trọng. Cf. Pāli, M. . 56 Upāli.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Tâm là gốc của pháp;
Tâm chủ, tâm sai sử.
Ai với tâm niệm ác,
Mà hành động, tạo tác,
Theo đó mà thọ khổ,
Như vết lăn bánh xe.*

*Tâm là gốc của pháp;
Tâm chủ, tâm sai sử.
Ai trong tâm niệm thiện,
Mà hành động, tạo tác,
Người ấy nhận báo thiện,
Như bóng đi theo hình.*³⁴

Khi ấy vua Na-tu-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Đúng như Như Lai nói, người làm ác, thân hành ác, tùy theo hành ấy mà rơi vào đường ác.”

Phật nói:

“Vua quán sát ý nghĩa gì mà đến hỏi Ta, bố thí cho hạng người nào thì được phước nhiều?”

Vua bạch Phật:

“Xưa, có lần con đến chỗ Ni-kiền Tử, hỏi Ni-kiền Tử rằng, Nên huệ thí ở chỗ nào? Ni-kiền Tử nghe con hỏi lại luận sang vấn đề khác chứ không trả lời. Khi ấy Ni-kiền Tử nói với con rằng, Sa-môn Cù-đàm nói như vậy: Thí cho Ta được phước nhiều. Cho người khác, không có phước. Hãy bố thí cho đệ tử của Ta; không nên cho những người khác. Những ai bố thí cho đệ tử của Ta sẽ được phước đức không thể lường.”

Phật hỏi Vua:

“Lúc bấy giờ Vua trả lời như thế nào?”

Vua bạch Phật:

³⁴ Pháp cú Pali, Dhp. 1-2.

“Lúc đó con suy nghĩ rằng, có thể có lý do đó. Huệ thí đến Như Lai, phước ấy không thể lường. Vì vậy nay hỏi Phật: Nên bố thí chỗ nào thì phước ấy không thể lường? Song, nay Thế Tôn không tự khen ngợi mình, cũng không chê bai người khác.”

Phật bảo Vua:

“Chính từ miệng Ta không nói như vậy [827c], rằng bố thí cho Ta thì được phước nhiều; còn cho người khác thì không. Nhưng điều mà ta đã nói, thức ăn dư trong bát mang cho người, phước ấy không thể lường. Với tâm thanh tịnh mà đổ thức ăn dư vào trong nước sạch, luôn luôn khởi lên tâm niệm rằng, các loài hữu hình ở trong nước này được nhờ ơn vô lượng. Huống chi là loài người.³⁵

“Nhưng, Đại vương, ở đây Ta cũng nói, bố thí cho người tri giới, phước ấy khó lường. Cho người phạm giới, không đủ để nói.

“Đại vương, nên biết, ví dụ như con trai nhà nông khéo cày xới đất, dọn dẹp các thứ ứ đọng, rồi mang giống thóc gieo vào ruộng tốt, ở đây rồi sẽ gặt hái hạt không thể hạn lượng. Còn như con nhà nông kia không chịu dọn đất, không trừ bỏ các thứ ứ đọng, mà gieo giống thóc vào đó, thì lượng thu hoạch không đáng để nói.

“Ở đây, với Tỳ kheo cũng vậy. Nếu Tỳ kheo nào xả năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn; Huệ thí cho vị đó, phước ấy không thể lường. Cho người tà kiến, không đáng để nói.

“Cũng như, Đại vương, người bà-la-môn mà ý không e sợ, có khả năng hàng phục kẻ địch bên ngoài; nên ví dụ người này với A-la-hán. Còn người bà-la-môn kia, mà ý không chuyên định, hãy ví dụ cho người tà kiến.”

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

³⁵ Doan văn này để bản chép sót. Xem kinh 3 phẩm 47.

“Bố thí cho người trì giới, phước ấy không thể lường. Từ nay về sau, có ai đến cầu xin, con sẽ không bao giờ trái nghịch.³⁶ Nếu chúng bốn bộ có ai đến cầu xin thứ gì, con cũng không nghịch ý, mà tùy thời cung cấp cho áo chăn, đồ ăn uống, giường chõng tọa cụ; và cũng bố thí cho các vị phạm hạnh.”

Phật nói:

“Chớ nói như vậy, Vì sao vậy? Bố thí cho súc sanh mà phước ấy con khó lường, huống chi bố thí cho người. Điều mà hôm nay Ta nói, là bố thí cho người trì giới thì phước khó tính kể hơn cho người phạm giới.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Hôm nay một lần nữa con xin tự quy y. Bởi vì, nay Thế Tôn ân cần cho đến cả những người ngoại đạo hằng phỉ báng Thế Tôn. Lại nữa, Như Lai không tham lợi dưỡng. Quốc sự ngôn ngang, nay con muốn về nghỉ.”

Phật bảo Vua:

“Nên biết đúng lúc.”

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc sau khi giết một trăm người con của bà mẹ kế,³⁷ lòng sanh hối hận:

³⁶ Đoạn văn này có nhảy sót nên không phù hợp với câu trả lời của Phật tiếp theo. Văn đầy đủ, xem kinh 3 phẩm 47 trên.

³⁷ Theo truyền thuyết Pali, Vua nghe lời sàm tấu giết Bandhula và 32 người con trai của ông này. Nhưng do thái độ không hận thù của vợ Bandhula là bà Mallikā-bandhula, vua khám phá ra sự sai lầm của mình nên rất hối hận.

[828a] “Ta gây nên nguồn ác thật quá nhiều. Ta cần gì nữa? Do ngôi vua mà ta giết một trăm người ấy. Ai có thể trừ nỗi sầu ưu này cho ta?”

Vua Ba-tu-nặc lại nghĩ:

“Chỉ có Thế Tôn mới trừ được ưu phiền này cho ta.”

Rồi Vua lại nghĩ:

“Ta không nên ôm mối sầu ưu này. Hãy im lặng mà đến chỗ Thế Tôn. Nên đi đến Thế Tôn với uy nghi của một ông Vua.”

Khi ấy vua Ba-tu-nặc bảo quần thần:

“Các người hãy nghiêm chỉnh xe lông chim*, như Vương pháp từ trước. Ta muốn ra khỏi thành Xá-vệ để thân cận Như Lai.”

Quần thần vâng lệnh vua, tức thì nghiêm chỉnh xe bảo vũ, sau đó đến tâu vua:

“Xa giá đã nghiêm chỉnh. Tâu Đại vương biết thời.”

Vua Ba-tu-nặc liền ngự xe lông chim, gióng chiêng, đánh trống, treo lụa là phướn lọng, quân hầu đều mang khôi giáp, binh khí; quần thần vây quanh trước sau, ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến tinh xá Kỳ hoàn, rồi đi bộ vào trong. Như Vương pháp từ trước, vua dẹp bỏ năm thứ nghi trượng là lọng, mũ thiên quan, quạt, kiếm và hài, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, úp mặt sát đất, lại lấy tay vuốt bàn chân của Như Lai, và trần thuật hết chuyện của mình:

“Con nay hối lỗi, sửa đổi lỗi lầm cũ, tu sửa điều sắp tới. Con ngu hoặc, không phân biệt chân ngụy, đã giết một trăm người con của mẹ kế vì quyền lực làm Vua. Hôm nay con đến sám hối. Cúi xin chấp nhận.”

Phật bảo:

“Lành thay, Đại vương! Hãy trở về vị trí cũ. Nay Ta sẽ nói pháp.”

Vua Ba-tu-nặc liền đứng dậy, cúi lạy dưới chân Thế Tôn, rồi trở về chỗ ngồi của mình. Phật nói với vua:

“Mạng người mong manh, thọ lâu lắm không quá trăm năm. Không mấy ai sống đến trăm tuổi. Một trăm năm ở đây kể là một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Tính theo số ngày trên đó, 30 ngày là một tháng. 12 tháng là một năm. Trời Tam thập tam kia thọ chính thức một nghìn tuổi. Tính theo tuổi loài người, ấy là thọ được mười hai vạn năm.³⁸

“Lại kể một ngày một đêm trong địa ngục Hoàn hoạt. Ở đó, 30 ngày là một tháng. 12 tháng là một năm. Tuổi thọ trong địa ngục Hoàn hoạt là 5 nghìn năm, hoặc thọ nửa kiếp, hoặc thọ một kiếp, tùy theo những điều đã làm; cũng có kẻ yếu nửa chừng. Tính theo năm loài người, ấy là thọ một trăm ức tuổi.³⁹

“Người trí hăng suy nghĩ mà tu tập đầy đủ hành này, sao lại còn làm ác để làm gì? Vui ít, khổ nhiều, tai ương không kể hết. Cho nên, Đại vương, chớ vì thân mình, cha mẹ, vợ con, quốc thổ, nhân dân, mà thi hành nghiệp tội ác. Chớ thân của Vua mà tạo gốc rễ tội ác. Cũng như một chút đường,⁴⁰ mới nếm thì ngọt, nhưng sau đó khổ. Đây cũng [828b] vậy, ở trong cái tuổi thọ ngắn ngủi ấy, sao lại làm ác?

“Đại vương, nên biết, có bốn sợ hãi lớn hằng truy bức thân người, không bao giờ có thể ức chế; cũng không thể dùng chú thuật, chiến đấu, cỏ thuốc, mà có thể ức chế được. Đó là, sanh, già, bệnh, chết. Cũng như bốn hòn núi lớn từ bốn phương ập đến với nhau, làm gãy đổ cây cối, tất cả đều bị hủy diệt. Bốn sự kiện này cũng vậy.

“Đại vương, nên biết, khi sanh ra, cha mẹ ôm lòng sầu lo, khổ não, không thể kể hết. Khi sự già đến, không còn trai trẻ nữa, thân hình bại hoại; tay chân, gân khớp lỏng lẻo. Khi bệnh đến,

³⁸ Đế bản: mười vạn. TNM: mười hai vạn. Nhưng, con số không phù hợp với kinh 10 phẩm 17, nói “tuổi thọ trời Tam thập tam là một nghìn năm; cũng có vị nửa chừng yếu. Tính số năm theo loài người là ba mươi sáu ức năm...”

³⁹ Con số này không phù hợp với số được kể trong kinh 10 phẩm 47 trên.

⁴⁰ Đế bản chớ thể chép sót. Nên hiểu là một chút mật đầu lưỡi dao.

lúc đang trai trẻ, mà không còn khí lực, mạng sống rút ngắn dần. Khi chết đến, mạng căn bị cắt đứt, ân ái biệt ly, năm âm tan rã. Đại vương, đó là bốn sợ hãi lớn, khiến cho không được tự tại

“Lại có người quen làm việc sát sanh, gây các căn nguyên tội ác. Nếu sanh trong loài người, tuổi thọ rất ngắn.

“Người quen thói trộm cướp, về sau sanh nhằm nghèo khổ, áo không đủ che thân, ăn không đầy miệng. Đó là do lấy tài vật của người, nên mới chịu như vậy. Nếu sanh trong loài người, phải chịu vô lượng khổ.

“Nếu người dâm vợ người khác, sau sanh trong loài người thì gặp vợ không trinh lương.

“Người nói dối, sau sanh làm người thì lời nói không ai tin, bị mọi người khi dễ. Ấy là do trước kia lừa dối đời, nói điều hư ngụy.

“Người ác khẩu, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người thì nhan sắc xấu xí, ấy là do tiền thân ác khẩu nên chịu báo ứng này.

“Người nói ý ngữ, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, trong nhà bất hòa, thường hay đấu loạn nhau. Sở dĩ như vậy, do báo ứng của việc làm bởi tiền thân.

“Người nói hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, thọ tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, gia thất bất hòa, thường có chuyện gây gỗ. Sở dĩ như vậy, đều do đời trước gây đấu loạn đây kia.

“Người hay ganh tị kẻ khác, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, thường bị người ghét. Thấy đều do hành vi đời trước mà ra như vậy

“Người khởi tâm mưu hại, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, ý không chuyên định. Sở dĩ như vậy, đều do đời trước móng tâm như vậy.

“Hoặc người quen theo tà kiến, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, phải điếc, mù, câm ngọng, không ai muốn nhìn. Ấy là do nhân duyên bởi việc làm đời trước.

“Đó là, Đại vương, do báo ứng của mười điều ác này [828c] mà dẫn đến tai ương như vậy, chịu vô lượng khổ; huống nữa là ngoài đó ra.

“Cho nên, Đại vương, hãy cai trị đúng pháp, chứ đừng phi pháp. Lấy chánh lý mà trị dân, chứ đừng phi lý. Đại vương, nếu cai trị dân bằng chánh pháp, sau khi mạng chung thấy đều sanh lên trời. Đại vương sau khi mạng chung được nhân dân tưởng nhớ không hề quên, tiếng tốt lưu truyền xa.

“Đại vương, nên biết, những ai cai trị nhân dân bằng phi pháp, sau khi chết đều sanh vào địa ngục. Bấy giờ ngục tốt trói lại năm chỗ, ở trong đó chịu khổ không thể lường hết được; hoặc bị roi, hoặc bị trói, hoặc bị nện; hoặc chặt tay chặt chân, hoặc nướng trên lửa, hoặc rót nước đồng sôi lên thân, hoặc lột da, hoặc mổ bụng, hoặc rút lưỡi, hoặc đâm vào thân, hoặc bị cưa xẻ, hoặc bị giã trong cối sắt hoặc cho bánh xe cán nát thân, hay đuổi chạy trên núi đao rừng kiếm, không cho ngừng nghỉ; hoặc bắt ôm cột sắt cháy, hoặc móc mắt, hoặc xẻ tai, xẻo mũi, chặt tay chân; cắt rồi mọc trở lại. Hoặc bị bỏ cả thân mình vào trong vạc lớn; hoặc bị chia sắt quay lăn thân thể không cho ngừng nghỉ; hoặc bị lôi từ trong vạc ra mà rút gân xương sống làm dây buộc thân vào xe.⁴¹ sau đó lại cho vào địa ngục Nhiệt chích.⁴² Lại vào địa ngục Nhiệt thi. Lại vào địa ngục Thích. Lại vào địa ngục Hôi. Lại vào địa ngục Đao thọ. Lại bắt nằm ngựa, đem hòn sắt nóng bắt nuốt, lăn từ trên xuống khiến ruột, dạ dày bị cháy rục hết. lại rót nước đồng sôi vào miệng, từ trên chảy

⁴¹ Nguyên Hán: trì dụng trị xa, “dùng làm roi đánh xe (?) Nhưng, tham chiếu, *Trường 19* (tr. 124c28), nói về hình phạt trong địa ngục Vô gián.

⁴² Tên các địa ngục: Nhiệt chích 熱炙, nướng. Nhiệt thi 熱屎, phân nóng. Thích 刺, gai nhọn. Hôi 灰, tro. Đao thọ 刀樹, rừng dao. Tên tương đương và chi tiết, *Trường 19*, kinh 30 Thế ký, phẩm 4: Địa ngục.

xuống dưới. Trong đó, chịu khổ không cùng tận. Chỉ khi nào hết tội mới được thoát ra.

“Đại vương, sự kiện chúng sanh vào địa ngục là nhà vậy. Đều do đời trước cai trị không nghiêm chỉnh đúng pháp.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

*Trăm năm quen buông lung;
Về sau vào địa ngục.
Vậy có gì đáng tham,
Chịu tội không kể xiết?*

“Đại vương, cai trị đúng pháp thì tự cứu giúp được tự thân, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thân tộc, chăm lo quốc sự. Cho nên, Đại vương, hãy cai trị đúng pháp, chớ đừng [829a] phi pháp. Mạng người rất ngắn; sống trên đời chỉ trong thoáng chốc mà thôi. Sanh tử lâu dài, nhiều điều đáng sợ. Khi cái chết đến, bấy giờ mới kêu khóc; gân cốt lìa tan, thân thể đông cứng; bấy giờ không ai có thể cứu được; không phải có cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thuộc hạ, quốc thổ nhân dân, mà có thể cứu được. Gặp tai họa này, ai có thể chịu thay cho? Duy chỉ có sự bố thí, trì giới, nói năng thường từ hòa không làm thương tổn ý người, tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Kẻ trí nên huệ thí,
Được chư Phật khen ngợi.
Cho nên, tâm thanh tịnh;
Chớ có ý lười biếng.
Vì sự chết bức bách,
Chịu khổ não to lớn.
Rơi vào đường dữ kia,
Không giây lát ngừng nghĩ.
Khi sự chết sắp đến,
Chịu khổ não vô cùng.
Các căn tự nhiên hoại,*

Vì ác không ngừng nghỉ.

*Nếu khi thầy thuốc đến,
Tập hợp các thứ thuốc,
Cũng không cứu nổi thân;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi thân tộc đến,
Hỏi tài sản trước kia;
Mà tai không nghe tiếng;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi dòi xuống đất,
Người bệnh nằm lên trên;
Thân hình như rễ khô;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi đã mạng chung,
Mạng, thực đã là thân;
Thân hình như gạch ngói;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi là thân chết,
Thân tộc đến tha ma;
Không cậy nhờ ai được;
Duy chỉ cậy nhờ phước.*

“Cho nên, Đại vương, hãy tìm cầu phương tiện thi hành phước nghiệp, nay không làm, sau ăn năn vô ích.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Như Lai do phước lực,
Hàng phục Ma, quyến thuộc;
Nay đã được Phật lực.
Nên phước lực tối tôn.*

“Cho nên, Đại vương, hãy nhớ nghĩ tạo phước. Đã làm điều ác, hãy ăn năn, chớ đừng tái phạm.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Tuy là nguồn cực ác,
Sám hối, vơi mỏng dân.
Khi ấy ở thế gian,
Gốc rễ đều diệt hết.*

“Cho nên, Đại vương, chớ vì thân mình mà thi hành việc ác. Chớ vì cha mẹ, vợ con, sa-môn, bà-la-môn, mà thi hành việc ác, tập quen hành ác. Như vậy, Đại vương, hãy học điều này.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Phi cha mẹ, anh em,
Cũng không phải thân tộc,
Mà tránh khỏi nạn⁴³ này;
tất cả bỏ, theo chết.*

“Cho nên, Đại vương, từ nay trở đi hãy theo đúng pháp mà cai trị, chớ theo phi pháp. Như vậy, Đại vương, hãy học điều này.”

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc chiêm bao thấy mười sự kiện. Vua tỉnh giấc, hết sức kinh sợ, lo mất nước, mất thân mạng, vợ con. Sáng ngày, vua triệu các công khanh, đại thần, đạo ỹ và bà-la-môn minh trí, những ai có thể giải các điềm mộng, thấy đều được triệu tập. Rồi vua kể lại mười sự kiện chiêm bao hồi đêm, hỏi “Ai có thể giải được?” Có vị Bà-la-môn nói:

“Tôi giải được. Nhưng sợ vua nghe xong rồi không vui.”

Vua bảo:

“Cứ nói đi.”

⁴³ Để bản chép là ác. TNM: hoạn.

Bà-la-môn nói:

“Vua sẽ mất nước, mất Thái tử, và vợ.”

Vua nói:

“Sao, các người có thể cầu đảo trừ yểm đi được không?”

Bà-la-môn nói:

“Việc ấy có thể trừ yểm được. Hãy giết Thái tử và vị Phu nhân mà Vua quý trọng, cũng những kẻ thị tùng hai bên, và vị đại thần mà Vua quý mến, để đem tế Thiên vương. Có những ngọa cụ, bảo vật trân quý gì, đem đốt hết để cúng tế Trời. Như vậy, Vua và quốc thổ không có gì đổi khác.”

Vua nghe bà-la-môn nói mà hết sức lo rầu, không vui. Vua trở lại trai thất suy nghĩ về việc ấy. Vua có vị Phu nhân tên Ma-lợi, đi đến chỗ Vua, hỏi:

“Vua ý gì mà sầu lo không vui? Thần thiếp có điều gì lỗi làm đối với Vua chăng?”

Vua nói:

“Khanh không có lỗi gì đối với ta. Nhưng chớ hỏi đến sự việc ấy. Khanh mà nghe thì sẽ kinh sợ.”

Phu nhân trả lời Vua:

“Không dám kinh sợ.”

Vua nói:

“Không cần phải. Nghe rồi sẽ kinh sợ.”

Phu nhân nói:

“Tôi là phân nửa thân của Đại vương, có việc gấp rút cần giết một người như thiếp để Vua được an ổn, chẳng [829c] có gì phải sợ.”

Vua liền kể cho Phu nhân nghe mười sự kiện chiêm bao hồi đêm:

“Một, thấy ba cái vạc; hai cái vạc bên thì đầy; vạc giữa trống không. Hai vạc bên sôi sục, hơi bốc giao nhau, nhưng không vào cái vạc trống không ở giữa.

“Thứ hai, mộng thấy con ngựa mà miệng cũng ăn, hậu môn cũng ăn.

“Thứ ba, mộng thấy cây lớn trở hoa.

“Thứ tư, mộng thấy cây nhỏ sanh trái.

“Thứ năm, mộng thấy một người cầm sợi dây, sau đó có con dê. Chủ dê ăn sợi dây.

“Thứ sáu, mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng.

“Thứ bảy, mộng thấy con bò lớn trở lại bú sữa con bê con.

“Thứ tám, mộng thấy bầy trâu đen, từ bốn mặt vừa rống vừa chạy đến, muốn húc nhau; đang hiệp, chưa hiệp, không biết chỗ của trâu.

“Thứ chín, mộng thấy chằm nước lớn, giữa đục, bốn bên trong.

“Thứ mười, mộng thấy khe nước lớn, dòng nước nổi sóng màu đỏ.

“Thấy xong, giật mình tỉnh dậy, hết sức kinh sợ, e rằng nước mất, bản thân, vợ con, nhân dân cũng mất. Sáng nay triệu tập công khanh đại thần. đạo nhân, bà-la-môn. hỏi xem ai giải mộng được. Có một người bà-la-môn nói, hãy giết Thái tử, và Phu nhân mà Vua quý trọng, cùng với đại thần, nô tỳ, để tế tự Trời. Vì vậy mà ta sầu lo.”

Phu nhân nói:

“Đại vương chớ sầu lo chiêm bao. Như người đi mua vàng, lấy lửa đốt, rồi để trên đá mà mài; tốt hay xấu tự nó hiện. Nay Phật ở gần đây, trong tinh xá Kỳ-hoàn. Nên đến hỏi Phật. Phật giải thuyết như thế nào, tùy theo đó mà làm. Sao lại đi tin lời ông Bà-la-môn cuồng si ấy để rồi tự mình sầu khổ, cho đến nổi như vậy?”

Vua nghe mới tỉnh ngộ, liền gọi quân hầu nghiêm chỉnh xa giá. Vua ngự trên một cỗ xe có lọng che cao; thị tùng cỡi ngựa đi theo có vài vạn, ra khỏi thành Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ-hoàn, rồi xuống đi bộ, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, quỳ thẳng, chắp tay bạch Thế Tôn:

“Đêm qua nằm mộng thấy mười sự. Nguyện Phật thương xót giải thuyết cho con từng sự kiện một.”

Phật nói:

“Lành thay, Đại vương! Những điều Vua chiêm bao là điềm báo việc đời sau trong tương lai. Nhân dân đời sau sẽ không còn sợ cấm pháp, phổ biến dâm dật, ham muốn vợ con người, phóng tình dâm loạn mà không biết nhàm chán; đố kỵ, ngu si, không biết tàm, không biết quý; điều trình khiết thì bỏ, gian nịnh, siểm khúc loạn cả nước.

“Vua mộng thấy ba cái vạc. Hai cái vạc bên thì đầy; vạc giữa trống không. Hai vạc bên sôi sục, hơi bốc giao nhau, nhưng không vào cái vạc trống không ở giữa; đó là, nhân dân đời sau sẽ không cấp [830a] dưỡng người thân, kẻ khốn cùng; đồng thân thích thì không thân, ngược lại thân người dung giàu sang, giao du với nhau, biếu tặng lẫn nhau. Sự kiện thứ nhất mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Thấy con ngựa mà miệng cũng ăn, hậu môn cũng ăn. Đó là, đời sau, nhân dân, đại thần, trăm quan trưởng lại, công khanh, vừa ăn lộc nhà quan, lại vừa ăn của dân. Thu thuế không ngừng. Quan lại cấp dưới làm chuyện gian; dân không yên, không ở yên nơi quê cũ. Sự kiện thứ hai mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy gốc cây lớn trở hoa. Đời sau, nhân dân phần nhiều bị sưu dịch, lòng dạ héo hon, thường có sự lo rầu, sợ hãi; tuổi mới ba mươi mà đầu bạc trắng. Sự kiện thứ ba mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy cây nhỏ sanh trái. Đời sau, con gái tuổi chưa đầy 15 mà đã cầu mong lấy chồng, ẵm con về nhà mà không biết xấu hổ. Sự kiện thứ tư mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy một người cầm sợi dây, sau đó có con dê. Chủ dê ăn sợi dây. Đời sau, khi người chồng đi buôn xa, hoặc vào quân đội chinh chiến, hoặc giao du với bạn bè đầu xóm cuối ngõ; người vợ mất nết ở nhà tư thông với đàn ông, ăn ngủ trên tài sản của chồng, phóng túng tình dục mà không biết xấu hổ. Chồng cũng biết nhưng bắt chước người giả bộ ngu. Sự kiện thứ năm mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng. Đời sau, kẻ hèn sẽ giàu sang, ngồi trên giường vàng mà ăn uống mỹ vị. Dòng họ quý tộc trở thành người hầu hạ. Nhà lành làm nô tỳ. Nô tỳ trở thành nhà lành. Sự kiện thứ sáu mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy con bò lớn trở lại bú sữa con bê con. Đời sau, mẹ làm mai cho con gái, dẫn đàn ông vào buồng, rồi đứng canh cửa, để nhận được tài vật để tự nuôi thân. Cha cũng đồng tình, giả điếc không hay biết. Sự kiện thứ bảy mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy bày trâu đen, từ bốn mặt vừa rống vừa chạy đến, muốn húc nhau; đang hiệp, chưa hiệp, không biết chỗ của trâu. Đời sau, quốc vương, đại thần, trưởng lại, nhân dân, đều không sợ luật pháp đại cầm, tham dâm, đa dục, cất chứa tài sản; vợ con lớn nhỏ chẳng ai liêm khiết; dâm dật, tham lam không biết chán; ganh tị, ngu si, không biết tầm quý; trung hiếu thì không làm, mà siểm nịnh, phá nước, không sợ gì trên dưới. Mưa sẽ không đúng thời, khí tiết không thuận, gió bụi nổi lên, cát bay, cây đổ; sâu rầy **[830b]** cắn lúa không để cho chín. Vua chúa, nhân dân đều làm như vậy, nên trời khiến như vậy. Bốn bên mây nổi; Vua Chúa nhân dân vui mừng, nói: Mây nổi tứ phía, chắc chắn sẽ mưa. Nhưng trong chốc lát, mây tan hết, mà

hiện ra những chuyện quái dị. Đó là muốn cho vạn dân sửa đổi hành vi, thủ điều thiện, trì giới, kính sợ trời đất, không vào đường dữ; trinh khiết tự thủ, một vợ một chồng, tâm từ không giận. Sự kiện thứ tám mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy chằm nước lớn, giữa đục, bốn bên trong. Đời sau, con người trong cõi Diêm-phù-địa, bề tôi thì bất trung; làm con thì bất hiếu; không kính trọng bậc trưởng lão, không tin Phật đạo; không kính đạo sỹ thông suốt kinh. Bề tôi thì tham ân tữ; làm con thì tham của cải của cha; không biết đền ơn, không đoái nghĩa lý. Ở biên quốc thì lại trung hiếu, biết kính bậc tôn trưởng, tin ưa Phật đạo, cấp dưỡng đạo sỹ thông suốt kinh, nhớ nghĩ đền ơn báo đáp. Sự kiện thứ chín mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy khe nước lớn, dòng nước nổi sóng màu đỏ. Người đời sau, các đế vương, quốc vương, không biết đủ với đất nước của mình, cát quân đánh nhau; sẽ chế tạo binh xe, binh ngựa, công phạt lẫn nhau; giết nhau máu chảy thành sông nên đỏ như vậy. Sự kiện thứ mười mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Tất cả đều là việc đời sau. Người đời sau, nếu ai để tâm nơi Phật đạo, phụng sự bậc đạo nhân thông suốt kinh, khi chết sẽ sanh lên trời. Nếu làm chuyện ngu si, lại tàn hại lẫn nhau, chết rơi vào ba đường dữ không thể kể hết.”

Vua nghe xong, quỳ dài chấp tay nhận lãnh lời Phật dạy, trong lòng hoan hỷ, được định huệ, không còn điều gì để kính sợ. Vua bèn cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi quay trở về cung; ban ân tữ cho Phu nhân, cất lên làm Chánh hậu, cấp cho nhiều tài bảo để bà bố thí cho mọi người, đất nước được trù phú. Rồi trước đoạt bổng lộc của các công khanh, đại thần, bà-la-môn, trục xuất khỏi nước, không còn tin dùng nữa. Hết thầy nhân dân đều hướng về Đạo chánh chân vô thượng. Vua và Phu nhân lễ Phật rồi lui về.

Bấy giờ Vua Ba-tư-nặc nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁴⁴

⁴⁴ Bản Hán, hết quyển 51. (3 Giêng, Ất Dậu).